CHƯƠNG V
TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC
CÁCH MẠNG VÀ NHỮNG CHUYỂN BIẾN QUAN TRỌNG TRÊN MỘT SỐ LÃNH VỰC KINH TẾ XÃ HỘI CỦA NGƯỜI HOA BÌNH DƯƠNG TỪ SAU NĂM 1975 ĐẾN NAY (2010)

I. HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG CỦA NGƯỜI HOA Ở BÌNH DƯƠNG.

Hoạt động yêu nước của người Hoa trong thời Pháp thuộc:

Do chính sách ưu đãi của triều đình nhà Nguyễn đối với người Hoa, cho nên khi thực dân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, đội quân Ngũ Quảng và Minh Hương đã sát vai với quan quân nhà Nguyễn chống trả quyết liệt.

Năm 1862 quân Pháp đánh chiếm huyện Bình An. Các tầng lớp nhân dân đã anh dũng chiến đấu chống lại cuộc tiến công của quân Pháp dưới nhiều hình thức. Người Hoa trong bối cảnh đó, đã cùng đồng bào của tỉnh nhất tề nổi dậy đấu tranh.

Đầu thế kỷ XX, nhiều người Hoa ở Thủ Dầu Một đã tham gia các tổ chức " Hội kín". Từ những năm 1910, nhất là trong những năm xảy ra chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918); dưới sự lãnh đạo của các hội kín, quần chúng đã nổi dậy chống lại bọn cường hào ở nông thôn, chống lại các đợt bắt lính của chính quyền thực dân. Không những thế, phong trào còn hướng hoạt động của mình vào mục tiêu cao hơn: đó là khởi nghĩa giành chính quyền " phản Pháp phục Nam". Tiêu biểu cho hoạt động này là 2 cuộc nổi dậy vào các năm 1913 và 1916 của hội kín Phan Xích Long. Hưởng ứng

kế hoạch này, hàng trăm hội viên hội kín ở các làng có đông người Hoa sinh sống như Tân Thới, Bình Nhâm, An Thạnh, Tân Phước Khánh,…huyện Lái Thiêu, mang tầm vong vạt nhọn, giáo mác kéo về Sài Gòn hưởng ứng cứu “ hoàng đế” Phan Xích Long đang bị cầm tù. Họ đã bị quân đội thực dân đàn áp dã man.

Từ năm 1925, cùng với nhiều địa phương khác trong tỉnh, tại Lái Thiêu (nơi có đông đảo người Hoa) đã hình thành tổ chức cơ sở hội kín của Nguyễn An Ninh, một nhà trí thức yêu nước, lập ra ở Sài Gòn và các tỉnh lân cận. Cũng năm này đồng chí Nguyễn Aí Quốc, lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam lập ra tổ chức Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội. Tập hợp thanh niên yêu nước có xu hướng cộng sản chủ nghĩa tuyên truyền giác ngộ chính trị, mở lớp bồi dưỡng. Hoạt động cách mạng của quần chúng phát triển rầm rộ và đa dạng. Trong công nhân các tổ chức Công Hội Đỏ lần lượt ra đời, nhiều đồng bào người Hoa là các thợ thủ công đã tham gia các phong trào này.

Tháng 1-1930 Chi bộ cộng sản ở Đềpô xe lửa Dĩ An được thành lập, ngày 3-2-1930 Đảng cộng sản Việt Nam ra đời. Từ đó trong suốt năm 1930 phong trào đấu tranh cách mạng trên cả nước phát triển mạnh mẽ.

Ngày 1-5-1930, được sự phát động từ Gia Định, Hội ái hữu vận động thợ mộc, thợ lò chén người Hoa người Việt và nông dân địa phương kéo đến nhà làng Bình Nhâm đấu tranh đòi giảm thuế thân, tăng lương cho thợ…Khí thế đấu tranh sôi động của quần chúng như: đánh trống mõ, thổi tù và, rải truyền đơn… làm cho bọn Pháp lo lắng, phải chấp nhận giảm thuế ruộng, một số chủ lò chén đồng ý tăng lương, giảm giờ làm cho thợ thủ công. Tháng 7 cuộc đấu tranh lan ra các làng Tân Thới, An Thạnh.

Tháng 8- 1930 Chi bộ cộng sản ở Bình Nhâm ra đời, là chi bộ đầu tiên của tỉnh Thủ Dầu Một, đã có tác động rất lớn đến người Hoa trong tỉnh. Chi bộ Bình Nhâm tiến hành tổ chức nông hội đỏ ở các làng, hội tương tế và công hội đỏ ở các lò chén, lò đường, trại mộc. Nhiều thợ thủ công người Hoa đã có chân trong các tổ chức hội tương tế.

Năm 1931, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến Việt Nam. Nhiều xí nghiệp phá sản và sa thải công nhân; những người lao động còn giữ được việc làm thì bị giảm lương và bị o ép đủ thứ. Tình hình này đã dẫn đến phong trào đấu tranh đòi cải thiện dân sinh trong các thành thị. Đông đảo đồng bào người Hoa Thủ Dầu Một đã tham gia các phong trào này.

Năm 1932, hưởng ứng cuộc vận động đấu tranh của Tỉnh ủy Gia Định ngày 18/4/1932, hàng trăm đồng bào người Việt, người Hoa ở các làng Bình Nhâm, An Sơn, An Thạnh, Tân Thới, Hưng Định, Thuận Giao kéo đến gặp ban hội tề và các chủ lò gốm. Đại diện nông dân đưa yêu cầu: giảm thuế thân từ 5 đồng xuống 4,5 đồng, hoãn đi làm xâu ở núi Bà Rá (Tỉnh Biên Hòa). Đại diện thợ thủ công đưa kiến nghị tăng lương cho thợ đàn ông từ 15 xu/ ngày lên 18xu/ngày, đàn bà từ 12xu/ngày lên 15xu/ngày. Sau cuộc đấu tranh thành công này đã có nhiều cơ sở của Hội ở lò gốm, lò đường, lò chai, trại mộc, trại sơn mài được thành lập. Cuối năm 1932, chi bộ đảng Lái Thiêu ra đời.

Năm 1935, các chủ lò gốm đồng loạt thực hiện hạ mức tiền công trả cho người làm thuê, từ 1 đồng xuống còn 80 xu / 18 váng. Thợ giỏi nhất 15 đồng/tháng xuống còn 10 đồng/tháng. Nữ làm nặng nhọc lương 5 xu/ngày xuống còn 2 xu/ngày. Chi bộ Lái Thiêu đã vận động tuyên truyền và lãnh

đạo công nhân đấu tranh dưới qui mô lớn nhất so với trước đây. Đông đảo thợ thủ công người Hoa trong vùng đã tham gia.

Cuộc tổng bãi công từ 27/9 đến 2/10/1935 đã có gần một vạn người trong 30 cơ sở tham gia. Ban đại diện công nhân từng cơ sở đến gặp chủ đưa kiến nghị: đòi lại việc làm, tăng lương đã bị cắt giảm và phải trả lương đúng số tiền đã giao khoán cho thợ nam, nữ, trẻ em, cho người Việt và người Hoa.

Chủ tư sản đưa ra nhiều lý lẽ để từ chối yêu sách, đe dọa đuổi những ai đấu tranh, dụ dỗ thợ trở lại làm việc sẽ được hậu đãi…

Tổ chức công nhân đã dùng các biện pháp tích cực phản đối mạnh với chủ: viết đơn tố cáo lên nhà cầm quyền làng; viết yêu sách dán nhiều nơi có người qua lại và tại chổ sản xuất, bố trí tự vệ ngầm bảo vệ nhau thi bị địch vây bắt; viết đơn kí tên tập thể đồng gửi lên quận trưởng, tỉnh trưởng, đòi nhà cầm quyền đến tận cơ sở sản xuất để kiểm tra chủ lò gốm cướp giật quyền lợi sống của công nhân.

Ngày 2/10/1935, đoàn thanh tra lao động tỉnh đến xem xét vài lò gốm … Họ tỏ thái độ bảo vệ quyền lợi chủ lò, không giải quyết đơn kiện của công nhân.

Anh chị em công nhân có mặt tại chổ tỏ thái độ kịch liệt phản đối nhà cầm quyền. Đại diện thợ thầy đứng ra đấu lý với quan thanh tra, với chủ. Sau cùng, chủ lò chấp nhận sẽ không hạ mức lương công nhân, vẫn giữ ở mức lương đã ký hợp đồng.

Về ý nghĩa thắng lợi cuộc tổng bãi công ngành gốm Lái Thiêu được tờ báo La Dépêche có nhận xét: "…Đây là lần thứ nhất mà cuộc bãi công quan trọng như thế này đã xảy ra... E rằng nhiều chức nghiệp khác sẽ noi gương của công nhân lò gốm."

Tháng 6-1936 Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp lên cầm quyền. Hội nghị tháng 7-1936 của Trung Ương Đảng quyết định thành lập Mặt Trận dân tộc rộng rãi chống đế quốc, lấy công nông làm nền tảng, trước mắt đòi tự do dân chủ và cải cách xã hội.

Vào những tháng cuối năm 1936, các Ủy ban hành động lần lượt ra đời trên địa bàn Thủ Dầu Một. Thành phần tham gia các Ủy ban Hành động bao gồm nông dân, công nhân, thợ thủ công các lò đường, lò chén, thợ mộc, thợ hớt tóc, thợ may, tiểu thương, tiểu chủ, thầy giáo… Họ phần lớn là những người trước đây từng tham gia các tổ chức Công hội, Nông hội, Hội Ái hữu, Hội tương tế, trong đó có khá đông người Hoa…Những cuộc đình công đã làm tê liệt các cơ sở sản xuất.

Làn sóng đấu tranh đòi yêu sách xuất hiện trong mọi lĩnh vực lao động. Giới chủ thường thực hiện đàn áp dưới hình thức đóng cửa cơ sở sản xuất, sa thải công nhân; một số yêu sách đạt được thắng lợi phân nữa, có những yêu sách bọn chủ không thực hiện.

Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đặc biệt quan tâm chỉ đạo công tác phát triển đảng viên mới ở các quận phía Nam như Lái Thiêu, Châu Thành, Bến Cát… kết quả là quận Châu Thành (nay là thị xã Thủ Dầu Một) có thêm chi bộ mới – chi bộ lò chén làng Phú Cường, gồm 5 đảng viên, trong đó có 2 nữ và 1 người Việt gốc Hoa. Đồng chí Sáu Trừ (Lý Văn Trừ) người Hoa, là một trong các đảng viên xây dựng và sinh hoạt chi bộ này. Nhiều gia đình người Hoa là cơ sở thân thiết của chi bộ này.

Năm 1937 tỉnh ủy Thủ Dầu Một cho ra bản tin lấy tên là tranh đấu để thực hiện công tác tuyên truyền trong quần chúng. Suốt thời gian tồn tại, tờ báo luôn nhận được sự ủng hộ, đóng góp tiền bạc của đồng bào người Hoa ở các nơi, nhất là vùng Lái Thiêu. Đồng thời đồng chí Nguyễn Văn Tiết và chi

bộ Phú Cường đứng ra vận động thợ thủ công ở Phú Cường, Phú Thọ, Chánh Mỹ… làm đơn lên quận trưởng Châu Thành xin lập Hội ái hữu. Hội ái hữu tập hợp những người có nhiều nghề nghiệp khác nhau: thợ lò đường, lò chén, thợ hớt tóc, đánh giày… Ban quản lý Hội ái hữu Thủ Dầu Một ra đời có anh Quỳnh và anh Đờn… trụ sở đặt tại tiệm đóng giày đường Đoàn Trần Nghiệp. Phong trào lập hội tương thân, tương ái phát triển rầm rộ, công khai trong dân, thợ thủ công, công nhân, tiểu thương.

Làn sóng đấu tranh năm 1936-1937, đã tạo được tiếng vang trong phong trào đấu tranh của dân tộc, người dân lao động, trong đó có đông đảo thợ thủ công người Hoa, ngày càng ý thức được vai trò của mình trong sự nghiệp đấu tranh.

Ngày 29-11-1938, Nghiệp đoàn lò đường thị xã Thủ Dầu Một và Lái Thiêu vận động mấy trăm công nhân người Việt, người Hoa các lò đường biểu tình đòi thủ tiêu chế độ làm khoán, định lượng hàng tháng và thi hành luật lao động, mỗi tháng phát 3 kỳ lương. Cuộc đấu tranh kéo dài 1 tuần lễ, thu được thắng lợi bước đầu; tuy địch có đàn áp bắt nhiều cán bộ và công nhân, nhưng ngọn lửa cách mạng vẫn sôi sục, chỉ chờ cơn gió thoáng qua lại tiếp tục bùng cháy.

Cuối năm 1938, Hội truyền bá Quốc ngữ, được một số trí thức nổi tiếng thành lập với tôn chỉ “ dạy người Việt Nam biết tiếng nước mình”. Các chi nhánh của hội truyền bá quốc ngữ lần lượt ra đời ở thị xã Thủ Dầu Một, thị trấn Lái Thiêu…một số thầy giáo và công chức người Hoa đã tham gia, trong đó có anh Quách văn Trĩ.

Ngày Quốc tế lao động 1- 5-1939, hơn 500 thợ thủ công và nông dân, 300 chị em tiểu thương người Việt và người Hoa ở chợ Thủ Dầu Một, Lái

Thiêu tổ chức mít tinh với khẩu hiệu: Ban hành các quyền tự do dân chủ, ban bố quyền tự do nghiệp đoàn, giảm tô cho nông dân.

Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ. Đế quốc Pháp là một trong các nước tham chiến. Bọn cầm quyền phản động thẳng tay đàn áp lực lượng cách mạng, mặt khác ra lệnh tổng động viên, ráo riết truy lùng bắt thanh niên đi lính làm bia đỡ đạn cho chúng, bắt phu làm đường, xây dựng công trình quân sự. Cuộc sống người dân càng cùng cực hơn.

Vào những năm 1940 tổ chức " Thiên địa hội" hoạt động rất mạnh ở các huyện Lái Thiêu, thi xã Thủ Dầu Một và huyện Châu Thành.

Trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ năm 1940- 1941, tất cả cán bộ người Hoa đều tham gia và đã vận động quần chúng người Hoa tích cực tham gia khởi nghĩa ở nhiều địa phương. Khởi nghĩa bị thất bại, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp, nhiều cán bộ đảng bị bắt, bị hy sinh, cơ sở bị khủng bố, phong trào cách mạng ở Nam Bộ bị đàn áp khốc liệt, hầu hết các cấp ủy, chi bộ lò chén, thợ may ở Phú Cường không còn hoạt động.

Mặc dù khởi nghĩa Nam kỳ thất bại, nhưng phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo vẫn ngấm ngầm phát triển trong bí mật. Năm 1944, Mặt trận Việt Minh được thành lập, phong trào đấu tranh của công nhân thông qua những cuộc đình công đòi quyền dân sinh, hoạt động của sinh viên học sinh diễn ra rất sôi nổi. Phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển trong trí thức .

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, cuộc sống nhân dân càng cơ cực với một cổ hai tròng, phong trào cách mạng càng phát triển mạnh mẽ, các chi bộ đảng tiếp tục được thành lập. Thanh niên tiền phong, trong đó thanh niên người Hoa rất đông, là một tổ chức hợp pháp, công khai hoạt động. Không khí chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra sôi nổi, đội tự vệ ra đời ở lò

chén Phú Cường. Thời gian đó có một nhóm Troskyst gồm: Cao Thượng Thỉnh, Phan Quốc Quân, Trần Văn Thới, Phan Văn Hùm thường nhóm họp tại tiệm may Phan Ái, đường Nguyễn Thái Học dán tờ báo “ Đấu Tranh” trên tủ kiếng quần áo, bày trò làm lễ ra mắt Đảng “ Đại Việt” trước nhà Việc Phú Cường (trụ sở HĐND, UBND phường Phú Cường hiện nay). Được cách mạng chỉ rõ, bà con người Việt và người Hoa ở chợ Thủ đã phớt lờ và tẩy chay bọn cách mạng giả hiệu này.

Không khí chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra sôi nổi khắp nơi, đầu tháng 8 năm 1945, đội tự vệ ở lò chén (nay là phường Chánh Nghĩa), đa số là thanh niên người Hoa, ngày đêm tập luyện dưới sự chỉ huy của hai bác Bảy Sơ (Hương Quản), Út Lục (người Phước Kiến) Họ còn rèn các loại vũ khí để chuẩn bị khởi nghĩa. Lò rèn nằm gần cầu Ông Đành, rèn dao gâm, lưỡi lê trang bị cho đội tự vệ bảo vệ cuộc mít tinh trọng thể sáng ngày 25-8-1945, tại Nhà Việc Phú Cường. Từ chiều đến đêm ngày 24 bà con người Hoa ở 2 bên đường phố chợ vui mừng, rộn rịp chào đón ngày “ Chánh quyền về tay nhân dân”, hăng hái mang đèn cho anh Văn Công Khai đang làm việc tại Nhà Việc Phú Cường, phục vụ cháo, bánh, trái cây cho tổ tự vệ đang trang trí, dọn vệ sinh trước Nhà Việc để sáng hôm sau tổ chức mít tinh.

Rạng sáng ngày 25-8-1945, cuộc biểu dương lực lượng của 5 vạn đồng bào tỉnh Thủ Dầu Một, rừng cờ đỏ sao vàng tung bay dọc theo 2 phố chợ, mọi người hô vang khẩu hiệu: Chính quyền về tay Việt Minh, Việt Nam độc lập muôn năm…

Thắng lợi của cách mạng thang 8-1945 đã phát huy và làm rạng rỡ thêm truyền thống bất khuất của dân tộc Việt Nam, trong đó có một phần đóng góp của ngượi Hoa.

Cách mạng tháng 8 thành công, người Hoa cùng với nhân dân cả nước nô nức đón chào nền độc lập, các tầng lớp nhân dân phấn khởi, hăng hái tham gia vào công cuộc củng cố chính quyền mới. Sau hơn 80 năm dưới ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp, đất nước ta bước sang một kỷ nguyên mới cho dân tộc và Tổ quốc Việt Nam- Kỷ nguyên độc lập và tự do " từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước". Ngay sau khi nước ta tuyên bố độc lập, các thế lực đế quốc, phản động cùng một lúc kéo vào Việt Nam, tìm mọi cách tiêu diệt chính quyền cách mạng. Ở miền Bắc, gần 20 vạn quân Tưởng tiến vào chiếm đóng; miền Nam, ngày 6-9-1945 quân Anh kéo vào Sài Gòn và theo gót quân Anh là những đơn vị bộ binh và xe bọc thép của quân đội viễn chinh Pháp. Ngày 23- 09 quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và sau đó đánh ra các tỉnh miền Nam, bọn chúng tiến hành xâm lược nước ta một lần nữa.

Người Hoa tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp

Trên đất nước ta chưa bao giờ cùng một lúc lại có nhiều kẻ thù như lúc này. Nền kinh tế vốn nghèo nàn, lac hậu, lại bị Pháp, Nhật vơ vét, bị chiến tranh và thiên tai tàn phá nặng nề, gần 2 triệu người chết trong nạn đói khủng khiếp năm 1945. Về văn hóa, hơn 90% dân số nước ta bị mù chữ. Trong khi đó, chính quyền cách mạng vừa mới thành lập chưa có kinh nghiệm xây dựng, tổ chức, quản ký đất nước. Lực lượng vũ trang cách mạng còn quá nhỏ bé, trang bị vũ khí còn thô sơ, kinh nghiệm chiến đấu còn ít.

Vận mệnh của cách mạng Việt Nam, của dân tộc đang đứng trước thử thách vô cùng nghiêm trọng. Nền độc lập vừa mới giành được có thể bị thủ tiêu, nhân dân ta có nguy cơ trở lại cuộc sống nô lệ.

Để bảo vệ nền độc lập mới giành được, bảo vệ thành quả cách mạng, người Hoa cùng nhân dân cả nước lại bước vào cuộc kháng chiến mới đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược.

Tháng 10-1945, giặc Pháp tấn công đánh chiếm tỉnh lỵ Thủ Dầu Một. Chúng đã vấp phải sự chống trả quyết liệt của nhân dân ta. Những toán lính sục sạo xuống khu vực lò chén cướp bốc lương thực, đã bị tổ võ trang, bán vũ trang(đa số là người Hoa) phục kích đánh diệt hoặc buộc chúng phải bỏ chạy về thị xã. Suốt một tháng trời sau ngày chiếm thị xã, không một toán lính nào dám bén mảng đến vùng lò chén, Phú Thọ. Vùng Bà Lụa trở thành căn cứ của 20 chiến sĩ vũ trang của tỉnh, được gọi là bộ đội Lò Chén (do Trần Văn Đức, bộ đội thanh niên Tiền phong Lò Chén chỉ huy- sau sang Quốc vệ đội) nơi tập luyện, sinh hoạt của các tổ, đội thanh niên bán vũ trang, trở thành " Vùng đất sét-kiên cường-anh dũng".

Chỉ thị " Kháng chiến kiến quốc" ngày 25-11-1945 của Trung ương Đảng đã chỉ đạo " Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết". Kẻ thù chính của ta là thực dân Pháp xâm lược. Với khí thế cách mạng sôi nổi, chỉ sau thời gian ngắn, chính quyền cách mạng được xây dựng củng cố, quần chúng nhân dân hăng hái tham gia các phong trào của cách mạng phát động. Với truyền thống lá lành dùm lá rách, nhường cơm xẻ áo, người Hoa cùng cả tỉnh quyên góp hàng trăm tấn gạo gởi ra miền Bắc ruột thịt đang lâm vào nạn đói trầm trọng do Nhật gây ra. Nhiệt liệt hưởng ứng " tuần lễ vàng" ủng hộ quỹ độc lập và đảm phụ quốc phòng, theo lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Hồ Chủ Tịch.

Đêm 19 rạng sáng ngày 20-12-1946, thay mặt Đảng và Chính Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra " Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến". Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, một số thanh niên, sinh viên là con em các

gia đình khá giả cũng lên đường thoát ly tham gia lực lượng vũ trang. Đường phố thân yêu vang lên bài hát " kiên quyết ra đi", " Lên đàng",…thúc giục nhân dân đoàn kết chống giặc ngoại xâm. Hàng loạt cơ sở cách mạng sống trong vùng kềm kẹp gắt gao của địch tham gia đào hầm nuôi dưỡng chăm sóc, che dấu cán bộ, tiếp tế lương thực, thuốc chữa bệnh, cung cấp tình hình của địch cho cách mạng.

Ở chợ Lái Thiêu có đội " liên lạc tình báo kiêm tiếp tế" hoạt động trong nội thành, có nhiều người Hoa tham gia. Toàn đội có độ 20 chị em tuổi từ 15 đến 40, đứng đầu là bà Chín Gía, nữ đảng viên Vương Anh, cô Năm Thế, cô Tâm… chiến công của họ thầm lặng nhưng to lớn, nhất là những năm đầu, họ cung cấp tiền bạc, thuốc men, quần áo, vật liệu, hóa chất, máy móc mà họ phải vượt qua bao nhiêu nguy hiểm, có khi hy sinh tính mạng. Về sau chị em còn cung cấp nhiều tin tức tình báo rất quan trọng.

Ở thị xã Thủ Dầu Một vào những năm kháng chiến chống Pháp có nhiều người Hoa vào chiến khu D ở Tân Uyên như: Ngô Văn Hòa, Tiêu Như Thủy, Diệp Hòi, Lý Thiên, Huỳnh Đức, Năm Xừng, Cô Duyên, gia đình chị Tăng Tuyết Hòa, Tăng Văn Ngà, Kim Vui, Tống Đức Thu, ông Lý Mạnh, ...

Ông Vương Khắc Dân, chủ lò gạch, người quản lý Phước Võ Điện đã lập hầm bí mật trong Phước Võ Điện để che dấu cán bộ và chị Ba Tô phụ nữ Hoa hy sinh anh dũng trong hầm bí mật này. Đồng chí Vương Văn Bi (anh chị Ba Tô), là xã đội trưởng xã Phú Cường hy sinh năm 1946.

Năm 1947, tại thị xã Thủ Dần Một, nhờ gây dựng được cơ sở quần chúng trong đó có nhiều người Hoa ở 2 xã Phú Cường, Chánh Hiệp, cách mạng đã tổ chức trừng trị một số tên tay sai nguy hiểm. Tiểu đội Quốc vệ đội do đồng chí Vương Văn Bé chỉ huy diệt nửa tiểu đội địch trên đường 13 thu 1 đại liên, 5 súng trường. Quốc vệ đội cùng Ban công tác và lực lượng

Châu Thành, hóa trang làm lính địch chiếm bót Giếng Máy, Chánh Hiệp không nổ một phát súng, thu 3 trung liên, 30 súng trường.

Đến cuối năm 1947 ở Lái Thiêu đồng chí Ngô Văn Hòa là một người Việt gốc Hoa được cử làm bí thư. Đồng chí phát động người Hoa tham gia hủ gạo nuôi quân, nhiều cửa hàng buôn bán, 30 lò chén, xe lô, xe đò tự giác gởi tiền ủng hộ kháng chiến. Mỗi tháng thu được hơn 100.000 đồng tiền Đông Dương. Các đoàn thể còn phát động hội viên trồng mì, nuôi gà,…ủng hộ kháng chiến, thu hút hàng ngàn hội viên tham gia. Mỗi hạt gạo, củ khoai, tiền , gạo, thuốc men…dồn cho kháng chiến, biểu hiện tình cảm của đồng bào người Hoa đối với cách mạng. Năm 1946-1947, Uỷ ban kháng chiến hành chính Nam bộ có phát hành vé kháng chiến, mỗi vé giá 25 đồng Đông Dương, đồng bào Lái Thiêu mua rất nhiều. Trong huyện Lái Thiêu có rất nhiều người ủng hộ bộ đội kháng chiến bằng mọi cách, kể cả các chủ lò khạp, lò đường là người Hoa.

Từ năm 1947, Ty Thông tin còn phát hành 1 tờ báo chữ Hoa, khổ nhỏ, 2 trang tên là Hoa Việt yếu văn để lưu hành trong vùng tạm chiếm (mỗi kỳ 50 số).

Ngày 27-11-1948, thị xã Thủ Dầu Một được thành lập gồm 2 xã Phú Cường và Chánh Hiệp (tách ra từ huyện Châu Thành), và Ông Ngô Văn Hòa được điều về thị xã là thị ủy viên, Uỷ viên Uỷ ban kháng chiến hành chánh thị xã, phụ trách kinh tế tài chính. Ngày 14-3-1949, đồng chí Ngô Văn Hòa làm phó bí thư, phó chủ tịch ủy ban phụ trách kinh tế tài chính. Trong cuộc kháng chiến toàn dân và toàn diện, kinh tế là một mặt trận rất quan trọng không thể thiếu được. Do vậy Ban kinh tế tài chính của chính quyền thị xã, đã hoạt động có hiệu quả, góp phần tích cực trong cuộc kháng chiến. Công đoàn thị xã có cơ sở trong hệ thống nghiệp đoàn xe đò, xê lô, xe vận

tải nên các chủ phương tiện vận chuyển trên và các chủ lò gốm, sứ, các tiệm buôn… đều nộp đủ thuế và đóng góp nhiều mặt cho kháng chiến.

Khi thành lập thị xã Thủ Dầu Một, vùng này là nơi hoạt động của đội vũ trang tuyên truyền trung đoàn 301, công an xung phong, một bộ phận của thị ủy, ủy ban kháng chiến hành chính thị xã. Bà con người Hoa đã nuôi dưỡng cán bộ, bữa cơm, bữa cháo, đùm bọc, che dấu chiến sĩ dưới hầm bí mật trong các lò chén.

Tại ngã ba lò chén (nay là khu vực trụ sở Phường Chánh Nghĩa), thanh niên người Hoa tham gia bốc dở, khuân vác cất dấu để tối mang vào chiến khu các bao gạo, thuốc men, ...của các đoàn xe Convoi của địch vận tải sang Lào (ta tổ chức làm hỏng xe).

Tháng 3-1949, Đoàn văn hóa kháng chiến được thành lập, và đồng chí Tiêu Như Thủy làm phó trưởng đoàn.

Người Hoa còn tham gia phong trào “ Hội mẹ chiến sĩ”, phong trào “ hủ gạo nuôi quân, con gà cứu quốc, cây chuối cứu quốc”.

Tại Thủ Dầu Một, Lái Thiêu, người Hoa đã góp phần nhiều công sức và tiền bạc cho kháng chiến ở địa phương. Hầu hết lao động người Hoa làm công ở các lò gốm đều tham gia công đoàn của ta. Nhiều thanh niên Hoa thoát ly gia đình tham gia lực lượng vũ trang kháng chiến. Nhiều nhà giáo cũng thoát ly theo kháng chiến, tiêu biểu như cô giáo Tư người Quảng ở Lái Thiêu. Đặc biệt là anh Tiều con trai ông Bang Kế ở chợ Thủ là đội viên Ban công tác thành thuộc chi đội 1 ngay từ lúc đầu khi giặc Pháp đến. Anh mưu trí dũng cảm diệt nhiều lính Pháp và Việt gian và đã hy sinh anh dũng trong những ngày đầu kháng chiến. Nhiều người Hoa ở vùng địch tạm chiếm nhờ đi lại dễ dàng, đã giúp ta mua nhiều mặt hàng “ quốc cấm” như các loại hóa

chất cho xưởng quân giới, giấy cho nhà in, pin đèn, xăng cho thông tin điện đài.

Nhiều người giàu có trong người Hoa ngay từ những ngày đầu kháng chiến đã tích cực ủng hộ tiền bạc cho cách mạng (như bà Bảy Lình em ông Bang Xình, Bang Quảng Đông, tích cực đóng thuế đầy đủ và còn thường xuyên gửi tiền ủng hộ Chi đội 1 và Ty Công an). Đặc biệt có má Chí, người Hoa, không chồng, không con nhà ở Phước Hải (Tân Phước Khánh) rất thương yêu bộ đội và cán bộ ta. Nhà bà như một cái trạm. Anh em đi ngang qua, ghé nghỉ chân, uống nước, đói bụng thì có cơm hay bánh của bà. Sau 1950, giặc càn quét liên tục ấp Phước Hải, má phải chạy lên Tân Long, Bến Sắn và sau đó qua luôn chiến khu Đ sinh sống.

Để đẩy mạnh cuộc vận động người Hoa, Năm 1949 Ban Hoa vận của Xứ ủy Nam Bộ và Hội Liên hiệp các đoàn thể người Hoa giải phóng được thành lập (gọi tắt là Hội Giải Liên). Ở Thủ Dầu Một Ty Hoa kiều vụ được thành lập vào tháng 3-1949 do Nguyễn Đăng Khoa làm trưởng ty và sáu cán bộ, nhân viên. Ty Hoa kiều vụ xuất bản tờ báo chữ Hoa, lấy tên Kiều Liên ra mỗi tháng một kỳ, mỗi kỳ phát hành từ 300 đến 600 số. Ngoài ra hàng tháng còn phát hành 1, 2 lần vài ngàn truyền đơn, khẩu hiệu kêu gọi Hoa Kiều ủng hộ kháng chiến.

Ngày 01-10-1949, nhân ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Ty Hoa kiều vụ tổ chức cuộc mít ting chào mừng với khoảng 2.000 người tham dự, trong đó có vài trăm người Hoa từ vùng yếu vào chiến khu tham dự.

Năm 1950, Ban tuyên giáo được tăng cường, đồng chí Tiêu Như Thủy làm phó ban, đến khi Trường hành chính tỉnh được thành lập, đồng chí Tiêu Như Thủy được cử làm hiệu phó. Tháng 4-1950, Tỉnh ủy cho ra đời tờ nội

san Xây dựng, Tiêu Như Thủy làm chủ bút. Đồng chí Diệp Hòi Chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chính Lái Thiêu được điều đi huyện Bến Cát.

Đồng chí Ngô Văn Hòa, phó bí thư phụ trách tài chính bám trụ ở Bà Lụa, Phú Cường. Đồng chí Hòa đi sát Phú Cường, chú trọng công tác Hoa vận và tài chính.

Năm 1951, tổ chức Hội Giải Liên (giải phóng Hoa kiều Liên hiệp Hội) của tỉnh Thủ Biên được thành lập trên cơ sở sát nhập Ty Hoa kiều vụ của 2 tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa, do Châu Diệc Mẫn làm Hội trưởng. Hội " Hoa kiều giải phóng liên hiệp" đã được tổ chức đến tận cơ sở.

Tháng 10-1952, thiên tai, địch họa gây cho ta nhiều tổn thất, một số cán bộ về nhà bị địch bắt, nhiều cơ sở bị vỡ. Thực dân Pháp phát triển mật thám, gián điệp, khủng bố gia đình có người thân tham gia kháng chiến, chiêu hàng mua chuộc cán bộ, du kích. Cuối năm 1952, cơ sở Đảng được củng cố, đường liên lạc được nối liền, nhân dân hăng hái mang tiền, gạo ủng hộ kháng chiến và tiễn đưa người thân vào bộ đội, du kích. Ở các vùng có người Hoa sinh sống, nhiều tầng lớp nông dân, học sinh, các gia đình khá giả không phân biệt là người gốc Tiều hay gốc Quảng, Phúc Kiến… đều hồ hởi tham gia kháng chiến, chấp nhận gian khổ, hy sinh cùng bà con, cán bộ người Việt xây dựng vùng căn cứ kháng chiến chống Pháp.

Ngày 7- 5-1954, Pháp bại trận ở Điện Biên Phủ hiệp định Genève được ký kết, chiến tranh chấm dứt, công nhận chủ quyền độc lập của nhân dân Việt Nam. Trong khí thế chung cả nước, người Hoa hân hoan chào mừng chiến thắng.

Hoạt động yêu nước và cách mạng của người Hoa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ

Sau thất bại ở Điện Biên Phủ, thực dân Pháp buộc phải thương lượng ký kết hiệp định Giơ-ne-vơ kết thúc chiến tranh, rút quân về nước và công nhận chủ quyền độc lập của dân tộc ta. Theo hiệp định, nước ta tạm thời còn chia cắt làm hai miền : miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, miền Nam đặt dưới sự kiểm soát của địch, sau 2 năm sẽ tổ chức tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Thế nhưng, ngay từ đầu tháng 7 năm 1954 đế quốc Mỹ đã gấp rút chuẩn bị kế hoạch đưa tên tay sai bán nước Ngô Đình Diệm về miền Nam lập lại chính phủ bù nhìn phản động, hòng tiếp tục cuộc chiến tranh và chia cắt lâu dài đất nước ta.

Nhân dân tỉnh Bình Dương cũng như nhân dân miền Nam chưa được hưởng một ngày hòa bình thực sự, lại tiếp tục đối phó với kẻ thù mới.

Năm 1955, nổi bật nhất là cuộc đấu tranh của hơn 4000 quần chúng nhân dân thị xã Thủ Dầu Một do đồng chí Huỳnh Thị Hiếu dẫn đầu trước Uỷ hội kiểm soát quốc tế đình chiến ở Sài Gòn. Cuộc đấu tranh của đồng bào đòi thực hiện quyền dân sinh dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Genève. Nhiều đồng bào người Hoa đã tham gia.

Năm 1956, nổi bật là phong trào đấu tranh của công nhân người Việt, người Hoa ở khu lò chén, công nhân sơn mài Thành Lễ và công nhân trong các nghiệp đoàn xe khách.

Năm 1957, đồng bào người Hoa tổ chức những cuộc đấu tranh chính trị lên án Mỹ và Chính quyền Sài Gòn cưỡng ép quốc tịch và cấm thực hiện 11 nghề sinh sống bình thường của bà con lao động.

Nhằm bót chết nền kinh tế tiểu thủ công nghiệp, gây ra nạn thất nghiệp kéo dài để dễ dàng bắt lính đôn quân, Mỹ-Diệm tăng cường nhập khẩu các hàng tiêu dùng có thể sản xuất trong nước được, như ngành gốm,

mía đường. Ngày 26-5-1957, hơn 3000 công nhân và chủ lò gốm họp gởi kiến nghị lên Quốc hội Diệm đòi hạn chế nhập khẩu, giữ giá hàng hóa để đảm bảo cuộc sống cho công nhận.

Nhân kỷ niệm ngày Quốc tế lao động ngày 1-5-1958, ở thị xã Thủ Dầu Một, thị trấn Lái Thiêu, công nhân các ngành tiểu thủ công nghiệp như lò gốm, lò đường, xưởng sơn mài…đấu tranh đòi giới chủ tăng lương. Những người buôn bán nhỏ ở chợ Búng, Lái Thiêu, Uyên Hưng… đấu tranh chống tăng thuế, hưởng ứng phong trào đấu tranh của công nhân trong tỉnh.

Trong thời kỳ Mỹ- Diệm thi hành chính sách khủng bố trắng (từ cuối năm 1956 đến đầu năm 1959), tình hình ở miền Nam nói chung và ở Bình Dương nói riêng hết sức căng thẳng và ác liệt. Phong trào quần chúng bị đàn áp, khủng bố dã man. Phong trào cách mạng liên tục bị tổn thất. Nhiều xã không còn chi bộ mà chỉ còn vài đảng viên hoạt động bí mật, đơn tuyến. Các chi đoàn thanh niên phải hoạt động độc lập. Các cơ sở nội tuyến tạm thời nằm im. Nhiều quần chúng và cán bộ cách mạng người Việt người Hoa đã bị địch bắn giết, cầm tù.

Ngày 20-12-1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng được thành lập có sự của đại diện cho phong trào cách mạng của người Hoa ở đô thị và nông thôn miền Nam Việt Nam thời bây giờ. Cao trào đồng khởi năm 1960 đã đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng đi lên, góp phần cải thiện tình hình trong toàn tỉnh; thời kỳ đen tối đã chấm dứt, mở ra thời kỳ đấu tranh chính trị kết hợp với lực lượng vũ trang. Người Hoa tích cực tham gia các hoạt động cách mạng, ủng hộ Mặt trận Dân tộc giải phóng

Ở khu lò chén Chánh Nghĩa có miếu Phước Võ Điện, nơi đây có hầm bí mật hoạt động cách mạng từ năm 1962- 1968. Miếu này đã trở thành trạm cứu chữa thương binh trong trận Mậu Thân (do y sĩ Phụng phụ trách), về

sau hầm này có 5 cán bộ cách mạng thường xuyên bám trụ hoạt động . Ông Từ giữ miếu là Vương Huỳnh Tôn, cũng là người giữ hầm nuôi dấu cán bộ, là cơ sở trung kiên của cách mạng.

Năm 1964, tiểu thương, tiểu chủ, những người mua gánh bán bưng người Việt, người Hoa chợ Thủ đấu tranh chống đuổi chợ, chống phạt vạ… Công nhân sơn mài, gốm sứ đấu tranh đòi tăng lương, cải thiện điều kiện làm việc…Các phong trào quần chúng phát triển rộng rải như: phong trào hủ gạo kháng chiến, đóng góp lương thực, tiếp tế tiền, của nuôi quân. Gia đình đồng chí Bảy Nhơn (Vương Văn Nhơn, bí thư chi bộ xã Phú Cường từ năm 1963- 1967, hy sinh năm 1967) là một trong gia đình cách mạng tiêu biểu khu vực này.

Nhiều thanh niên người Hoa đã hăng hái tình nguyện tòng quân tham gia bộ đội.

Anh Vương Hòa tham gia cách mạng 1964 thuộc Phòng Hậu cần tỉnh đội Sông Bé, đơn vị B7 chiến trường tỉnh Thủ Dầu Một, đã anh dũng hy sinh trong một trận chống càn ở ấp 7 Hàng Mì, xã Thanh An - Bến Cát năm 1967. Anh Vương Ngọc tham gia cách mạng vào năm 1964, hoạt động tại Phân khu 5, địa bàn Bình Mỹ - Bình Cơ, huyện Tân Uyên trong trận chống càn năm 1968 đã anh dũng hy sinh tại xã Bình Mỹ, huyện Tân Uyên. Anh Lưu Bá Liêm , quê ở xã Thanh Tuyền, huyện Bến Cát, là người con trai út trong một gia đình có sáu anh chị em, gốc người Tiều. Tham gia kháng chiến năm 1966, làm công tác tuyên huấn kiêm nhiệm vụ y tá của tỉnh Thủ Dầu Một. Hy sinh năm 1969, tại Bà Lụa, phường Phú Cường . Anh Thái Văn Nô, tự Bảy Minh (MiNô), sinh năm 1940, quê ở xã Phú Cường, gốc người Phước Kiến. Tham gia cách mạng từ năm 1960 ở đơn vị biệt động C65 cánh Nam thị xã, sau chuyển sang làm Phó Ban binh vận thị xã. Trong quá trình tham

gia kháng chiến, do ông là một trong những cán bộ chủ chốt của ta nên bị địch theo dõi rất chặt chẽ. Chúng ngả giá rất cao cho những ai bắt hoặc giết được ông. Liệt sĩ Thái Văn Nô hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 23/9/1968 tại Bà Lụa (địa điểm gần chùa Bửu Nghiêm ngày nay). Anh Thái Văn Nê là em ruột của liệt sĩ Thái Văn Nô, tham gia cách mạng ở Đội biệt động C65 của thị xã Thủ Dầu Một, đã trải qua nhiều trận đánh tiêu biểu, ác liệt. Năm 1968, trong trận chống càn xe tăng địch tại ấp Chánh Ngoài, xã Phú Cường (nay thuộc khu 9, phường Chánh Nghĩa), anh đã anh dũng hy sinh. Anh Trần Văn Sanh tham gia cách mạng năm 1964 ở đơn vị Công trường 5 sau chuyển sang làm nhiệm vụ bảo vệ đồng chí Mười Đệ (Tiểu đoàn trưởng). Trong một trận chống càn của địch năm 1969 ở Long Nguyên - Bến Cát, đồng chí đã anh dũng hy sinh. Đồng chí Vương Văn Văn (em ông Hai Xuyên) tiểu đội trưởng đội biệt động thị xã, hy sinh năm 1967 (gia đình anh Văn là cơ sở của cánh Nam thị xã Thủ Dầu Một, bị pháo binh địch pháo kích chết cả nhà vào năm Mậu Thân)

Trí thức người Hoa giác ngộ cách mạng tham gia ủng hộ kháng chiến ngày càng đông. Họ được tập hợp hoạt động trong Hội Nhà giáo yêu nước. Nghiệp đoàn giáo học tư thục người Việt gốc Hoa Bình Dương với nhiều giáo viên tiến bộ, cảm tinh Đảng làm nòng cốt đã tổ chức tuyên truyền chủ trương của Đảng, hướng dẫn tầng lớp trí thức, giáo viên, thanh niên học sinh đấu tranh chống quân sự hóa học đường, chống tăng học phí, bài trừ văn hóa phản động đồi trụy đầu độc thanh niên học sinh. Năm 1966, Hội đã vận động hàng trăm thanh niên đi dân công phục vụ chiến đấu. Giáo viên, thanh niên, học sinh tiến bộ được Hội Nhà giáo yêu nước của tỉnh hướng dẫn, thường xuyên kéo xuống Sài Gòn dự “ những đêm không ngủ” do tổng hội sinh viên học sinh Sài Gòn tổ chức, mạn đàm kêu gọi thanh niên đấu tranh chống Mỹ -

Ngụy, tố cáo tội ác dã man của địch, đòi hòa bình trung lập, đòi Mỹ rút quân, đòi chấm dứt chiến tranh. Địch chủ trương lập hội đồng đại biểu giáo viên, ta tổ chức đưa người vào tham gia lãnh đạo để làm nòng cốt hoạt động cho cách mạng. Ngày 3-7-1967, chính quyền địch ép tăng học phí ở trường trung học Bồ Đề, thị ủy Thủ Dầu Một thông qua hội nhà giáo yêu nước, lãnh đạo phát động phụ huynh học sinh đấu tranh. Hàng chục lá đơn với hàng trăm chữ ký của cha mẹ học sinh được gởi lên cho chủ trường đòi giảm học phí.

Quán triệt tinh thần nghị quyết của bộ chính trị về nhiệm vụ, phương hướng chiến lược của cách mạng miền Nam là phải tiến hành tổng công kích, kết hợp với tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi…Những đội quân tóc dài tiếp tục rầm rập xuống đường đối đầu trực diện với hệ thống kìm kẹp của địch ở mọi nơi, trong mọi tình huống, góp phần cùng các hoạt động vũ trang, binh vận làm thay đổi cục diện chiến tranh có lợi cho cách mạng.

Trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, lực lượng vũ trang của Ban Hoa vận Trung ương Cục và Ban Hoa vận tỉnh vận động đồng bào lao động người Hoa tích cực nổi dậy cùng lực lượng vũ trang tiến công vào bộ máy chính quyền địch.

Năm 1969, tình hình chung có nhiều bất lợi cho cách mạng. Địch tăng cường gom dân, đánh tiêu hao nặng lực lượng cách mạng. Đồng bào người Việt, người Hoa càng đoàn kết sát cánh đấu tranh cách mạng, ủng hộ kháng chiến. Hàng trăm gia đình người Hoa ở các xóm lao động nghèo, chủ các lò chén người Hoa ở ấp Chánh Trong, Chánh Ngoài, Xóm Guốc, Phú Văn và các gia đình tiểu thương người Hoa Quảng Đông, Triều Châu trong chợ Thủ là cơ sở nòng cốt tích cực đóng góp, quyên góp ủng hộ cách mạng Tiêu biểu như gia đình bà Sáu Quẩn, ông Hai Xuyên, Bảy Nhơn, Hai Bi, Ba Nô… ấp Chánh Ngoài; gia đình Mi Nô, Mi Na, bà Sáu Hấu, bà Năm Hẩu, bà Ba

Nết… ấp Chánh Trong; tiệm tạp hóa gia đình cô Đạt, cô Oanh, tiêm Văn Hoa, tiệm cơm Đồng Lạc ở chợ Thủ. Chùa Ông Bổn, chùa Bửu Nghiêm, bà Bảy Thưởng chùa Long Thọ, chị Sáu Dòn… đều là những cơ sở tin cậy liên tục nhiều năm liền của thị xã, của cơ sở binh vận, quân báo, hậu cần của tỉnh. Ở Lái Thiêu có bà Trần Thị Châu (chị Hai Tiều), có công trong phong trào người Hoa ủng hộ kháng chiến.

Tháng 4-1975, mạng lưới cơ sở nhất là đoàn viên thanh niên, hội viên phụ nữ vận động chị em người Việt, người Hoa thị xã mua vải và may cờ giải phóng, mua thực phẩm, thuốc men theo chỉ tiêu trên giao, bảo đảm sử dụng từ 1 đến 2 tháng.

Trong những ngày cuối tháng 4-1975, các tổ chức quần chúng được học tập chỉ thị khởi nghĩa. Các công việc như dán khẩu hiệu, vận động nhân dân ủng hộ lương thực, tiền bạc cho cách mạng và vận động binh lính buông súng đầu hàng diễn ra âm thầm nhưng khẩn trương. Quần chúng cách mạng người Hoa ở địa phương đã tích cực tham gia các hoạt động này.

Đến 10g30, lực lượng vũ trang từ các mũi ồ ạt tiến về tỉnh lỵ, toàn bộ sĩ quan và binh lính địch buông súng đầu hàng. Nhân dân người Việt, người Hoa vui mừng đổ ra đường đón chào đoàn quân giải phóng.

Những vấn đề khoa học và thực tiễn đúc kết từ truyền thống cách mạng và yêu nước của người Hoa Bình Dương.

Lịch sử hình thành và phát triển các nhóm cộng đồng người Hoa ở Bình Dương cũng là lịch sử của truyền thống yêu nước và cách mạng kiên cường. Người Hoa ở Bình Dương đã luôn cùng gắn bó với cộng đồng dân

tộc, đấu tranh chống áp bức và xâm lược, quyết tâm đánh đuổi mọi kẻ thù thực dân, đế quốc, góp phần giải phóng quê hương, thống nhất đất nước.

1. *Xét về tổng thể, các hoạt động yêu nước, cách mạng của người Hoa Bình Dương trãi qua các thời kỳ như sau:*

- Thời kỳ trước năm 1945, trọng tâm là các hoạt động yêu nước, ủng hộ các tổ chức cách mạng non trẻ ở địa phương. Trong thời kỳ này, ở Bình Dương, những địa bàn có đông người Hoa như Chánh Nghĩa-Phú Cường, An Thạnh, Bình Nhâm, Lái Thiêu và Tân Khánh là những nơi các tổ chức cách mạng đầu tiên của Bình Dương ra đời và hoạt động với sự ủng hộ hết lòng của đồng bào người Hoa địa phương. Kết quả của các hoạt động này là sự hình thành một trong những tổ chức Đảng đầu tiên của Bình Dương là chi bộ Bình Nhâm vào năm 1930, dẫn đến sự hình thành Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một vào năm 1936. Ở những nơi đây, bà con người Hoa là thợ thủ công các lò chén, lò đường, các trại ván, trại cưa đã cùng đồng bào người Việt là nòng cốt của các cuộc mit-tinh, biểu tình cách mạng. Tiêu biểu như cuộc mít tinh ở Bình Nhâm vào dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga, tháng 11 năm 1930, do đồng chí Nguyễn Văn Tiết làm tổ chức và diễn thuyết, những cuộc mít tinh do các Uy ban Hành động tổ chức đón phái viên Justin Godard của chính phủ Bình dân Pháp sang Đông Dương thanh tra tình hình lao động, trong dịp trước và sau Đông Dương đại hội, thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Những quần chúng ưu tú người Hoa dần dần trở thành các đảng viên cộng sản, là nòng cốt trong các hoạt động của chi bộ Lò Chén Phú Cường, chính họ đã góp phần hình thành nên Tỉnh ủy Thủ Dầu Một trong tình hình cả Nam kỳ vẫn còn nhiều địa phương trắng về tổ chức cách mạng. Tên tuổi các đảng viên người Hoa như Lý Văn Trừ, Cao Thị Lình...sống mãi trong lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương, được hậu thế muôn đời ngưỡng mộ.

- Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, người Hoa các vùng Lái Thiêu, Phú Cường, Bình Nhâm, An Thạnh là lực lượng tích cực ủng hộ kháng chiến ngay từ những ngày đầu quân đội thực dân tấn công tái chiếm Thủ Dầu Một. Hàng trăm thanh niên người Hoa đã tòng quân. Nhiều người trở thành những chiến sĩ dũng cảm, đánh địch ngay giữa lòng thị xã Thủ Dầu Một. Các hoạt động quyên góp ủng hộ kháng chiến của đồng bào người Hoa, trong đó có sự đóng góp của số đông giới chủ đã góp phần làm giảm thiểu những khó khăn của cuộc kháng chiến. Tên tuổi của những cán bộ đảng viên người Hoa như Ngô Văn Hòa, Tiêu Như Thủy, Diệp Hòi…làm sáng danh truyền thống cách mạng, ủng hộ kháng chiến của đồng bào người Hoa Thủ Dầu Một. Ban Hoa vận với các đội công tác đã hoạt động xuyên suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, góp phần quan trọng trong vận động đồng bào yêu nước và cảm tình kháng chiến người Hoa Thủ Dầu Một ủng hộ cách mạng.

- Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, hoạt động cách mạng của người Hoa Bình Dương càng đa dạng hơn. Họ là thành phần quan trọng trong các phong trào đấu tranh chính trị của giới tiểu thương chợ Thủ, là nguồn đóng góp quan trọng cho hoạt động hậu cần và kinh tài kháng chiến, là cơ sở nuôi dấu cách mạng ngay giữa lòng thị xã. Phước Võ Điện, chùa ông Bổn và nhiều cơ sở thờ tự, nhiều nhà ở của bà con người Hoa đã là những cơ sở mật của cách mạng, nơi nuôi dấu cán bộ, chăm sóc thương bệnh binh giải phóng trong suốt nhiều thời kỳ. Trong khi đó, nhiều thanh niên người Hoa tiếp tục tham gia lực lượng vũ trang địa phương. Các đơn vị biệt động nam thị xã có nhiều chiến sĩ vũ trang là thanh niên yêu nước người Hoa. Nhiều người trong họ đã hy sinh vì cách mạng. Danh sách dài các liệt sĩ và gia đình cách mạng của người Hoa Bình Dương lại một lần nữa chứng minh truyền thống yêu nước, cách mạng và những đóng góp quan trọng cho kháng chiến của đồng bào người Hoa Bình Dương.

2. *Trong các hoạt động yêu nước và cách mạng của người Hoa, có sự góp sức của tất cả các nhóm cộng đồng, cả người Quảng, người Triều Châu, Phước Kiến, Khách Gia đều cùng tham gia cách mạng, ủng hộ kháng chiến, cống hiến nhiều công lao, chịu đựng nhiều hy sinh mất mát*. Tuy nhiên, có lẽ bà con người Phúc Kiến ở khu Lò Chén Phú Cường, Tân Khánh, Lái Thiêu, An Thạnh đã tham gia khá sớm và có đông thanh niên tòng quân, trở thành các chiến sĩ vũ trang ở các đội mũi công tác. Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, vùng có đông bà con người Phước Kiến ở Lò Chén, Chánh Nghĩa, Bà Lụa, Phú Văn, An Sơn...đồng bào người Việt người Hoa vẫn họp chợ, mít tinh, các đội viên vũ trang địa phương vẫn đi lại công tác trong các xóm ngay giữa ban ngày. Trong thời chống Mỹ, vùng Nam thị xã là địa bàn hoạt động sôi động của các đội công tác mà phần đông các chiến sĩ là người Hoa Phúc Kiến ở Chánh Nghĩa. Trong khi đó thì bà con người Hoa Quảng Đông, Triều Châu và Khách Gia sống tập trung ở các khu chợ thị xã, thị trấn lại có nhiều đóng góp quan trọng về kinh tế, hậu cần, thông tin tình hình của địch cho cách mạng và là thành phần quan trọng trong các cuộc đấu tranh chính trị của giới tiểu thương chợ Thủ. Một khối lượng khá lớn thuốc men, trang thiết bị y tế, lương thực, thực phẩm tiếp tế cho cách mạng trong hai cuộc kháng chiến được tổ chức từ đường dây công tác Hoa vận với sự tham gia nhiệt tình, khôn khéo, mưu trí của nhiều nhân sĩ, thương gia, chủ hảng người Hoa Bình Dương. Những đóng góp này của bà con người Hoa ở chợ Thủ, Lái Thiêu, Búng An Thạnh đã giúp ích rất nhiều cho cách mạng nhất là trong những năm khó khăn gian khổ của hai cuộc kháng chiến.

3. *Ban công tác Hoa vận Thủ Dầu Một hình thành và hoạt động từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Ban Hoa vận được thành lập lại và tiếp tục hoạt động dưới sự chỉ đạo của cấp ủy tỉnh Thủ Dầu Một*. Trong các đội công tác của Ban Hoa vận có khá đông những

cán bộ, chiến sĩ người Hoa. Họ đã bám sát các địa bàn công tác, kiên trì tuyên truyền vận động cách mạng, thực hiện các hoạt động vũ trang đánh địch, tạo được những kết quả quan trọng cả về chính trị và vũ trang, có tác dụng lớn trong việc động viên , cổ vũ phong trào cách mạng và yêu nước trong đồng bào người Hoa, người Việt địa phương. Sự sớm hình thành và đưa vào hoạt động của Ban Hoa vận, cả trong hai cuộc kháng chiến cho thấy Đảng bộ Thủ Dầu Một đương thời rất coi trọng việc huy động các nguồn lực cách mạng từ người Hoa, luôn xem người Hoa như là một bộ phận quan trọng của quần chúng cách mạng, luôn quan tâm bồi dưỡng cốt cán và đào tạo đội ngũ cán bộ, chiến sĩ người Hoa. Lịch sử chứng minh rằng định hướng chính trị này của Đảng bộ Thủ Dầu Một qua các thời kỳ là đúng đắn và luôn triển khai có hiệu quả. Sau năm 1975, hầu hết các cán bộ chiến sĩ người Hoa trưởng thành trong kháng chiến đã tiếp tục công hiến sức mình cho cách mạng, sống bình dị, khiêm tốn trong dân; họ đã góp phần quan trọng làm cho mọi người hiểu đúng đường lối chính sách của Đảng ta đối với người Hoa, giúp người Hoa bình ổn cuộc sống, động viên các phong trào xây dựng cuộc sống, thi đua sản xuất kinh doanh, xóa đói giảm nghèo, tiến lên khá giả, giàu có trong đồng bào người Hoa. Cho đến cuối cuộc đời, hầu hết các vị này đều tự chứng minh được mình là những cán bộ cách mạng gương mẫu, luôn nêu cao tinh thần yêu nước, cách mạng, sống có ích cho dân cho nước, luôn tiêu biểu về nhân cách và trí tuệ trong gia đình, tộc, họ và cộng đồng người Hoa của mình. Với Đảng, họ là những cán bộ tài đức song toàn. Với quê hương Bình Dương, họ là những công dân gương mẫu. Họ xứng đáng và đã được ghi tên trong sổ vàng truyền thống cách mạng của tỉnh Bình Dương.

4. *Lịch sử chứng minh phong trào yêu nước cách mạng của người Hoa đất Thủ không bắt đầu từ sự giác ngộ giai cấp*.

Trong đời sống xã hội của người Hoa Bình Dương, mâu thuẫn giai cấp chưa bao giờ bộc lộ gay gắt đến mức diễn ra xung đột hay đấu tranh giai cấp. Sự phát triển về kinh tế của người Hoa dù đã đạt đến độ phồn thịnh nhưng trong người Hoa Bình Dương chưa hình thành tầng lớp tư sản mại bản. Trong người Việt địa phương càng không có những người giàu có thuộc tầng lớp tư sản. Các chủ lò chén, lò đường, trại cưa, trại ván hoặc những chủ tiệm, chủ hiệu người Việt, người Hoa ở đất Thủ, tập trung nhiều ở Phú Cường, Búng, Bình Nhâm, Lái Thiêu...chỉ là những tiểu chủ, tiểu thương về tài sản và chưa bao giờ là tư sản mại bản về tư tưởng chính trị. Đời sống và quan hệ chủ thợ, chủ và người làm công ở đây diễn ra êm thắm và hòa thuận hơn nhiều so với đời sống và quan hệ chủ thợ ở các vùng đồn điền cao su phía bắc tỉnh Thủ Dầu Một. Trong người Hoa Bình Dương, người chủ lò, chủ hiệu, chủ tiệm...cũng vẫn là những người bà con trong tộc họ, làm ăn khá giả hơn, mở mang ngành nghề cho con cháu trong tộc họ vào làm công ăn lương...Quan hệ bóc lột chưa bao giờ hình thành theo đầy đủ ý nghĩa của từ này. Sự áp bức giai cấp theo đúng bản chất của nó là chưa có. Do đó không hề có cái gọi là sự giác ngộ giai cấp trong động cơ tham gia các phong trào yêu nước cách mạng của người Hoa ở Bình Dương.

Trong người Hoa ở Bình Dương, *cốt lõi của các hoạt động yêu nước và cách mạng chính là tinh thần nhân ái, đồng cảnh nghèo khổ, cùng bị áp bức và khinh miệt bởi chính quyền thực dân, phải chịu đựng những thiệt thòi bất công trong cảnh đời thấp kém của những người lao động, không phân biệt Việt, Hoa*. Người Hoa nhìn thấy một thực tại bất công và áp bức mà chỉ có họ và những người Việt lao động bình dân ở địa phương cùng phải chịu đựng. Qua đó họ xác định rõ ai là bạn và ai không phải là bạn. Đã là bạn thì

phải tương thân tương ái, che chở giúp đỡ nhau trong mọi hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy mà không phân biệt Việt, Hoa, cùng kề vai sát cánh hoạt động. Tâm lý và tình cảm đồng cảnh xã hội đó hoàn toàn tự nhiên nhưng lại là khởi đầu của sự giác ngộ cách mạng trong người Hoa. Đó hoàn toàn chưa phải là sự giác ngộ giai cấp dựa trên mâu thuẫn trong quan hệ chủ thợ.

Tâm lý và tình cảm đồng cảnh xã hội đó còn được tiếp sức bởi một sức mạnh tinh thần khác. Đó là *tinh thần nghĩa khí hào hiệp, trượng phu theo gương Quan Thánh Đế của luân lý, đạo đức Trung Hoa mà người Hoa vốn được trau dồi nhân cách từ thơ ấu*. Họ tự thấy có trách nhiệm phải che chở, giúp đỡ những người bạn thân cô, thế cô đang chịu bất công áp bức, phải có hành động chống lại bọn chính quyền thực dân và tay sai ngang ngược, hống hách và tàn ác. Đơn giản và tự nhiên, trong họ đó là sự thôi thúc của tình cảm hào hiệp, phải can thiệp và quyết tâm chống lại kẻ ác và bảo vệ điều thiện. Chính sức mạnh tinh thần đó thôi thúc người Hoa cùng quyết tâm hành động, dám đương đầu với nhà nước thực dân như một hành động vì nghĩa khí, luôn kề vai sát cánh với bằng hữu thợ thủ công và nông dân nghèo người Việt, xem như đây là thực hành theo đạo lý muôn đời.

Từ hai ngọn nguồn sức mạnh tinh thần đó, người Hoa tham gia cách mạng. Càng tham gia công tác, tinh thần cách mạng trong họ càng nâng cao, trở thành ý chí và bản lĩnh cách mạng, sức mạnh tinh thần vô biên giúp họ vượt qua mọi khó khăn gian khổ để đi đến cùng hai cuộc kháng chiến. Người Hoa Bình Dương đã đến với phong trào yêu nước và cách mạng, đã đi theo cách mạng đến cùng. Hành trang cách mạng ban đầu của họ không phải là sự giác ngộ giai cấp mà chính là các giá trị nhân văn trong đời sống

văn hóa của họ. Ngọn nguồn của tinh thần và sức mạnh cách mạng trong họ chính là văn hóa chứ không phải là sự căm thù của mâu thuẫn giai cấp.

5. *Trong bảng danh sách (chưa đầy đủ) các liệt sĩ, thương binh và gia đình người Hoa Bình Dương có công cách mạng*[156]*, nổi lên mấy đặc điểm như sau:*

- Chỉ riêng địa phương Chánh Nghĩa của thị xã Thủ Dầu Một đã có đến 14 liệt sĩ là người Hoa. Đây là địa phương có số liệt sĩ người Hoa (đã kê khai được nhưng chắc chưa đầy đủ) đông nhất. Kế đó là địa phương Tân Phước Khánh với số lượng liệt sĩ là 13. Các địa phương khác như Lái Thiêu, Uyên Hưng, An Thạnh, Mỹ Phước...đều có các liệt sĩ cách mạng là người Hoa với số lượng ít hơn có lẽ do kê khai khó khăn và chưa đầy đủ. Chắc chắn là còn nhiều liệt sĩ người Hoa vô danh đã được quy tập vào nghĩa trang hay vẫn còn nằm lại đâu đó trên các vùng chiến trường xưa. Tìm hiểu qua danh sách thấy, phần đông các anh chị đều là chiến sĩ các đơn vị vũ trang địa phương tỉnh, huyện, hầu hết đều hy sinh khi tuổi còn rất trẻ. Các anh chị đã đem xương máu và hy sinh tuổi thanh xuân của mình để giải phóng vùng đất Bình Dương thân yêu, nơi thế hệ của các anh đã tự nhận là quê hương-một quê hương mỗi người chỉ có một.

- Tất cả các vùng có đông người Hoa sinh sống ở Bình Dương đều có ghi danh sách các cá nhân và gia đình người Hoa có công cách mạng. Tuy nhiên, số lượng danh sách kê khai ở đây không nhiều, không tương xứng với những đóng góp to lớn mà người Hoa ở Bình Dương đã công hiến cho cách mạng. Điều này chắc chắn là do có nhiều thủ tục, đòi hỏi phải chứng nhận,

[156] Đọc thêm chuyên đề *Các anh hùng liệt sĩ và các gia đình có công với cách mạng của người Hoa ở Bình* Dương của tác giả Phan Thị Mến trong phần phụ lục của đề tài này.

xác nhận nhiêu khê nên nhiều cá nhân và hộ gia đình người Hoa đã không thể ghi danh vào danh sách được. Đây là món nợ nghĩa tình của lịch sử đối với người Hoa Bình Dương. Điều đó xác nhận, ở mức độ nào đó, chúng ta đã chưa thật làm tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa đối với những đóng góp quý báu và nghĩa tình cho cách mạng của đồng bào người Hoa. Món nợ nghĩa tình này cần được đền đáp đầy đủ...

- Trong danh sách các liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, các gia đình có công cách mạng là người Hoa ở Bình Dương, có nhiều nhất là các vị thuộc họ Vương (18 vị, trong đó có 09 liệt sĩ) họ Lý (07 vị, trong đó có 03 liệt sĩ), họ Đặng (10 vị, trong đó có 03 liệt sĩ), các họ Ngô, Lưu, Từ, Thái, Huỳnh, Châu, Hà, Lâm, Trương, Trịnh, Diệp, Quách, Tiêu, Tô...đều có đại diện trong danh sách. Điều này cho thấy phong trào yêu nước, cách mạng của người Hoa Bình Dương đã lan tỏa rộng khắp trong hầu hết các tộc, họ của người Hoa. Họ Vương của người Hoa Phước Kiến có lẽ là họ có nhiều đại diện nhất trong danh sách cách mạng ghi công ở Bình Dương. Danh sách ghi công nói trên, do chưa đầy đủ nên không thể phản ánh hết nhiệt tình và công lao của người Hoa trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Tuy nhiên, qua danh sách đó, điều quan trọng nhất toát lên là: trong lịch sử người Hoa Bình Dương, họ chẳng những đã đổ mồ hôi lao động để vươn lên ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc và sáng tạo các thành tựu văn hóa, phát triển đời sống kinh tế...mà còn đã đổ máu vì độc lập, tự do của dân tộc và Tổ quốc Việt Nam. Máu và mồ hội của người Việt và người Hoa đã hòa quyện vào nhau, tô thắm cho đất nước này. Vị thế của người Hoa là đáng trân trọng trong lịch sử cách mạng của tỉnh Bình Dương.

II.TÌNH HÌNH NGƯỜI HOA BÌNH DƯƠNG TỪ SAU NĂM 1975 ĐẾN NAY

Trước ngày giải phóng, người Hoa ở Bình Dương (trước đây là Sông Bé) đa số là người lao động, cuộc sống và quyền lợi gắn bó với các dân tộc khác trên tỉnh. Dưới chế độ phong kiến và thực dân, người Hoa cũng bị áp bức bóc lột như các dân tộc khác trên lãnh thổ Việt Nam. Trừ những người già chiếm một bộ phận nhỏ còn lại hầu hết người Hoa đã hoàn toàn hòa hợp và trở thành người địa phương, biết điều hòa những phong tục tập quán và tâm lý dân tộc của người Hán, từ lâu họ đã nhận mình là người Việt Nam, là người dân tỉnh Sông Bé, không còn quan hệ gì với Trung Quốc.

Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, người Hoa cùng những dân tộc khác sinh sống trên địa bàn tỉnh đã có những đóng góp đáng kể để làm nên chiến thắng chung của tỉnh và của cả nước. Nhiều gia đình người Hoa làm cơ sở cho cách mạng, nuôi, giấu cán bộ, đóng góp tiền của cho cuộc kháng chiến, cho chồng, con em đi bộ đội, thoát ly phong trào và cũng có nhiều tấm gương hy sinh anh dũng, ra đi mãi mãi không trở về, đóng góp một phần xương máu cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Nhiều người là thương binh, dũng sĩ diệt Mỹ, chiến sĩ quyết thắng, có người được tặng thưởng huân chương, huy chương, bằng khen, giấy khen…

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng đến đầu năm 1978, tình hình người Hoa trên địa bàn tỉnh Sông Bé nói riêng và cả nước nói chung có nhiều biến động. Quan hệ Việt – Trung ngày càng căng thẳng, đại bộ phận bà con người Hoa rơi vào tâm trạng hoang mang, lo lắng. Vì vậy, một số ít gia đình người Hoa đã rời bỏ Sông Bé trở lại cố hương, một số ít khác di cư sang các nước lân cận như Thái Lan, Mianma.

Trước tình hình đó, ngày 27 – 5 – 1978, người phát ngôn Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ra Tuyên bố về chính sách đối với người Hoa ở Việt Nam nhằm ổn định tình hình người Hoa trên toàn lãnh thổ của đất nước. Tỉnh ủy Sông Bé lúc này đã có những cuộc họp để khẳng định phát ngôn trên, nhất trí về những công việc cần làm đã càng làm cho đảng viên, đoàn viên và hội viên người Việt cũng như người Hoa nhận rõ thêm tình hình, phân biệt đúng sai, ra sức giúp đỡ nhau ổn định cuộc sống, tăng cường tình đoàn kết thân ái. Những hội nghị này cũng kêu gọi bà con người Hoa hãy bình tĩnh hiểu rõ sự thật, đừng mắc mưu theo những luận điệu xuyên tạc, kích động chia rẽ của những phần tử xấu.

Nhằm ổn định tình hình công tác người Hoa, Ủy ban Mặt trận các huyện, thị cùng các ban ngành tỉnh đã tập trung vào việc giáo dục nhận thức thông qua tổ chức nói chuyện, họp mặt bà con người Hoa nhằm động viên bà con tích cực tham gia sản xuất, thực hiện nếp sống văn minh, thực hiện Chỉ thị 214 của Ban Bí thư Trung ương; theo dõi và tham gia tăng cường công tác bồi dưỡng lực lượng cốt cán trong người Hoa; quan tâm tới các cơ sở có đông người Hoa; thực hiện tốt chính sách Hoa vận.

Ủy ban nhân dân Tỉnh Sông Bé đã có những hướng dẫn để thi hành một số nhiệm vụ trước mắt nhằm ổn định tư tưởng bà con người Hoa, làm cho họ yên tâm ở lại Việt Nam. Các cấp cơ sở đã triển khai công tác này, họp các cốt cán và động viên họ cùng tham gia tuyên truyền giải thích đường lối chính sách của Đảng với người Hoa và vận động họ ở lại Việt Nam. Bà con người Hoa hoan nghênh chủ trương và việc làm trên của tỉnh.

Khi chiến tranh biên giới phía Bắc nổ ra, tỉnh Sông Bé đã tổ chức nhiều cuộc nói chuyện, tiếp xúc với bà con người Hoa ở nhiều nơi nhằm giải thích rõ chủ trương, chính sách của Đảng với bà con người Hoa trong tình hình

mới; chỉ rõ âm mưu của Trung Quốc; vận động bà con người Hoa thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn tính mạng.

Qua đấu tranh kiên trì, liên tục của các cấp, các ngành và nhân dân toàn tỉnh, tình hình quần chúng người Hoa tuy vẫn còn phức tạp, nhưng đã có chiều hướng ổn định dần, tư tưởng ra đi tạm lắng xuống. Đông đảo người Hoa ở Sông Bé đã hăng hái tham gia học tập Hiến pháp, bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân và làm các nghĩa vụ khác. Nhưng nhìn chung, đời sống người Hoa còn nhiều khó khăn, tâm trạng bi quan, bà con mong muốn Đảng và Nhà nước sớm công bố chính sách mới đối với người Hoa.

Trong lúc đó, lợi dụng tình hình trong tỉnh đang rối ren, những thế lực phản động trong và ngoài nước dùng chiến tranh tâm lý dựng lên vụ "nạn kiều" để khai thác tâm lý không ổn định của người Hoa, tung tin đồn nhảm xuyên tạc chính sách của ta…Đặc biệt, chúng còn lợi dụng những khó khăn về kinh tế, đời sống của ta và những thiếu sót ở một số cơ quan xí nghiệp có vi phạm chính sách đối với người Hoa. Mặt khác, chúng tuyên truyền kích động ý thức Hán tộc của người Hoa làm cho người Hoa luôn không an tâm, xa dần tình cảm xóm làng với nhân dân, giảm dần lòng tin với Đảng và nhà nước ta, nhằm làm cho tâm trạng người Hoa lúc nào cũng hoang mang toan tính bỏ đi nước ngoài. Tính từ năm 1975 đến năm 1983, số người Hoa ra đi là 1.660 người, trong đó đi có giấy tờ hợp pháp 958 người, có 6 hộ là tư sản. Đặc biệt chúng còn tác động mạnh vào số cán bộ Đảng viên, đoàn viên, lực lượng cốt cán là người Hoa làm cho anh chị em này cũng không yên tâm sinh ra tư tưởng mặc cảm, lo âu.

Trên lĩnh vực văn hóa xã hội, chúng luôn tìm mọi cách đầu độc tư tưởng của người Hoa như tổ chức lưu hành văn hóa phẩm phản động đồi trụy của đế quốc, Đài Loan, khuyến khích dạy chữ Hoa theo sách giáo khoa của Trung Quốc, của Đài Loan, lợi dụng mê tín dị đoan để tập hợp quần

chúng người Hoa. Bất kỳ ở đâu, bất kỳ lúc nào chúng cũng tìm mọi cách kích động, lợi dụng những yếu tố tiêu cực của ý thức kiều dân còn tồn tại trong người Hoa, gây ra tình hình không ổn định, làm hại cho người Hoa.

Ngày 17 – 11 – 1982, Ban Bí thư trung ương Đảng ra Chỉ thị số 10 CT/TW về Chính sách đối với người Hoa trong giai đoạn mới. Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, Tỉnh ủy tỉnh Sông Bé đã dự thảo Nghị quyết về chủ trương công tác đối với người Hoa trong tình hình mới. Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghiên cứu chỉ thị số 10 CT/TW ngày 17 – 11 – 1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng nhằm quán triệt sâu sắc những quan điểm, nguyên tắc cơ bản và chính sách cụ thể đối với người Hoa trong tình hình mới, đồng thời thống nhất nhận định đánh giá tình hình và đề ra một số chủ trương công tác cụ thể đối với người Hoa trong tình hình mới, tạo điều kiện cho người Hoa đi đến yên tâm làm ăn sinh sống lâu dài trên đất Sông Bé, đập tan mọi âm mưu phá hoại của bọn phản động, cùng góp sức với nhân dân trong tỉnh nói riêng và nhân dân cả nước nói chung xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở đó, Ban thường vụ Tỉnh ủy Sông Bé nhất trí với chủ trương của Trung ương tiếp tục khẳng định người Hoa là công dân Việt Nam, đoàn kết người Hoa trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Ban thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các ban, ngành trong tỉnh tổ chức học tập và tuyên truyền giải thích theo tinh thần nội dung Chỉ thị 10 CT/TW của Ban Bí thư trung ương Đảng, Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương công tác đối với người Hoa trong tình hình mới, làm cho cán bộ Đảng viên, đoàn viên, hội viên các đoàn thể các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh - nhất là đối với đồng bào người Hoa nhận rõ và kiên quyết đấu tranh vạch trần những âm mưu thủ đoạn phản động, đồng thời quán triệt sâu sắc những quan điểm,

nguyên tắc và các chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước đối với người Hoa……

Tình hình người Hoa dần đi vào ổn định. Lúc này, dân số người Hoa trên toàn Tỉnh có khoảng 3.900 hộ với khoảng 23.000 nhân khẩu cư trú xen kẽ với các dân tộc khác ở 8 huyện, thị trong tỉnh, tập trung đông nhất ở huyện Thuận An (có 1.005 hộ, 7.593 người), thị xã Thủ Dầu Một (có 949 hộ, 5.866 người). Ngoài số người Hoa trên, từ năm 1975 đến năm 1984 còn có 373 người Hoa kiều ở Cămpuchia chạy sang tị nạn ở tỉnh, tập trung ở 2 huyện Bình Long và Lộc Ninh (nay thuộc xã Minh Tân, Dầu Tiếng).

Ngày 11 tháng 10 năm 1986, Hội đồng Bộ trưởng đã ra chỉ thị 256 – CT về công tác đối với người Hoa. Chỉ thị tiếp tục khẳng định người Hoa là công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện mọi nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo Hiến pháp và các luật lệ khác của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tỉnh ủy Sông Bé hưởng ứng sự nhất quán trong chính sách đối với người Hoa qua Chỉ thị 256 – CT càng làm cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên yên tâm công tác Hoa vận, làm ổn định tình hình trong tỉnh. Cũng từ đây, ttình hình người Hoa và tình hình kinh tế - chính trị trong tỉnh đi vào ổn định, phát triển.

Chủ trương công tác của Đảng ta đối với người Hoa nói chung là đúng đắn, động viên được người Hoa tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương, gia nhập các đoàn thể quần chúng. Các đoàn thể - nhất là Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã quan tâm đến công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng người Hoa nên đã thu hút, kết nạp được đông thanh niên người Hoa. Bên cạnh đó các đoàn thể đã chủ động bồi dưỡng xây dựng lực lượng cốt cán có thái độ chính trị tốt, có năng lực hoạt động, được quần chúng tín nhiệm giao việc để thử thách. Nhiều anh chị em đã trở thành lực lượng nòng cốt trong người Hoa. Trong tỉnh lúc này đã có 36 đồng chí là Đảng viên, 5

đại biểu Hội đồng nhân dân, 17 thành viên trong Ủy ban Mặt trận Tổ quốc. Từ tỉnh xuống đến xã, phường có khoảng 1.000 đoàn viên công đoàn, chỉ tính riêng huyện Thuận An, thị xã Thủ Dầu Một, Lộc Ninh, Đồng Phú đã có 38 đoàn viên Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, 3.600 hội viên Hội Phụ nữ, 22 hội viên nông dân tập thể.[157]

Về kinh tế: sau khi có Chỉ thị 10 CT/TW năm 1982 và đặc biệt Chỉ thị 256 – CT năm 1986, được sống trong không khí hòa bình, thống nhất, nhìn chung đồng bào người Hoa đều an tâm, phấn khởi cùng đồng bào các dân tộc trong tỉnh hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa. Bà con chăm chỉ làm ăn, tham gia các phong trào cách mạng, tuân thủ pháp luật của Nhà nước, xây dựng củng cố chính quyền, giữ vững an ninh trật tự ở địa phương. Nhất là từ khi Đảng bộ Tỉnh ta có chủ trương khuyến khích phát triển ngành gốm sứ - nghề thủ công truyền thống thế mạnh của người Hoa, bà con phấn khởi đem hết vốn và tay nghề kỹ thuật ra để sản xuất. Theo số liệu điều tra năm 1983 có 213 cơ sở sản xuất gốm sứ và 4.522 công nhân - hầu hết đều là người Hoa. Ngoài ra người Hoa còn có thế mạnh ở lĩnh vực kinh doanh buôn bán, ăn uống, dịch vụ; chỉ có một số rất ít sản xuất nông nghiệp. Số hộ sản xuất nông nghiệp thường ở các huyện phía Bắc nhiều hơn. Các cấp các ngành đã có kế hoạch cụ thể tiếp tục ổn định đời sống và công ăn việc làm cho người Hoa, hưởng ứng công cuộc cải tạo đối với nông nghiệp, với công thương nghiệp, hướng dẫn những hộ tiểu chủ đi vào con đường làm ăn tập thể, những hộ tiểu thương chuyển dần sang sản xuất nông nghiệp và ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như sửa chữa, dịch vụ, chế biến sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp và đồ dùng xuất khẩu.

[157] Số liệu năm 1983

Người Hoa có nghĩa vụ lao động và được tuyển dụng vào các nông – lâm trường, xí nghiệp, cơ quan theo đúng quy chế của nhà nước, được hưởng các chế độ chính sách như mọi công nhân viên khác.

Qua giáo dục, thanh niên là con em nhân dân lao động người Hoa đã tham gia dân quân tự vệ, các tổ an ninh nhân dân, giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương trong các cơ sở xí nghiệp, đồng thời nghiêm chỉnh chấp hành chế độ đăng ký nghĩa vụ quân sự, khi đủ điều kiện sẵn sàng lên đường làm nghĩa vụ trong đội quân thường trực, khi giải ngũ được hưởng mọi chế độ chính sách như những quân nhân khác.

Về văn hóa – giáo dục, sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tỷ lệ mù chữ Việt trong nhân dân lao động người Hoa còn nhiều, ngành giáo dục cùng các đoàn thể từ tỉnh xuống đến xã, ấp đã củng cố kế hoạch triển khai công tác xóa nạn mù chữ Việt trong người Hoa, nhất là thanh niên, tạo điều kiện thuận lợi cho họ tiếp thu chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

Con em người Hoa được theo học chung trong các trường phổ thông trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, sau khi tốt nghiệp được tuyển chọn, sử dụng vào những công việc hợp với ngành nghề đã học như đối với mọi con em các dân tộc khác trong tỉnh. Có được kết quả đó là do có sự kết hợp ngành giáo dục, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và chính quyền cùng các đoàn thể khác ở các xã, ấp, giải thích cho các em và gia đình các em hiểu rõ sự cần thiết phải học giỏi tiếng Việt, chữ Việt vì đó là quyền lợi của các em để các em tiếp thu khoa học kỹ thuật cao hơn, theo kịp con em các dân tộc khác trong tỉnh.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ của người Hoa đã phản ánh được hoạt động thực tiễn của người Hoa trong quá trình làm ăn sinh sống ở tỉnh Sông Bé, trong lao động sản xuất, trong đấu tranh chống phong kiến, đế

quốc, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Xã hội chủ nghĩa, nêu được tính đoàn kết xóm làng với nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Sinh hoạt văn hóa văn nghệ của người Hoa cũng bảo đảm nguyên tắc dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, phù hợp với đường lối quần chúng, kiên quyết chống văn hóa đồi trụy, phản động, tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ ở địa phương. Hoạt động văn hoá văn nghệ của người Hoa đã thu hút được các dân tộc an em khác, chuyển từ hoạt động từ chỗ riêng của người Hoa thành hoạt động phục vụ xã hội chung, có sự lãnh đạo của Đảng.

Nhìn chung, sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, tỉnh Sông Bé cũng như những tỉnh khác trong cả nước còn nhiều khó khăn về kinh tế, bất ổn về chính trị. Ổn định tình hình người Hoa lúc này là công việc khó khăn, nhạy cảm. Trong 20 năm thực hiện công tác Hoa vận, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, Nhà nước, Tỉnh ủySông Bé đã lãnh đạo các ban ngành trong tỉnh thực hiện tốt công tác này. Tới khi Việt Nam – Trung Hoa bình thường hóa quan hệ năm 1991, tuy còn nhiều mặt hạn chế nhưng đã đạt được những thắng lợi rất quan trọng, giúp bà con người Hoa cũng như số Hoa kiều ổn định kinh tế, tinh thần, giúp họ xác định tiếp tục gắn bó lâu dài với mảnh đất, con người Sông Bé.

Ngày 08/11/1995, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 62-CT/TW về tăng cường công tác người Hoa trong tình hình mới. Nội dung của Chỉ thị nêu một số tình hình của người Hoa và công tác của người Hoa, đồng thời đề ra các chủ trương, chính sách cụ thể về chính trị - kinh tế - văn hóa – giáo dục – xã hội đối với người Hoa trong tình hình mới. Xác định công tác người Hoa là công tác lâu dài, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; Tuyên truyền giáo dục và tập hợp tổ chức là biện pháp hàng đầu…

Ngày 30/08/1996, Thủ tướng chính phủ ban hành Chỉ thị 501/TTg về thực hiện một số chính sách đối với người Hoa.

Thực hiện Chỉ thị 62-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) và Chỉ thị 501/TTg của Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh Sông Bé (sau khi tách tỉnh ngày 01/01/1997 là Tỉnh ủy Bình Dương) đã tiến hành khảo sát nắm tình hình các mặt trong người Hoa, đồng thời có kế hoạch quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị 62-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng cho các cấp các ngành trong toàn tỉnh. Cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận và các ban ngành đoàn thể tích cực tuyên truyền giáo dục đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong đồng bào Hoa, chăm lo đến đời sống kinh tế, văn hóa, tinh thần, việc làm, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa. Tạo điều kiện về vốn vay để đồng bào Hoa đầu tư vào sản xuất, kinh doanh phát triển kinh tế, ổn định đời sống, chăm lo học hành của con em người Hoa như con em các dân tộc khác trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Các nhu cầu về văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo được các cấp chính quyền giúp đỡ, tạo điều kiện để bà con sinh hoạt bình thường, nhằm phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc Hoa trong nền văn hóa chung của dân tộc Việt Nam. Tình hình các mặt trong người Hoa có nhiều chuyển biến rất khả quan.

Về chính trị tư tưởng và ý thức công dân, các kết quả từ thực tế cho thấy người Hoa rất phấn khởi, tin tưởng vào chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước, yên tâm đầu tư cho sản xuất, thương mại- dịch vụ, phát triển kinh tế gia đình, đóng góp vào sự phát triển chung của toàn Tỉnh; ý thức pháp luật của người Hoa được nâng lên rõ rệt, bà con tự giác chấp hành tốt chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, tham gia đầy đủ các phong trào do địa phương phát động. Ý thức xây dựng cộng đồng dân cư nơi sinh sống được đa số người Hoa tự

giác thực hiện tốt, tạo được sự đoàn kết và hòa đồng cùng các dân tộc trong cộng đồng. Trong gia đình, việc giáo dục con cái trở thành người tốt được các bậc cha mẹ quan tâm, thanh thiếu niên ngoài giờ học ở nhà phụ giúp gia đình và sau khi học xong đều tìm kiếm việc làm chân chính…nhờ vậy, các tệ nạn xã hội thường ít xảy ra trong thanh thiếu niên người Hoa.

Về kinh tế: Sở trường của người Hoa ở Bình Dương là sản xuất các mặt hàng gốm sứ (chiếm 90% tổng sản phẩm trong toàn tỉnh) và kinh doanh buôn bán nên khi thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, với chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, là cơ hội tốt để người Hoa phát huy thế mạnh của mình. Họ đã nhanh chóng nắm bắt cơ hội mới, đi vào tổ chức sản xuất, kinh doanh trên nhiều lĩnh vực như: kinh doanh buôn bán các của hiệu chạp phô (tạp hóa), sản xuất các mặt hàng gốm sứ gia dụng, làm dịch vụ và mở rộng phát triển ngành gốm sứ truyền thống, chế biến nông sản. Các cơ sở sản xuất gốm sứ đầu tư vốn, cải tiến trang thiết bị, đưa công nghệ mới và bố trí lại dây chuyền sản xuất nên hiệu quả lao động cao, làm ra nhiều mặt hàng mới có chất lượng và sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và nước ngoài.

Với cung cách làm ăn năng động và có hiệu quả, chỉ sau mấy năm, người hoa ở Bình Dương đã đóng góp rất lớn vào sự tăng trưởng kinh tế cho tỉnh nhà, làm ra nhiều mặt hàng cung ứng cho tiêu dùng xã hội, giải quyết được hàng ngàn công nhân lao động có việc làm. Tính đến năm 1998, toàn tỉnh có 6 công ty trách nhiệm hữu hạn, 64 doanh nghiệp tư nhân, 438 cơ sở sản xuất gốm sứ và tiểu thủ công nghiệp, 858 hộ kinh doanh buôn bán và làm dịch vụ, 120 hộ sản xuất nông nghiệp và ngành nghề khác.

Về sản xuất nông nghiệp, người Hoa ở Bình Dương không trực tiếp sản xuất nông nghiệp mà chủ yếu làm dịch vụ cho nông nghiệp, chế biến

nông sản, chế biến thức ăn gia súc, thu mua heo thịt, trâu, bò cung cấp cho các lò mổ và thị trường bán lẻ.

Đời sống của người Hoa cũng được nâng lên đáng kể, qua khảo sát cho thấy có 90,1% có thu nhập bình quân đầu người từ 200.000đ đến 1.000.000đ/tháng; 9,9% số hộ có thu nhập bình quân đầu người 200.000đ trở xuống; ý kiến bà con người Hoa cho rằng đời sống hiện nay có khá lên nhiều so với năm 1995; các hộ kinh doanh, buôn bán, làm dịch vụ lợi nhuận khá nên đời sống ngày càng được cải thiện.[158]

Tuy nhiên, trong hoạt động kinh tế của người Hoa, ngoại trừ các công ty TNHH và một số công ty tư nhân làm ăn hiệu qủa, số còn lại vẫn còn thiếu vốn, chưa có điều kiện đầu tư nhiều vào sản xuất, nhất là việc cải tiến trang thiết bị đưa công nghệ mới vào sản xuất nên sản phẩm làm ra chậm, sức cạnh tranh trên thị trường yếu.

Nhằm để bảo vệ môi trường trong sạch trên các địa bàn có đông dân cư sinh sống, khu đô thị, năm 2005 tỉnh Bình Dương có chủ trương di dời các khu vực làm nghề gốm sứ ra khỏi khu vực thị xã Thủ Dầu Một, huyện Thuận An và thị trấn Tân Phước Khánh (huyện Tân Uyên) về địa điểm mới tập trung tại xã Đất Cuốc (huyện Tân Uyên) theo quy hoạch và chủ trương của Tỉnh, do đó các cơ sở sản xuất gốm sứ trên các địa bàn này buộc phải ngưng hoạt động. Mặc dù Tỉnh đã có những chính sách hỗ trợ ưu đãi về giá đất, vốn vay để các cơ sở sản xuất gốm sứ có điều kiện tiếp tục hoạt động, nhưng hầu hết các cơ sở này đều cảm thấy gặp khó khăn trong việc đi dời địa điểm sản xuất gốm sứ. Chỉ có một số ít cơ sở chuyển lên địa điểm mới tiếp tục hoạt động, một số cơ sở có kinh tế khá giả chuyển sang nung gốm bằng gas, bằng năng lượng mặt trời (không ảnh hưởng đến môi trường), còn hầu hết các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất gốm sứ còn lại phải chuyển sang

---

[158] Số liệu Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị 62/CT-TW, năm 1998 của Tỉnh ủy Bình Dương

làm dịch vụ, buôn bán và làm việc trong các khu công nghiệp. Nhìn chung, chủ trương di dời của Tỉnh là cần thiết, đúng đắn nhưng chính sách hỗ trợ cho việc di dời này lại chưa tương xứng, chưa tạo được điều kiện tối đa để các hộ gia đình, các cơ sở, xí nghiệp chuyên sản xuất gốm sứ phát triển nghề nghiệp của mình. Hiện nay, ngành gốm sứ ở Bình Dương không còn hoạt động dàn trãi nhiều lò gốm đủ loại như trước đây nữa mà chủ yếu tập trung vào các công ty sản xuất gốm sứ lớn có tiềm lực kinh tế và kỹ thuật công nghệ cao như Minh Long I, Minh Long II, Hiệp Ký, Cường Phát. Nhờ áp dụng các công nghệ kỹ thuật cao, nên các công ty này sản xuất sốm sứ theo công nghiệp không ảnh hưởng đến môi trường, sản phẩm làm ra có chất lượng nên hiệu quả đạt được cao, thị trường tiêu thụ không chỉ trong nước mà còn được bán rộng rãi tại các nước khác ở Châu Âu, Châu Á và sức cạnh tranh trên thị trường.

Về kinh doanh buôn bán – dịch vụ, người Hoa ở Bình Dương giữ vai trò kinh tế quan trọng. Theo số liệu thống kê năm 2001 của Tỉnh ủy Bình Dương, có khoảng 858 hộ kinh doanh, buôn bán, làm dịch vụ, chiếm 30,5% trong tổng số hộ người Hoa, chiếm 7% số hộ trong toàn tỉnh. Số lượng người Hoa hoạt động bên ngành thương mại - dịch vụ ngày càng tăng lên, do các gia đình vốn trước đây làm nghề sản xuất gốm sứ nay không làm nữa mà chuyển sang kinh doanh buôn bán. Chỉ tính riêng ở các huyện Thuận An, Tân Uyên và thị xã Thủ Dầu Một, số hộ thuộc thành phần kinh tế tư nhân người Hoa có 167 Doanh nghiệp tư nhân và Công ty TNHH (chiếm 5,83% trên tổng số hộ người Hoa)[159] .

Nhìn chung, đời sống kinh tế của đồng bào người Hoa từ khi có Chỉ thị 62/CT-TW và Chỉ thị 501/TTg được nâng lên rõ rệt, số hộ giàu và hộ khá

[159] Số liệu Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 62/CT-TW, năm 2001 của Tỉnh ủy Bình Dương

tăng, hộ trung bình giảm và không có hộ đói. Đóng góp của người Hoa vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương hàng năm rất đáng ghi nhận, thông qua các khoản thuế trong sản xuất kinh doanh và những đóng góp vào các hoạt động xã hội từ thiện do Mặt trận Tổ quốc Tỉnh phát động.

Về văn hóa xã hội: Sự hội nhập văn hóa của người Hoa đã góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú cho nền văn hóa chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Người Hoa xây dựng miếu thờ Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu tại Phú Cường, Bưng Cầu, chợ Búng, Lái Thiêu, Dầu Tiếng; thờ ông Bổn tại phường Chánh Nghĩa, xã Hưng Định, TT Lái Thiêu và Tân Phước Khánh; thờ Quan Thánh Đế Quân ở TT. Tân Phước Khánh. Các ngôi chùa, miếu của người Hoa mang đậm nét kiến trúc văn hoá phương đông, tạo nên một dấu ấn tín ngưỡng đặc sắc.

Đa số người Hoa thực hành tín ngưỡng dân gian như thờ cúng tổ tiên, ông bà, thờ thánh thần; một bộ phận theo đạo Phật và một số ít khác theo tín đồ công giáo, Tin Lành. Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong người Hoa được phục hồi và phát triển. Các chùa, miếu trước đây không hoạt động nay đã được tu bổ, sửa chữa lại và đi vào hoạt động, bà con được tự do tín ngưỡng. Lễ hội chùa Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu ở Phú Cường, An Thạnh, Lái Thiêu, Bưng Cầu được người Hoa tổ chức rất chu đáo, từ ngày mùng 1 tết đến rằm tháng giêng hàng năm, thu hút hàng triệu lượt người tới thăm viếng, cúng và tham gia lễ hội. Lễ hội người Hoa trở thành lễ hội chung cho các dân tộc tại Bình Dương, bởi có sự hòa nhập của các dân tộc trong cộng đồng, góp phần tạo nên một nét văn hóa đặc thù, hấp dẫn của tỉnh Bình Dương.

Công tác giáo dục phổ cấp đối với con em người Hoa được các cấp, các ngành, các đoàn quan tâm. Trong những năm gần đây, người Hoa đã quan tâm nhiều hơn việc động viên con em mình vào học các trường phổ

thông. Số người Hoa tốt nghiệp đại học, cao đẳng ở Bình Dương ngày càng nhiều, số con em ở độ tuổi phổ cập tiểu học ở các địa phương đều đạt chỉ tiêu.

Từ sau ngày đất nước thống nhất, con em người Hoa trong độ tuổi đều đến trường học như con em các dân tộc khác trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam - nhất là từ khi Tỉnh chủ trương mở trường dạy tiếng Hoa cho con em người Hoa, đồng thời với học phổ thông chương trình của Bộ Giáo dục – Đào tạo. Toàn tỉnh có 3 trường cấp I dạy song ngữ với 483 học sinh, 32 lớp và 26 giáo viên, có 17 lớp gồm 512 học sinh học Hoa ngữ, 88 người có trình độ đại học – cao đẳng và 99 người đang theo học ở các trường đại học, 389 người có trình độ trung – sơ cấp[160].

Tình hình dạy và học tiếng Hoa trong thời gian này có chiều hướng phát triển. Tại thị xã Thủ Dầu Một có trường tiểu học Lê Văn Tám (còn gọi là trường Hoa văn Bồi Anh), 2 trường tiểu học bán trú An Thạnh và Lái Thiêu ở huyện Thuận An, 4 lớp ở ấp Bình Hòa (thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên) dạy tiếng Hoa. Các trường này thu nhận cả con em người Hoa và con em người Kinh, với tổng số 32 lớp, 32 giáo viên, 1.907 học sinh tiểu học, 245 học sinh trung học phổ thông và 44 em học sinh theo học các trường đại học.[161]

Các trường dạy song ngữ Việt - Hoa theo chương trình buổi sáng (dạy chương trình giáo dục tiểu học) do ngành Giáo dục đào tạo quản lý, buổi chiều (dạy theo chương trình sơ cấp tiếng Hoa) và buổi tối dạy cho nhiều lứa tuổi, nhiều thành phần có nhu cầu muốn học tiếng Hoa để dự thi chứng chỉ quốc gia A-B-C.

[160] Số liệu Báo cáo Sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị 62/CT-TW, năm 1998 của Tỉnh ủy Bình Dương
[161] Số liệu Báo cáo Sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 62/CT-TW, năm 2001 của Tỉnh ủy Bình Dương

Nhìn chung, bà con người Hoa cho con em đi theo học ở các trường phổ thông là chủ yếu, học chữ Hoa chỉ nhằm giữ gìn cho con em không quên tiếng mẹ đẻ của mình. Những năm trước đây, người Hoa chỉ cho con em học hết cấp I, cấp II, sau đó nghỉ học lo làm ăn buôn bán phụ giúp gia đình. Tuy nhiên, đến thời điểm này, người Hoa đã tập trung lo cho con em học hết phổ thông, thi vào các trường đại học – cao đẳng để đáp ứng với yêu cầu của thời kỳ mới, đây là một chuyển biến đáng khích lệ về nhận thức trong người Hoa.

Người Hoa rất chú trọng đến việc giáo dục con cháu về truyền thống của dân tộc, đề cao yếu tố giống nòi, huyết thống và tinh thần đoàn kết thương yêu, đùm bọc, tương trợ lẫn nhau, giúp nhau phát triển kinh tế. Vì vậy mà tinh thần đoàn kết trong cộng đồng rất cao, mọi người đều có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống mà ông cha để lại. Để con cháu không quên tiếng mẹ đẻ của mình, việc dạy và học tiếng Hoa cho con em trong cộng đồng dân tộc Hoa luôn được mọi người quan tâm. Trong sinh hoạt thường ngày, các gia đình người Hoa thường sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình. Bên cạnh đó, người Hoa còn mở các lớp Hoa văn cho con em đồng bào người Hoa học tập, tiêu biểu trong số đó là trường Hoa Văn Bồi Anh, kinh phí để trường hoạt động chủ yếu được trích từ Quỹ từ thiện bán giá lồng đèn hàng năm tại chùa Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu ở phường Phú Cường. Công tác giáo dục nói chung, công tác dạy và học tiếng Hoa nói riêng được người Hoa quan tâm, thể hiện qua việc động viên con em mình vào học các trường phổ thông, trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường, học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học, các trường dạy nghề hàng năm đều tăng lên đáng kể.

Qua những cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND, ủy viên Mặt trận Tổ quốc các cấp, nhiều phường, thị trấn có 100% cử tri người Hoa đi bầu cử. Ở những phường, thị trấn có đông người Hoa như Phú Cường, Chánh Nghĩa

(Tx. Thủ Dầu Một), Lái Thiêu, An Thạnh (huyện Thuận An), Tân Phước Khánh, Uyên Hưng (huyện Tân Uyên), Mỹ Phước (huyện Bến Cát), số người tốt việc tốt trong người Hoa chiếm trên 20% tổng số người tốt việc tốt trên địa bàn cư trú; hầu hết người Hoa chấp hành tốt chủ trương đường lối chính dách của Đảng và Nhà nước, chấp hành các quy định của khu dân cư về xây dựng khu phố, ấp văn hóa. 100% gia đình người Hoa đăng ký "Gia đình văn hóa", hàng năm số gia đình đạt tiêu chuẩn "Gia đình văn hóa" tính bình quân đạt 96%. Số thanh niên người Hoa làm nghĩa vụ quân sự hàng năm theo Luật nghĩa vụ Quân sự đầy đủ; Công tác chăm lo đời sống, việc làm cho người Hoa được các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quan tâm, thông qua chương trình xóa đói giảm nghèo, quỹ quốc gia giải quyết việc làm, quỹ tương trợ của các đoàn thể. Đến nay đồng bào người Hoa trong tỉnh không có hộ nghèo, hộ giàu đạt 16,8%, hộ khá đạt 30,9%, hộ trung bình đạt 52,3%. Những người trong độ tuổi đi làm đều có việc làm và có thu nhập ổn định. Giới công – thương người Hoa đã yên tâm, tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, mạnh dạn bỏ vốn làm ăn. Mặt khác, người Hoa ở Bình Dương còn kêu gọi thân nhân ở nước ngoài đầu tư vốn để xây dựng nhà xưởng, đổi mới trang thiết bị và phát triển sản xuất, kinh doanh, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

Tình hình tham gia các tổ chức chính trị - xã hội cũng có chuyển biến tốt. Từ khi có Chỉ thị 62-CT/TW của Ban bí thư Trung ương Đảng đến nay, người Hoa trên địa bàn Tỉnh đã tích cực hơn trong việc tham gia hoạt động chính trị - xã hội như Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên, Hội Chữ Thập đỏ, Hội Phụ nữ...nhiều người Hoa có uy tín được bầu vào Ủy ban mặt trận và Ban chấp hành đoàn thể, Hội đồng nhân dân các cấp. Các doanh nghiệp và bà con người Hoa đã tích cực tham gia vào các phong trào giúp nhau làm kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, hoạt động

từ thiện xã hội, dân số kế hoạch hóa gia đình. Tích cực tham gia phong trào chỉnh trang đô thị, phong trào toàn dân xây dựng cuộc sống mới trên địa bàn dân cư. Qua đó, các hoạt động văn hóa, chính trị - xã hội, sự hòa hợp giữa người Hoa với đồng bào các dân tộc Việt Nam luôn đoàn kết, gắn bó, phát triển tốt. Bên cạnh đó, trong người Hoa đang tồn tại một số tổ chức hội như: hội tương tế, hội quán, ban liên lạc, hội đoàn, mong muốn được nhà nước công nhận để sinh hoạt thuận lợi

Việc phát triển đảng viên, đoàn viên và hội viên trong người Hoa cũng được Cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các ban ngành đoàn thể quan tâm. Từ khi thực hiện Chỉ thị 62-CT/TW, số người Hoa trong Tỉnh được đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam là 29 đồng chí, nâng tổng số đảng viên người Hoa là 47 người (trong đo có 09 nữ), chiếm tỷ lệ 0,26% trên tổng số đảng viên toàn Đảng bộ. Đoàn Thanh niên hiện có 167 đoàn viên trên tổng số 3.709 thanh niên là người Hoa (chiếm tỷ lệ 4,5%) trong đó có 38 đoàn viên tham gia vào Ban chấp hành các cấp. Hội viên Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam có 363 người (chiếm tỷ lệ 9,8%), trong đó có 31 người tham gia vào Ủy ban Hội liên hiệp Thanh niên. Hội viên hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh có 1.544 người (chiếm tỷ lệ 43,78%). Ngoài ra, có khoảng 1.452 hội viên người Hoa tham gia vào các tổ chức khác như Hội Cựu hiến binh, Hội Chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi.... Hàng năm, hưởng ứng các đợt phát động phong trào thi đua của UBND Tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đồng bào người Hoa có thành tích trong công cuộc xây dựng quê hương, đất nước và đóng góp vào quỹ từ thiện xã hội của Tỉnh đều được UBND Tỉnh và UBMTTQ tặng bằng khen.[162]

[162] Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 62/CT-TW, năm 2005 của Tỉnh ủy Bình Dương

Qua thực tế cho thấy, về tâm tư tình cảm, đa số đồng bào Hoa đều có chung một nguyện vọng là an cư lạc nghiệp, ổn định cuộc sống để làm ăn buôn bán vì đồng bào Hoa đã sinh sống ở Bình Dương hàng trăm năm, qua nhiều thế hệ, muốn giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Hoa trong nền văn hóa chung của Việt Nam. Các gia đình Hoa giáo duc con cái, chăm lo việc học hành cho con em, cần cù trong lao động, sản xuật, chấp hành và thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của chính quyền địa phương, tiếp tục góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước.

Công nhân lao động có tay nghề giỏi, làm việc ở các công ty TNHH, cơ sở tư nhân, số này có thu nhập cao. Còn đại bộ phận làm công trong các cơ sở sản xuất gốm sứ, tiểu thủ công nghiệp, thu nhập thấp đời sống còn khó khăn. Một bộ phận còn nghèo, địa phương phải xóa đói giảm nghèo. Nhìn chung, công nhân lao động có bản chấp tốt, sống hòa nhập, gắn bó với quê hương, lo làm ăn kiếm sống là chủ yếu, một bộ phận trình độ văn hóa còn thấp, ý thức về giai cấp công nhân còn yếu.

Tầng lớp kinh doanh buôn bán, dịch vụ đa số là phấn khởi, đồng tình với chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước, chấp hành và thực hiện tốt pháp luật của nhà nước trong kinh doanh buôn bán. Từ khi Đảng, Nhà nước ta có chủ trương đổi mới, các hộ kinh doanh, buôn bán hầu hết đều phát triển.

Các chủ doanh nghiệp đa số còn trẻ, có khả năng phát triển, có trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, có kinh nghiệm trong quản lý và điều hành sản xuất, hiểu biết chính sách pháp luật của Nhà nước. Từ đó, việc điều hành sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Tuy nhiên, nhiều chủ cơ sở sản xuất gốm sứ gia dụng sản phẩm làm ra chất lượng kém, do thiếu vốn chưa thay

đổi được công nghệ mới dẫn đến sản xuất bị thua lỗ hoặc hoạt động cầm chừng.

Thanh thiếu niên người Hoa sinh ra và lớn lên, được sống, học tập, làm việc dưới chế độ của nước Việt Nam nên tình cảm tự nhiên gắn bó với quê hương Bình Dương. Thanh thiếu niên người Hoa được giáo dục tốt của gia đình và xã hội, chịu khó học tập và làm ăn, rất ít vi phạm pháp luật, nhiều thanh niên làm tốt nghĩa vụ công dân, chấp hành thực hiện nghĩa vụ quân sự, tích cực tham gia vào các phong trào cách mạng ở địa phương. Nhìn chung, thanh thiếu niên người Hoa theo xu thế hòa nhập vào cuộc sống chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, nhưng còn một bộ phận không thích tham gia vào các tổ chức chính trị, chỉ lo làm ăn là chủ yếu.

Các tổ chức xã hội trong người Hoa hình thành từ nhu cầu gắn bó tình cảm thân tộc, huyết thống, tình đồng hương, đồng ngôn ngữ… đáp ứng được nguyện vọng của đại đa số nhân dân lao động người Hoa. Nhìn chung hoạt động của các tổ chức xã hội này có tính tích cực, đoàn kết đùm bọc giúp đỡ nhau để cùng nhau ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Đặc biệt, thông qua các tổ chức xã hội đó, người Hoa làm công tác từ thiện nhằm khơi dậy tinh thần tương thân tương ái, từ thiện nhân đạo trong cộng đồng nhằm giúp đỡ những người già neo đơn, trẻ em mồ côi và trẻ em nghèo hiếu học. Bên cạnh đó, hàng năm các Ban liên lạc, Hội tương tế của người Hoa cũng đóng góp rất nhiều cho các hoạt động từ thiện xã hội của Tỉnh, các cuộc vận động ủng hộ giúp cho các khu vực gặp thiên tai, lũ lụt trong cả nước. Nhiều người Hoa đã đóng góp tích cực đóng góp các quỹ từ thiện, tham gia các phong trào đền ơn đáo nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, quỹ khuyến học ở địa phương, tổng các quỹ hàng năm do người Hoa đóng góp lên đến hàng tỷ đồng. Chỉ tính riêng thị xã Thủ Dầu Một, người Hoa đã xây dựng được 20 căn nhà tình

nghĩa, 56 căn nhà tình thương trị giá 636 triệu đồng; đóng góp vào Quỹ người nghèo, ủng hộ gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng…tổng số tiền là 1.716.500.000đ.

Các gia đình người Hoa sinh sống lâu đời ở Bình Dương nhưng chưa nhập quốc tịch Việt Nam đã tự nguyện xin gia nhập quốc tịch Việt Nam. Đại đa số đã nhận thức quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân Việt Nam, họ luôn tin tưởng và thực hiện tốt các chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, sống găn bó với cộng đồng các dân tộc khác trong khu vực, tham gia thực hiện tốt các phong trào tại địa phương.

Bên cạnh quan hệ của người Hoa với người Hoa trong nước, người Hoa ở Bình Dương còn có quan hệ gắn bó với thân nhân ở nước ngoài. Người Hoa ở Bình Dương có nhân thân nước ngoài khá đông, toàn Tỉnh có 961/2.861 hộ gia đình có thân nhân nước ngoài, chiếm 33,59% (bao gồm cả những gia đình có thân tộc ở quê cũ và những gia đình có người thân đi nước ngoài từ những năm 1980 trở về trước. Các gia đình này chịu ảnh hưởng ít nhiều về mặt kinh tế từ phía thân nhân nước ngoài, chủ yếu là nhận sự hỗ trợ kinh tế khi gặp khó khăn hay hỗ trợ vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh, cũng có thể họ cùng đầu tư kinh doanh buôn bán, làm đầu mối giao dịch, giới thiệu sản phẩm cho nhau giữa các lãnh thổ mà người Hoa sinh sống.

Người Hoa ở Bình Dương có cuộc sống gắn bó lâu đời với mảnh đất tình người nơi quê hương đất Thủ. Lối sống, sinh hoạt, văn hóa, giáo dục, tín ngưỡng, tôn giáo của người Hoa đã cơ bản hòa nhập với cộng động đồng các dân tộc Việt Nam. Trải qua hàng trăm năm định cư tại Bình Dương, đời sống của họ cũng có lúc thăng, lúc trầm nhưng nhìn chung đại đa số người Hoa ở Bình Dương đều cảm thấy yêu thương, gắn bó, xem Bình Dương là

quê hương thứ hai của họ. Cộng đồng người Hoa luôn tin tưởng và yên tâm với tương lai. Họ luôn thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, chấp hành luật pháp của nhà nước, tích cực tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương, ngày càng nỗ lực đóng góp nhiều công sức vào sự phát triển của địa phương.

PHẦN KẾT LUẬN

1. Cách nay gần 200 năm, từ cuối thời Minh Mạng, đầu thời Thiệu Trị triều Nguyễn, những nhóm di dân người Hoa đầu tiên đã đến định cư ở chợ Phú Cường, sau đó là Lái Thiêu, rồi lan dần ra khu vực Búng và vùng Tân Khánh của huyện Bình An triều Nguyễn. Sau này một số ít bà con người Hoa tiếp tục đến định cư ở chợ Tân Uyên, thời đó gọi là chợ Đồng Sứ. Đến thời Pháp thuộc, công cuộc trồng và khai thác cây cao su của đồn điền cao su Michelin đã kéo theo một số đông bà con người Hoa về định cư ở khu vực Dầu Tiếng hiện nay. Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Bình Dương đã dần dần hình thành từ đó.

Trong lịch sử di dân đến định cư trên đất Bình Dương, các nhóm phương ngữ Quảng Đông, Phước Kiến, Triều Châu, Khách Gia (Hẹ) lần lượt hình thành các nhóm cộng đồng của mình[163]. Người Quảng Đông, Triều Châu, Khách Gia kinh doanh buôn bán, mở các tiệm thuốc bắc và sản xuất tiểu thủ công nghiệp ở các trung tâm kinh tế và thương mại của địa phương, sống tập trung ở các chợ Phú Cường, Lái Thiêu, Búng... Riêng người Phước Kiến, lịch sử di cư của họ gắn liền với sự phát triển của nghề gốm. Nơi tụ cư của họ cũng là các trung tâm gốm sứ của đất Bình Dương, đầu tiên là trung tâm gốm Chánh Nghĩa (xưa là thôn Phú Cường thời triều Nguyễn, làng Phú Cường thời Pháp thuộc), kế đó là trung tâm gốm Lái Thiêu, sau đó là hai trung tâm gốm Tân Khánh và An Thạnh. Chính người Hoa đã làm phong phú thêm các sắc màu văn hóa Bình Dương với đặc trưng nổi bật là những đỉnh cao của mỹ thuật gốm sứ.

---

[163] Qua khảo sát cho thấy trong người Hoa Bình Dương hiện nay còn có vài hộ người Hoa Nùng, mới đến định cư ở thị xã Thủ Dầu Một trong thời gian gần đây và đã tự nguyện nhập vào nhóm Quảng Đông.

Từ những nhóm ít người di cư đầu tiên đến huyện Bình An dưới thời triều Nguyễn, số lượng người Hoa ở Bình Dương tăng nhanh sau Hiệp ước Thiên Tân và trong thời kỳ Pháp thuộc. Giả thuyết suy đoán cho rằng người Hoa ở Bình Dương là con cháu của nhóm người Hoa Trần Thượng Xuyên từ cù lao Phố chuyển sang sau khi cù lao Phố bị quân Tây Sơn triệt hạ đã được chứng minh là hoàn toàn sai lầm, dù có nhiều nhà nghiên cứu đã cố gắng áp đặt. Người Hoa chỉ có mặt trên đất huyện Bình An từ những năm cuối thời Minh Mạng, đầu thời Thiệu Trị khi chợ Phú Cường hình thành, thôn Phú Cường trở thành lỵ sở của huyện Bình An và cũng là lỵ sở của tổng Bình Điền. Lịch sử định cư của người Hoa ở Bình Dương chỉ bắt đầu từ đó. Trước đó, vì nhiều lý do lịch sử, người Hoa chưa có mặt ở Bình Dương với tư cách như một nhóm cộng đồng.

Phần đông các thế hệ di dân người Hoa đầu tiên đến Bình Dương đều đã có thời gian sống, sinh hoạt ở Sài Gòn, Gia Định, nơi có đông người Hoa tụ cư đương thời. Tiêu biểu nhất của trường hợp này là người Hoa Quảng Đông. Riêng người Hoa Phước Kiến lại khác. Trừ thế hệ đầu tiên có thể từ Gia Định lên Bình An tìm nơi khai nghiệp gốm, phần đông người Hoa Phước Kiến di cư đi thẳng từ quê cũ sang Việt Nam và đến huyện Bình An, vào sinh sống ở các trung tâm gốm, nơi những bà con dòng họ của họ đã tụ cư tập trung. Từ sau hòa ước Thiên Tân, người Hoa di cư đến thẳng Thủ Dầu Một. Vai trò như là một trung tâm trung chuyển của Sài Gòn-Chợ Lớn không còn nữa. Đến năm 1949, chấm dứt hoàn toàn lịch sử di cư của người Hoa vào Việt Nam và Bình Dương.

Tuyệt đại đa số người Hoa đến định cư trên đất huyện Bình An (thời triều Nguyễn) và Thủ Dầu Một (thời Pháp thuộc) đều là những người lao động nghèo của các huyện vùng nông thôn tỉnh Quảng Đông và Phước Kiến. Không thể sống được ở quê hương, họ phải lên đường tha phương cầu thực.

Hành trang di cư của họ là vốn văn hóa Hoa Nam và sức lao động. Trong gần 200 năm định cư trên đất Bình Dương, từ hành trang di cư ban đầu đó, người Hoa đã xây dựng được ở quê hương thứ hai của họ một cuộc sống ổn định với kinh tế phát triển thịnh vượng, văn hóa rực rỡ sắc màu, vừa hòa nhập với văn hóa cư dân địa phương vừa giữ gìn và phát triển các bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Lịch sử phát triển của các nhóm cộng đồng người Hoa ở Bình Dương gắn liền với sự hình thành và phát triển của các tổ chức bang hội.

Tổ chức bang của người Hoa ở Bình Dương được thành lập khá sớm. Sách Đại Nam Nhất Thống Chí cho thấy ngay dưới thời Tự Đức, triều Nguyễn, người Hoa ở huyện Bình An đã có 02 tổ chức bang. Đó là hai bang của người Hoa thuộc nhóm phương ngữ nào thì chưa rõ nhưng một văn bản tìm được qua điền dã cho thấy vào cuối thế kỷ XIX, trong những ngày đầu Pháp thuộc đã có tên gọi bang chung Triều Châu-Khách Gia. Vậy thì có thể bang còn lại là bang chung Quảng Đông-Phước Kiến. Theo các tư liệu điền dã có được thì đến những năm 1940, tất cả các nhóm phương ngữ người Hoa ở Thủ Dầu Một đều có tổ chức bang riêng của mình với các danh sách những bang trưởng qua các đời.

Từ năm 1975 trở về trước, tổ chức bang của người Hoa ở Bình Dương thay đổi qua nhiều tên gọi, lúc hoạt động chính thức, lúc bán chính thức. Tuy nhiên, trong mọi hoàn cảnh, lúc nào tổ chức bang cũng gắn liền, thiết thân với đời sống mọi mặt của người Hoa ở Bình Dương. Mọi thiết chế và thành tựu về văn hóa, giáo dục, y tế... trong các nhóm cộng đồng người Hoa đều gắn liền với vai trò quan trọng của tổ chức bang. Các tổ chức bang chăm lo không chỉ đời sống lúc sinh tiền mà cả khi hậu sự cho mọi thành viên trong nhóm cộng đồng. Đặc điểm nổi bật của các tổ chức bang người Hoa ở Bình Dương trong thời kỳ này là đã không biến thành những tổ chức chính trị,

hoạt động như những bộ máy hành chính nối dài của chính quyền Trung Hoa, vừa cổ vũ tư tưởng kiều dân vừa gây chia rẽ Hoa Việt. Các tổ chức bang đương thời ở Bình Dương chẳng những vẫn không xa rời chức năng liên kết, bảo trợ trong cộng đồng mà còn tích cực vận động đồng bào người Hoa tham gia ủng hộ các hoạt động kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ở địa phương.

Từ sau năn 1975, theo chủ trương chung, để phù hợp với tình hình trong thời kỳ mới, các tổ chức bang trong người Hoa giải thể, thay vào đó là các Hội Tương tế, Ban Liên lạc. Chức năng liên kết, bảo trợ đồng bào trong cộng đồng được các Hội, Ban này đề cao và hoạt động rất có hiệu quả nhất là trong các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống mới, giúp nhau làm kinh tế, hoạt động từ thiện, bảo trợ xã hội...

Trong gần 200 năm qua, từ Phú Cường sau đó là lái Thiêu, An Thạnh, Tân Khánh, Uyên Hưng, Dầu Tiếng, người Hoa đã định cư và dần dần hình thành các nhóm cộng đồng của mình. Chính họ đã góp phần quan trọng để hình thành và phát triển những trung tâm đô thị và thương mại sầm uất ở huyện Bình An. Cùng với họ, ngành gốm sứ Thủ Dầu Một hình thành và phát triển đạt đến những đỉnh cao mỹ thuật. Những nỗ lực về mọi mặt của họ đã tạo lập cho họ một vị trí xứng đáng và là một phần quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội của đất Bình Dương, cả trong lịch sử, hiện tại và tương lai.

2. Lịch sử hoạt động kinh tế của người Hoa ở Bình Dương là lịch sử của những nỗ lực trong lao động cần cù và năng động, nhạy bén trong sản xuất kinh doanh của những người lao động di cư luôn cố gắng vươn lên ở vùng đất mới. Đó cũng là lịch sử hoạt động kinh tế của các hộ kinh tế tư nhân, chủ yếu là hộ gia đình có quy mô vừa và nhỏ. Đó cũng là lịch sử hoạt động kinh tế của một bộ phận nhỏ trong hệ thống *mạng lưới kinh doanh của*

người Hoa ở miền Nam Việt Nam (the Chinese business network). Trong đó sự coi trọng chữ tín và các hình thức tín dụng độc đáo đặc trưng của người Hoa đã phát huy hiệu quả.

Từ tay trắng làm nên nghiệp lớn, những di dân người Hoa thuộc các thế hệ đầu tiên đã phải trải qua những tháng ngày gian khổ để đạt được những thành quả kinh tế xã hội quan trọng như ngày nay. Họ đã sống chan hòa, gắn bó với cư dân địa phương huyện Bình An và đất Thủ Dầu Một. Phần đông trong họ đã lấy vợ là phụ nữ người Việt địa phương. Sự ổn định, an cư đó tạo điều kiện cho họ thả sức sản xuất, kinh doanh và những thành quả lao động của họ được cộng đồng cư dân địa phương bảo hộ để ngày càng tích lũy to lớn, thịnh vượng hơn. Rõ ràng trong hoạt động kinh tế của người Hoa ở Bình Dương, trong điều kiện các nhóm cộng đồng của họ chỉ là những nhóm thiểu số, ban đầu còn rất yếu về khả năng kinh tế, các yếu tố xã hội có vị trí khá quan trọng để người Hoa an cư lạc nghiệp, phát triển sự nghiệp sản xuất kinh doanh của mình. Người Hoa Bình Dương luôn ý thức về điều đó. *Sống chan hòa, gắn bó với cộng đồng cư dân địa phương, được người dân địa phương công nhận, che chở, bảo hộ là yếu tố xã hội quan trọng để hoạt động kinh tế của họ thành công*.

Hoạt động kinh tế và những thành tựu về kinh tế của người Hoa đã giúp họ dần dần đẩy lùi tư tưởng kiều dân thay vào đó là tư cách thần dân (dưới thời triều Nguyễn) và tư cách công dân. *Chính hoạt động kinh tế và những thành tựu kinh tế đã giúp người Hoa Bình Dương ngày càng gắn bó với quê hương thứ hai của mình.*

Sau gần 200 năm hoạt động không ngừng nghỉ, vượt qua bao biến động của thời cuộc, hoạt động kinh tế của người Hoa đã cống hiến cho vùng đất và con người Bình Dương những thành tựu quan trọng. Tất cả những giá trị của các thành tựu đó tạo cho người Hoa Bình Dương một vị trí quan trọng

về kinh tế: *Đây là lực lượng lao động đáng kể có thể làm khởi sắc và sống động kinh tế thị trường. Đâ ycũng là thành phần xã hội đang nắm giữ một lượng khá lớn vốn tư bản, tay nghề, kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất kinh doanh ở địa phương. Đây còn là thành phần xã hội có quan hệ xã hội và kinh tế rộng lớn, cả trong và ngoài nước, có thể tạo nên những hấp lực quan trọng về vốn đầu tư, công nghệ, kỹ thuật và các liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu.*

Tiềm năng và sức mạnh này đã và đang được địa phương trân trọng sử dụng, phát huy.

3. Đời sống văn hóa-xã hội của người Hoa ở Bình Dương phản ánh chân thật bản chất hai mặt khá tự nhiên trong tính cách của họ: *vừa khép kín trong các quan hệ gia đình, thân tộc, dòng họ truyền thống, vừa cởi mở, hòa nhập với cộng đồng xã hội địa phương cư trú; vừa kiên trì bảo vệ bản sắc văn hóa truyền thống Trung Hoa, vừa luôn có ý thức giao lưu, hội nhập với văn hóa địa phương*. Hai mặt này vừa mâu thuẫn vừa thống nhất trong đời sống văn hóa-xã hội của từng nhóm cộng đồng, ở mọi thời điểm của lịch sử trong quá trình cộng cư của họ ở địa phương. Khép kín để giữ gìn truyền thống, nhưng vẫn hòa nhập xã hội để làm ăn, giao lưu kinh tế, văn hóa. Mặt cởi mở, hòa nhập, giao lưu ngày càng lớn rộng hơn nhưng vẫn không lấn át hẳn mặt khép kín…

Lịch sử phát triển đời sống văn hóa và xã hội của người Hoa Bình Dương cũng là quá trình chuyển đổi về mặt văn hóa, tâm lý và ý thức xã hội trong họ, từ những di dân trở thành những công dân Việt Nam. Tâm lý và ý thức kiều dân dần dần nhường chổ cho tư cách công dân trong một xã hội công dân đã và đang hình thành ở Bình Dương, Việt Nam. Văn hóa Hoa Nam mà họ mang theo trong hành trang di dân của mình đã chẳng những không mất đi mà càng phong phú, sinh động hơn do giao lưu và tiếp thu các

yếu tố tự nhiên và nhân văn ở vùng đất mới. Trong họ, từ tâm niệm *diệp lạc quy căn* (lá rụng về cội) đã dần dần chuyển sang ý thức *tựu địa sinh căn* (tạo đất mọc rễ) ở chính nơi họ đã nhận là quê hương thứ hai của mình.

Mỹ thuật gốm là đỉnh cao thành tựu về văn hóa của người Hoa ở Bình Dương. Nhưng đây cũng là sự hội tụ các giá trị giao lưu và hòa nhập văn hóa Việt, Hoa ở trình độ nhuần nhuyễn và tự nhiên nhất. Gốm Việt truyền thống theo chân di dân khai hoang người Việt đã phát huy vai trò kinh tế, văn hóa của mình trong suốt 100 năm đầu hình thành vùng đất Nam bộ, sau đó đã nhanh chóng hòa nhập và nhường chỗ cho gốm truyền thống Hoa Nam mới du nhập. Đến lượt mình gốm truyền thống Hoa Nam phát huy vai trò của mình, phát triển lớn mạnh và đạt được nhiều thành tựu quan trọng cả về kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật. Trong từng bước phát triển đó, gốm Thủ Dầu Một-Bình Dương đã vượt xa truyền thống cổ Hoa Nam, tiếp thu nhuần nhuyễn các yếu tố tự nhiên và nhân văn của vùng đất Nam bộ nói chung, Thủ Dầu Một-Bình Dương nói riêng để tự định hình nên vóc dáng và vị thế mới, chẳng những có thể sánh ngang, mà còn có mặt vượt xa các đại diện đương đại của gốm truyền thống Hoa Nam. Trong sự phát triển kỳ diệu của gốm mỹ thuật Bình Dương, các yếu tố kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật là sự hội tụ toàn diện tinh hoa trong tài năng sáng tạo, năng khiếu thẩm mỹ của nhiều thế hệ thợ thủ công và người lao động Việt, Hoa. *Gốm truyền thống Hoa Nam sau 200 năm đã là gốm mỹ thuật Bình Dương, đậm đà hồn việt, lai láng tình yêu quê hương đất nước - một đại diện tiêu biểu của gốm mỹ thuật Việt Nam đương đại*.

Lễ hội chùa Bà Thiên Hậu hàng năm là sự hội tụ có tính tập trung và tiêu biểu các đặc điểm của đời sống văn hóa và sinh hoạt xã hội của người Hoa ở Bình Dương. Qua lễ hội, các giá trị văn hóa mang tính bản sắc của người Hoa vốn được kiên trì bảo tồn đã phô diễn và biểu dương giá trị của

mình, cùng tác động đến việc định hướng nhân cách các thành viên, nhất là thế hệ trẻ trong cộng đồng, tiếp tục thắt chặt các quan hệ truyền thống trong gia đình, tộc, họ và nhóm cộng đồng. Đó cũng là dịp các quan hệ xã hội trong và ngoài nhóm cộng đồng của người Hoa, giữa người Hoa Thủ Dầu Một-Bình Dương với người Hoa Sài Gòn, Chợ Lớn và các địa phương khác thêm khắn khít, sinh lợi, cả về văn hóa và kinh tế...*Lễ hội chùa Bà Thiên Hậu không chỉ đỉnh cao tiêu biểu của đời sống văn hóa và quan hệ xã hội của người Hoa ở Bình Dương, đó còn là phương thức sinh động và hiệu quả nhất để bảo tồn bản sắc văn hóa, củng cố quan hệ truyền thống trong và ngoài cộng đồng, cùng hướng đến việc định hướng nhân cách cho các thành viên trong cộng đồng*. Do vậy mà ở Bình Dương, không chỉ có lễ hội ở chùa Bà Thiên Hậu thị xã Thủ Dầu Một, các chùa Bà khác ở Lái Thiêu, Búng, Bưng cầu, Dầu Tiếng đều tổ chức lệ hội hàng năm với qui mô lớn nhỏ khác nhau theo từng năm và từng nơi.

4. Danh sách hàng trăm gia đình liệt sĩ và có công cách mạng của người Hoa Bình Dương cho thấy phần nào những đóng góp của người Hoa đối với cách mạng.

Phong trào yêu nước trong đồng bào người Hoa sớm hình thành. Từ những năm 1930, những đảng viên cộng sản là người Hoa đã hoạt động tích cực trong những khu vực có đông thợ thủ công ở Phú Cường, Chánh Nghĩa, Bình Nhâm, Lái Thiêu, Tân Khánh...Nhiều người trong họ đã bị thực dân bắt giết, thủ tiêu. Lúc này, hoạt động yêu nước là phong trào chính trị xã hội chủ yếu trong người Hoa, các hoạt động đấu tranh giai cấp hầu như không có biểu hiện, quan hệ chủ thợ và mâu thuẫn giai cấp vì nhiều lý do lịch sử đã không diễn ra gay gắt như ở các vùng đồn điền cao su.

Ngay từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, khi quân đội thực dân tấn công tái chiếm Thủ Dầu Một, đông đảo đồng bào người Hoa đã tham

gia các phong trào cách mạng. Hàng trăm thanh niên người Hoa khu vực Chánh Nghĩa, Lái Thiêu, Tân Khánh đã tòng quân. Nhiều người trở thành những chiến sĩ dũng cảm, đánh địch ngay giữa lòng thị xã Thủ Dầu Một. Các hoạt động quyên góp ủng hộ kháng chiến của đồng bào người Hoa, trong đó có sự đóng góp của số đông giới chủ đã góp phần làm giảm thiểu những khó khăn của cuộc kháng chiến. Ban Hoa vận với các đội công tác đã hoạt động xuyên suốt cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, hoạt động cách mạng của người Hoa Bình Dương càng đa dạng hơn. Họ là thành phần quan trọng trong các phong trào đấu tranh chính trị của giới tiểu thương chợ Thủ, là nguồn đóng góp quan trọng cho hoạt động hậu cần và kinh tài kháng chiến, là cơ sở nuôi dấu cách mạng ngay giữa lòng thị xã. Phước Võ Điện, chùa ông Bổn...đã từng là cơ sở mật của cách mạng trong suốt nhiều thời kỳ. Trong khi đó, nhiều thanh niên người Hoa tiếp tục tham gia lực lượng vũ trang địa phương. Các đơn vị biệt động nam thị xã có nhiều chiến sĩ vũ trang là thanh niên yêu nước người Hoa. Nhiều người trong họ đã hy sinh vì cách mạng.

Các hoạt động yêu nước cách mạng của người Hoa diễn ra xuyên suốt các thời kỳ cách mạng, cả khi kháng chiến thuận lợi hay gặp nhiều khó khăn. Hoạt động của họ có lúc dựa theo chương trình công tác của ban Hoa vận nhưng phần nhiều là hòa chung trong phong trào cách mạng của địa phương, do cấp ủy địa phương lãnh đạo, không phân biệt hoạt động nào của người Hoa hay người Việt. Khi tham gia các phong trào cách mạng, trong họ không phân biệt đâu là Hoa hay Việt mà chỉ có tinh thần và bản lĩnh của những chiến sĩ cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống thực dân, đế quốc, chấp nhận có thể hy sinh tất cả để giải phóng quê hương, đất nước. Máu của họ đã hòa chung trong dòng máu cách mạng nhưng công lao của họ đã mãi

mãi được ghi nhận trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Bình Dương.

5. Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, vượt qua mọi diễn biến phức tạp của thời cuộc, đồng bào người Hoa Bình Dương đã vẫn thủy chung với cách mạng, yên tâm ở lại ổn định cuộc sống, tích cực tham gia các phong trào xây dựng cuộc sống mới ở địa phương. Bà con đã nỗ lực sản xuất kinh doanh, nhanh chóng xóa đói giảm nghèo, vươn lên khá giả, giàu có. Nhiều đại diện của người Hoa Bình Dương đã là những tên tuổi tiêu biểu, đầy tài năng trong cộng đồng các doanh nghiệp Việt Nam. Thế hệ trẻ người Hoa Bình Dương đã hăng hái học tập văn hóa, chinh phục các đỉnh cao trí tuệ, xứng đáng là những chủ nhân của một xã hội công dân đã và đang hình thành ở Bình Dương, xứng đáng là những nguồn nhân lực quan trọng của tiến trình công nghiệp hóa hiện đại hóa Việt Nam.

Đối với các thế hệ người Hoa đầu tiên di cư đến vùng đất huyện Bình An và tỉnh Thủ Dầu Một, Bình Dương là quê hương thứ hai của họ. Nơi đây họ đã yên tâm ổn định cuộc sống, xây dựng cơ nghiệp, sinh con đẻ cháu, duy trì tộc họ. Nơi đây, họ đã nằm xuống yên giấc ngàn thu mà không hề bận tâm về việc đã không qui hồi cố quận…Nhưng đối với con cháu của những thế hệ này, thế hệ những người Hoa sinh trưởng ở đây, Bình Dương chính là quê hương, một quê hương duy nhất của mỗi người. Bởi vì ở đây họ chôn nhau cắt rốn, lưu giữ cơ nghiệp cha ông, có mồ mả ông bà tổ tiên, có ký ức tuổi thơ nhiều kỷ niệm, có cả những dự tính tương lai…Dù đi đâu, làm gì, họ vẫn tự nhận Bình Dương chính là quê hương của mình. Rõ ràng dòng chảy lịch sử hình thành và phát triển của các nhóm cộng đồng người Hoa ở Bình Dương đã đổ về biển cả. Biển cả mênh mông đó chính là cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

6. Tương lai của người Hoa ở Bình Dương, như lịch sử đã chứng minh, sẽ do chính tự thân họ quyết định. Tuy nhiên, lịch sử hình thành và phát triển các nhóm cộng đồng người Hoa ở Bình Dương cũng đã chứng minh, một chính sách phù hợp và tiến bộ đối với người Hoa sẽ giúp dòng chảy lịch sử đó vận động thông suốt, đổ nhanh vào đại dương mênh mông của tương lai hòa hợp và tiến bộ.

Đối với người Hoa Bình Dương, một chính sách phù hợp cần chú ý những kiến nghị như sau:

6.1. *Nhận thức sâu sắc, đúng đắn, quán triệt đầy đủ quan điểm của Đảng và nhà nước ta về vị trí của người Hoa trong xã hội Việt Nam và trong cộng đồng dân tộc Việt Nam: người Hoa là công dân Việt Nam là một thành phần trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam*. Vị trí công dân của người Hoa phải được củng cố vững chắc bằng luật pháp và mọi giải pháp, chính sách liên quan. Điều đó có nghĩa là mọi quyền lợi và nghĩa vụ của người Hoa phải được tôn trọng và thực thi cả trong luật pháp và điều hành chính sách ở các cấp chính quyền. Mọi sự phân biệt đối xử dù là ở cấp nào, phía nào (phía chính quyền hay phía người Hoa) đều là vi phạm nghiêm trọng pháp luật và phá hoại chính sách đại đoàn kết dân tộc.

6.2. *Phát huy mọi khả năng và tiềm năng kinh tế của người Hoa*, huy động mọi nguồn lực trong bà con phục vụ cho tiến trình công nghiệp hóa hiện đại hóa Bình Dương. Về chính sách, cần chú ý những vấn đề:

- Bảo đảm thực hiện bình đẳng, công bằng về luật pháp kinh tế trong mọi lãnh vực của sản xuất kinh doanh, trong thủ tục thành lập, giải thể doanh nghiệp, kê khai, thu thuế… không phân biệt chủ doanh nghiệp là Hoa hay Việt. Cần xóa ngay ám ảnh về thực tế lịch sử sự lũng đoạn thị trường, mua gian bán lận, làm hàng gian hàng nháy… của giới doanh thương người

Hoa, thời kỳ trước năm 1975. Không vì những ám ảnh đó mà có bất kỳ sự phân biệt hay gây khó khăn cho chủ doanh nghiệp người Hoa hiện nay.

- Phát huy sở trường kinh tế của người Hoa là sản xuất kinh doanh trong các lãnh vực chế biến nông sản, sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu. Xem các doanh nghiệp người Hoa như là một lực lượng quan trọng đầu tư trong nước hướng về nông nghiệp, nông thôn, góp phần công nghiệp hóa nông thôn.

- Doanh nhân người Hoa là chủ lực của ngành hàng gốm sứ Bình Dương. Mỹ thuật gốm Bình Dương, với tài hoa của các nghệ nhân và thợ thủ công người Hoa, người Việt, đã đạt đến đỉnh cao văn hóa. Cần có những chính sách riêng của địa phương khuyến khích ngành hàng này tiếp tục phát triển, vừa phục vụ tốt nhu cầu tiêu dùng của nhân dân vừa sáng tạo thêm những đỉnh cao văn hóa mỹ thuật mới. Chủ trương di dời các doanh nghiệp gốm khỏi thị xã, Thuận An là đúng đắn nhưng cần có thêm những trợ giúp về chính sách để hổ trợ các doanh nghiệp gốm nhỏ, lẻ có thể duy trì sản xuất sau khi đã chấp hành thực hiện chủ trương di dời của tỉnh.

- Quan tâm khai thác tiềm năng là một thành phần xã hội có quan hệ xã hội và kinh tế rộng lớn, cả trong và ngoài nước, có thể tạo nên những hấp lực quan trọng về vốn đầu tư, công nghệ, kỹ thuật và các liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu…của người Hoa Bình Dương. Tiềm năng này còn rất lớn, lại càng phát triển nhanh trong điều kiện hội nhập kinh tế toàn cầu. Trong thực tế, các năm qua, vai trò như là một đối tác thu hút đầu tư cả trong nước và nước ngoài của người Hoa Bình Dương đã đạt được những thành tựu lớn với đông đảo các doanh nghiệp đến từ thành phố Hồ Chí Minh và Đài Loan, Trung Quốc.

- Cần phối hợp với các cơ quan chuyên môn có chương trình nghiên cứu chuyên sâu thêm về hệ thống mạng lưới kinh doanh của người Hoa (The

Chinese business network), nhất là những đặc điểm, hình thức mới của nó trong môi trường kinh doanh hiện nay, rút tỉa những ưu điểm, các điều hay của nó để trang bị cho đội ngũ doanh nhân Việt, Hoa…

6.3. *Tiếp tục tạo mọi điều kiện thuận lợi để người Hoa ngày càng có thêm những thành tựu sáng tạo về văn hóa trên cơ sở bảo tồn các giá trị bản sắc văn hóa tộc người và tiếp thu, hòa hợp tự nhiên với các giá trị nhân văn của văn hóa Việt Nam và những thành tựu của văn minh thế giới*. Trong hệ chính sách này, cần lưu ý:

- Bằng nhiều biện pháp thích hợp, khuyến khích con em người Hoa học cao hơn, có nhiều học sinh hơn ở bậc đại học và trên đại học. Ở đây cần đến các hoạt động thiết thực để khuyến học của các gia đình, tộc, họ trong người Hoa.

- Xem việc học và sử dụng tiếng Hoa là một hoạt động bình thường của cả người Hoa và Việt Nam. Cần làm cho mọi người nhận thức được rằng, tiếng Hoa là ngôn ngữ tộc người của người Hoa và là ngoại ngữ đối với mọi thành viên của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, trong đó có người Hoa. Tùy vào nhu cầu giao tiếp và mục đích mà mỗi người, cả người Việt và người Hoa sử dụng phù hợp tiếng Hoa. Học tiếng Hoa, trước hết là học một ngôn ngữ, không lẫn lộn việc học ngôn ngữ tiếng Hoa với truyền bá văn hóa Trung Hoa hiện đại của Trung Quốc hay Đài Loan. Nên tạo mọi sự dễ dàng về thủ tục và điều kiện hoạt động để có nhiều trung tâm dạy tiếng Hoa như là dạy một ngoại ngữ.

- Ngành văn hóa cần xây dựng đủ các quy chế để luật hóa và bình thường hóa các hoạt động văn hóa, nhất là các lễ hội của người Hoa, trong đó lưu ý khuyến khích, phát huy các yếu tố tích cực, ngăn cấm, hạn chế những yếu tố tiêu cực.

- Tỉnh không cần thiết phải có một tờ báo tiếng Hoa như ở thành phố Hồ Chí Minh vì tuyệt đại đa số người Hoa ở Bình Dương đều sử dụng thông thạo tiếng Việt. Tuy nhiên, cần đầu tư thêm cả về con người và chuyên môn nghiệp vụ cho các chương trình điểm tin tiếng Hoa của Đài phát thanh và truyền hình Bình Dương. Đặc biệt, nên nâng cấp toàn diện phiên bản tiếng Hoa (cả phồn thể và giản thể) của website Báo Bình Dương. Khuyến khích các trung tâm ngoại ngữ sử dụng các tin bài của phiên bản này làm đề tài để luyện tập nói và viết tiếng Hoa...

- Có chương trình kiểm kê, đánh giá, đầu tư nâng cấp phát triển các công trình văn hóa lịch sử của người Hoa, cả vật thể và phi vật thể. Xây dựng quy chế quản lý về văn hóa đối với các cơ sở thờ tự như các điện, cung, miếu, đền...của người Hoa. Kiểm tra để đưa hết các chùa Hoa vào trực thuộc giáo hội Phật giáo tỉnh. Quản lý, kiểm tra chặc chẽ, thi hành nghiêm pháp luật về tôn giáo đối với mọi hoạt động của các đạo, giáo từ Đài Loan, Trung Quốc thâm nhập vào người Hoa Bình Dương.

- Đầu tư, tổ chức nhiều cuộc thi sáng tác và triển lãm tranh tượng gốm mỹ thuật đề tài về cuộc sống và con người Việt Nam đương đại. Nhà nước xem xét đầu tư những tác phẩm gốm mỹ thuật tầm cỡ, có giá trị nghệ thuật cao, tiến tới thành lập bảo tàng gốm mỹ thuật Bình Dương để biểu dương và ghi công các thế hệ nghệ nhân tài hoa Việt, Hoa.

6.4. *Tiến tới hoàn thiện các tổ chức xã hội của người Hoa*. Đây là điều cần thiết tiến hành để giúp người Hoa thuận tiện hơn trong hội nhập toàn diện vào đời sống xã hội địa phương. Nhưng đây cũng là mặt nội dung chính sách phức tạp vì khá nhạy cảm và không thuộc thẩm quyền của nhà nước địa phương. Tuy nhiên, cần có những kiến nghị cụ thể với cấp có thẩm quyền để:

- Hoàn thiện và chuẩn định các hội tương tế người Hoa. Ở thị xã Thủ Dầu Một vẫn duy trì 4 hội tương tế ứng với 4 nhóm cộng đồng người Hoa Quảng Đông, Phước Kiến, Triều Châu, Sùng Chính. Rà soát để thành lập các hội Tương tế người Hoa ở lái Thiêu, An Thạnh-Búng, Tân Khánh và Dầu Tiếng. Các hội này trực thuộc Mặt trận và Ủy ban nhân dân huyện, thị, có quan hệ công tác theo quy chế với Mặt trận và Ủy ban nhân dân các xã, phường. Chức năng chính của các hội này như tên gọi là tập hợp đoàn kết, tương trợ các thành viên trong cộng đồng. Hội không phải là tổ chức tự quản, không có quyền đại diện cho công dân thành viên trước pháp luật. Các chức sắc của các hội do hội bầu ra, hoạt động theo nhiệm kỳ, nhất thiết đó phải là những người có uy tín trong cộng đồng, sinh trưởng tại Bình Dương, Việt Nam, thông thạo tiếng Việt…Hội nên có hội quán do các thành viên trong hội quyên góp xây dựng theo pháp luật.

- Phân biệt rạch ròi giữa hội Tương tế và các ban cúng tế của các cơ sở tín ngưỡng. Ban cúng tế chỉ có chức năng lo việc cúng tế của cơ sở thờ tự, được hội Tương tế tổ chức bầu, chọn hàng năm. Mỗi cơ sở thờ tự có ban cúng tế riêng, chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động cúng tế của cơ sở thờ tự của mình.

- Khuyến khích thành lập các hội khuyến học trong các tộc, họ, hoặc trong các nhóm cộng đồng người Hoa, hoạt động như là những tổ chức cơ sở của Hội Khuyến học tỉnh. Tùy tình hình và điều kiện cụ thể mà cho phép thành lập các tổ chức xã hội, từ thiện, hoạt động theo pháp luật. Khuyến khích hoạt động của các nhóm nghệ thuật lân sư rồng, các đội múa hầu, nhạc lễ Triều Châu, các đội văn nghệ ...các nhóm đại phu Đông y, các hội nghề nghiệp phổ biến của người Hoa ở Bình Dương...

- Có chương trình cụ thể để Hội nghệ nhân gốm Bình Dương, trong đó có sự tham gia của nhiều nghệ nhân người Hoa hoạt động có hiệu quả, tác

động tích cực vào quá trình hình thành những giá trị sáng tạo mới về mỹ thuật gốm Bình Dương.

- Có kế hoạch bảo đảm Hiệp hội doanh nhân Đài Loan ở Bình Dương hoạt động theo đúng điều lệ và pháp luật Việt Nam, không có những tác động tiêu cực vào quá trình đoàn kết phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của các nhóm cộng đồng người Hoa ở Bình Dương...

6.5. *Tạo bước tiến bộ mới trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người Hoa*. Đây là nhiệm vụ quan trọng và cũng là yêu cầu cấp bách trong tình hình hiện nay. Sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước cần huy động tất cả các nguồn lực, trong đó có những tiềm năng phát triển khá quan trọng từ người Hoa. Đội ngũ cán bộ các cấp là người Hoa sẽ là nhân tố quan trọng bảo đãm các phong trào thi đua yêu nước trong người Hoa đi đúng hướng và đạt được những thành quả tốt đẹp.

Trong thời gian qua, ở Bình Dương, cùng với những thành tựu vượt bậc về kinh tế xã hội ở những vùng có đông người Hoa, nhiều quần chúng ưu tú trong người Hoa đã xuất hiện khá rõ nét. Cần nhanh chóng khảo sát, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng họ thành những cán bộ ưu tú các cấp cho cách mạng. Đây là một vấn đề lớn và vô cùng quan trọng, do vậy cần có những kế hoạch chuyên đề với những kế hoạch cụ thể ngắn hạn và dài hạn, trước mắt và lâu dài... Cần đặt vấn đề quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người Hoa thành một nội dung quan trọng trong công tác cán bộ của Đảng ta.

Người Hoa là thành phần dân cư quan trọng trong cộng đồng các dân tộc ở Bình Dương. Họ đã kề vai, sát cánh, đoàn kết với người Việt trong toàn bộ lịch sử hình thành và phát triển địa phương. Máu và mồ hôi của người Hoa đã hòa cùng với mồ hôi và máu của người Việt để giữ gìn và tô thắm mọi thành tựu kinh tế xã hội ở Bình Dương, cả trong lịch sử, hiện tại và tương lai. Những công lao đó cùng với bề dày văn hóa, lịch sử của mình,

người Hoa ở Bình Dương đã tự tạo cho mình một vị trí quan trọng trong lịch sử phát triển của địa phương, xứng đáng với tình cảm trân trọng, yêu mến của cộng đồng cư dân địa phương dành cho họ./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT:

1. Phan An – Phan Xuân Biên (1991), "Người Hoa trong hoạt động kinh tế của Miền Nam sau năm 1975", *Phát triển kinh tế*, số 14, tr. 8-11.
2. Phan An, *Người Hoa ở Nam bộ*, NXB. Khoa học X hội 2005.
3. Phan An – Phan Xuân Biên (1991), "Người Hoa trong hoạt động kinh tế đối ngoại của Tp.HCM", *Phát triển kinh tế,* số 15, tr.17-18.
4. Phan An – Phan Xuân Biên (1991), "Người Hoa trong hoạt động kinh tế của Miền Nam Việt Nam trước năm 1975", *Phát triển kinh tế,* số 12, tr. 19-20.
5. Phan Xuân Biên Chủ nhiệm đề tài (1995), *Luận cứ khoa học cho việc xác định chính sách đối với cộng đồng người Khơme và người Hoa ở Việt Nam*, Đề tài khoa học công nghệ cấp nhà nước KX. 04. 12 (báo cáo tổng hợp), thành phố HCM.
6. Phan Xuân Biên, Phan An (1989), "Về vấn đề vị trí của ngưới Hoa trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam", *Khoa học Xã hội,* Số 1, tr 50-57.
7. Nguyễn Công Bình (1998), "Sự phát triển của của công đồng dân tộc Việt Nam trong khai phá đất Đồng Nai – Gia Định", *Góp phần tìm hiểu lịch sử văn hoá 300 năm Sài Gòn - Tp. HCM*; NXB trẻ Tp.HCM, tr. 132-143.
8. Trần Bá Chí (1998), "Một số đặc điểm kinh tế, văn hoá của người Hoa ở Miền trung Việt Nam trong lịch sử", *Bước đầu tìm hiểu sự tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt – Hoa trong lịch sử*, Phạm Đức Dương chủ biên, NXB thế giới, Hà Nội, tr. 31-49.
9. Phan Huy Chú (1992), *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, NXB. KHXH.
10. Cristophoro Borri (2000), *Xứ Đàng trong năm 1621*; NXB Tp. Hồ Chí Minh.
11. Lê Xuân Diệm (2002), "Thử nhìn lại con gười và văn hóa Việt", *Khoa học Xã hội* (Viện KHXH tại thành phố HCM), số 5(57), tr. 40-46.
12. Furiwara Riichio (1974), "Chính sách đối với dân Trung Hoa di cư của các triều đại Việt Nam", *Việt nam Khảo cổ tập san*, số 8, Sài Gòn, tr. 143-174.
13. Châu Hải (1984), *Người Hoa ở Việt Nam trong âm mưu bành trướng của các hoàng đế Trung Hoa (từ thế kỷ thứ XI – XIX)*, Tạp chí Dân tộc học số 3, tr. 54-59.
14. Châu Hải (1997), "Triều Nguyễn với các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam thế kỷ XIX*"* in trong tập chuyên đề *"Những vấn đề lịch sử và văn chương triều Nguyễn",* NXB giáo dục, tr.106-116.

15. Châu Hải (1997), *Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*, NXB KHXH.

16. Châu Thị Hải (1998), "Diễn biến địa lý và lịch sử trong quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt – Hoa", *Bước đầu tìm hiểu sự tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt – Hoa trong lịch sử*, Phạm Đức Dương chủ biên, NXB thế giới, Hà Nội, tr. 11-30.

17. Đông Hồ Lâm Tấn Phác (1929), "Hà Tiên Mạc Thị sử", *Nam Phong* số 107, năm 1926 (tr.31-47) và số 143 năm 129, tr. 322-343.

18. Tầm Hoan (1998*), "*Một số từ gốc Hoa trong phương ngữ Nam bộ", *Nam Bộ xưa và nay*, NXB Tp.HCM, tr. 343-348.

19. Trần Kinh Hòa (1961), "Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên", *Đại học*, số 3, tr. 96-121

20. Trần Kinh Hoà (1958), "Họ Mạc và chúa Nguyễn tại Hà Tiên", *Văn hoá A Châu*, số 70, 71, Sài Gòn, tr. 30-38

21. Cheng Chinh Ho (1960), "Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An", *VNKC tập san*, số 1, Sài Gòn, tr.6-40.

22. Nguyễn Văn Huy (1993), *Người Hoa tại Việt Nam*, Paris.

23. Trần Khánh (1992), *Vai trò người Hoa trong nền kinh tế các nước Đông Nam Á*, NXB Đà Nẵng.

24. Trần Khánh (2002), "Vị trí người Hoa trong nền thương mại Việt Nam thời Pháp thuộc", *Nghiên cứu Lịch sử*, số 4. tr. 20-27.

25. Trần Khánh (2002), *Người Hoa trong xã hội Việt Nam (thời Pháp thuộc và dưới chế độ sài Gòn)*,NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

26. Vũ Ngọc khánh (1998), "Các tác gia người Hoa trong nền văn hoá Việt Nam", *Bước đầu tìm hiểu sự tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt – Hoa*, Phạm Đức Dương chủ biên, NXB thế giới Hà Nội, tr.70-82.

27. Phan Khoang (1967), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn.

28. Lưu Trường Khương (1968), *Vấn đề Hoa kiều tại Việt Nam*,, Luận văn tốt nghiệp Ban cao học Hành chánh Sài Gòn, khoá 1966-1968.

29. Lê Văn Khuê (1979), "Chính sách của Bắc Kinh đối với người Hoa ở Đông Nam Á", *Nghiên cứu Lịch sử*, 3(186), tr.9-26.

30. Đinh Văn Liên (1985), "Một vài suy nghĩ về nhiệm vụ nghiên cứu người Hoa trong thời gian qua", *Dân tộc học*, 3(47), tr.47-50.

31. Huỳnh Lứa (2000), "Công cuộc khai phá trấn Hà Tiên vào những thập kỷ cuối thế kỷ XVII, nửa đầu thế kỷ XVIII và vai trò của họ Mạc", *Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam bộ các thế kỷ XVII, XVIII, XIX*, NXB Khoa học Xã hội.

32. Huỳnh Lứa chủ biên (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ,* NXB TP. Hồ Chí Minh.

33. Hunh La (2000), *Gp phÇn t×m hiÓu vng ®t Nam b c¸c th k XVII, XVII, XIX,* NXB Khoa hc X· hi.

34. Dương Minh (1978), "Vài suy nghĩ về người Hoa trên đất Việt", Nghiên cứu lịch sử, số 5(78), tr. 45-57.

35. N.X. Cuselốp (1982), *Bắc Kinh chống lại phong trào giải phóng dân tộc*, NXB. KHXH. Hà Nội.

36. Đại Việt Sử Ký Tiền Biên; NXB KHXH, Hà Nội 1997.

37. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (tập 1,2,3,4), dịch theo bản khắc năm Chính Hoà thứ 18 (1697); NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, năm 1998.

38. Trương Minh Đạt (2001), "Họ Mạc trong thời kỳ đầu khai sáng đất Hà Tiên", *Nghiên cứu lịch sử*, số 2(315), tr. 8-15.

39. Sơn Nam (1967), *Lịch sử Khẩn hoang Miền Nam*, NXB Trẻ Tp.HCM.

40. Sơn Nam (1997), *Đất Gia Định xưa,* NXB trẻ Tp.HCM.

41. Hùynh Nghị (1989), "Mối quan hệ kinh tế của người Hoa với nước ngòai", *Khoa học xã hội*, Số 2.

42. Hản Nguyên (1971), "Hà Tiên chìa khoá Nam tiến của dân tộc Việt Nam xuống đồng bằng sông Cửu Long", *Văn hoá nguyệt san*, Sài Gòn, tr. 260-283

43. Anh Nguyên (1957), "Mạc Cửu với đất Hà Tiên", *Văn Hóa nguyệt san,* số 26, Sài Gòn, tr.1030-1036.

44. Đào Trinh Nhất (1924), *Thế Lực Khách Trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ*, Hà Nội.

45. Tân Việt Điểu (1961), "Lịch sử Hoa kiều tại Việt Nam", *Văn Hoá nguyệt san*, số 61 (tr.547-561), 62 (tr.705-721), Sài Gòn.

46. Trần Độ (1991), "Về nghiên cứu Hoa kiều và người Hoa ở Trung Quốc", *Khoa học xã hội*, số 8, tr. 91-94.

47. Nội Các triều Nguyễn (1993), *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ,* NXB Thuận Hóa, Huế.

48. Lê Quý Đôn (1964), *Phủ Biên Tạp Lục*, NXB khoa học, Hà Nội.

49. Mạc Đường (1991), "Người Hoa ở đồng bằng sông Cửu Long", *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, NXB. KHXH 1991, tr. 215-241.

50. Mạc Đường (1993), "Đồng bào Hoa ở miền Nam Việt Nam" *Chung một bóng cờ*, NXB. Chính trị Quốc gia Hà Nội, tr.197-203, tr. 197-203

51. Mạc Đường (1994), *Xã hội người hoa ở thành phố Hồ Chí Minh sau năm 1975*, NXB. KHXH.

52. Trịnh Hòai Đức (1998), *Gia Định Thành Thông Chí*, Trung tâm KHXH và Nhân văn Quốc gia, Viên Sử học, NXB Giáo dục.

53. Nguyễn Phương (1967), "Người gốc Hoa làm vua đất Việt", *Bách Khoa,* số 245, Sài Gòn, tr. 76-88.

54. Pierre Poivre (1998), "Hồi ký về xứ Cochinchine (Memoire sur la Cochinchine)", Nguyễn Phan Quang dịch và giới thiệu trong *Việt Nam cận đại, những sử liệu mới* (tập 2); NXB Tp.HCM, tr. 131-147.

55. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1995), *Đại Nam Liệt Truyện,* NXB KHXH.

56. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1962), *Đại Nam Thực Lục*, Tổ Phiên dịch Sử học, NXB.Sử học Hà Nội.

57. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1968), *Quốc triều Chính biên Toát yếu,* NXB Thuận Hóa.

58. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam Nhất Thống Chí*, NXB Thuận Hoá, Huế.

59. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1994), *Minh Mệnh Chính Yếu,* NXB Thuận Hoá.

60. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1998), *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, Trung tâm KHXH và Nhân văn Quốc gia, Viện Sử học, NXB Giáo dục.

61. Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế, Uỷ ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam.

62. Trần Hồi Sinh (1996) *Người Hoa trong nền kinh tế thành phố HCM hiện nay*, Luận án phó tiến sĩ khoa học Kinh tế, Trường Đại học kinh tế thành phố HCM.

63. Văn Tân (1980), "Vài nét về chính sách ngoại giao của Trung Quốc đối với Việt Nam trong thời phong kiến", *Nghiên cứu Lịch sử,* số 2, tr. 22-30

64. Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong-Lịch sử kinh tế xã hội Việt nam thế kỷ 17 và 18,* Nguyễn Nghị dịch, Nguyễn Đình Đầu giới thiệu; NXB. Trẻ.

65. Litana-Nguyễn cẩm Thúy, *Bia chữ Hán trong hội quán người Hoa tại thành phố Hồ Chí Minh*. NXB. Khoa học X hội, H Nội 1999.

66. Chương Thâu (2000), "Quan hệ mậu dịch ở biên giới Việt Trung từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX"; "*Nghiên cứu lịch sử*", 5(312), tr. 23-31.

67. Chu Thuấn Thủy (1999), *Ký sự đến Việt Nam năm 1657 (An Nam Cung Dịch Ký Sự)*, Vĩnh Sính dịch và giới thiệu; Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam xuất bản.

68. Nguyễn Cẩm Thuý chủ biên (2000), *Định cư của người Hoa trên đất Nam bộ (từ thế kỷ XVII đến năm 1945)*, NXB Khoa học Xã hội , Hà Nội.

69. Tsai Maw Kuey (1984), *Người Hoa ở Miền Nam Việt Nam,* bản dịch Tiếng Việt của Ban dân vận TW.

70. Thành Thế Vĩ (1973), *Ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII, XVIII, XIX*, NXB Sử học.

71. Trương Thị Yến (1981), "Nhà Nguyễn với các thương nhân người Hoa thế kỷ XIX", *Nghiên cứu lịch sử,* số 3, tr. 59-65

72. Yoshiharu Tsuboi (1998), *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*, Nguyễn Đình Đầu dịch, NXB trẻ Tp.HCM.

TIẾNG NƯỚC NGOÀI:

73. Chen Ching Ho (1974), *Historical Notes on Hội An (Faifo)*, Center for Vietnamese Studies, Southern Illinois University at Carbondale.

74. Émile Gaspardone (1952), "Un Chinois des mers du sud le fondateur de Hà Tiên", *Journal Asiatique*, tomme CCXL,, Fascicule No 3, p. 359-367.

75. Father Raymond J. De Jaegher (1959), "The Chinese in Vietnam", *VN: The First five years*, Ed. By Richard W. Lindholm, East Lansing, Michigan, p. 106-139.

76. Jean André LaFargue (1909), *L 'Immigration Chinoise en Indochine*, Paris Henri Jouvre Editeur.

77. Lynn Pan General Editor (1998), *The Encyclopedia of the Chinese Overseas*, Archipelago Press and Landmark Books, Chinese Heritage Centre, Singapore.

78. Nguyễn Hội Chân (1971), "Some Aspects of the Chinese community in VietNam, 1650-1850", *Paper on China*,vol. 24, p.104-145.

79. Nguyễn Thiện Lâu (1941), "La Formation et L 'Evolution du Village de Minh-Huong (Faifo)", *BAVH*. 4.

80. Victor Purcell (1966), *The Chinese in Southeast Asia*, Oxford University Press.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

I. DANH SÁCH CÁC ANH HÙNG, LIỆT SĨ VÀ GIA ĐÌNH NGƯỜI HOA CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

Trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Bình Dương là một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng của cả nước với nhiều khu căn cứ cách mạng trên toàn tỉnh. Đây không chỉ là miền đất hội tụ và giao lưu của một số nền văn hóa các dân tộc Việt Nam như Kinh, Hoa, Kh’mer, Chăm… mà còn là một tỉnh có truyền thống lịch sử cách mạng lâu đời thuộc vùng đất “Miền Đông gian lao mà anh dũng”. Anh em các dân tộc về đây sinh sống, cùng nhau chung lưng đấu cật cải tạo thiên nhiên, đồng thời gắn bó mật thiết với Đảng, với cách mạng, đồng sức, đồng lòng chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước góp phần làm nên những chiến thắng lịch sử hào hùng của dân tộc.

Ở Bình Dương, cộng đồng người Hoa có số lượng cư dân đông thứ hai, chỉ sau cộng đồng người Việt. Từ khi đến định cư tại Bình Dương, cộng đồng người Hoa đã trở thành một bộ phận quan trọng trong thành phần cư dân của tỉnh nhà. Họ đã cùng với nhân dân cả nước trải qua bao thăng trầm của lịch sử và có nhiều đóng góp thiết thực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng như trong sự nghiệp xây dựng, phát triển của địa phương và đất nước hiện nay.

Qua quá trình tìm hiểu về các anh hùng liệt sĩ, gia đình người Hoa có công với cách mạng, người viết đã có cơ hội được tiếp xúc trực tiếp với các nhân chứng và thân nhân của họ để có thể hiểu rõ hơn về những con người đã

có nhiều cống hiến cho đất nước. Được biết, các gia đình người Hoa ở Bình Dương tham gia đóng góp cho cách mạng với số lượng tương đối đông đảo, song do nhiều nguyên nhân khác nhau (các gia đình người Hoa không kê khai thành tích cách mạng đề nghị Nhà nước công nhận hoặc đã thay đổi thành phần dân tộc của mình từ Hoa sang Việt…) nên cũng tương đối khó khăn trong việc thống kê đầy đủ, chính xác số liệu này. Theo tư liệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; phòng Lao động, Thương binh và Xã hội các huyện, thị cung cấp và tư liệu điền dã cá nhân; hiện nay tại Bình Dương có 81 anh hùng, liệt sĩ và gia đình người Hoa có công với cách mạng, sống tập trung chủ yếu ở những địa bàn định cư truyền thống của người Hoa Bình Dương, cụ thể tại thị xã Thủ Dầu Một có 35 anh hùng, liệt sĩ và gia đình người Hoa có công với cách mạng, huyện Tân Uyên 21; huyện Thuận An 14; huyện Dầu Tiếng 05; huyện Bến Cát 06. Đây chính là những minh chứng cụ thể cho tình yêu quê hương đất nước và những công lao đóng góp của cộng đồng người Hoa ở Bình Dương trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà.

THỊ XÃ THỦ DẦU MỘT:

*** Liệt sĩ Vương Văn Bé:**

Bà Ung Thị Thường, mẹ liệt sĩ Vương Văn Bé, qua đời cách đây đã vài năm. Ngôi nhà ở D182/30/2, tổ 41 khu 5, P. Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một là nơi gia đình ông Vương Văn Đạt, một trong những người con của bà Thường đang sinh sống và thờ cúng liệt sĩ Vương Văn Bé.

Liệt sĩ Vương Văn Bé, sinh năm 1938 tại xã Phú Cường[164], thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Thủ Dầu Một, là con thứ hai trong gia đình có sáu anh chị em, gốc người Phước Kiến. Tham gia cách mạng từ năm 1964 ở đơn vị C62.

[164] Nay thuộc phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đây là đội vũ trang của huyện Châu Thành, ra đời vào giữa năm 1961 khi các đội du kích xã bắt đầu trưởng thành[165]. Đơn vị C62 đã cùng với đội du kích của các địa phương và lực lượng vũ trang trong tỉnh tham gia nhiều trận đánh ác liệt, gây được tiếng vang lớn và cổ vũ niềm tin chiến thắng của nhân dân đối với lực lượng vũ trang cách mạng.

Ông Vương Văn Đạt, em ruột của liệt sĩ Vương Văn Bé cho biết: ông Vương Thế Hạnh[166] là người bạn nhập ngũ cùng một đợt và ở cùng liệt sĩ Vương Văn Bé trong một thời gian ngắn, nhưng về sau do mỗi người chuyển về mỗi đơn vị nên không còn liên lạc. Từ khi thoát ly theo kháng chiến, liệt sĩ Vương Văn Bé chưa được trở về thăm gia đình, chỉ duy nhất một lần bà Ung Thị Thường có lên thăm con cho đến ngày nhận được tin anh hy sinh vào ngày 22/9/1966, chức vụ Trung đội phó. Ông Đạt cũng cho hay sau ngày đất nước giải phóng, theo thông tin của những người đồng đội cung cấp, gia đình ông cũng đã nhiều lần cất công đi tìm hài cốt của liệt sĩ Vương Văn Bé nhưng do cảnh vật thay đổi quá nhiều nên đến nay ước nguyện của gia đình vẫn chưa thực hiện được. Để ghi nhận những công lao đóng góp trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc, liệt sĩ Vương Văn Bé đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (21/10/1977) và Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

*** Liệt sĩ Vương Hòa:**

Liệt sĩ Vương Hòa sinh năm 1946, quê ở xã Phú Cường trong một gia đình có hai anh em, gốc người Phước Kiến. Bà Vương Thị Cẩm Hồng, là người thân duy nhất của liệt sĩ, hiện cư ngụ tại địa chỉ 182/1 khu 4, phường Chánh Nghĩa.

---

[165] BCH Đảng bộ thị xã Thủ Dầu Một, *Lịch sử Đảng bộ thị xã Thủ Dầu Một*, NXB Tổng hợp, 2000, trang 130.

[166] Nguyên Phó Chủ tịch UBND phường Phú Cường.

Thoát ly tham gia cách mạng vào ngày 25/7/1964 tại Phòng Hậu cần tỉnh đội Sông Bé, đơn vị B7 chiến trường tỉnh Thủ Dầu Một. Liệt sĩ Vương Hòa đã anh dũng hy sinh vào ngày 30/10/1967 trong một trận chống càn ở ấp 7 Hàng Mì, xã Thanh An - Bến Cát, chức vụ Tiểu đội trưởng, cấp bậc Thượng sĩ.

Liệt sĩ Vương Hòa được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (27/5/1977); Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Ba (27/02/1988); Bảng gia đình vẻ vang. Liệt sĩ Vương Hòa là một trong số rất ít các liệt sĩ hy sinh trong kháng chiến của phường Chánh Nghĩa tìm thấy hài cốt và đã được quy tập về nghĩa trang liệt sĩ huyện Bến Cát.

*** Liệt sĩ Vương Ngọc:**

Liệt sĩ Vương Ngọc sinh năm 1946, quê quán xã Phú Cường, là anh cả trong một gia đình có hai anh em, gốc gia đình người Phước Kiến.

Người em gái của liệt sĩ, bà Vương Múi, cư ngụ ở địa chỉ D134/41 khu 5, phường Chánh Nghĩa cho biết liệt sĩ Vương Ngọc tham gia cách mạng vào năm 1964, hoạt động tại Phân khu 5, địa bàn Bình Mỹ - Bình Cơ, huyện Tân Uyên và đã anh dũng hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước vào ngày 20/01/1968 tại xã Bình Mỹ, huyện Tân Uyên.

Liệt sĩ đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (01/6/1977), cấp bậc Thượng sĩ; Huy chương Chiến sĩ giải phóng; Bảng gia đình vẻ vang chống Mỹ cứu nước (Ông Vương Lộc - Bà Lý Tú) ngày 09/7/1981.

*** Liệt sĩ Lưu Bá Liêm - Bà: Thái Thị Vân.**

Trong kháng chiến, đa số các gia đình người Hoa đều ủng hộ và nhiệt tình tham gia đóng góp cho cách mạng, không ít những gia đình đã có nhiều thành viên trực tiếp tham gia kháng chiến. Trong số đó phải kể đến hai vợ chồng liệt sĩ Lưu Bá Liêm và bà Thái Thị Vân.

Liệt sĩ Lưu Bá Liêm sinh năm 1942, quê ở xã Thanh Tuyền, huyện Bến Cát, là người con trai út trong một gia đình có sáu anh chị em, gốc người Tiều. Tham gia kháng chiến năm 1966, làm công tác tuyên huấn kiêm nhiệm vụ y tá của tỉnh Thủ Dầu Một. Hy sinh năm 1969, tại Bà Lụa, địa điểm thuộc phường Phú Cường ngày nay. Liệt sĩ đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công ngày 26/6/1978.

Vợ liệt sĩ Lưu Bá Liêm, bà Thái Thị Vân, sinh năm 1948 tại xã Phú Cường, huyện Châu Thành, là người Việt nhưng có ông nội là người Hoa, gốc Hẹ. Hiện bà đang sinh sống cùng con cháu tại số nhà 11/13/12, tổ 50 khu 6, phường Chánh Nghĩa. Bản thân bà tham gia cách mạng năm 1968 trong Đội Thông tin - Tuyên truyền, làm nhiệm vụ thông báo tin, rải truyền đơn, nắm tin tức và tình hình. Cuối năm 1968, bà bị giặc bắt và giam ở Ty Công an rồi chuyển sang nhà lao Thủ Đức. Bà được trao trả tự do tại huyện Lộc Ninh vào năm 1973. Từ sau năm 1973, bà thoát ly tham gia hoạt động cách mạng, công tác tại Tỉnh ủy tỉnh Sông Bé phụ trách đội sản xuất cho đến ngày đất nước hoàn toàn giải phóng 30/4/1975. Bà vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất (12/9/1990).

*** Liệt sĩ Lý Văn Tiện:**

Liệt sĩ Lý Văn Tiện, tự Hùng, sinh năm 1940 tại xã Chánh Nghĩa, là người Hoa gốc Phước Kiến. Tham gia cách mạng vào ngày 11/7/1964 ở đơn vị C308 hoạt động tại vùng Chánh Lưu (Chánh Phú Hòa) sau đó chuyển ra vùng Long Khánh - Đồng Nai ở Trung đoàn 4 (Quân khu 7), hoạt động tại chiến trường B, C, K và hy sinh tại Núi Mây Tàu (Long Khánh) vào ngày 15/12/1971.

Liệt sĩ Lý Văn Tiện được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (05/4/1978); Huy chương chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy hiệu Chiến thắng 1968. Hiện tại, vợ liệt sĩ, bà Phạm Thị Anh cùng các con cư ngụ

tại 26/3 tổ 46 khu 6, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

*** Liệt sĩ Từ Văn Tỷ :**

Ông Từ Văn Trung, cư ngụ tại 26/19 tổ 45, khu 6, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một cho biết gia đình ông là người Hoa gốc Hẹ, đến định cư tại Bình Dương cũng đã khá lâu. Gia đình ông có một người anh tham gia cách mạng và đã hy sinh trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ. Đó là liệt sĩ Từ Văn Tỷ (Trừ Văn Tỷ), sinh năm 1948 tại xã Phú Cường, huyện Châu Thành.

Thoát ly tham gia cách mạng từ năm 16 tuổi và hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 10/8/1965. Liệt sĩ Từ Văn Tỷ đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (12/10/1971); Huân chương Kháng chiến hạng Ba (27/02/1988).

*** Liệt sĩ Thái Văn Nô (Minê):**

Ngôi nhà tình nghĩa do chính quyền xây tặng cho gia đình bà Nguyễn Thị Nhịn, vợ của liệt sĩ Thái Văn Nô đến nay đã trên 20 năm, tọa lạc tại H428 tổ 77 khu 9, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một. Đây là một trong hai căn nhà tình nghĩa đầu tiên được xây dựng tại địa phương sau ngày giải phóng.

Liệt sĩ Thái Văn Nô, tự Bảy Minh (MiNô), sinh năm 1940, quê ở xã Phú Cường, gốc người Phước Kiến. Tham gia cách mạng từ năm 1960 ở đơn vị biệt động C65 cánh Nam thị xã, sau chuyển sang làm Phó Ban binh vận thị xã. Trong quá trình tham gia kháng chiến, do ông là một trong những cán bộ chủ chốt của ta nên bị địch theo dõi rất chặt chẽ. Chúng ngả giá rất cao cho những ai bắt hoặc giết được ông. Liệt sĩ Thái Văn Nô hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 23/9/1968 tại Bà Lụa (địa điểm gần chùa Bửu Nghiêm ngày nay).

Liệt sĩ Thái Văn Nô đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (09/12/1979); Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (27/02/1988) và Bảng vàng gia đình danh dự chống Mỹ cứu nước (Ông Thái Văn Hoa - Bà Nguyễn Thị Nhiều đã có hai con tham gia kháng chiến).

*** Liệt sĩ Thái Văn Nê (Minê):**

Liệt sĩ Thái Văn Nê sinh năm 1948, là em ruột của liệt sĩ Thái Văn Nô, quê quán ở xã Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một. Tham gia cách mạng ở Đội biệt động C65 của thị xã Thủ Dầu Một, đã trải qua nhiều trận đánh tiêu biểu như trận ở Bộng Dầu, chiến đấu chống sự truy kích của xe tăng địch sau khi ta thu hồi được nhiều vũ khí của chúng. Mặc dù, chặng đường về khu căn cứ còn khá xa, phải vượt qua Bông Cải, Truông Đất mới về tới Truông Bồng Bông, mặt khác đã có rất nhiều người hy sinh trong trận đánh này nhưng liệt sĩ Thái Văn Nê vẫn kiên trì, dũng cảm, quyết ôm số súng thu được đưa về khu căn cứ.

Đặc biệt, trong trận chống càn của xe tăng địch tại ấp Chánh Ngoài, xã Phú Cường (nay thuộc khu 9, phường Chánh Nghĩa), liệt sĩ Thái Văn Nê đã anh dũng hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 08/02/1968. Liệt sĩ Thái Văn Nê đã vinh dự được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công ngày 19/10/1977.

*** Liệt sĩ Vương Văn Đê:**

Gia đình ông Vương Huê (Năm Huê) ở Bà Lụa là một trong những cơ sở cách mạng tiêu biểu trong kháng chiến, có hầm bí mật ở trong nhà và dùng nhà làm nơi để bộ đội ta chuyển thương, chăm sóc thương binh. Bên cạnh đó, gia đình ông còn có một người con đã anh dũng hy sinh cho nền độc lập, tự do của dân tộc, đó là liệt sĩ Vương Văn Đê.

Bà Vương Mỹ Hạnh, con gái ông Vương Huê, cư ngụ tại 393/82 khu 9, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một cho hay cha mẹ của bà qua đời

đã khá lâu, anh trai của bà lại hy sinh từ lúc bà còn rất nhỏ nên hầu như những thông tin liên quan đến quá trình tham gia cách mạng của anh trai, bà không còn nhớ rõ.

Trên giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ được bà lưu giữ khá kỹ có ghi một vài thông tin cần thiết về liệt sĩ Vương Văn Đê, sinh năm 1941, tại xã Phú Cường, quận Châu Thành. Tham gia cách mạng năm 1963, giữ chức vụ y sĩ, công tác tại Quân y Châu Thành, hoạt động tại chiến trường tỉnh Sông Bé. Trên đường đi học lớp y tá của tỉnh Thủ Dầu Một, đồng chí đã hy sinh tại vùng Đồng Bào Rô (Bến Súc) vào ngày 20/10/1965.

Liệt sĩ Vương Văn Đê được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (29/10/1977); Huân chương Quyết thắng hạng Nhì; Huân chương kháng chiến hạng Ba.

*** Liệt sĩ Lý Hoa:**

Năm 1964, năm mà lớp lớp thanh niên tại xã Phú Cường lên đường tham gia chiến đấu bảo vệ quê hương đất nước. Ra đi cùng một đợt nhưng rất nhiều người trong số đó đã mãi mãi nằm lại nơi chiến trường khi tuổi đời còn khá trẻ. Một trong số đó có liệt sĩ Lý Hoa, sinh năm 1949 tại ấp Chánh Trong, xã Phú Cường, là người Hoa gốc Phước Kiến.

Ông Lý Trường Giang, cư trú tại số nhà D112, tổ 33, khu 4, phường Chánh Nghĩa, em ruột của liệt sĩ Lý Hoa cho biết, tất cả những giấy tờ liên quan đến người anh trai được ông lưu giữ cẩn thận. Dù đã cũ và phai mờ theo năm tháng nhưng chúng vẫn còn tương đối nguyên vẹn. Trên giấy báo tử ghi rất rõ, đồng chí Lý Hoa thoát ly đi kháng chiến vào tháng 01/1964 ở đơn vị 308 Phú Lợi, tỉnh Thủ Dầu Một. Tham gia chiến đấu được hơn một năm, đồng chí đã anh dũng hy sinh ngày 10/02/1965 tại Bào Đồng Cò, huyện Phú Giáo, tỉnh Thủ Dầu Một, cấp bậc hạ sĩ, chức vụ Tiểu đội phó.

Liệt sĩ Lý Hoa được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công ngày 12/10/1977; Bảng gia đình vẻ vang chống Mỹ cứu nước ngày 09/7/1981 (Ông Lý Hái Điều - Bà Cao Khê).

*** Liệt sĩ Lý Hoa:**

Liệt sĩ Lý Hoa sinh năm 1948, quê ở xã Phú Cường, huyện Châu Thành là người con thứ hai trong một gia đình có bốn anh em, gốc người Hẹ. Tham gia cách mạng năm 1964, hoạt động tại địa bàn Bến Súc (Bến Cát). Hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 06/10/1969, cấp bậc Thượng sĩ. Liệt sĩ Lý Hoa đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công vào ngày 17/10/1977.

Ngôi nhà tình nghĩa do chính quyền phường Chánh Nghĩa hỗ trợ gia đình bà Lê Thị Chính, mẹ của liệt sĩ Lý Hoa được xây dựng và tọa lạc tại địa chỉ E212, tổ 49 khu 6, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một. Nhưng do bà Lê Thị Chính đã qua đời vài năm trước nên việc trông nom ngôi nhà tình nghĩa cũng như thờ phụng tổ tiên và liệt sĩ Lý Hoa đều do bà Lý Thị Gái, em ruột của liệt sĩ đảm nhiệm.

*** Liệt sĩ Trần Văn Sanh.**

Liệt sĩ Trần Văn Sanh là một người Hoa có nguyên quán ở huyện An Khê, tỉnh Phước Kiến, Trung Quốc và là anh em cùng cha khác mẹ với ông Hồ Văn Bông, cư ngụ tại D116, tổ 40 khu 5, phường Chánh Nghĩa.

Liệt sĩ Trần Văn Sanh được sinh ra trên vùng đất Phú Cường vào năm 1949 nhưng sinh sống và lớn lên cùng gia đình tại ấp Chánh Lưu, xã Chánh Phú Hòa, Bến Cát. Tham gia cách mạng năm 1964 ở đơn vị Công trường 5 sau chuyển sang làm nhiệm vụ bảo vệ đồng chí Mười Đệ (Tiểu đoàn trưởng). Trong một trận chống càn của địch năm 1969 ở Long Nguyên - Bến Cát, đồng chí đã anh dũng hy sinh khi đang là đối tượng được kết nạp vào Đảng

Cộng sản. Liệt sĩ Trần Văn Sanh đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công vào năm 1978.

*** Liệt sĩ Vương Văn Nhơn (Dương Văn Nhơn).**

Liệt sĩ Vương Văn Nhơn (tự Bảy Nhơn) là người Hoa gốc Phước Kiến được sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Phú Cường giàu truyền thống cách mạng năm 1941. Đồng chí đã anh dũng hy sinh vào năm 1967, nguyên là Bí thư Chi bộ đường phố của xã Phú Cường từ năm 1963 đến năm 1967. Trong *"Phú Cường - Lịch sử, văn hóa và truyền thống cách mạng"* (Huỳnh Ngọc Đáng, 1990) có những đoạn viết: "Về phía ta, sau đợt nổi dậy đồng khởi diệt ác phá kiềm, lực lượng cơ sở của ta đã phát triển nhanh chóng. Trong thời gian từ 1961 - 1969, tình hình về tổ chức Đảng đã có hệ thống hoàn chỉnh hơn…. Đầu tiên, chi bộ lộ chỉ có 7 đảng viên, về sau phát triển lên gần 20 đồng chí, gồm có những đồng chí sau: đ/c Năm Trung (Võ Nghĩa Trung), đ/c Bảy Nhơn (Dương Văn Nhơn, người gốc Hoa), đ/c Ba Mão…. Vai trò của chi bộ lộ là chỉ đạo các hoạt động của các chi bộ mật ở trong các xóm. Từ năm 1961 - 1969, ở Phú Cường có các chi bộ mật như sau: Chi bộ mật Xóm Guốc, chi bộ mật ấp Chánh Ngoài, chi bộ mật ấp Chánh Trong … đồng chí Bảy Nhơn (Dương Văn Nhơn) là bí thư…".

Để ghi nhận những công lao đóng góp trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, đồng chí đã được Nhà nước phong liệt sĩ và tặng Bằng Tổ quốc ghi công ngày 24/10/1977. Người thân của liệt sĩ Vương Văn Nhơn hiện còn có bà Vương Thị Sang, cư ngụ tại số 12, tổ 76, khu 6, phường Phú Thọ, thị xã Thủ Dầu Một.

*** Liệt sĩ Vương Văn Bi - Liệt sĩ Nguyễn Thị Tô:**

Dân tộc Việt Nam đã trải qua 35 mùa xuân kể từ ngày đất nước thống nhất nhưng nỗi đau của chiến tranh hẳn vẫn còn in đậm trong tâm trí của

những người dân Việt. Bởi đã có không ít gia đình vĩnh viễn mất đi những người thân trong sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của dân tộc.

Bà Nguyễn Thị Dâu (Tám Dâu) năm nay đã ngoài chín mươi tuổi, có chồng là người Hoa gốc Phước Kiến. Bà là người đã hiến dâng cho Tổ quốc hai người con, liệt sĩ Vương Văn Bi và liệt sĩ Nguyễn Thị Tô. Hiện tại bà đang được người cháu nội (con của liệt sĩ Vương Văn Bi), ông Nguyễn Văn Điêu ở 10/71N, khu 6, phường Phú Thọ, thị xã Thủ Dầu Một chăm sóc và phụng dưỡng.

Liệt sĩ Vương Văn Bi sinh năm 1937 tại xã Phú Cường, là người con đầu của bà Tám Dâu. Tham gia cách mạng năm 1961, giữ chức vụ Xã đội trưởng Phú Cường. Do bị địch phục kích nên đồng chí đã anh dũng hy sinh năm 1965 tại địa điểm Hàng Tràm - Phú Thọ. Để ghi nhận công lao đóng góp trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đồng chí Vương Văn Bi đã được Nhà nước phong liệt sĩ và tặng Huân chương Quyết thắng hạng Nhì (20/7/1976); Huân chương Kháng chiến hạng Ba (27/02/1988).

Liệt sĩ Nguyễn Thị Tô (Ba Tô) là người con thứ hai của bà Tám Dâu, tuy là người Hoa nhưng để thuận tiện hơn cho hoạt động cách mạng, bà đã chuyển sang sử dụng và mang họ của mẹ mình. Bà Ba Tô là một trong ba người đã hy sinh tại hầm bí mật tại miếu Phước Võ Điện vào ngày 16/9/1968. Miếu Phước Võ Điện, thuộc phạm vi lò chén, lò lu của dòng họ Vương, người Hoa Phước Kiến. Miếu này đã có trên 100 năm tuổi và từng là cơ sở hoạt động cách mạng của ta. Đặc biệt, miếu là nơi che giấu cán bộ, bộ đội, có hầm bí mật trong kháng chiến chống Mỹ, là trạm để cán bộ gặp cơ sở hội họp và làm trạm cứu thương trong trận đánh năm Mậu Thân 1968 do y tá Phụng phụ trách. Tại miếu này, vào năm 1968, có ba đồng chí đã hy sinh tại hầm, bao gồm đồng chí Sáu Hoàng (Thị đội trưởng), đồng chí Hai Quệt (Bí thư Chi bộ cánh Nam thị xã) và đồng chí Ba Tô (cán bộ phụ nữ xã Phú

Cường). Đồng chí Ba Tô đã được Nhà nước phong liệt sĩ và tặng Bằng Tổ quốc ghi công ngày 28/9/1992.

*** Liệt sĩ Châu Văn Phú - Liệt sĩ Châu Thế Dự.**

Liệt sĩ Châu Văn Phú - Liệt sĩ Châu Thế Dự là hai anh em ruột trong gia đình người Việt gốc Hoa (Ông nội gốc người Tiều), có nguyên quán ở xã Chánh Nghĩa, thị xã Sông Bé, tỉnh Sông Bé (nay là phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Liệt sĩ Châu Văn Phú (tự Thiệt), sinh năm 1942, là người con thứ ba trong sáu người con của ông Châu Thế Xương (Bảng vàng gia đình danh dự chống Mỹ cứu nước ngày 09/7/1987). Tham gia hoạt động cách mạng năm 1964 ở đơn vị C61 Tiểu đoàn Phú Lợi đóng ở địa bàn Phú Thứ. Liệt sĩ đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 01/5/1966 tại Rạch Bắp (Bến Cát), cấp bậc Trung sĩ quân đội nhân dân Việt Nam. Liệt sĩ Châu Văn Phú đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (12/10/1977); Huân chương Kháng chiến hạng Ba (27/02/1988).

Liệt sĩ Châu Thế Dự (tự Mềm) sinh năm 1950, là người con thứ tư trong gia đình. Tham gia cách mạng từ lúc 14 - 15 tuổi, làm nhiệm vụ giao liên (mua báo báo tin). Ông Châu Thế Ngọc (tự Hai Vững), cư ngụ ở 47/43/1, tổ 48, khu 6, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, là anh ruột của hai liệt sĩ cho biết: Dù được mẹ khuyên chưa nên tham gia cách mạng do tuổi đời còn quá nhỏ nhưng liệt sĩ Châu Thế Dự đã khẳng định với mẹ rằng “hoạt động kháng chiến không phân biệt lứa tuổi”. Và khi biết người anh ruột của mình, liệt sĩ Châu Văn Phú đã hy sinh là động lực thúc đẩy liệt sĩ lên đường tham gia kháng chiến trong đội du kích của xã, quyết tâm “trả thù” cho người anh của mình. Thế nhưng tham gia chưa đầy một năm, liệt sĩ Châu Thế Dự đã anh dũng hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 19/01/1968.

Liệt sĩ Châu Thế Dự đã vinh dự được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (24/10/1977), Huân chương Quyết thắng hạng Nhì (20/7/1976), Huân chương Kháng chiến hạng Ba (27/02/1988).

*** Liệt sĩ Uông Văn Nhứt.**

Liệt sĩ Uông Văn Nhứt, sinh năm 1903, nguyên quán ở xã Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, là một người Việt nhưng gốc ông bà nội là người Phước Kiến. Thoát ly tham gia cách mạng năm 1945 trong Đội thanh niên tiền phong, hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ngày 15/7/1948, chức vụ Phó Ban Công an thị xã. Liệt sĩ đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (03/03/1978), Huy chương Kháng chiến hạng Nhất (07/4/1988) đã có thành tích trong cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc.

Ông Uông Phước Chương (tự Bảy Mập) là con ruột của liệt sĩ, hiện đang cư ngụ tại số nhà 19, tổ 50, khu 6, đường Bùi Quốc Khánh, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

*** Ông: Ngô Văn Hòa.**

Tên thường gọi Tư Hòa, là một trong những lão thành cách mạng trong cộng đồng người Hoa ở Thủ Dầu Một, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông sinh năm 1925 trong một gia đình tư sản tại xã Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Thủ Dầu Một, gốc người Triều Châu, Trung Quốc.

Cũng như lớp lớp thế hệ thanh niên tỉnh Thủ Dầu Một, do sớm giác ngộ lý tưởng cách mạng nên năm 20 tuổi, ông tham gia vào đội tự vệ Việt Minh làm nhiệm vụ cắm cờ đỏ sao vàng ở Dinh tỉnh trưởng Thủ Dầu Một và nhà việc Phú Cường (nay là trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân phường Phú Cường) trang hoàng quang cảnh cuộc mít tinh sáng ngày 25/8/1945 (khẩu hiệu, cờ bướm…), sau đó chuẩn bị micro, lục soát trong các phòng nhà việc đề phòng các chất nổ gài lại, bảo vệ đồng chí Văn Công

Khai làm việc, chuẩn bị lãnh đạo cuộc mít tinh sáng ngày 25/8/1945.

Trong suốt cuộc đời tham gia cách mạng, ông cho rằng bản thân rất vinh dự khi được làm trợ lý cho hai Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một là đồng chí Văn Công Khai và Nguyễn Văn Tiết (Sáu Tiết).

Từ tháng 9/1945 đến năm 1954, ông tham gia công tác tại nhiều đơn vị và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Trưởng Văn phòng Ban quân sự tỉnh (tháng 9 đến tháng 11/1945); Kiểm soát viên Ủy ban nhân dân tổng Bình Thạnh Thượng (nay là huyện Bến Cát) từ tháng 11/1945 - 3/1946. Tháng 4/1946, ông được điều về làm Phó chủ tịch UBND tổng Bình Điềm (Thủ Dầu Một hiện nay); Ủy viên thường vụ Quận ủy, Chính trị viên Quận đội dân quân huyện Bến Cát (1946 - 1947); Huyện đội phó Huyện đội Lái Thiêu (4/19/48); Bí thư Huyện ủy kiêm Tổng thư ký Ủy ban kháng chiến hành chánh huyện Lái Thiêu (5/1948); Phó Chủ tịch UBND thị xã Thủ Dầu Một, Ủy viên thường vụ Thị ủy phụ trách khối Hoa vận và kinh tế tài chính (8/1948); Tổng thư ký Ban chấp hành Hội Giải liên tỉnh Thủ Biên (1953 - 1954); Trưởng Văn phòng Ban liên hiệp đình chiến tỉnh Thủ Biên (1954).

Sau năm 1954, ông tập kết ra Bắc cho đến khi đất nước ta hoàn toàn thống nhất 30/4/1975 mới trở về Nam tiếp quản Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, thuộc Công ty xăng dầu miền Nam. Từ sau năm 1980, dù đã nghỉ hưu nhưng ông vẫn tích cực tham gia công tác xã hội tại địa phương, nơi gia đình ông đang sinh sống (387B, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh) như Tổ trưởng khu phố và các tổ chức đoàn thể (Hội chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi).

Với những thành tích và công lao đóng góp trong suốt quá trình tham gia các mạng, ông đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý: Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc (23/11/1954); Huy chương Chiến thắng hạng Nhất (22/12/1958); Huân chương Kháng chiến hạng Nhì

(30/8/1961); Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất (28/3/1985); Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Văn phòng Cấp ủy (28/9/2002) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận, hưởng trợ cấp ưu đãi thâm niên tiền khởi nghĩa.

*** Ông: Lý Mạnh.**

Trong cộng đồng người Hoa tại Thủ Dầu Một, nói về lão thành cách mạng phải kể đến ông Lý Mạnh. Bởi ông từng tham gia kháng chiến trong suốt hai thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ ở xã Bình Mỹ, huyện Tân Uyên, hoạt động trong vùng căn cứ chiến khu Đ anh hùng.

Ông sinh năm 1922 trong một gia đình làm nghề nông tại phủ Triều Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Gia đình ông sang định cư tại Việt Nam vào năm 1946 và sinh sống ở Thủ Dầu Một cho đến nay tại số 200/A10/10 đường Bàu Bàng, phường Chánh Nghĩa.

Thời kỳ chống Pháp, năm 1952, ông gián tiếp nhận công tác tiếp tế bằng lương thực và đóng góp tiền bạc cho ta. Thời kỳ chống Mỹ, năm 1958, ông phụ trách Đoàn Hậu cần 83, sau đó chuyển sang làm công tác binh vận tại xã Bình Mỹ với nhiệm vụ làm cho số binh lính địch rã hàng ngũ, phân tán lực lượng. Đặc biệt, có tham gia diệt sáu tên ác ôn, trong đó có một tên bị bắt sống tại nhà ông và giao cho ta diệt. Đến năm 1964, vì lý do bị địch nghi ngờ, ông phải chuyển về hoạt động tại Thủ Dầu Một.

Sau năm 1975, ông tích cực hoạt động và tham gia phụ trách khối Hoa kiều tại Thủ Dầu Một dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Thủ Dầu Một. Khi Bang người Hoa Triều Châu ở thị xã Thủ Dầu Một được thành lập, ông phụ trách công tác của Bang cho đến ngày bàn giao qua ông Vương Vĩnh Thắng (Hội trưởng Bang Triều Châu hiện nay).

Ông vinh dự được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như: Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất; Huy chương Đại đoàn

kết dân tộc; Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp dân vận do Ban Dân vận Trung ương trao tặng (15/10/2001).

*** Ông: Lý Thiên.**

Ông Lý Thiên sinh năm 1926 tại xã Phú Cường, huyện Châu Thành, là một người Hoa tiêu biểu của tỉnh Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương) tham gia hoạt động cách mạng qua hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc, nguyên là Giám đốc kỹ thuật nhà máy Dụng cụ số 1 - Bộ Cơ khí Hà Nội. Ông Lý Thiên đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như: Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba; Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất; Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc; Huy hiệu 60 năm tuổi đảng. Ông mất ngày 07/01/2010 tại nhà riêng ở phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

*** Ông: Đặng Minh Diệu.**

Người dân Việt Nam ta có câu *“Tàn nhưng không phế”* để chỉ những con người vượt lên trên sự khắc nghiệt của số phận để sống và trở thành người có ích cho gia đình, cho xã hội. Câu nói này thật đúng với trường hợp của ông Đặng Minh Diệu, thương binh hạng 2/4 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương tặng Bằng khen thương binh có ý chí tự lực tự cường, khắc phục khó khăn, chiến thắng bệnh tật, vươn lên lao động sản xuất và công tác.

Ông sinh năm 1925 tại xã Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, là một người Hoa gốc Hẹ. Tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1945, làm công tác liên lạc. Năm 1946, là bộ đội địa phương công tác tại Trung đội 3, Đội võ trang tuyên truyền thị xã Thủ Dầu Một. Năm 1952, trong một trận càn của địch, ông đã bị thương và được chuyển về bệnh viện Bàu Cá Trê (Tân Uyên). Do vết thương quá nặng, ông đã được cấp trên cho về địa phương an dưỡng, hiện cư trú tại địa chỉ F332, tổ 64, khu 7 phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Ông vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất (09/11/1996); Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (14/7/1997).

*** Ông: Vương Khắc Vân.**

Gia đình ông Vương Khắc Vân ở H154/83 khu 9 là một trong những gia đình có công với cách mạng tiêu biểu của phường Chánh Nghĩa. Trong kháng chiến, gia đình ông là một cơ sở cách mạng nòng cốt, có hầm bí mật ở trong nhà, đồng thời cung cấp lương thực, nuôi dưỡng cán bộ cách mạng.

Ông sinh năm 1925 trong một gia đình làm nghề buôn bán tại xã Phú Cường, gốc người Phước Kiến. Bản thân ông cũng từng là chủ một cơ sở sản xuất gốm ở Chánh Nghĩa và từng bị giặc bắt giam tại khám đường Bình Dương. Ông đã qua đời vào năm 2004.

Do có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông Vương Khắc Vân vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất vào ngày 30/11/1985.

*** Ông: Phạm Văn Xừng.**

Ông Phạm Văn Xừng là người anh ruột của bà Phạm Hữu Duyên, sinh năm 1922 tại xã Phú Cường, có cha là người Hoa gốc Quảng. Tham gia cách mạng năm 1945 trong ngành y (y sĩ) của Tiểu đoàn 901 (Lái Thiêu) thuộc Trung đoàn 301, công tác tại trạm y tế Khánh Vân (nay thuộc huyện Tân Uyên).

Sau Hiệp định Giơneve năm 1954, ông tập kết ra Bắc và làm y sĩ trong ngành đường sắt, thuộc Tổng cục đường sắt Việt Nam. Hòa bình thống nhất năm 1975, ông trở về Nam và tiếp tục công tác trong ngành y của Tổng cục đường sắt Việt Nam cho đến ngày nghỉ hưu và qua đời tại thành phố Hồ Chí Minh năm 1990. Hiện người thân của ông đang sinh sống tại quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Văn Xừng đã được Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc (23/10/1954) để tưởng lệ công trạng đối với cuộc kháng chiến anh dũng của Nam bộ; Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (13/8/1985).

*** Bà: Phạm Hữu Duyên.**

Bà Phạm Hữu Duyên là một cán bộ kháng chiến của tỉnh Thủ Dầu Một, hoạt động cách mạng liên tục từ năm 1945 đến năm 1960. Sinh năm 1931, là con út trong một gia đình người Hoa làm nghề buôn bán tại xã Phú Cường, huyện Châu Thành, tỉnh Thủ Dầu Một.

Năm 1945, bà là nhân viên Ban Tuyên truyền Phụ nữ Tiền phong. Năm 1946, làm việc tại Ban Thông tin - Tuyên truyền quận Châu Thành. Đến năm 1947, tham gia công tác tuyên truyền xung phong tại các xã, ấp thuộc quận Châu Thành. Sau đó, thuyên chuyển về Ban Tuyên truyền tỉnh Thủ Dầu Một do đồng chí Nguyễn Duy Hanh làm Trưởng ban. Thời gian sau, bà công tác tại Ban tuyên truyền lưu động hoạt động trên khắp địa bàn tỉnh Thủ Dầu Một (1949), tham gia Đoàn nữ cán bộ tuyên truyền lưu động (1950), Văn phòng Ty thông tin Thủ Dầu Một (1950 - 1952), Văn phòng cơ quan tuyên truyền tỉnh Thủ Dầu Một (1952 - 1954).

Sau Hiệp định Giơneve năm 1954, bà được bố trí ở lại tỉnh Thủ Dầu Một, là thành viên trong tổ bí mật (do đồng chí Phan Văn Phổ, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, nguyên là cán bộ phụ trách một số cơ sở Mặt trận tỉnh Thủ Dầu Một (1954 - 1956), cán bộ Ban trí vận thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn (1957 - 1959) trực tiếp chỉ đạo) với nhiệm vụ bảo quản và chuyển tài liệu bí mật giữa tỉnh Thủ Dầu Một và thành phố Sài Gòn, đánh máy tài liệu, sắp xếp và bảo vệ địa điểm hội họp, đóng góp tài chính. Trong quá trình hoạt động cách mạng, bà đã hai lần bị giặc bắt tại Dĩ An (1949) và Sài Gòn (1960).

Sau giải phóng, bà tham gia các công tác ở địa phương như Tổ trưởng

Tổ dân phố (1975 - 1985), Đại biểu Hội đồng nhân dân phường 11, quận 3 khóa I (nhiệm kỳ 1977 - 1979), tham gia cải tạo công thương nghiệp đồng thời được phân công làm kiểm soát viên bàn đổi tiền của phường 11, quận 3 (1977). Năm 1978, tham gia công tác thủy lợi ở Nông trường Lê Minh Xuân.

Bà Phạm Hữu Duyên đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba (18/5/1987), Huy chương Kháng chiến hạng Nhất (25/4/1987) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trao tặng nhiều giấy khen khác. Hiện tại, gia đình bà đang sinh sống tại số 53 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

*** Ông: Vương Vĩnh Thắng.**

Là Hội trưởng Hội tương tế Triều Châu trong suốt 04 nhiệm kỳ từ năm 1995 đến năm 2011, ông Vương Vĩnh Thắng đã trở thành một "mắt xích" quan trọng trong việc gắn kết cộng đồng người Hoa tại Thủ Dầu Một nói riêng và tỉnh Bình Dương nói chung, góp phần gìn giữ, phát huy tình đoàn kết dân tộc và những nét đẹp văn hóa truyền thống của người Hoa, đồng thời làm cầu nối giữa chính quyền với cộng đồng người Hoa nhằm tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến đông đảo bà con người Hoa nơi đây.

Ông sinh năm 1949 tại Sài Gòn, người Hoa gốc Triều Châu, tham gia cách mạng từ tháng 10 năm 1963 đến tháng 5 năm 1968, làm công tác giao liên, đội viên Đội vũ trang công tác đặc biệt Q804 Hoa Vận T4 (Sài Gòn - Chợ Lớn). Tháng 4/1966, do Chính trị viên của Đội, ông Ngô Diệm Khôn (Út Cường) và chị cả của ông Vương Vĩnh Thắng là bà Vương Nữ bị địch bắt tại nhà riêng của ông ở số 5/5 Bến Mễ Cốc (quận 7, Sài Gòn) nên ông đi lắng và âm thầm làm công tác liên lạc, cung cấp lựu đạn, đạn dược và tiền bạc cho Đội.

05 năm sau ngày đất nước giải phóng, gia đình ông chuyển đến lập

nghiệp tại Thủ Dầu Một và định cư ở đây cho đến ngày nay tại số 392, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một. Trong suốt thời gian sinh sống tại địa phương, với sự nhiệt tình và uy tín của bản thân, ông đã được bầu làm Đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp phường Phú Cường và thị xã Thủ Dầu Một (1987 - 1989); phường Phú Cường và tỉnh Sông Bé (1989 - 1994); tham gia công tác Mặt trận thị xã Thủ Dầu Một khóa III, IV; tỉnh Sông Bé và tỉnh Bình Dương các khóa IV, V, VI, VII.

Với những thành tích cách mạng và quá trình tham gia công tác, ông được các cấp chính quyền, Bộ, ngành tặng thưởng Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất (01/7/1996); Huy chương Vì sự nghiệp lao động, thương binh và xã hội (1995); Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục (1996); Huy chương Vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc (2003) và nhiều Kỷ niệm chương, Bằng khen, Giấy khen của các Bộ, Ban, ngành Trung ương và địa phương.

Tháng 5/2010 vừa qua, ông vinh dự đại diện cho cộng đồng người Hoa Bình Dương tham gia Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam tại Hà Nội và nhận Bằng khen của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vì đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc (28/4/2010).

*** Ông: Vương Thế Hạnh.**

Ông Vương Thế Hạnh, nguyên là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phú Cường, thương binh hạng ¾, đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như: Huân chương kháng chiến hạng Nhì (25/9/1986); Huy chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì; Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng (20/3/2009) và nhiều Bằng khen, giấy khen khác.

Ông sinh năm 1948, tại xã Phú Cường, huyện Châu Thành, gốc người Phước Kiến. Tham gia cách mạng tháng 7/1964 ở đơn vị C306 tỉnh đội Bình Dương. Đây là một trong những đơn vị chủ lực, hoạt động rộng rãi trên địa

bàn của tỉnh, trong đó có vùng yếu thuộc địa bàn Lái Thiêu, An Phú và Bình Nhâm.

Ngày 05/6/1965, khi ba đơn vị C304, C306, C308 sát nhập thành tiểu đoàn Phú Lợi, ông đã cùng với tiểu đoàn tham gia nhiều trận đánh quan trọng tại Mỹ Phước, Ba Năng xi, Đồng Sổ, Bông Trang Nhà Đỏ, Đài phát thanh Sài Gòn… Trong quá trình chiến đấu, ông đã 04 lần bị thương vào các năm 1964, 1966, 1968, 1970. Năm 1970, ông được cấp trên cho đi an dưỡng và học văn hóa tại miền Bắc.

Đến năm 1976, ông tham gia công tác tại Ty Thương binh - Xã hội của tỉnh với chức vụ Phó phòng chính sách kiêm quyền quản đốc trại mồ côi thuộc Ty Thương binh - Xã hội. Năm 1982, chuyển về công tác tại phường Phú Cường và giữ nhiều chức vụ như: Phó Chủ tịch UBND kiêm Đảng ủy viên phường Phú Cường, Bí thư chi bộ khu phố của phường Phú Cường qua nhiều nhiệm kỳ. Hiện tại, ông cư ngụ tại 142, đường Lý Thường Kiệt, phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một và tham gia sinh hoạt Đảng tại Chi bộ khu phố 9, cố vấn Hội người Hoa Bang Phước Kiến (thị xã Thủ Dầu Một).

*** Ông: Diệc Đức Thu.**

Tên thường gọi là Tống Đức Thu, sinh ngày 14/6/1931 trong một gia đình làm nghề buôn bán tại xã Phú Cường, gốc người Quảng Đông, Trung Quốc. Là một cán bộ hưu trí, thương binh hạng 4/4, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông được người dân địa phương biết đến với tên gọi Bác sĩ Thu, bởi trong thời kỳ chiến tranh, ông từng là bác sĩ quân y.

Trước năm 1945, ông tham gia vào đội Quốc gia trị Việt cuộc Thanh niên Tiền phong huyện Châu Thành. Sau năm 1945, tham gia trong đội du kích của xã, rồi chuyển vào hoạt động tại căn cứ Chiến khu Đ. Từ năm 1947 - 1949, công tác tại Công an xã Định Hòa do đồng chí Nguyễn Văn Su làm

trưởng công an xã. Từ năm 1949 - 1952, là nhân viên, trưởng tổ mật mã (cơ yếu) Văn phòng Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Bà Rịa. Sau năm 1952, ông lần lượt nhận công tác ở các đơn vị như y tá Ban Quân y tỉnh đội Bà Rịa - Chợ Lớn; Ban Quân y huyện Long Điền Đất Đỏ - Bà Rịa; Quân dân y xã Bầu Lâm - Nhân Xương, Bà Rịa - Chợ Lớn; Tổ liên hợp Xuyên Mộc - Hàm Tân; Đoàn 351C cán bộ E397 miền Đông Nam Bộ; C3 - D2 - Đoàn 78 Bộ Tư lệnh; bệnh viện A1 Vinh - Nghệ An.

Từ cuối năm 1958 đến cuối năm 1963, ông được cử tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ về xét nghiệm, y sĩ gây mê hồi sức và bác sĩ y khoa tại các trường đào tạo cán bộ y tế tại các địa phương trong cả nước như Nghệ An, Việt Bắc, Hải Phòng và Hà Nội. Hoàn thành khóa học, ông trở về tham gia công tác tại bệnh viện tỉnh Lào Cai. Đến tháng 3/1976, ông được điều động về làm Trưởng khoa ngoại, Ủy viên thường vụ Hội đồng giám định y khoa của Ty Y tế tỉnh Sông Bé. Từ tháng 4/1981 - 1997, ông tham gia công tác tại địa phương: Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Phú Cường nhiệm kỳ 1989 - 1994, Bí thư chi bộ ấp Bộng Dầu, Ủy viên Câu lạc bộ hưu trí tỉnh Bình Dương.

Ông được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất (08/4/1985), Huy chương Chiến thắng hạng Nhất (06/3/1958), Bằng khen Chiến sĩ thi đua (10/4/1965).

Vợ của ông Diệc Đức Thu, bà Nguyễn Thị Ty, sinh năm 1939 cũng là một cán bộ hưu trí ở phường Phú Cường, từng tham gia cách mạng và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (1985) vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

*** Ông: Lưu Văn Thành.**

Do nằm trong khu vực giải tỏa nên ngôi nhà tình nghĩa được chính quyền và Công an thị xã Thủ Dầu Một xây tặng cho gia đình thương binh

hạng ¼ Lưu Văn Thành vào năm 1989 nay đã không còn. Hiện tại, gia đình ông đã chuyển đến sinh sống tại số nhà 24A, tổ 31 khu 5, chung cư Phú Cường, phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một.

Ông Lưu Văn Thành sinh năm 1951, quê quán xã Bình Chuẩn, huyện Châu Thành, tỉnh Thủ Dầu Một, là người Hoa gốc Thượng Hải, Trung Quốc. Tham gia cách mạng năm 1963 ở đơn vị C2 hoạt động tại huyện Tân Uyên, làm công tác liên lạc. Năm 1968, về công tác ở trinh sát Trung đoàn Đồng Nai, hoạt động chủ yếu ở vùng Lái Thiêu, Phú Giáo. Năm 1969, trong một trận chống càn của địch ở xã An Sơn (Lái Thiêu), ông bị thương và bị liên quân Mĩ - Việt bắt, do tuổi còn nhỏ nên chúng giam ông ở Khu thiếu nhi thuộc trại giam Hố Nai (Biên Hòa) cho đến ngày thực hiện trao trả tù binh vào năm 1973. Ông được cấp trên cho về địa phương an dưỡng.

Sau giải phóng năm 1975, ông tham gia công tác trong phong trào nông hội tại huyện Tân Uyên. Đến năm 1978, ông chuyển về Xí nghiệp Vận tải số 2 (Long Khánh). Do ảnh hưởng của vết thương trong chiến tranh, sức khỏe bị suy yếu nên ông đã xin được về nghỉ hưu. Về địa phương, ông lập ra phòng khám Vĩnh Thạnh, kế thừa nghề khám răng truyền thống của gia đình.

Ông Lưu Văn Thành được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (27/02/1988); Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì đã có thành tích trong công tác thương binh, liệt sĩ và phong trào đền ơn đáp nghĩa, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (17/7/1997).

*** Ông: Trần Văn Nước.**

Ông Trần Văn Nước (tự Chín Bước) sinh năm 1921 tại ấp Phú Thọ Ngoài, xã Phú Thọ, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé. Ông là một người Việt gốc Hoa, tham gia hoạt động cách mạng qua hai thời kỳ kháng chiến của dân tộc và từng bị địch bắt giam tại nhà tù Côn Đảo trong vòng 7 năm. Được biết Ông Trần Văn Nước vừa qua đời vào ngày 13/9/2010.

Bà Trần Thị Thu, cư ngụ tại 25/8, tổ 70, khu 6, đường Phan Bội Châu (gần đình Bà Lụa), phường Phú Thọ, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là người con thứ hai của ông Trần Văn Nước.

Với những thành tích hoạt động cách mạng, ông đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (19/8/1995); Huy chương Kháng chiến hạng Nhất đã có thành tích trong cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc (18/9/1995).

*** Ông: Vương Hưng Thành.**

Trong cuộc chiến tranh chính nghĩa giải phóng dân tộc, có hàng triệu người con đã không tiếc máu xương, hy sinh cả thời thanh xuân để lên đường tham gia nghĩa vụ chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước. Và khi đất nước được hòa bình, thống nhất, họ lại trở về với cuộc sống đời thường và giản dị. Không chỉ anh dũng trong chiến đấu, họ còn là những con người kiên cường trong cuộc sống, biết khắc phục những khó khăn, vượt lên số phận để trở thành những người lính biết làm kinh tế giỏi. Ông Vương Hưng Thành cũng là một trong số những con người như vậy, gia đình ông hiện là chủ của các cơ sở trang trí nội thất Thành Phát, số 970 Lê Hồng Phong, phường Phú Thọ, thị xã Thủ Dầu Một.

Ông Vương Hưng Thành là một người Hoa gốc Phước Kiến, được sinh ra trên quê hương Phú Cường vào năm 1948. Tham gia cách mạng năm 1964 trong Ban quân giới Hậu Cần tỉnh Thủ Dầu Một chuyên sản xuất vũ khí. Đến cuối năm 1967, ông được điều qua công tác ở đơn vị C2 Đoàn vận tải phòng Hậu Cần của Phân khu 5 với nhiệm vụ vận chuyển vũ khí. Năm 1970, ông chuyển qua công tác ở Ban quân nhu phòng Hậu cần, làm nhiệm vụ vận động đồng bào đóng góp và bán lương thực để cung cấp cho bộ đội.

Sau năm 1975, ông chuyển ngành qua công tác tại công ty xuất nhập khẩu Sông Bé và làm việc ở đây cho đến ngày về hưu năm 1992.

Ông Vương Hưng Thành là một thương binh hạng 3/4, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đang sinh hoạt tại Chi bộ 4, phường Phú Thọ. Vì có nhiều thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (21/3/1985); Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba (05/6/1975); Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng (2009).

*** Ông: Vương Hải.**

Ông Vương Hải là một người Hoa gốc Phước Kiến được sinh ra trên quê hương Tân Phước Khánh vào năm 1939, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Cả gia đình ông hiện cư ngụ tại 15/5, khu phố 7, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một. Ông tham gia cách mạng năm 1959, là bộ đội chiến đấu của tỉnh đội Thủ Dầu Một, sau chuyển sang công tác tại Ban Chính trị tỉnh Thủ Dầu Một, chức vụ Trưởng ban.

Năm 1976, là Phó chủ nhiệm chính trị Tỉnh đội Sông Bé. Đến năm 1981 giữ chức vụ Giám đốc Sở lương thực tỉnh Sông Bé. Năm 1982, ông chuyển về làm Chánh Văn phòng Ủy ban tỉnh và công tác ở đây cho đến khi nghỉ hưu năm 1984.

Ông Vương Hải đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất (21/3/1985); Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất (10/02/1967); Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba (10/11/1968).

*** Ông Thái Văn Lâm:**

Ông Thái Văn Lâm, sinh năm 1968 tại xã Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, là con trai duy nhất của liệt sĩ Thái Văn Nê (Minê), gốc người Phước Kiến. Do có cha là liệt sĩ nên từ nhỏ ông đã được tham gia học tập tại

trường Nguyễn Văn Lên (Bến Cát), đây là ngôi trường dành riêng cho con em của các liệt sĩ.

Năm 1985, ông tham gia công tác tại xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, chức vụ thư ký Công an xã. Năm 1990, ông tham gia khóa đào tạo cán bộ nghiệp vụ văn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh, sau về tham gia công tác và giữ chức vụ Chánh Văn phòng Văn hóa - Thông tin huyện Xuân Lộc.

Đến năm 1995, ông tham gia trong Đội trí thức trẻ tình nguyện của tỉnh Bình Phước làm nhiệm vụ cố vấn trong lĩnh vực Văn hóa - Thông tin tại huyện Bù Đốp. Sau 02 năm hoàn thành đợt tình nguyện, ông xin nghỉ công tác và sinh sống cùng gia đình tại 15/5, khu 8, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một. Ông Thái Văn Lâm vinh dự được Nhà nước tặng Bằng Chiến sĩ vẻ vang.

*** Bà mẹ Việt Nam anh hùng Cao Thị Nguyệt [167]:**

Mẹ Cao Thị Nguyệt sinh năm 1908, quê ở Định Hòa, lập gia đình cùng ông Cao Văn Minh, người Việt gốc Hoa, làm nghề bốc thuốc bắc. Hai vợ chồng mẹ chỉ có một người con trai duy nhất là anh Cao Văn Sang.

Ông Cao Văn Minh tham gia cách mạng từ trước năm 1945, sau chuyển về vùng Đồng Tháp Mười. Mẹ cũng dẫn con theo chồng tham gia kháng chiến, phụ trách việc nấu cơm, vá áo, chăm sóc thương binh. Con trai của mẹ, anh Cao Văn Sang năm 17 tuổi, vừa tham gia công tác vừa học tập. Năm 1949, anh được tổ chức cử đi học ở nước ngoài. Trên đường đi, bị máy bay địch bắn phá, anh hy sinh. Ông Cao Văn Minh sau đó cũng hy sinh.

Mẹ vinh dự được Đảng và Nhà nước ta phong tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng khi có một người con duy nhất Cao Văn Sang hy sinh trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

---

[167] Tỉnh ủy Bình Dương, *Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Bình Dương (Tập I)*, 1999, trang 711.

HUYỆN TÂN UYÊN

*** Liệt sĩ Quách Lụa:**

Liệt sĩ Quách Lụa là người con thứ hai trong gia đình có tám anh chị em, có cha là người Hoa gốc Hẹ, quê quán ở xã Tân Phước Khánh, huyện Châu Thành (nay là thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên).

Ngôi nhà ở số 135, khu phố Bình Hòa 2, thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên là nơi những người thân của liệt sĩ Quách Lụa, bà Huỳnh Thị Em và gia đình bà Quách Phong, mẹ và em ruột của liệt sĩ đang sinh sống. Do tuổi đã cao, sức khỏe và trí nhớ suy giảm nhiều nên bà Huỳnh Thị Em đã không còn nhớ gì về người con trai anh đã dũng hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Bà Quách Phong cho hay, anh trai đã hy sinh khi bà còn quá nhỏ nên hầu như những thông tin về liệt sĩ chỉ còn được biết thông qua Bằng Tổ quốc ghi công mà Nhà nước trao tặng (28/11/1979). Liệt sĩ Quách Lụa hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ của dân tộc ngày 19/12/1968, chức vụ Tiểu đội phó.

*** Liệt sĩ Ngô Sanh:**

Liệt sĩ Ngô Sanh là người Hoa gốc Triều Châu, được sinh ra và lớn lên trên quê hương Tân Phước Khánh giàu truyền thống cách mạng. Tham gia kháng chiến năm 1961 trong đội du kích của xã, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 01/6/1963.

Liệt sĩ Ngô Sanh đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (01/7/1980); Huân chương Quyết thắng hạng Ba (20/7/1976) và Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Bà Ngô Điêu Mùi là người thân của liệt sĩ, hiện cư ngụ ở 18/1, tổ 1, khu phố Khánh Thạnh, thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên.

*** Liệt sĩ Huỳnh Lâm Phương:**

Liệt sĩ Huỳnh Lâm Phương là một trong số rất ít các liệt sĩ trong đơn

vị C62 tìm thấy hài cốt và được quy tập về nghĩa trang liệt sĩ của huyện Tân Uyên.

Ông Huỳnh Phước Lai, em ruột của liệt sĩ Huỳnh Lâm Phương, cư ngụ tại 148, tổ 4 khu phố Bình Hòa 2, thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên cho biết anh trai ông sinh năm 1947, quê quán ở ấp Bình Chuẩn, xã Tân Phước Khánh, huyện Châu Thành, gốc gia đình là người Hẹ. Tham gia hoạt động cách mạng năm 1966 ở đơn vị C62. Sau một năm tham gia chiến đấu, anh trai ông đã bị thương tại cầu Tam Bản, sau chuyển về vùng Tân Hóa (Tân Vĩnh Hiệp) để điều trị nhưng do vết thương quá nặng nên đã hy sinh năm 1967, chức vụ Tiểu đội phó.

Liệt sĩ Huỳnh Lâm Phương đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (05/4/1978); Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (15/8/2005).

*** Liệt sĩ Trịnh Văn Lâm:**

Sinh năm 1945, là con cả trong một gia đình người Hoa gốc Hẹ tại xã Tân Phước Khánh, huyện Châu Thành. Tham gia cách mạng năm 1962 ở đơn vị C306, đơn vị chủ lực của tỉnh đội Thủ Dầu Một. Hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1964 tại Hố Bò (An Nhơn - Củ Chi), cấp bậc Thượng sĩ. Liệt sĩ Trịnh Văn Lâm đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (02/02/1978).

Ông Trịnh Hoa Sới là người em ruột của liệt sĩ, cư trú tại địa chỉ 196, tổ 5, khu phố Bình Hòa 2, thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên.

*** Liệt sĩ Đặng Thái Bình - Đặng Văn Khiểu:**

Được biết gia đình bà Trần Thị Nhung, cư trú tại 9/4, tổ 4, khu phố Bình Hòa 2 là một gia đình chính sách tiêu biểu của thị trấn Tân Phước Khánh khi có đến hai liệt sĩ đã anh dũng hy sinh trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Bà Nhung là chị dâu của hai liệt sĩ, cho biết Đặng Thái Bình và Đặng Văn Khiểu vốn là hai anh em ruột trong một gia đình người Hoa gốc Hẹ. Cả hai liệt sĩ đều được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công nhưng hiện tại đang được người chú ruột lưu giữ và thờ cúng tại nhà riêng ở tỉnh Bình Phước.

Hai anh em tham gia cách mạng cùng một đợt (năm 1961) nhưng người em là Đặng Văn Khiểu đã hy sinh trước (năm 1971) khi đang làm nhiệm vụ giữ kho lương thực. Còn người anh, Đặng Thái Bình hy sinh năm 1972 tại vùng Bình Cơ - Bình Mỹ (Tân Uyên), chức vụ Đại đội trưởng. Hài cốt của liệt sĩ Đặng Thái Bình đã được quy tập về nghĩa trang liệt sĩ huyện Thuận An.

*** Liệt sĩ Trương Văn Kiều.**

Bà Nguyễn Thị Quăn, mẹ của liệt sĩ Trương Văn Kiều năm nay đã ngoài chín mươi tuổi, trí nhớ đã không còn đủ minh mẫn để kể về người con trai duy nhất mà bà hết mực thương yêu, thay vào đó là người em ruột của liệt sĩ, bà Trương Thị Ngọc, cư ngụ tại số nhà 255, tổ 7, khu phố Bình Hòa 2, thị trấn Tân Phước Khánh.

Liệt sĩ Trương Văn Kiều là người Hoa gốc Hẹ, sinh năm 1942, quê ở xã Tân Phước Khánh, huyện Châu Thành. Tham gia cách mạng năm 1961, là nhân viên bảo vệ tỉnh. Hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01/1963. Liệt sĩ đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (28/10/1977) và Huân chương Kháng chiến hạng Ba (21/3/1985).

*** Liệt sĩ Đặng Văn Dỏn.**

Liệt sĩ Đặng Văn Dỏn sinh năm 1930, nguyên quán ở xã Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé, có cha là người Hoa gốc Hẹ. Theo lời kể của con trai liệt sĩ, ông Đặng Văn Cư thì liệt sĩ Đặng Văn Dỏn thoát ly tham gia cách mạng từ khi chị em ông còn rất nhỏ, trong đội du kích của xã Tân Vĩnh

Hiệp. Hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 18/4/1968, chức vụ Chi ủy viên Chi bộ xã.

Liệt sĩ Đặng Văn Dỏn đã được Nhà nước phong liệt sĩ và tặng Bằng Tổ quốc ghi công ngày 13/6/1979; Huân chương Quyết thắng hạng Nhất (ngày 20/7/1975).

*** Liệt sĩ Vương Văn Cưng.**

Theo lời kể của người dân địa phương, trên tấm bia đá tại Miếu Bà Chúa Xứ ở khu phố Bình Hòa 2 có ghi danh các anh hùng liệt sĩ của thị trấn Tân Phước Khánh. Trong số đó có liệt sĩ Vương Văn Cưng (tự Cường), sinh năm 1946, là một người Hoa gốc Hẹ, nguyên quán ở huyện Đại Bô, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Tham gia cách mạng năm 1960 ở đơn vị C62, làm nhiệm vụ trinh sát, hoạt động trong rừng chiến khu Đ, đã tham gia một số trận đánh lớn tại đồn Tân Phước Khánh, đồn Tân Hóa… Trong một trận càn của địch, do bị sụp hầm nên đồng chí Vương Văn Cưng đã hy sinh ngày 22/10/1966, cấp bậc Tiểu đội trưởng. Liệt sĩ Vương Văn Cưng đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công. Hiện tại, ngôi nhà của tổ trưởng tổ 1 ở số 15/1, khu phố Bình Hòa 2, gần cổng chùa Ông là em ruột của liệt sĩ Vương Văn Cưng, ông Đặng Chiêu.

*** Liệt sĩ Vương Lâm.**

Trong gia đình, người biết nhiều thông tin về liệt sĩ Vương Lâm giờ chỉ còn bà Lý Hiếu, chị dâu của liệt sĩ, cư ngụ tại số nhà 18/2, tổ 2, khu phố Bình Hòa 2, thị trấn Tân Phước Khánh. Bà Hiếu cho biết, Vương Lâm là con thứ tám trong một gia đình có mười anh em, sinh năm 1942 tại xã Tân Phước Khánh, huyện Châu Thành, gốc người Phước Kiến.

Thoát ly tham gia cách mạng năm 1960, là nhân viên giao liên của tỉnh. Hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 23/6/1965. Liệt sĩ đã

được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (17/10/1977); Huân chương Kháng chiến hạng Ba (21/3/1985).

*** Liệt sĩ Quách Văn Nói.**

Liệt sĩ Quách Văn Nói là người Việt gốc Hoa, được sinh ra trên quê hương Tân Phước Khánh vào năm 1940. Tham gia phục vụ cách mạng từ năm 1961. Đến năm 1964, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản. Hy sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước ngày 18/7/1966, chức vụ Tiểu đội trưởng Quân Bưu. Liệt sĩ đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (05/4/1978); Huy chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba.

Ông Quách Hưng là cháu ruột và cũng là người đảm nhận việc thờ cúng liệt sĩ Quách Văn Nói, cư trú tại số 183, tổ 5, khu phố Bình Hòa 2, thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên.

*** Liệt sĩ Vương Văn Hơn.**

Liệt sĩ Vương Văn Hơn (còn gọi Lý Văn Hơn) là người Hoa gốc Phước Kiến, sinh năm 1947, quê ở xã Tân Phước Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Thủ Dầu Một. Liệt sĩ là người con thứ hai trong sáu người con của bà Lý Thổ (sinh năm 1924), hiện đang được gia đình người cháu ngoại phụng dưỡng và chăm sóc tại xã Thuận Giao, huyện Thuận An.

Liệt sĩ Vương Văn Hơn tham gia cách mạng khi mới 17 tuổi trong tổ chức học sinh vận của tỉnh. Tháng 4/1965, thoát ly theo kháng chiến trong phong trào thanh niên nhân dân cách mạng. Trong đợt tiến công, đồng chí đã anh dũng hy sinh vào đầu tháng 02/1969 tại địa bàn Gò Dưa, huyện Thủ Đức, tỉnh Gia Định khi đang làm nhiệm vụ dẫn đơn vị bộ đội xuống đường, cấp bậc Tiểu đội phó, chức vụ Tổ phó Tổ trinh sát của đơn vị 301 Quân báo Phân khu 5, chiến trường B. Liệt sĩ Vương Văn Hơn đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (28/9/1983).

*** Bà: Tạ Mộc Cụi - Liệt sĩ Vương Văn Đồng - Bà Vương Bạch Cúc.**

Bảng gia đình vẻ vang (Ông Dương Văn Long - Bà Tạ Mộc Cụi) vì đã có con thoát ly tham gia kháng chiến được treo ở vị trí trang trọng nhất của ngôi nhà, bên cạnh bàn thờ tổ tiên. Bà Vương Bạch Hoa, con gái của bà Tạ Mộc Cụi cho biết, gia đình bà là một trong những gia đình có truyền thống cách mạng của thị trấn, mẹ và chị gái là những người có công với cách mạng, anh trai là liệt sĩ hy sinh trong kháng chiến.

Bà Tạ Mộc Cụi sinh năm 1919, quê ở xã Tân Phước Khánh, huyện Châu Thành, người Hoa gốc Phước Kiến. Quá trình tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1960 cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng năm 1975. Bà vừa là mẹ của chiến sĩ, vừa có công nuôi quân của đơn vị C62 du kích xã. Bà Tạ Mộc Cụi được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất (05/3/1997), hiện đang sinh sống cùng gia đình người con gái, bà Vương Bạch Cúc tại 14/6, tổ 6, khu phố Khánh Thạnh, thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên.

Liệt sĩ Vương Văn Đồng (Dương Văn Đồng) sinh năm 1938 tại xã Tân Phước Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Thủ Dầu Một, là con trai đầu của bà Tạ Mộc Cụi. Tham gia cách mạng năm 1960, trong đội quân thổi kèn của đơn vị C62, sau đó chuyển qua công tác trong đội trinh sát C62, huyện Châu Thành (nay thuộc huyện Tân Uyên), hy sinh năm 1967. Liệt sĩ được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (19/10/1977); Huân chương Quyết thắng hạng Nhất (20/7/1976).

Bà Vương Bạch Cúc sinh năm 1951 tại xã Tân Phước Khánh, là con gái thứ năm trong tổng số mười người con của bà Tạ Mộc Cụi. Tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1965 - 1975, làm công tác giao liên, tải thương binh của đơn vị C62. Cuối năm 1965, bà được kếp nạp vào Đảng Cộng sản.

Sau ngày giải phóng, bà chuyển về công tác ở công an xã Tân Phước Khánh (1975 - 1977). Do có nhiều đóng góp cho cách mạng, bà được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba (05/3/1997).

*** Liệt sĩ Lâm Mậu Quang.**

Ngôi nhà tọa lạc tại tổ 3, khu phố 3, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên là ngôi nhà tình nghĩa do Công ty bột giặt Daso phối hợp với chính quyền địa phương xây tặng cho thân nhân liệt sĩ Lâm Mậu Quang năm 1995, hiện đang được gia đình người chị ruột của liệt sĩ, bà Lâm Tú Phụng trông nom và chăm lo việc thờ cúng tổ tiên cũng như liệt sĩ Lâm Mậu Quang.

Liệt sĩ Lâm Mậu Quang sinh ra và lớn lên tại xã Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé (nay là thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) vào năm 1955, có cha là người Hoa gốc Phước Kiến (nguyên quán huyện An Khê, tỉnh Phước Kiến, Trung Quốc), mẹ là người Việt.

Tham gia cách mạng vào đầu năm 1978 nhận công tác tại Biên giới, cùng đơn vị bộ đội huyện chiến đấu tại chiến trường Bình Long - Phước Long. Do đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày 16/10/1978, liệt sĩ Lâm Mậu Quang đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (12/5/1980).

*** Ông: Huỳnh Văn Ngợi.**

Năm 1997, chính quyền huyện Tân Uyên đã trao tặng ngôi nhà tình nghĩa cho ông Huỳnh Văn Ngợi, một thương binh hạng ¾ ở tổ 6, khu phố Bình Hòa 2, thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên.

Ông sinh năm 1939 tại ấp Bình Chuẩn, xã Tân Phước Khánh, gốc người Hẹ. Tham gia cách mạng tháng 12/1960 ở đơn vị 106, hoạt động trên địa bàn huyện Châu Thành. Cuối năm 1968, do chia tách đơn vị nên ông được chuyển về quân khu rồi sang đơn vị C6 tiểu đoàn 1 của R (trực thuộc

Trung ương), sau đó tham gia trong lực lượng bổ sung qua Miên chiến đấu cho đến năm 1970 mới trở về Việt Nam.

Ngày 01/01/1975, ông được đơn vị Đoàn 592, Quân khu Hữu Ngạn cho nghỉ hưu, cấp bậc Trung úy, chức vụ Đại đội trưởng. Ông Huỳnh Văn Ngợi đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (09/7/1985) và Huy chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba.

*** Ông: Đặng Văn Thanh.**

Ông Đặng Văn Thanh (thường gọi là đại úy Dảo) sinh năm 1941 tại xã Tân Phước Khánh, tham gia cách mạng năm 1964 ở đơn vị C2 306 Tiểu đoàn Phú Lợi. Năm 1968, ông bị giặc bắt giam tại Hố Nai (Biên Hòa), sau chuyển ra nhà tù Phú Quốc. Năm 1973, ông được trao trả tự do tại Thạch Hãn (Quảng Trị) rồi được đưa ra miền Bắc an dưỡng cho đến ngày đất nước ta thống nhất mới trở về đoàn tụ với gia đình.

Là thương binh hạng 4/4, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, ông Đặng Văn Thanh đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như: Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (12/3/2001); Kỷ niệm chương Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đầy (22/7/2005) và Huy hiệu 30 năm tuổi đảng (2007).

Ông Đặng Quý Chung, đồng đội của ông Thanh cho biết: ông Thanh có tên gọi ở nhà là Dảo, vào thời đó, trong vở tuồng hát "Tìm lại cuộc đời" có nhân vật đại úy Dảo nên những người đồng đội đặt cho ông Thanh với biệt danh "Đại úy Dảo". Ông mất năm 2006, bà Nguyễn Thị A là vợ của ông Đặng Văn Thanh cùng các con đang cư ngụ tại số nhà 24/2, tổ 2, khu phố Bình Hòa 2, thị trấn Tân Phước Khánh.

*** Ông: Tô Chánh Hòa.**

Ông Tô Chánh Hòa là một người Hoa gốc Quảng, sinh năm 1942 tại Chợ Lớn. Tham gia cách mạng tháng 8/1962 trong khối vũ trang biệt động Quân khu Sài Gòn - Gia Định, làm nhiệm vụ rải truyền đơn và tuyên truyền cách mạng. Năm 1963, trở thành bộ đội của Sư đoàn 9 Q762 (lực lượng Miền Đông). Tại đây, ông đã tham gia một số trận đánh lớn như Đường Long I, Đường Long II, Bàu Bàng I, Bàu Bàng II.

Năm 1965, do bị thương nên ông được cấp trên điều đi an dưỡng ở Tây Ninh và tham gia công tác ở biên giới K. Năm 1974, ông chuyển sang công tác trong Đại đội quản lý C, nuôi dưỡng hai tiểu đoàn chiến thắng của nữ tù binh được trao trả tại Lộc Ninh. Đến tháng 3/1975, ông tham gia trong đội quân chờ xuống đường đóng tại Cao Su Phước Hòa. Năm 1976, ông xuất ngũ về Tân Phước Khánh, sau đó tham gia học lớp kế toán ngân sách tỉnh và về nhận nhiệm vụ Trưởng ban Tài chính xã Tân Phước Khánh (1977 - 1979).

Ông Tô Chánh Hòa là một bệnh binh hạng 2/3, hiện là hội viên Hội cựu chiến binh thị trấn, cư ngụ tại 10/4, tổ 4, khu phố Khánh Hòa, thị trấn Tân Phước Khánh, ông được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (13/8/1985).

*** Ông: Đặng Quý Chung.**

Ông Đặng Quý Chung là người Hoa gốc Hẹ, sinh năm 1944, quê ở ấp Bình Chuẩn, xã Tân Phước Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Thủ Dầu Một, nay cư trú tại số nhà 62, tổ 4, khu phố Khánh Thạnh, thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên.

Tham gia cách mạng ngày 02/02/1964 ở đơn vị C2 306 tiểu đoàn Phú Lợi. Năm 1966, ông bị giặc bắt tại Gò Mối - Đường 13 và bị giam ở Hố Nai. Đến Tết Mậu Thân năm 1968, chúng đưa ông ra giam ở nhà tù Phú Quốc cho đến ngày được trao trả tự do tại Bình Định năm 1973, sau đó ông trở về tiếp tục công tác ở đơn vị cũ.

Tháng 3/1975, ông được phái về Binh chủng xe tăng của Quân đoàn 4. Trong trận đánh vào Tổng tham mưu của Mỹ - Ngụy trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa xuân năm 1975, ông đã bị thương. Đến năm 1977, ông chính thức ra quân về địa phương. Trong suốt hơn mười năm chiến đấu ở chiến trường, ông đã tham gia một số trận đánh lớn như trận Suối Dứa, Nhà Tây (Dầu Tiếng), Nhà Bò (Bến Cát), Bưng Đĩa (Đường 13), Dốc Bà Nghĩa (Tân Uyên),…

Ông Đặng Quý Chung là một thương binh hạng 2, bệnh binh hạng 2 và vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; Huy chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba (03/3/1977); Kỷ niệm chương Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đầy (31/10/2006).

*** Bà: Ngô Thoại Trinh.**

Bà Ngô Thoại Trinh, sinh năm 1921 tại huyện Triều An, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Cả gia đình bà di cư qua Việt Nam từ năm 1946, ban đầu sống ở Thủ Dầu Một, đến năm 1955 chuyển về sinh sống ở vùng đất Tân Uyên cho đến nay. Bà Ngô Thoại Trinh đã qua đời vào năm 1998, một trong những người con của bà, ông Tăng Thành hiện cư ngụ tại số nhà 191/C1, tổ 4, khu phố 3, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên.

Quá trình tham gia hoạt động cách mạng của bà Ngô Thoại Trinh từ năm 1955 - 1975, vừa đóng góp tiền bạc, lương thực, thuốc men cho kháng chiến, vừa tham gia công tác giao liên hoạt động trên địa bàn của huyện Tân Uyên. Với những công lao đóng góp trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bà Ngô Thoại Trinh đã được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhì (12/9/1990).

HUYỆN THUẬN AN:

*** Liệt sĩ Thái Ngọc Thành.**

Ông Phan Văn Quý, ngụ tại số 315, tổ 84 , khu 9 phường Chánh

Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một là con rể của liệt sĩ Thái Ngọc Thành. Ông Quý cho biết: Liệt sĩ Thái Ngọc Thành là một người Hoa có nguyên quán ở xã An Sơn, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là xã An Sơn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương). Trong quá trình hoạt động cách mạng, do bị đánh sụp hầm nên liệt sĩ đã anh dũng hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vào ngày 23/4/1967 khi đang giữ chức vụ Trưởng ban Chấp hành xã.

Liệt sĩ Thái Ngọc Thành đã vinh dự được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (24/9/2001), 02 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (ngày 25/9/1986 và 07/12/1985), Bảng gia đình vẻ vang chống Mỹ cứu nước (Ông Thái Văn Chuối và bà Trần Thị Ngo đã có một con thoát ly tham gia kháng chiến ngày 20/10/1982).

*** Liệt sĩ Trần Văn Căng - Liệt sĩ Trần Văn Thành.**

Theo lời kể của ông Trần Thành (tự Mười Bé) ở số nhà 195 khu C, ấp An Phú, xã An Sơn, huyện Thuận An (gần khu vực bến đò An Sơn) cho biết liệt sĩ Trần Văn Căng và liệt sĩ Trần Văn Thành, một người là chú ruột, còn người kia là người em ruột của ông. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, hài cốt của hai liệt sĩ đã được quy tập về nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Bình Dương.

Liệt sĩ Trần Văn Căng (tự Chín Vàng, bí danh Tất Cương) là người Hoa gốc Phước Kiến, sinh năm 1924, quê quán ở An Sơn, huyện Thuận An. Tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1945, là cán bộ mật hoạt động thành Sài Gòn, từng bị địch bắt giam tại nhà tù Côn Đảo, hy sinh năm 1963 tại Bưng Cầu (Bến Cát). Để ghi nhận những thành tích hoạt động cách mạng, liệt sĩ Trần Văn Căng đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công và xây tặng ngôi nhà tình nghĩa tại đường Phan Thanh Giản (nay ở số 450, đường Điện Biên Phủ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh).

Liệt sĩ Trần Văn Thành (tự Hoàng) sinh năm 1951, có cha là người Hoa, mẹ là người Việt. Được biết liệt sĩ Trần Văn Thành là người con thứ mười trong mười hai anh em của gia đình, học rất giỏi. Tham gia cách mạng năm 1965 trong Ban quân dân y huyện Châu Thành, tỉnh Thủ Dầu Một. Hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 12/01/1968 tại Bông Trang - Nhà Đỏ (Chánh Lưu - Bến Cát), cấp bậc Trung sĩ quân đội nhân dân Việt Nam.

Liệt sĩ Trần Văn Thành đã vinh dự được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công (19/10/1977), Huân chương Kháng chiến hạng Ba (25/9/1977), 02 Huy chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, 02 Huy chương chiến sĩ giải phóng hạng Nhì và Ba.

Mẹ của liệt sĩ Trần Văn Thành, bà Chiêm Thị Lựa, sinh năm 1912 cũng là một người có công với cách mạng. Với lòng yêu nước và căm thù giặc sâu sắc, bản thân bà đã tích cực tham gia hoạt động cách mạng, vừa tham gia công tác giao liên, vừa tiếp tế lương thực, thuốc men và đổi tiền cho cách mạng. Do có điều kiện về mặt kinh tế (chủ lò đường Phước Thành Hưng) nên bà còn tích cực tham gia nuôi quân của đơn vị K2 đóng trên địa bàn của xã An Sơn (có hầm bí mật trong nhà) trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Bà Chiêm Thị Lựa qua đời năm 2006.

Với những thành tích đóng góp cho cách mạng, bà đã vinh dự được Nhà nước tặng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất (06/3/1987); Bảng gia đình vẻ vang chống Mỹ cứu nước (Ông Trần Văn Dần - Bà Chiêm Thị Lựa) ngày 20/10/1982.

*** Liệt sĩ Lâm Tòng:**

Trong những ngày đất nước ta bị giặc ngoại xâm, cũng như bao thế hệ cha anh của làng, liệt sĩ Lâm Tòng đã sớm nung nấu lý tưởng cách mạng, nguyện một lòng đi theo Đảng, theo cách mạng và Bác Hồ kính yêu, tham

gia chiến đấu bảo vệ quê hương, xóm làng, để lại nơi quê nhà người vợ trẻ và những đứa con thơ dại.

Liệt sĩ Lâm Tòng là một người Hoa gốc Triều Châu, nguyên quán ở xã Tân Thới, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương). Năm 1968, một trong những giai đoạn khốc liệt nhất của chiến tranh, cả dân tộc đã chứng kiến sự hy sinh của biết bao người con anh hùng, họ đã "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Liệt sĩ Lâm Tòng cũng là một trong những người đã anh dũng hy sinh trong những tháng ngày gian lao ấy. Để ghi nhận những thành tích trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông đã được Nhà nước phong liệt sĩ và tặng Bằng Tổ quốc ghi công (25/7/1980).

Hiện những người con của liệt sĩ đang sinh sống và làm ăn tại thị trấn Lái Thiêu, trong đó người con út, bà Lâm Ngọc Châu là người chăm lo việc thờ cúng liệt sĩ, hiện cư ngụ 368A, tổ 24, khu phố Nguyễn Trãi, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An.

*** Ông: Hà Vĩnh Sinh.**

Là một người thầy thuốc, ông Hà Vĩnh Sinh luôn khắc ghi lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại "Lương y như từ mẫu". Vì vậy, trong suốt quá trình công tác, bản thân ông không ngừng học hỏi kinh nghiệm và trau dồi đạo đức nghề nghiệp. Ông là người đã có nhiều đóng góp trong việc chăm sóc sức khỏe của nhân dân cũng như trong công tác bảo tồn, kế thừa và phát triển của nền y học cổ truyền Việt Nam.

Ông sinh năm 1945 tại huyện Tam Thủy, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Hiện cư ngụ tại 40 đường ĐT745, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An. Tham gia cách mạng từ năm 1965 trên cơ sở kế thừa truyền thống cách mạng của gia đình, hoạt động bí mật tại Phnôm - Pênh (Campuchia) trong phong trào vận động con em Việt kiều, Hoa kiều vào miền Nam tham gia

kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tháng 10/1966, ông qua Việt Nam và tham gia công tác ở Đoàn 80 Cục hậu cần miền K77 - Quân y viện. Từ năm 1967 đến năm 1977, chuyển về công tác lần lượt ở Cục Hậu cần miền Nam tham gia chiến dịch Mậu Thân 1968; Đoàn 340 tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ; Đoàn 81, K11, Cục Hậu cần miền (sau này là K41- Đoàn 814 Cục Hậu cần miền) và Sư đoàn La Ngà - Quân y viện Sư đoàn Cục Hậu cần.

Tháng 11/1977, ông chuyển ngành về Phòng y tế phụ trách phòng chẩn trị y học dân tộc (sau là Khoa y học dân tộc bệnh viện Thuận An). Tại đây, ông vừa tham gia bốc thuốc khám chữa bệnh, sưu tầm dược liệu, vừa học tập nâng cao tay nghề, tham gia tập huấn chẩn đoán lâm sàng về tây y, chuẩn hóa lương y, tham gia đào tạo các lớp y tá, Đông y châm cứu, phương pháp không dùng thuốc và massage bấm huyệt trị bệnh cho nhiều học viên. Năm 1980, ông giữ chức vụ Chủ tịch Hội y học dân tộc xã Tân Thới (nay là thị trấn Lái Thiêu) với 04 nhiệm kỳ, Ủy viên Ban chấp hành Hội Đông y huyện Thuận An 05 nhiệm kỳ. Trước khi về hưu năm 1993, ông từng giữ chức vụ Trưởng khoa phòng chẩn trị y học dân tộc cổ truyền huyện Thuận An. Hiện nay, ông là Chủ tịch Hội y học dân tộc thị trấn Lái Thiêu; Ủy viên Ban chấp hành Hội châm cứu tỉnh Bình Dương (2010 - 2015).

Với những thành tích cách mạng và những cống hiến cho ngành y học dân tộc trong quá trình công tác, ông Hà Vĩnh Sinh đã được Nhà nước, các cơ quan, ban ngành tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý: Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy chương Cựu chiến binh Việt Nam; Huy chương Vì sức khỏe nhân dân; Kỷ niệm chương bám trụ đánh Mỹ; Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Đông y; 09 Bằng khen, 25 Giấy khen do các cấp chính quyền, ban ngành của Trung ương và địa phương trao tặng.

*** Ông: Vương Tinh.**

Ông Vương Tinh là một người con được sinh ra và lớn lên trên vùng đất Tân Phước Khánh giàu truyền thống cách mạng năm 1924, gốc người Phước Kiến, nhưng hiện cả gia đình ông đang sinh sống và theo nghề sản xuất men gốm sứ truyền thống tại số 40 đường Đông Cung Cảnh, khu phố Chợ, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An.

Tham gia cách mạng từ trước năm 1945 trong Ban dân vận Trung ương cục miền Nam. Năm Mậu Thân 1968, ông tham gia chiến đấu ở địa điểm Cầu Ba Cẳng, chiến khu Đ, sau đó chuyển sang công tác hậu cần trong Đội biệt động Sài Gòn, thực hiện nhiệm vụ tiếp tế súng đạn, tải vũ khí về cất giấu ở trong nhà.

Từ sau năm 1968 đến năm 1975, ông tham gia công tác thông tin - tuyên truyền. Đặc biệt, vào thời điểm ngày 30/4/1975, ông là một trong những người trực tiếp vào tiếp quản tòa Đại sứ Đài Loan. Sau giải phóng đến nay, ông tham gia công tác trong Hội người Hoa Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh, tham gia cố vấn chùa Ông Bổn (Lái Thiêu) và chùa Nhị Phủ (quận 5).

Ông Vương Tinh đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất (24/12/1998) vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc; Huy chương Kháng chiến hạng Nhất vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (24/5/1999).

*** Ông: Tăng Văn Ngà.**

Ông Tăng Văn Ngà là một bác sĩ quân y người Hoa, nguyên là Y tá trưởng quân y huyện đội Lái Thiêu, là một nhân chứng lịch sử trong việc cắt tay thương binh bằng cưa ở Thủ Dầu Một.

Nói về bác sĩ quân y Tăng Văn Ngà có thể thấy tên tuổi của ông một

phần gắn liền với Đại đội 1, Chi đội 1 Thủ Dầu Một[168]. Chi đội 1 là một đơn vị lực lượng võ trang nòng cốt của tỉnh Thủ Dầu Một (năm 1948 chuyển thành Trung đoàn 301) và là chỗ dựa vững chắc trong việc xây dựng phong trào quân dân, tiến hành chiến tranh du kích, phát huy cao độ sức mạnh toàn dân, đấu tranh toàn diện với quân địch, được thành lập sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công trên cơ sở tập trung nhiều đơn vị lớn của tỉnh và được thông qua tại Hội nghị quân sự An Phú Xã (Hóc Môn) ngày 26/11/1945, dưới sự chủ trì của đồng chí Trung tướng Nguyễn Bình. Tổ chức Chi đội 1 gồm Đại đội 1 (Lái Thiêu), Đại đội 2 (Châu Thành), Đại đội 3 (Bến Cát).

Thi hành quyết định của chi đội 1, Đại đội 1 đã tổ chức hai trung đội chiến đấu A và B, một đội trinh sát liên lạc và các ban quân y, quân lương, quân giới trực thuộc Ban chỉ huy tiểu đoàn 901. Về Ban quân y của Đại đội, chịu trách nhiệm điều trị bệnh và thương tật cho bộ đội chiến đấu hơn 500 người trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn thuốc men và lực lượng y tế. Đến năm 1948, tổ chức Quân y xá tiểu đoàn 901 đặt tại Khánh Vân, đào tạo thêm nhiều y tá như Tăng Văn Ngà …. Khắc phục những khó khăn thiếu thốn, lực lượng y tế đã kịp thời cứu chữa cho nhiều chiến sĩ bị thương, bị bệnh; tiến hành mổ xẻ nhiều ca mà tưởng chừng như bác sĩ ở những bệnh viện đầy đủ tiện nghi mới thực hiện được. Nhiều trường hợp họ cưa tay, cắt chân chiến sĩ bằng cưa thợ mộc, khử trùng bằng nước muối, gây mê bằng bài hát… Đó là sự thật ở chiến trường Lái Thiêu lúc bấy giờ. Y tá Tăng Văn Ngà đã dùng cưa cưa trúc để cưa tay đồng chí Nguyễn Văn Ký (lúc bị thương là Tiểu đội phó đội biệt động huyện Lái Thiêu) tại rừng Cò mi.

*** Bà: Huỳnh Muối.**

---

[168] Hội Văn học nghệ thuật Bình Dương, *Những năm đầu kháng chiến - Hồi ký về Chi đội 1 - Trung đoàn 301*, 1999.

Ngôi nhà ở số 341, tổ 2, khu phố Nguyễn Trãi, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An là nơi bà Huỳnh Muối sinh sống cùng người cháu ngoại. Bà là một trong những người có công với cách mạng của thị trấn, sinh năm 1937, quê quán ở xã Tân Thới, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé, có cha là người Hoa gốc Quảng, mẹ là người Việt. Tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1960, đóng góp tiền bạc hàng tháng cho cách mạng. Từ năm 1968 đến năm 1975, thực hiện nhiệm vụ tải đạn tại xã Tân Thới. Do đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bà Huỳnh Muối đã được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất (21/3/1995).

*** Bà: Quang Hàng.**

Bà Quang Hàng là một người Hoa gốc Quảng Đông, sinh ra tại vùng đất Bình Nhâm năm 1937. Đến năm 11 tuổi, cả gia đình bà chuyển về sống tại xã Tân Thới, huyện Thuận An (nay ở số 406, tổ 29, khu phố Nguyễn Trãi, thị trấn Lái Thiêu).

Bà Quang Hàng tham gia hoạt động cách mạng cùng đợt với bà Huỳnh Muối, vừa tích cực đóng góp tiền bạc hàng tháng cho cách mạng (1960 - 1968) và đảm nhận nhiệm vụ tải đạn trên địa bàn xã Tân Thới (1968 - 1975). Bà Quang Hàng đã được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất (21/3/1995).

*** Bà: Ngô Thị Ên.**

Bà Ngô Thị Ên (Ngô Thị Ẻn) là một người Hoa gốc Tiều, được sinh ra và lớn lên trên quê hương Lái Thiêu anh hùng năm 1938, nay cư ngụ ở số 28, đường Châu Văn Tiếp, khu phố Chợ, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An.

Kế thừa truyền thống cách mạng của quê hương và gia đình, bản thân bà đã sớm giác ngộ lý lưởng cách mạng. Quá trình hoạt động cách mạng từ năm 1962 đến năm 1975, bà đã tham gia đóng góp và tiếp tế tiền bạc, quần áo, thuốc men, vải may cờ cho cách mạng ở nhiều cánh tại Hóc Môn, Đông

Nhì và Bình Nhâm. Với những thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bà Ngô Thị Ên đã được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhì (22/8/2001).

*** Bà: Trần Thị No.**

Bà Trần Thị No sinh năm 1927, quê quán ở xã Phước Thiền, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, là một người Hoa gốc Quảng Đông, có chồng là người Hoa gốc Phước Kiến. Tham gia cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, làm giao liên của huyện Long Thành, hoạt động trên địa bàn Long Thành - Bà Rịa - Rừng Sát. Sau đó chuyển sang làm Hội trưởng Hội Phụ nữ huyện Long Thành. Trong quá trình hoạt động, bà từng bị giặc Pháp bắt giam ở huyện Long Thành. Năm 1959, cả gia đình bà chuyển về sinh sống tại Lái Thiêu (nay là số 15, khu phố Chợ, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An). Từ năm 1975 - 1978, bà tham gia công tác tại ấp (khu phố Chợ ngày nay).

Bà Trần Thị No đã được Nhà nước tặng thưởng Bằng khen vì đã góp công sức vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (06/3/1987).

*** Ông: Đặng Lâm Tử.**

Ông Đặng Lâm Tử sinh năm 1940, quê quán ở Quảng Đông, Trung Quốc. Tham gia cách mạng năm 1957, công tác giao liên của Tổ trinh sát, đơn vị 316 hoạt động trên địa bàn Sài Gòn - Gia Định - Nhà Bè. Năm 1970, ông chuyển về công tác tại Tiểu đoàn Bà Rá, tỉnh đội Bình Phước (Bộ Tham mưu), tham gia trực tiếp giải phóng Phước Long tiến tới giải phóng thành phố Sài Gòn mùa xuân năm 1975. Sau giải phóng, ông tham gia trong đội quân tình nguyện Việt Nam (thuộc Tiểu đoàn Bà Rá) qua chiến đấu tại chiến trường Campuchia. Tháng 10/1975, ông xuất ngũ về địa phương và lập nghiệp tại thị trấn Lái Thiêu cho đến nay ở 38/11, khu phố Chợ.

Trong thời gian tham gia chiến đấu tại Phước Long, bản thân ông đã bị nhiễm chất độc màu da cam do đế quốc Mỹ rải. Ông Đặng Lâm Tử đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Ba (30/4/1975).

*** Ông: Tiêu Như Thủy.**

Ông Tiêu Như Thủy sinh năm 1924, quê ở xã Chánh Hiệp, thị xã Thủ Dầu Một, có ông nội là người Hoa. Ông là một cán bộ cách mạng tiêu biểu của tỉnh Thủ Dầu Một qua hai thời kỳ kháng chiến đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì, Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huy chương Độc lập.

Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1945 tại vùng Biên Hòa. Năm 1947, ông được điều về Thủ Dầu Một vào công tác tại cơ quan Tỉnh ủy, làm trợ lý cho đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một Nguyễn Văn Tiết. Tháng 3/1949, Đoàn Văn hóa kháng chiến được thành lập, đây là tổ chức của những người làm công tác văn hóa, văn nghệ trong tỉnh nhằm tập hợp lực lượng, thống nhất quan điểm và trao đổi kinh nghiệm sáng tác phục vụ yêu cầu hưởng thụ về văn hóa, văn nghệ của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ địa phương. Ông Tiêu Như Thủy được cử làm Phó Trưởng đoàn.

Từ năm 1950 trở về sau, ông được phân công làm Phó Trưởng ban Tuyên giáo; Hiệu phó phụ trách nội dung trường Đảng đồng thời là trường Hành chánh tỉnh. Năm 1953, công tác tại Ban tổ chức Tỉnh ủy Thủ Biên. Đến năm 1961, Trung ương Cục chỉ đạo thành lập Ban cán sự Đảng của tỉnh, ông Tiêu Như Thủy được chỉ định làm Ủy viên. Từ sau năm 1975, ông Tiêu Như Thủy giữ nhiều chức vụ quan trọng như Phó Bí thư Tỉnh ủy Phước Thành; Phó Chủ tịch UBND tỉnh Sông Bé; Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc kiêm Chủ tịch Hội chữ thập đỏ tỉnh Sông Bé.

Vợ của ông, bà Phạm Thanh Dung hiện cư ngụ tại 31/1 khu phố Thạnh Lợi, thị trấn An Thạnh, huyện Thuận An cũng từng tham gia công tác trong Hội Giải liên tỉnh Thủ Biên (do đồng chí Ngô Văn Hòa làm Tổng thư ký Ban chấp hành) từ năm 1953 - 1954.

*** Ông: Lý Thanh Ngọc.**

Ông Lý Thanh Ngọc qua đời đến nay đã trên 20 năm, nhưng người thân của ông đang sinh sống tại ấp Bình Giao, xã Thuận Giao, huyện Thuận An. Và thật tiếc khi những thành tích cách mạng mà ông được Nhà nước trao tặng đã bị thất lạc nhiều năm, gia đình còn giữ lại duy nhất tấm thẻ thương binh hạng ¾.

Ông Lý Thanh Ngọc sinh năm 1946, quê ở xã Phú Cường, huyện Châu Thành. Gia đình ông là người Hoa gốc Phước Kiến, di cư sang Việt Nam từ năm 1930. Ông nhập ngũ tham gia kháng chiến vào tháng 7 năm 1964, là công nhân cơ khí xưởng quân giới thuộc phòng Hậu cần tỉnh Thủ Dầu Một. Tháng 12/1967 ông giữ chức vụ Tiểu đội phó thuộc phòng Hậu cần Phân khu 5. Đầu năm 1969, là Tiểu đội trưởng công tác bảo vệ Phân khu 5 (Bộ chỉ huy). Tháng 12/1970, ông bị thương và nằm điều trị tại Quân y viện Phân khu 5. Năm 1974, ông được điều ra miền Bắc an dưỡng, sau chuyển sang công tác, học tập tại Đoàn 580 Quân khu Hữu Ngạn cho đến năm 1976 mới trở về Nam công tác tại Đoàn 113, Quân khu 7. Năm 1978, ông chuyển ngành qua làm việc tại Công ty ngoại thương tỉnh Sông Bé và công tác ở đây cho đến khi nghỉ hưu vào năm 1980.

HUYỆN BẾN CÁT:

*** Liệt sĩ Huỳnh Phàn.**

Gia đình ông Huỳnh Hùng, cư ngụ tại 30A, tổ 1B, đường Hùng Vương, khu phố 2, thị trấn Mỹ Phước là một trong những gia đình người

Hoa tiêu biểu có công với cách mạng của huyện Bến Cát, gốc người Quảng. Người anh của ông Huỳnh Hùng, liệt sĩ Huỳnh Phàn đã hy sinh trong sự nghiệp giải phóng dân tộc khi tuổi đời còn khá trẻ.

Liệt sĩ Huỳnh Phàn sinh năm 1932, quê quán xã Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé. Tham gia cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, là công an xã viên đã anh dũng hy sinh năm 1947. Liệt sĩ Huỳnh Phàn đã được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công ngày 13/12/1978.

*** Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Chép [169].**

Mẹ Nguyễn Thị Chép sinh năm 1912, là con thứ ba trong gia đình có bốn anh chị em tại ấp 3, xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Được sinh ra trong gia đình nông dân nghèo nên tuổi thơ của mẹ rất cơ cực.

Năm 1940, mẹ lập gia đình cùng ông Châu Văn Hía, một thanh niên người Việt gốc Hoa và sinh ra người con trai đầu lòng tên Châu Văn Khuya vào năm 1942. Cuộc sống tại quê nhà quá khó khăn, vợ chồng mẹ chuyển đến Bến Súc sinh sống. Và sau đó, người chồng của mẹ đã mất vì bệnh tâm thần. Năm 1949, mẹ gặp và đi thêm bước nữa với ông Huỳnh Văn Tưởng, quê ở Phú Hòa Đông - Củ Chi, làm nghề thợ mộc và sinh ra người con tên Huỳnh Văn Hôm.

Quê hương An Tây là một vùng căn cứ cách mạng, là nơi mà tinh thần yêu nước và ý chí chiến đấu luôn sôi sục trong lòng người dân. Mẹ Nguyễn Thị Chép đã tham gia vận động mọi người góp lương thực nuôi quân mỗi khi đơn vị các anh về địa phương. Chính những việc làm của mẹ đã tác động rất nhiều đến anh Châu Văn Khuya. Được mẹ động viên, năm mười tám tuổi anh gia nhập bộ đội. Năm 1969, đơn vị chuyển địa bàn hoạt động sang tỉnh

---

[169] Tỉnh ủy Bình Dương, *Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Bình Dương (Tập I*), 1999, trang 98

Đồng Nai. Trong một lần công tác, anh đã anh dũng hy sinh tại chiến trường Long Thành, lúc đó anh là trung đội phó của đơn vị bộ đội chủ lực.

Vùng Tam Giác Sắt những năm 1965 - 1968 là điểm nóng của cuộc chiến. Mỹ - ngụy cho xe tăng, máy bay cán quét, đốt phá giết hại đồng bào. Anh Huỳnh Văn Hôm lớn lên đã sớm ý thức căm thù giặc và quyết mang sức mình giúp ích cho đất nước. Năm Mậu Thân (1968), anh tham gia lực lượng du kích địa phương, rồi thoát ly tham gia đơn vị lực lượng vũ trang của Miền. Do yêu cầu công tác của đơn vị, anh chuyển về hoạt động thành, làm ban kinh tài. Trong một lần công tác, năm 1972, anh đã anh dũng hy sinh tại ngã tư Sao Quỳ.

Ngày 18/10/1990, nông trường điều huyện Bến Cát đã trao tặng cho mẹ ngôi nhà tình nghĩa. Do sức yếu, bệnh già nên mẹ đã yên nghỉ ngày 08/10/1992. Ghi nhận những cống hiến cho cách mạng, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc khi có 2 con là liệt sĩ, mẹ đã được Đảng và Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng trong đợt đầu tiên năm 1994.

*** Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Định [170].**

Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Định đã hiến dâng cho Tổ quốc người con duy nhất của mình trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc. Đó là liệt sĩ Nguyễn Văn Nhặt.

Mẹ sinh năm 1925 ở ấp Rạch Kiến, Thanh Tuyền, Bến Cát trong một gia đình có tám anh chị em, mẹ là thứ bảy. Năm 19 tuổi, mẹ lấy chồng về Rạch Bắp. Chồng mẹ, một nông dân người Hoa lưu lạc đến xứ này làm thuê bằng nghề cạo mủ, làm củi mướn. Cuộc sống vợ chồng nghèo nhưng thật êm ấm. Chỉ ngặt nỗi sống với nhau đã ba bốn năm nhưng hai vợ chồng chưa có

---

[170] Tỉnh ủy Bình Dương, *Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Bình Dương (Tập II)*, 1999, trang 518.

con. Sau đó, chồng mẹ bệnh và qua đời. Mẹ trở về quê Rạch Kiến sống cùng cha mẹ.

Tại đây, mẹ cùng thanh niên trong làng tham gia đánh Tây đuổi Nhật, cướp chính quyền. Mẹ gia nhập Hội Phụ nữ Cứu quốc, sau đó tham gia du kích Phú Hòa Đông đánh Pháp. Một lần đơn vị du kích của mẹ chẳng may bị lọt vào ổ kích của địch. Bọn Pháp đưa về giam ở khám đường Bình Dương hơn một năm, không khai thác được gì nên chúng đành thả mẹ ra. Mẹ trở về Thanh Tuyền và nhận đứa cháu con người chị gái đã chết về nuôi.

Năm 1962, mẹ tiếp tục tham gia công tác giao liên. Năm 1964, người con trai Nguyễn Văn Nhặt của mẹ tham gia cách mạng. Năm 1966, anh đã hy sinh trong trận chiến đấu đánh địch càn vô cứ.

Sau ngày giải phóng miền Nam, mẹ được hưởng chế độ mẹ liệt sĩ và sống tại Bình Hòa, Lái Thiêu. Đảng và Nhà nước đã ghi ơn và phong tặng mẹ danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng.

*** Ông: Diệp Hòi.**

Ông Diệp Hòi (tự Sáu Hòi) là một người Hoa, sinh năm 1922 trên vùng đất giàu truyền thống cách mạng Bến Súc - Thanh Tuyền. Hiện tại, gia đình ông đang sinh sống tại số nhà 511, ấp Phú Thuận (gần khu vực Bến Đò), xã Phú An, huyện Bến Cát. Ông tham gia hoạt động kháng chiến từ năm 1947 trong Ban chấp hành Thanh niên tỉnh Thủ Dầu Một. Cũng trong giai đoạn này, ông đã vinh dự được kết nạp vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản.

Từ năm 1949 - 1954, ông chuyển về công tác tại Huyện ủy Bến Cát, chức vụ Chủ tịch kiêm Bí thư huyện ủy. Giữa năm 1955, ông được điều về làm Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Thủ Dầu Một. Về đây ông được bố trí ăn ở và làm việc tại nhà một đồng bào là cơ sở chí cốt của ta tại xã Bình Chuẩn. Nhưng đến cuối năm 1955, do bọn công an thám báo thường xuyên qua lại trong xóm ấp nên ông buộc phải thay đổi chỗ ở đến nhiều nơi như: Cồn cát

ấp Thạnh Bình, ấp Thạnh Lợi (thuộc xã An Thạnh) hay đến xã Bình Nhâm… Đến năm 1956, ông bị giặc bắt và đánh đập khai thác tại chỗ. Tuy chết đi sống lại nhiều lần nhưng ông vẫn giữ vững khí tiết của người cộng sản, không nói điều gì có hại cho cách mạng, cho những cơ sở đã nuôi giấu, che chở cho ông. Vì vậy, chúng bắt ông đem ra giam tại nhà tù Côn Đảo.

Sau khi được trao trả tự do vào năm 1961, ông tiếp tục tham gia hoạt động cách mạng trong Thành đoàn Sài Gòn. Do ảnh hưởng những vết thương của giặc tra tấn, ông phải trải qua một thời gian khá dài để điều trị tại bệnh viện Hồng Bàng (nay là bệnh viện Phạm ngọc Thạch). Vừa điều trị vết thương, ông vừa tham gia cùng gia đình nuôi dưỡng cán bộ Thành đoàn cho đến ngày đất nước hoàn toàn giải phóng.

Do có nhiều công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba (21/6/1997); Kỷ niệm chương Chiến sĩ bị địch bắt tù, đầy (05/5/1998); Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Văn phòng Cấp ủy (28/9/2002).

Vợ của ông, bà Phan Thị Út (Phan Thị Công) cũng là cán bộ kháng chiến, tham gia hoạt động cách mạng liên tục từ năm 1947 - 1975. Bà là người Việt, sinh năm 1930 tại xã Phú An, huyện Bến Cát. Năm 1947, bà tham gia trong Ban chấp hành Phụ nữ xã Phú An (chức vụ thư ký). Năm 1948, là Phó đoàn phụ nữ phụ trách thiếu nhi xã Phú An. Trong quá trình hoạt động, do bị giặc nghi ngờ nên cả gia đình bà chuyển về Sài Gòn sinh sống và tiếp tục hoạt động cách mạng, nuôi giấu cán bộ Thành đoàn.

Năm 1959, bà bị giặc bắt khi tham gia phong trào đấu tranh chính trị chống Mỹ - Diệm. Chúng giam bà tại Nha Đô Thành, sau chuyển qua Kho lúa Bình Đông - Bình Tây. Qua 10 ngày giam giữ và tra tấn nhưng không khai thác được thông tin, chúng đành trao trả tự do cho bà.

Bà Phan Thị Út vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất (25/4/1987); Huân chương Kháng chiến hạng Ba (21/6/1997) vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

*** Ông: Lý Văn Cường.**

Ông sinh năm 1945 tại xã Phú Cường, là một người Hoa gốc Phước Kiến và là em ruột của liệt sĩ Lý Văn Tiện (phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một). Tham gia cách mạng ngày 25/7/1964 trong Ban quân giới Hậu Cần tỉnh Thủ Dầu Một, chuyên sản xuất vũ khí. Năm 1967, công tác tại Đoàn tải 308 thồ đạn cho chiến trường Phân khu 5, vận chuyển từ Bình Mỹ - Bình Cơ tới vùng Biên Hòa, chức vụ Tiểu đoàn Phó.

Năm 1968, ông chuyển về công tác tại phòng Hậu cần Phân khu 5. Đến cuối năm 1969, nhận nhiệm vụ bảo vệ Thiếu tá Trương Văn Thợ (chủ nhiệm Hậu cần Phân khu 5), cấp bậc Trung đội phó.

Từ năm 1972 - 1975, tham gia công tác vệ binh của tỉnh đội Sông Bé, sau được cử đi học tại trường quân sự Lục quân II (khóa 2). Sau giải phóng, ông về công tác thường trực Tỉnh đội Sông Bé. Cuối năm 1975, ông được biệt phái về Thị đội Thủ Dầu Một kiêm Phường trưởng phường Chánh Nghĩa và công tác tại đây cho đến ngày nghỉ hưu cuối năm 1977.

Là một bệnh binh hạng 2/3, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, từ sau nghỉ hưu ông tích cực tham gia công tác tại địa phương: Chi hội phó Hội cựu chiến binh xã Hòa Lợi, đảng viên tham gia sinh hoạt tại Chi bộ ấp An Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát.

Ông Lý Văn Cường vinh dự được Phòng Hậu cần Phân khu 5 tặng Giấy chứng nhận Danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ cấp 2 (1970) và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (13/12/2001); Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng (06/10/2008).

*** Ông: Lý Chí Lý.**

Ông Lý Chí Lý (Lý Văn Đẩu, tự Thuận), sinh năm 1930 tại xã An Điền, huyện Bến Cát. Tìm đến gia đình, được biết ông đã qua đời vào năm 2003. Anh Lý Chí Thân, con trai của ông Lý, cư ngụ tại 82, tổ 3, ấp 5, xã Chánh Phú Hòa, huyện Bến Cát cho biết: Ông Lý Chí Lý tham gia kháng chiến từ tháng 4/1946, làm công tác sản xuất.

Từ năm 1954 - 1960, ông tham gia công tác mật và học tập chính trị, sau đó thoát ly tham gia kháng chiến chống Mỹ. Từ tháng 3 đến tháng 8/1960, ông chuyển công tác về đơn vị C61 bộ đội huyện Bến Cát, chức vụ Tiểu đội Trưởng C61. Từ năm 1961 - 1962, là Chính trị viên trưởng C61 Bến Cát. Năm 1962 - 1968, giữ chức vụ Huyện đội phó, Huyện ủy viên Bến Cát. Tháng 8/1968, là Huyện đội trưởng kiêm Phó Bí thư huyện ủy Bến Cát.

Đến tháng 4/1972, công tác trong Ban dân quân Quân khu miền Đông. Tháng 3/1976, ông chuyển về làm Chính trị viên huyện đội Dầu Tiếng. Ngày 25/10/1977, ông về Thủ Dầu Một làm việc tại Thị đội Thủ Dầu Một, trong đó có 06 làm công tác biên giới, cấp bậc Thiếu tá, chức vụ Thị đội trưởng.

Là một cán bộ nghỉ hưu (cuối năm 1986), đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, ông Lý Chí Lý vẫn tích cực tham gia công tác tại địa phương. Năm 1990, giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh huyện Bến Cát. Ông vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất (13/3/1996) vì đã có thành tích phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Huân chương Độc lập hạng Ba (07/3/2000) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

HUYỆN DẦU TIẾNG:

*** Bà: Đặng Thị Liên - Đặng Thị Sâu - Đặng Thị Hứng.**

Đây là ba chị em ruột trong một gia đình người Hoa gốc Quảng có truyền thống cách mạng tiêu biểu của thị trấn Dầu Tiếng.

Bà Đặng Thị Liên sinh năm 1931 tại Bến Củi, xã Đông Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, hiện cư ngụ tại số 32, tổ 8, khu phố I, thị trấn Dầu Tiếng. Trong thời kỳ chống Pháp, bà tham gia công tác giao liên trong Ban An ninh T4, hoạt động tại vùng Dầu Tiếng. Do bị giặc nghi ngờ nên bà chuyển về sinh sống và hoạt động ở Tân An (Long An). Đến năm 1957, bà trở lại Dầu Tiếng và tiếp tục hoạt động cách mạng cho đến ngày giải phóng. Bà vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.

Bà Đặng Thị Sâu, sinh năm 1933, tham gia hoạt động trong Ban An ninh T4. Từ năm 1975 - 1976, là Trưởng ban kiểm tra Đảng huyện ủy Bến Cát. Giai đoạn sau, bà lần lượt giữ các chức vụ Bí thư Đảng ủy xã Định Thành, Phó Bí thư Huyện ủy Bến Cát và công tác tại đây cho đến ngày nghỉ hưu. Bà Đặng Thị Sâu mất năm 1997.

Bà Đặng Thị Hứng, sinh năm 1938, tham gia cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, hoạt động tại Dầu Tiếng. Từ sau giải phóng 1975, là Hội trưởng Hội phụ nữ xã Định Thành. Bà vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Bà Đặng Thị Hứng mất năm 1999.

*** Bà: Nguyễn Thị Nhạn.**

Bà Nguyễn Thị Nhạn cư ngụ tại số nhà 04, tổ 9, khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng là người Việt nhưng gia đình chồng là người Hoa gốc Hẹ. Bà sinh năm 1924, tại Thủ Dầu Một, tham gia hoạt động qua hai thời kỳ kháng chiến của dân tộc. Thời kỳ chống Pháp, bà hoạt động chủ yếu ở địa bàn Hóc Môn - Bà Điểm. Đến năm 1947, gia đình bà chuyển lên Dầu Tiếng sinh sống và tiếp tục hoạt động cách mạng trong suốt giai đoạn kháng chiến chống Mỹ,

chủ yếu tiếp tế lương thực, đồng thời có hầm bí mật nuôi quân trong nhà. Trong quá trình hoạt động cách mạng, bà từng bị giặc bắt giam trong khoảng thời gian 4 tháng. Đầu tiên chúng giam bà tại Dầu Tiếng sau chuyển xuống Khám đường Bình Dương.

Với những công lao đóng góp trong kháng chiến, Bà Nguyễn Thị Nhạn vinh dự được Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba (29/8/1995); Bằng Gia đình có công với cách mạng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (07/6/1976).

*** Bà: Châu Thị Cưng.**

Bà Châu Thị Cưng, cư ngụ ở số nhà 19, tổ 14, khu phố I, thị trấn Dầu Tiếng là mẹ của ông Quách Hưng - Hội trưởng Ban liên lạc người Hoa Dầu Tiếng. Bà sinh năm 1925, quê quán ở xã Thanh An, huyện Bến Cát, có cha là người Hoa gốc Quảng Đông và chồng gốc người Triều Châu.

Tham gia hoạt động kháng chiến suốt từ năm 1945 đến ngày đất nước ta hoàn toàn giải phóng năm 1975. Trong kháng chiến chống Pháp, bà chủ yếu góp gạo, tiền của nuôi quân đào đường, mua vải may áo mưa, võng, tiếp tế sữa hột gà và thuốc men cho cách mạng. Những nhu yếu phẩm cần thiết cách mạng cần được bà mua về, sau đó chồng bà dùng hai chiếc ghe máy Minh Hưng và Minh Châu chở đến giao ở các địa điểm bến Bà Thiện, bến Trống và bến Phú An.

Trong kháng chiến chống Mỹ, bà tiếp tục tiếp tế thuốc men, hoạt động ở bến Phước Tân (Tây Ninh). Đến năm 1960, cả gia đình chuyển về sống tại Dầu Tiếng cho đến nay. Với những công lao đóng góp trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bà Châu Thị Cưng vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba (16/8/1999).

---o0o---

Như vậy, trải qua lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, Tổ quốc Việt Nam đã sản sinh ra biết bao thế hệ anh hùng, những con người thật bình dị nhưng đã làm nên những trang sử hào hùng của cả một dân tộc, họ kiên cường chiến đấu bảo vệ mỗi tấc đất của quê hương, xóm làng. Đối với đồng bào người Hoa ở Bình Dương, họ xuất thân từ những tầng lớp xã hội, nghề nghiệp khác nhau nhưng đã hòa vào sự nghiệp chung của cả nước, tích cực đóng góp, quyên góp ủng hộ cách mạng, trong đó có nhiều gia đình, cơ sở tín ngưỡng của người Hoa đã trở thành những cơ sở cách mạng nòng cốt của tỉnh. Và cũng đã có biết bao người con của đồng bào người Hoa đã lên đường tham gia kháng chiến theo tiếng gọi thiêng liêng của "Tổ quốc", nhiều người trong số đó đã anh dũng hy sinh và mãi mãi nằm lại chiến trường hoặc mang trong mình những di chứng do chiến tranh để lại. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta mãi mãi khắc ghi sự hy sinh to lớn của các anh hùng, liệt sĩ, thương binh, bệnh binh và những gia đình có công với cách mạng đã góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại trong lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, đất nước ta đang được sống trong cảnh hòa bình và hạnh phúc, lịch sử dân tộc đã bước sang một trang sử mới, một thời kỳ mới, thời kỳ của công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, và vùng đất Bình Dương giàu truyền thống cách mạng năm xưa nay đã trở thành một tỉnh có nền kinh tế - xã hội phát triển, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, một "vùng đất lành chim đậu". Cùng với nhân dân cả tỉnh, cộng đồng người Hoa vẫn tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, góp sức vào công cuộc xây dựng và phát triển chung của tỉnh nhà, góp phần cùng cả nước đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày càng văn minh, giàu đẹp./.

Phụ lục:

DANH SÁCH CÁC ANH HÙNG, LIỆT SĨ VÀ GIA ĐÌNH NGƯỜI HOA Ở

BÌNH DƯƠNG CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

TT	HỌ VÀ TÊN	NỘI DUNG	ĐỊA PHƯƠNG	GHI CHÚ
01	Vương Văn Bé	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
02	Vương Hòa	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
03	Vương Ngọc	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
04	Lưu Bá Liêm	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
05	Lý Văn Tiện	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
06	Từ Văn Tỷ	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
07	Thái Văn Nô (Minô)	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
08	Thái Văn Nê (Minê)	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
09	Vương Văn Đê	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
10	Lý Hoa	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
11	Lý Hoa	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
12	Trần Văn Sanh	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
13	Vương Văn Nhơn	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
14	Vương Văn Bi	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
15	Nguyễn Thị Tô	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
16	Châu Văn Phú	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
17	Châu Thế Dự	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
18	Uông Văn Nhứt	Liệt sĩ	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
19	Ngô Văn Hòa	NCC	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	
20	Lý Mạnh	NCC	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một	

21	Lý Thiên	NCC	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một
22	Đặng Minh Diệu	TB	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một
23	Vương Khắc Vân	NCC	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một
24	Phạm Văn Xừng	NCC	P.Phú Cường, TX.Thủ Dầu Một
25	Phạm Hữu Duyên	NCC	P.Phú Cường, TX.Thủ Dầu Một
26	Thái Thị Vân	NCC	P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu Một
27	Vương Vĩnh Thắng	NCC	P. Phú Cường, TX.Thủ Dầu Một
28	Vương Thế Hạnh	TB	P. Phú Cường, TX.Thủ Dầu Một
29	Diệc Đức Thu	TB	P. Phú Cường, TX.Thủ Dầu Một
30	Lưu Văn Thành	TB	P. Phú Cường, TX.Thủ Dầu Một
31	Trần Văn Nước	NCC	P. Phú Thọ, TX.Thủ Dầu Một
32	Vương Hưng Thành	TB	P. Phú Thọ, TX.Thủ Dầu Một
33	Vương Hải	TB	P. Phú Hòa, TX.Thủ Dầu Một
34	Thái Văn Lâm	NCC	P. Phú Hòa, TX.Thủ Dầu Một
35	Cao Thị Nguyệt	BMVNAH	xã Định Hòa, TX.Thủ Dầu Một
36	Vương Văn Đồng	Liệt sĩ	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
37	Ngô Sanh	Liệt sĩ	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
38	Quách Lụa	Liệt sĩ	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
39	Huỳnh Lâm Phương	Liệt sĩ	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
40	Trịnh Văn Lâm	Liệt sĩ	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
41	Đặng Thái Bình	Liệt sĩ	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
42	Đặng Văn Khiểu	Liệt sĩ	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
43	Trương Văn Kiều	Liệt sĩ	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
44	Đặng Văn Dỏn	Liệt sĩ	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
45	Vương Văn Cưng	Liệt sĩ	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên

46	Vương Lâm	Liệt sĩ	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
47	Quách Văn Nói	Liệt sĩ	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
48	Vương Văn Hơn	Liệt sĩ	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
49	Tạ Mộc Cụi	NCC	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
50	Vương Bạch Cúc	NCC	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
51	Tô Chánh Hòa	BB	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
52	Đặng Quý Chung	TB-BB	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
53	Huỳnh Văn Ngợi	TB	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
54	Đặng Văn Thanh	TB	TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
55	Lâm Mậu Quang	Liệt sĩ	TT Uyên Hưng, Tân Uyên
56	Ngô Thoại Trinh	NCC	TT Uyên Hưng, Tân Uyên
57	Thái Ngọc Thành	Liệt sĩ	Xã An Sơn, Thuận An
58	Trần Văn Căng	Liệt sĩ	Xã An Sơn, Thuận An
59	Trần Văn Thành	Liệt sĩ	Xã An Sơn, Thuận An
60	Lâm Tòng	Liệt sĩ	TT Lái Thiêu, Thuận An
61	Vương Tinh	NCC	TT Lái Thiêu, Thuận An
62	Hà Vĩnh Sinh	NCC	TT Lái Thiêu, Thuận An
63	Tăng Văn Ngà	NCC	TT Lái Thiêu, Thuận An
64	Huỳnh Muối	NCC	TT Lái Thiêu, Thuận An
65	Quang Hàng	NCC	TT Lái Thiêu, Thuận An
66	Ngô Thị Ên	NCC	TT Lái Thiêu, Thuận An
67	Trần Thị No	NCC	TT Lái Thiêu, Thuận An
68	Đặng Lâm Tử	TB	TT Lái Thiêu, Thuận An
69	Tiêu Như Thủy	NCC	TT An Thạnh, Thuận An
70	Lý Thanh Ngọc	TB	xã Thuận Giao, Thuận An
71	Đặng Thị Liên	NCC	TT Dầu Tiếng, Dầu Tiếng

72	Đặng Thị Sâu	NCC	TT Dầu Tiếng, Dầu Tiếng
73	Đặng Thị Hứng	NCC	TT Dầu Tiếng, Dầu Tiếng
74	Nguyễn Thị Nhạn	NCC	TT Dầu Tiếng, Dầu Tiếng
75	Châu Thị Cưng	NCC	TT Dầu Tiếng, Dầu Tiếng
76	Huỳnh Phàn	Liệt sĩ	TT Mỹ Phước, Bến Cát
77	Nguyễn Thị Định	BMVNAH	xã Thanh Tuyền, Bến Cát
78	Nguyễn Thị Chép	BMVNAH	xã An Tây, Bến Cát
79	Diệp Hòi	NCC	xã Phú An, Bến Cát
80	Lý Văn Cường	BB	xã Hòa Lợi, Bến Cát
81	Lý Chí Lý	NCC	xã Chánh Phú Hòa, Bến Cát

PHỤ LỤC II:

CÁC NHÂN SĨ TRÍ THỨC VÀ NGHỆ NHÂN NỔI TIẾNG CỦA NGƯỜI HOA Ở BÌNH DƯƠNG

Người Hoa ở Bình Dương trong quá trình cộng cư và phát triển trên vùng đất Thủ Dầu Một – Bình Dương đã có nhiều đóng góp xây dựng cộng đồng và xã hội. Trong đó có nhiều người xuất sắc và tiêu biểu trên các lĩnh vực, được cộng đồng, các cấp, ban ngành, đoàn thể và Nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu cao quí.

1. THẦY THUỐC ĐÔNG Y - HÀ VĨNH SINH:

Hà Vĩnh Sinh là một người thầy thuốc Đông y đã có nhiều đóng góp trong việc chăm sóc sức khỏe của nhân dân cũng như trong công tác bảo tồn, kế thừa và phát triển của nền y học cổ truyền Việt Nam.

Ông sinh vào ngày 01 tháng 6 năm 1945, dân tộc Hoa; quê quán ở huyện Tam Thủy, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Đơn vị công tác Hội Đông y huyện Thuận An (Hội Đông y Lái Thiêu), giữ chức vụ chủ tịch Hội Đông y Thị trấn Lái Thiêu. Thường trú tại 40 đường ĐT 745, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An.

Sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng. Tháng 5 năm 1965 đến tháng 10 năm 1966, ông tham gia hoạt động bí mật trong phong trào vận động con em Việt kiều, Hoa kiều vào miền Nam tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước tại Phnôm - Pênh (Campuchia). Tháng 10/1966, ông qua Việt Nam và tham gia công tác ở Đoàn 80 Cục hậu cần miền K77 - Quân y viện. Từ năm 1967 đến năm 1977, chuyển về công tác lần lượt ở

Cục Hậu cần miền Nam tham gia chiến dịch Mậu Thân 1968; Đoàn 340 tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ; Đoàn 81, K11, Cục Hậu cần miền (sau này là K41- Đoàn 814 Cục Hậu cần miền) và Sư đoàn La Ngà - Quân y viện Sư đoàn Cục Hậu cần.

Tháng 11/1977, ông chuyển ngành về Phòng y tế phụ trách phòng chẩn trị y học dân tộc huyện Thuận An (sau này có Khoa Đông y huyện – từ quân y viện K41 sư đoàn La Ngà cục hậu cần miền chuyển về Thuận An). Tại đây, ông vừa tham gia khám chữa bệnh bốc thuốc, sưu tầm dược liệu, vừa học tập nâng cao tay nghề, tham gia tập huấn chẩn đoán lâm sàng về tây y, chuẩn hóa lương y, tham gia đào tạo các lớp y tá (150 y tá), Đông y châm cứu, phương pháp không dùng thuốc và massage bấm huyệt trị bệnh cho nhiều học viên. Sau khi công tác đã đi vào hoạt động thường xuyên ổn định, ông đã góp công sức và kinh phí xây dựng Phòng chẩn trị Tỉnh, xây dựng phòng thuốc Nam – Bắc đến nay còn sử dụng.

Năm 1980, ông giữ chức vụ Chủ tịch Hội y học dân tộc xã Tân Thới (nay là thị trấn Lái Thiêu) với 04 nhiệm kỳ, Ủy viên Ban chấp hành Hội Đông y huyện Thuận An 05 nhiệm kỳ, tổ chức khám chữa bệnh cho người nghèo của thị trấn Lái Thiêu và phối hợp cùng huyện khám bệnh từ thiện cho người nghèo các xã bạn.

Trong suốt quá trình tham gia hoạt động làm nghề thầy thuốc Đông y ông luôn phấn đấu học tập và nâng cao tay nghề, tham gia các cuộc tập huấn chẩn đoán lâm sang về tây y và theo lớp học chuẩn hóa lương y, tham gia hội nghị quốc tế và ngành y học đông phương được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra ông còn tham gia giảng dạy các lớp y tá, đông y châm cứu(1978 – 1979), các lớp học về phương pháp không dùng thuốc và massage bấm huyệt trị bệnh cho 220 học viên (năm 2008 – 2009), tham gia

cùng chi hội Y học dân tộc thị trấn Lái Thiêu xây dựng 03 nhà đại đoàn kết và hàng năm phát thẻ khám chữa bệnh miễn phí cho 150 người.

Đến năm 1993 ông về nghỉ hưu, với chức vụ Trưởng khoa phòng chẩn trị y học dân tộc cổ truyền huyện Thuận An. Hiện nay, ông là Chủ tịch Hội y học dân tộc thị trấn Lái Thiêu; Ủy viên Ban chấp hành Hội châm cứu tỉnh Bình Dương nhiệm kỳ (2010 - 2015).

Hà Vĩnh Sinh luôn luôn giữ vững là người thầy thuốc có phẩm chất đạo đức như lời dạy của Bác " Lương y như từ mẫu", không ngửng học tập và nghiên cứu để trở thành lương y giỏi và thừa kế phát huy những phương thuốc hay để phục vụ cho nhân dân. Với những thành quả cao quý trong ngành Đông y và những thành tích hoạt động cách mạng, sự cống hiến cho ngành y học dân tộc, ông đã được Nhà nước, các cơ quan, ban ngành tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như: Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; 03 Huy chương Dũng sĩ Quyết thắng; 02 Huy chương "Cựu chiến binh Việt Nam", "Vì sức khỏe nhân dân"; 02 Kỷ niệm chương Bám trụ đánh Mỹ và "Vì sự nghiệp Đông y"; 09 Bằng khen của Trung ương Hội Đông y Việt Nam, Trung ương Hội châm cứu Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Bình Dương; 25 Giấy khen của Tỉnh Hội Đông y, Hội châm cứu, Ủy ban nhân dân huyện Thuận An, thị trấn Lái Thiêu và huyện Hóc Môn (thành phố Hồ Chí Minh).

2. LÃO THÀNH CÁCH MẠNG - NGÔ VĂN HÒA:

Tư Hòa là một trong những vị lão thành cách mạng trong cộng đồng người Hoa ở Thủ Dầu Một, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông sinh năm 1925 trong một gia đình tư sản tại xã Phú Cường, tỉnh Thủ Dầu Một (nay thuộc phường Chánh Mỹ, thị xã Thủ Dầu Một), nguyên quán Triều Châu (Trung Quốc).

Năm 20 tuổi, cũng như bao lớp thế hệ thanh niên của tỉnh Thủ Dầu Một, đã sớm giác ngộ lý tưởng cách mạn, tham gia vào đội tự vệ Việt Minh làm nhiệm vụ cắm cờ đỏ sao vàng ở Dinh tỉnh trưởng Thủ Dầu Một (nay là trụ sở Ủy ban nhân dân phường Phú Cường). Tư Hòa là một trong những nhân chứng lịch sử của Thủ Dầu Một, sống trong bầu không khí sôi sục Cách mạng Tháng Tám giành chính quyền về tay nhân dân. Để chuẩn bị cho cuộc mít tinh tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám thành công trên địa bàn tỉnh Thủ Dầu Một, ông Tư Hòa và một số anh em trong đội tự vệ tham gia mọi hoạt động chuẩn bị cho ngày mít tinh diễn ra tại trung tâm thị xã, kiểm tra tất cả các phòng nhà việc đề phòng các chất nổ gài lại, bảo vệ đồng chí Văn Công Khai làm việc… và cuộc mít tinh sáng ngày 25/8/1945 tại nhà việc Phú Cường (nay là trụ sở UBND phường Phú Cường) đã diễn ra thuận lợi, an toàn và thành công.

Từ tháng 9/1945 đến năm 1954, ông tham gia công tác tại nhiều đơn vị và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Trưởng Văn phòng Ban quân sự tỉnh (tháng 9 đến tháng 11/1945); Kiểm soát viên Ủy ban nhân dân tổng Bình Thạnh Thượng, nay là huyện Bến Cát (tháng 11/1945 - 3/1946). Tháng 4/1946, ông được điều về làm Phó chủ tịch UBND tổng Bình Điềm (Thủ Dầu Một hiện nay); Ủy viên thường vụ Quận ủy, Chính trị viên Quận đội dân quân huyện Bến Cát (1946 - 1947); huyện đội phó huyện đội Lái Thiêu (4/19/48); Bí thư huyện ủy kiêm Tổng thư ký Ủy ban kháng chiến hành chánh huyện Lái Thiêu (5/1948); Phó Chủ tịch UBND thị xã Thủ Dầu Một, Ủy viên thường vụ Thị ủy phụ trách khối Hoa vận và kinh tế tài chính (8/1948); Tổng thư ký Ban chấp hành Hội Giải liên tỉnh Thủ Biên; Trưởng Văn phòng Ban liên hiệp đình chiến tỉnh Thủ Biên.

Sau năm 1954, ông tập kết ra Bắc cho đến khi đất nước ta hoàn toàn thống nhất ngày lịch sử mùa Xuân 30 tháng 04 năm 1975 ông trở về Nam tiếp quản Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, thuộc Công ty xăng dầu miền Nam.

Năm 1980, ông nghỉ hưu và vẫn tích cực tham gia công tác xã hội tại địa phương như Tổ trưởng khu phố và các tổ chức đoàn thể (Hội chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi) của phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Với những công lao đóng góp trong suốt quá trình tham gia cách mạng của mình, ông đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý: Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc (23/11/1954); Huy chương Chiến thắng hạng Nhất (22/12/1958); Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (30/8/1961); Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất (28/3/1985); Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Văn phòng Cấp ủy (28/9/2002) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận, hưởng trợ cấp ưu đãi thâm niên tiền khởi nghĩa.

Trong suốt cuộc đời tham gia cách mạng, ông cho rằng bản thân rất vinh dự được làm trợ lý cho hai đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một là Văn Công Khai và Nguyễn Văn Tiết (Sáu Tiết).

3. LÃO THÀNH CÁCH MẠNG - LÝ MẠNH.

Lý Mạnh sinh năm 1922 trong một gia đình làm nghề nông tại phủ Triều Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Gia đình ông sang định cư tại Việt Nam vào năm 1946 và sinh sống ở Thủ Dầu Một cho đến nay. Thường trú tại số 200/A10/10 đường Bàu Bàng, phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trong cộng đồng người Hoa ở Thủ Dầu Một, nói về lão thành cách mạng phải kể đến ông Lý Mạnh. Ông tham gia kháng chiến trong suốt hai thời kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ ở xã Bình Mỹ, huyện Tân Uyên,

hoạt động trong vùng căn cứ chiến khu Đ oai hung đi vào lịch sử chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Thời kỳ chống Pháp, vào năm 1952 ông gián tiếp nhận công tác tiếp tế bằng lương thực và đóng góp tiền bạc cho cách mạng.

Thời kỳ chống Mỹ, năm 1958 ông phụ trách Đoàn Hậu cần 83, sau đó chuyển sang làm công tác binh vận tại xã Bình Mỹ với nhiệm vụ làm cho số binh lính địch rã hàng ngũ, phân tán lực lượng. Đặc biệt, có tham gia diệt sáu tên ác ôn, trong đó có một tên bị bắt sống tại nhà ông. Đến năm 1964, vì lý do bị địch nghi ngờ, ông phải chuyển về hoạt động tại Thủ Dầu Một.

Sau năm 1975, ông tích cực hoạt động và tham gia phụ trách khối Hoa kiều tại Thủ Dầu Một dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Thủ Dầu Một. Khi Bang người Hoa Triều Châu ở thị xã Thủ Dầu Một được thành lập, ông phụ trách công tác của Bang cho đến ngày bàn giao qua ông Vương Vĩnh Thắng (Hội trưởng Bang Triều Châu hiện nay).

Với những thành tích tham gia hoạt động cách mạng qua 2 thời kỳ kháng chiến chống giặc ngoại xâm, ông vinh dự được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như: Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất; Huy chương Đại đoàn kết dân tộc; Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp dân vận của Ban Dân vận Trung ương.

4. LÃO THÀNH CÁCH MẠNG - TIÊU NHƯ THỦY.

Tiêu Như Thủy (bí danh Mười Quang) ông sinh năm 1924, ở xã Chánh Hiệp, thị xã Thủ Dầu Một. Là một cán bộ kháng chiến của tỉnh Thủ Dầu Một, ông vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì, Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huy chương Độc lập.

Tham gia cách mạng từ năm 1945, hoạt động tại vùng Biên Hòa. Năm 1946 về Thủ Dầu Một công tác tại văn phòng Tỉnh ủy. Đến đầu năm 1947,

ông được đề bạt làm chánh văn phòng Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, làm trợ lý cho đồng chí Bí thư Nguyễn Văn Tiết.

Tháng 3 năm 1949, Đoàn Văn hóa kháng chiến được thành lập. Đây là tổ chức của những người làm công tác văn hóa, văn nghệ trong tỉnh nhằm tập hợp lực lượng, thống nhất quan điểm và trao đổi kinh nghiệm sáng tác phục vụ yêu cầu hưởng thụ về văn hóa, văn nghệ của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ địa phương. Ông Tiêu Như Thủy được cử làm Phó Trưởng đoàn.

Từ năm 1950 trở về sau, ông được phân công làm Phó Trưởng ban Tuyên giáo; Hiệu phó phụ trách nội dung trường Đảng đồng thời là trường Hành chánh tỉnh. Năm 1953, công tác tại Ban tổ chức Tỉnh ủy Thủ Biên.

Ông tham gia hoạt động phong trào truyền bá quốc ngữ và rất giỏi về luật hỏi ngã. Và ông đã xây dựng gia đình với cô Dung một nhân viên văn phòng Hội giải Liên Thủ Biên.

Đến năm 1954, ông không đi tập kết mà được ở lại để tiếp tục tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Năm 1961, Trung ương Cục chỉ đạo thành lập Ban cán sự Đảng của tỉnh, ông Tiêu Như Thủy được chỉ định làm ủy viên của ban.

Sau năm 1975, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng như Phó Bí thư Tỉnh ủy Phước Thành; Phó Chủ tịch UBND tỉnh Sông Bé; Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc kiêm Chủ tịch Hội chữ thập đỏ tỉnh Sông Bé.

5. ÔNG DIỆP HÒI.

Diệp Hòi (tự Sáu Hòi) là một người Hoa, sinh năm 1922 tại vùng đất giàu truyền thống cách mạng Bến Súc - Thanh Tuyền. Hiện nay gia đình ông đang cư ngụ tại số nhà 511, ấp Phú Thuận (gần khu vực Bến Đò), xã Phú An, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Ông Diệp Hòi tham gia hoạt động kháng chiến từ năm 1947 trong Ban chấp hành Thanh niên tỉnh Thủ Dầu Một. Cũng trong giai đoạn này, ông đã vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản.

Từ năm 1949 - 1954, ông chuyển về công tác tại Huyện ủy Bến Cát, chức vụ Chủ tịch kiêm Bí thư huyện ủy.

Đến giữa năm 1955, ông được điều về làm Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Thủ Dầu Một. Về đây ông được bố trí ăn ở và làm việc tại nhà một đồng bào là cơ sở chí cốt của ta tại xã Bình Chuẩn. Nhưng đến cuối năm 1955, do bọn công an thám báo thường xuyên qua lại trong xóm ấp nên ông buộc phải thay đổi chỗ ở đến nhiều nơi như Cồn Cát ấp Thạnh Bình, ấp Thạnh Lợi (thuộc xã An Thạnh) hay đến xã Bình Nhâm…

Năm 1956, ông bị giặc bắt và đánh đập khai thác tại chỗ. Tuy chết đi sống lại nhiều lần nhưng ông vẫn giữ vững khí tiết của người cộng sản, không nói điều gì có hại cho cách mạng, cho những cơ sở đã nuôi giấu, che chở cho ông. Vì vậy, chúng bắt ông và đày giam tại nhà tù Côn Đảo.

Vào năm 1961, sau khi được trao trả tự do ông tiếp tục tham gia hoạt động cách mạng trong Thành đoàn Sài Gòn.

Do chịu nhiều đòn đánh đập tra tấn của địch, những vết thương trên thân thể ông phải trải qua một thời gian khá dài điều trị tại bệnh viện Hồng Bàng (nay là bệnh viện Phạm ngọc Thạch). Ông vừa điều trị vết thương, vừa tham gia cùng gia đình nuôi dưỡng cán bộ Thành đoàn cho đến ngày miền Nam hoàn toàn được giải phóng, Đất nước thống nhất mùa Xuân năm 1975.

Với nhiều công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba (21/6/1997); Kỷ niệm chương Chiến sĩ bị địch bắt, tù đầy (05/5/1998); Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Văn phòng cấp ủy (28/9/2002).

6. ÔNG VƯƠNG VĨNH THẮNG:

Vương Vĩnh Thắng (tên thường gọi là Vương Vĩnh Hùng), sinh ngày 1/5/1949, tại quận 5, Sài Gòn. Nguyên quán: huyện Triều An (Phủ Triều Châu), tỉnh Quảng Đông, Tr ung Quốc. Hiện cư ngụ tại số 392, đường Cách mạng Tháng Tám, phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Ông sinh ra trong một gia đình Dân tộc Hoa, Quốc tịch Việt Nam. Gia đình gồm 8 người, cha Vương Tường, mẹ Dương Âm là người Triều Châu từ Trung Quốc sang, cha làm công nhân cho công ty kinh doanh lúa gạo đến năm 1976 thì qua đời, người mẹ nuôi 6 con và làm việc nhà. Vương Vĩnh Thắng là người con thứ 2 trong gia đình, cũng là anh trai cả, gia đình đông con nên cuộc sống luôn vất vả. Năm ông 14 tuổi phải nghỉ học để đi làm mướn phụ giúp gia đình nuôi các em khôn lớn, làm đủ mọi thứ từ bưng hủ tiếu, bán bán kẹo, bán tạp hóa… nhưng ông vẫn tranh thủ ban đêm đi học thêm bổ tức văn hóa học tiếng Việt. Đến năm 18 tuổi, lúc này đã có điều kiện hơn, ông được đi học thêm tiếng Anh và học tiếp tiếng Hoa, tối vẫn đi học chữ Việt. Năm 21 tuổi ngày đi làm mướn, ban đêm vẫn đi học chữ Việt, vốn kiến thức ngày được tăng dần, sau đó được phụ làm thợ điện. Mãi đến năm 30 tuổi, theo người anh họ học làm xà bông và đây lại là cái nghề nuôi ông và gia đình sinh sống ổn định đến ngày nay.

Kể lại khoảng thời gian tuổi thơ luôn gặp nhiều khó khăn, nhưng với nghị lực luôn tiến thân, chịu khó học tập và chăm chỉ làm việc nên cuộc sống dần khá lên. Những thành quả đạt được như ngày hôm nay, ông tự hào nói về người vợ của mình Trần Thị Phi Yến, người vợ thủy chung luôn bên ông làm việc cần cù và cần kiện nuôi dạy 4 người con nên người. Tất cả đã trưởng thành, trai làm kiến trúc sư, con gái dạy tiếng Hoa và có cuộc sống ổn định.

Hiện nay, ông là Hội trưởng Hội tương tế Triều Châu trong suốt 04 nhiệm kỳ từ năm 1995 đến năm 2011. Lĩnh vực hoạt động của ông luôn gắn bó với cộng động người Hoa ở thị xã và cả tỉnh Bình Dương tương trợ lẫn nhau, cùng góp sức làm tốt công tác từ thiện ở địa phương, làm đại điện cho cộng đồng người Hoa, tham gia Uỷ ban MTTQ tỉnh Bình Dương, làm cầu nối giữa chính quyền, Mặt trận và bà con người Hoa, đề đạt tâm tư nguyện vọng của người Hoa và tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước đến với bà con người Hoa ở địa phương. Duy trì được 4 đoàn VHNT truyền thống của người Hoa như: ĐO65i Lân rồng của Quảng Đông, Sư tử của Hẹ, múa Hẩu của Phước Kiến và đoàn cồng chiêng của Triều Châu.

Trong suốt quá trình phấn đấu của bản thân, ông luôn xây dựng một gia đình vững chắc và cùng cộng đồng, đóng góp cho xã hội. Là người Hoa, gốc Triều Châu, và sinh ra tại Sài Gòn. Vốn có kiến thức, chịu khó học tập, ông tham gia cách mạng từ tháng 10 năm 1963, làm công tác giao liên, đội viên Đội vũ trang công tác đặc biệt Q804 Hoa Vận T4 (Sài Gòn - Chợ Lớn). Năm 1968, do bị thương nên ông chuyển sang làm công tác liên lạc, cung cấp lựu đạn, đạn dược và tiền bạc cho Đội.

Đến năm 1975, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Gia đình ông chuyển đến lập nghiệp tại Thủ Dầu Một vào đầu năm 1980 và định cư ở đây cho đến ngày nay. Trong suốt thời gian sinh sống 30 năm tại Bình Dương, ngoài việc kinh doanh sản xuất để làm kinh tế gia đình, thời gian còn lại ông làm việc công tác xã hội từ thiện, phúc lợi xã hội… Với sự nhiệt tình và uy tín của bản thân, ông đã tham gia nhiều tổ chức ban hội khác nhau như:

Năm 1981 – 1991, là Phó Chủ tịch rồi chủ tịch Hội phụ huynh Tiểu học Nguyễn Du; từ năm 1983 – 1990, là phó chủ tịch hội phụ huynh trường

THCS Phú Cường (Nghĩa Phương và Bồ Đề); từ năm 1988 – 1999, phó chủ tịch Hội PHHS trường Võ Minh Đức; Từ năm 1987 – 1989 và 2006 – 2009 Trưởng ban bảo trợ trường Hoa văn thị xã Thủ Dầu Một; từ năm 1987 – 1997 là chủ tịch hội từ thiện CTXN thị xã Thủ Dầu Một; năm 1987 – 1989 được bầu làm Đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp phường Phú Cường và thị xã Thủ Dầu Một (đại diện cộng đồng người Hoa); phường Phú Cường và tỉnh Sông Bé (1989 - 1994); tham gia công tác Mặt trận thị xã Thủ Dầu Một khóa III, IV và tỉnh Sông Bé và tỉnh Bình Dương 04 khóa IV, V, VI, VII.

Với những thành tích cách mạng và quá trình tham gia công tác xã hội, ông được các cấp chính quyền, Mặt trận tặng nhiều huy chương, kỷ niệm chương và bằng khen, giấy khen:

- Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất (1996).

- 03 Huy chương Vì sự nghiệp lao động, thương binh và xã hội (1995); Vì sự nghiệp Giáo dục (1996); Vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc (2003).

- 05 Kỷ niệm chương Vì giai cấp nông dân Việt Nam (2006); Vì sự phát triển của Phụ nữ Việt Nam (2008); Vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc (2009); Vì sự phát triển các dân tộc (2009); Vì thế hệ trẻ (2010).

- 06 Bằng khen của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2007); Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2010); Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (2007); Hội đồng nhân dân tỉnh Sông Bé (1994); Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Bình Dương (2005) và nhiều Giấy khen của Ban, ngành các cấp.

Tháng 5 năm 2010 vừa qua, ông vinh dự đại diện cho cộng đồng người Hoa Bình Dương tham gia Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam tại Hà Nội và nhận Bằng khen của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vì đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc (28/4/2010).

7. NGHỆ NHÂN GỐM SỨ CAO CẤP MINH LONG I - LÝ NGỌC MINH:

Lý Ngọc Minh sinh năm 1953, ở Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Nguyên quán Phước Kiến (Trung Quốc). Hiện cư ngụ tại số 333, ấp Hưng Lộc, xã Hưng Định, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Với chức vụ hiện nay là Tổng Giám đốc công ty TNHH gốm sứ cao cấp Minh Long I, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Trung ương Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Để đạt được những danh hiệu cao quý như ngày nay, Lý Ngọc Minh đã phải vượt qua bao biến cố của cuộc sống, bản thân luôn cố gắng lao động miệt mài, không ngừng nghiên cứu và học tập, rèn luyện tay nghề, kỹ năng chuyên môn và luôn đau đấu về chất lượng sản phẩm gốm từ thủ công truyền thống làm sao để bằng người và hơn thế nữa, khẳng định thương hiệu và vang tiếng bay xa!

Sinh ra trong một gia đình có truyền thống làm nghề gốm lâu đời, là anh trai cả. Từ nhỏ ngoài việc học hành trau dồi kiến thức, ông còn tham gia nghề sản xuất chén truyền thống cùng gia đình nên rất đam mê về gốm. Đến năm 1965, ông được người cha đưa đi xem triển lãm (tại lò) về kỹ thuật làm gốm (chén thấu quang) ở Lái Thiêu của chú Xiêu, một cậu bé 12 tuổi cứ ấn tượng mãi và ghi khắc trong lòng làm sao để đạt được trình độ sứ cao cấp…. tình cờ đi chơi và thấy họ làm gốm mỹ nghệ Đồng Nai đẹp nên ông rất đam mê, men màu. Đây cũng là năm ông Lý Ngọc Minh và người bạn tên Long cùng nghiên cứu và chế tạo ra men màu.

Năm 1970, Thành tựu đầu tiên cùa Minh Long là chế tạo men màu. Trước đây nhập men màu của Anh, Nhật. Thành công pha chế các dãy men màu phải nói là bằng hoặc tương đương và vượt trội về chất lượng so với

men màu nhập và hai người bạn song hành đã mở công ty làm đồ mỹ nghệ Minh Long vào năm 1970.

Từ cơ sở gốm sứ Minh Long và nay là Công ty TNHH Minh Long I, chuyên sản xuất các mặt hàng mỹ nghệ, sứ dân dụng cao cấp. Năm 1972, bắt đầu xuất khẩu sang các nước như Hồng Kông, Mỹ, Ấn Độ… Đến năm 1990, công ty Minh Long I bắt đầu đẩy mạnh xuất khẩu với doanh số khiêm tốn buổi đầu chỉ 40 – 50.000USD/năm và số lượng công nhân chưa đến 100 người, nhưng cho đến nay đã hơn 1.500 công nhân và doanh thu cũng đạt hơn hàng chục triệu USD/năm.

Năm 1996, thành lập công ty TNHH Minh Long I, đến nay cơ sở vật chất hiện đại với hơn 1.800 công nhân lao động. Đặc biệt, năm 2004, công ty đã đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại Minh Sáng Plaza để trưng bày và quảng bá đến khách hàng trong và ngoài nước về quy trình sản xuất, chế tác các sản phẩm gốm sứ mang thương hiệu Minh Long I, cũng như giới thiệu ngành nghề gốm sứ Bình Dương - một trong những cái nôi của ngành gốm sứ Việt Nam.

Năm 2005 – 2007, Công ty đầu tư trên 300 tỷ đồng thực hiện gia tăng thị phần gốm sứ xuất khẩu trong xu thế đất nước gia nhập WTO. Với kết quả đầu tư cơ sở, mở rộng sản xuất, Minh Long I được xem là “cánh chim đầu đàn” trong ngành sản xuất gốm của cả nước, có nhiều ưu thế vượt trội so với nhiều đơn vị kinh tế có cùng ngành nghề trên thế giới.

Trải qua 40 năm hoạt động, Công ty Minh Long I đã phát triển không ngừng, từ một lò chén sản xuất thủ công mang tính gia đình đến nay đã phát triển thành một công ty chuyên ngành sản xuất gốm sứ cao cấp nổi tiếng của Việt Nam với hệ thống nhà xưởng rộng 120.000m^2 (2009), trang thiết bị công nghệ vào loại bậc nhất Châu Á được chuyển giao từ Đức, Nhật…. như hệ thống máy đùn đất, phun men, máy rót áp lực, rôbot lau sản phẩm…

Công ty là đơn vị thực hiện nghiêm túc những qui định của nhà nước về chế độ, chính sách cho người lao động, luôn chú trọng nâng cao tay nghề. Trong tổng số 1.800 lao động hiện nay đã có hơn 70% số lao động có tay lành nghề.

Có được những thành quả lớn như ngày nay của công ty đó là vị giám đốc Lý Ngọc Minh luôn "giám nghĩ, giám làm" trong khoa học, kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất. Người đam mê gốm, luôn tìm tòi nghiên cứu và đã thành công trên lĩnh vực ngành, trong đó phải kể đến việc thành công trong việc bảo lưu phục chế men – màu đã thất truyền như màu đỏ son, xanh vua, xanh Cobalt, men Celadon…là những loại men – màu khó thực hiện nhất trong nghề và đã thất truyền từ lâu. Tất cả những màu men đó đã được thể hiện trên những sản phẩm mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam như: các bộ sản phẩm " Sơn hà", "cẩm tú", "Quốc sắc", " Thiên Hương"…mang giá trị cao, là vô giá. Đặc biệt, năm 2005 Công ty đã chế tạo thành công chiếc "cúp rồng Việt" bằng sứ cao cấp nhất, có ứng dụng men Celadon, một chiếc duy nhất, hoàn toàn được vẽ bằng tay và được trao tặng cho Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bán đấu giá số tiền ủng hộ Qũy "vì người nghèo".

Lý Ngọc Minh là một nghệ nhân, người có công sức đóng góp cho ngành gốm sứ Bình Dương và cả Việt Nam. Gần như cả đời mình ông chỉ sống với nghề gốm sứ, với ông những sản phẩm được hình thành "tinh hoa từ đất, tinh xảo từ người" luôn để lại những ấn tượng mạnh mẽ và giúp ông có được như ngày hôm nay. Ông luôn biết ơn quê hương và nghề gốm sứ, những ước mơ, luôn suy nghĩ đau đấu về sản phẩm gốm sứ cao cấp giờ đây ông đã thỏa nguyện và ngày càng nâng cao hiệu quả sản phẩm. với vai trò là người đi tiên phong trong thử nghiệm, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản

xuất gốm sứ, ông đã phổ biến và nhân rộng mô hình hoạt động, góp phần làm thay đổi diện mạo của ngành nghề gốm sứ Bình Dương.

Để ghi nhận những đóng góp và thành tích đạt được, bản thân ông đã được Nhà nước, Chính Phủ, các Bộ, Ban ngành Trung ương và địa phương trao tặng nhiều phần thưởng cao quý như:

- 01 Huân chương Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (2007).
- 02 Huân chương Lao động hạng Nhì (2000, 2004).
- 04 Huy chương "Vì sự nghiệp Đại đoàn kết toàn dân" (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 1994); "Vì sự nghiệp Khoa học Công nghệ" (Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, 1994); "Vì sự nghiệp Chữ thập đỏ" (Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, 1996); "Vì sự nghiệp Lao động, Thương binh và Xã hội" (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, 1997).
- 09 Bằng khen của các Bộ Thương Mại, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.
- 01 Bằng Lao động sáng tạo (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, 2004).
- 02 Giấy chứng nhận Chiến sĩ thi đua cấp Bộ (Bộ Thương mại, 2006); Doanh nhân Sài Gòn tiêu biểu năm 2005 (Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh).

8. DOANH NHÂN NGHỆ NHÂN GỐM - LÝ NGỌC BẠCH [171]:

Lý Ngọc Bạch là Giám đốc Công ty TNHH Cường Phát, một doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu gốm sứ nổi tiếng ở Bình Dương.

Sinh năm 1952 trong một gia đình có truyền thống về nghề gốm tại làng gốm Tân Phước Khánh - Bình Dương. Ông nội ông là người Phước Kiến - Trung Quốc, di cư qua Việt Nam và chọn Bình Dương làm nơi lập

---

[171] Được sự đồng ý của ông Lý Ngọc Bạch – tác giã bài viết sử dụng nguồn tư liệu từ tập sách Doanh nhân Việt Nam Nụ cười và Nước mắt, tập 8, tr 105 – 121.

nghiệp với nghề làm gốm. Tiếp nối nghề của gia đình, ba mẹ ông duy trì lò chén…cha truyền con nối và đó cũng là truyền thống kế thừa nghề nghiệp đặc trưng của phần đông các gia đình người Hoa qua Việt Nam lập nghiệp.

Tuổi thơ của ông đã sớm lăn lộn với cơm áo gạo tiền, đối phó với nhiều tình huống khó khăn hiểm nghèo, trải nghiệm những va chạm ấy đã hun đúc trong ông một ý chí vươn lên mạnh mẽ, kiên trì và không bao giờ chịu khuất phục trước bất kỳ hoàn cảnh nào.

Năm 1970, ông cùng với người anh trai của mình là Lý Ngọc Minh hùn hạp với người bạn là ông Dương Văn Long cùng nhau thành lập Công ty Minh Long chuyên về sản xuất đồ mỹ nghệ xuất khẩu, chủ yếu là đi Mỹ và Hồng Kông. Ông Minh phụ trách việc nghiên cứu men màu, ông Long phụ trách việc đốt lò, khuôn mẫu, còn ông và cô em gái của ông Long lo việc tiêu thụ sản phẩm và quản lý công nhân. Tuy quy mô không lớn nhưng nhờ sản phẩm khá sắc sảo nên việc tiêu thụ cũng thuận lợi, công ty ngày càng phát triển. Để mở rộng sản xuất, công ty đã mua thêm 16.000m^2 đất ở xã Tân Định thuộc huyện Thuận An, dự kiến sau này chuyển công ty về đó.

Ngày 30/4/1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, cả nước hân hoan mừng ngày thống nhất đất nước. Đây là giai đoạn khó khăn của những người sản xuất hàng mỹ nghệ xuất khẩu, do chính sách “tự cung - tự cấp”, “tự sản - tự tiêu” của nước ta trong buổi đầu sau thời kỳ thống nhất khiến việc xuất khẩu bị đình trệ. Công ty của ông gặp khó khăn thực sự, sản phẩm sản xuất ra không bán được, không đủ tiền trả lương cho công nhân, công ty đứng bên bờ vực phá sản. May thay, các mặt hàng gốm tiêu dùng trong nước lại có giá, nhiều gia đình giàu có đã mua chén, đĩa, ly, tách để tích trữ; công ty ông chuyển đổi mặt hàng qua sản xuất tô, chén, đĩa. Những khó khăn bước đầu đã được tháo gỡ.

Năm 1977, ông lập gia đình, vợ ông cũng là người thợ làm gốm in lu khạp ở Lái Thiêu.

Đến năm 1979, ông quyết định tách khỏi công ty Minh Long về phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một làm mười căn lò do ông nội để lại, với số vốn vỏn vẹn là hai cây vàng. Ông làm chén bán cho các công ty sành sứ và các hợp tác xã tiêu thụ của Nhà nước. Ông vừa làm gốm, vừa chế biến men màu bán cho các lò khác. Lúc này, trên thị trường đa phần là các loại chén chỉ vàng, ông đã nghiên cứu và đưa vào sản xuất thành công loại tô Tây bắt chỉ màu xanh lá, rất lạ và đẹp nên bán giá được gấp đôi so với các lò khác. Siêng năng, chăm chỉ làm việc, sau năm năm ông tích lũy được 20 lượng vàng. Đã có vốn trong tay, ông quyết định đưa gia đình về xã Hưng Định lập nghiệp.

Năm 1983, ông bắt tay vào xây dựng trên mảnh đất 5.000m^2 rừng chồi vừa mua được. Nằm sâu trong Quốc lộ 13, khi đó nơi đây còn rất hoang vắng với nhiều mảnh bom còn sót lại. Mướn xe ủi, lợp tạm mái lá, ông bắt đầu đắp lò đưa ngay vào sản xuất. Ông ghép tên hai người con trai lớn là Lý Huy Cường và Lý Huy Phát để đăng ký tên cơ sở mình là “Cường Phát”.

Ban đầu, cơ sở chỉ có 30 công nhân, chuyên sản xuất chén, tô, muỗng, đĩa cao cấp nên bán được giá cao gấp 10 lần chén ngang, do vậy cơ sở phát triển rất nhanh. Sau 05 năm, cơ sở Cường Phát đã có gần 200 công nhân và mở rộng nhà xưởng lên đến 22.600m^2. Đầu những năm 1990, các sản phẩm gốm sứ Trung Quốc bằng nhiều đường khác nhau, tràn ngập thị trường Việt Nam, phần lớn là hàng trốn thuế nên giá cả rất rẻ, không thể cạnh tranh được, ông quyết định chuyển sang sản xuất đồ mỹ nghệ xuất khẩu.

Năm 1991, trong một dịp đi dự triển lãm ở Đài Loan, ông đã tranh thủ tham quan và tìm hiểu các cơ sở sản xuất gốm sứ ở đây thì thấy rằng, họ không nung bằng lò củi mà bằng lò ga, chất lượng, màu sắc sản phẩm rất ổn

định. Tỷ lệ thành phẩm rất cao. Năm 1995, thông qua Công ty Minh Long I, ông nhập về một lò con thoi $4m^3$ đưa vào nung thử, thấy rất có hiệu quả, ông tiếp tục nhập thêm 04 lò nữa và từ đó xóa hẳn lò củi chuyển sang 100% lò nung ga. Mục tiêu sản xuất dựa trên công nghệ xanh, sạch của ông bước đầu đạt được kết quả khả quan.

Năm 1997, ông "bêtông hóa" toàn bộ nhà xưởng và trụ sở công ty theo kiến trúc Pháp. Ông nhập về một lò nung liên hoàn $40m^3$ và một số máy móc thiết bị có kỹ thuật hiện đại như: máy đùn chân không, máy ép đất, máy in trục lăn, máy sàng run, máy hút từ tính… để hỗ trợ việc sản xuất thủ công.

Do giá nguyên liệu đầu vào ngày càng tăng cao, nhất là gas, trong khi đó giá đầu ra sản phẩm lại bị cạnh tranh gay gắt trong giai đoạn hội nhập. Để công ty có thể tồn tại và phát triển, ông cất công qua Trung Quốc nghiên cứu, tìm hiểu và quyết định đầu tư hệ thống xử lý than khí hóa, cung cấp nguồn nhiên liệu khí hóa lỏng cho toàn bộ hệ thống lò nung hiện có và nhập mới lò nung liên hoàn $60m^3$, nhằm đẩy mạnh sản lượng, tiết kiệm nhiên liệu và chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Đến nay, Công ty Cường Phát với $45.000m^2$ nhà xưởng đã trang bị 4 lò nung liên hoàn, 11 lò con thoi, các máy móc thiết bị hiện đại phục vụ sản xuất, gần 800 công nhân lao động, cho ra sản lượng mỗi năm khoảng 7 triệu sản phẩm với gần 1.000 chủng loại.

Công ty Cường Phát là một trong những công ty sản xuất gốm sứ có quy mô và công nghệ vào loại bậc nhất trong khu vực Đông Nam Á. Thương hiệu gốm sứ "Cường Phát" ngày một bay xa, sản phẩm của công ty đã có thể cạnh tranh với sản phẩm của các nước có nền công nghiệp gốm sứ phát triển như Bồ Đào Nha, Trung Quốc, Nhận Bản, Thổ nhĩ Kỳ… Chất lượng hàng đẹp, giá rẻ, men màu tốt, không có độc tố chì, bảo đảm sức khỏe cho người sử dụng là những lý do giúp cho công ty ngày càng có nhiều khách hàng

nước ngoài cũng như trong nước đến tham quan và đặt hàng. Qua các đợt tham gia hội chợ, triển lãm, sản phẩm của công ty đã đoạt được hàng chục Cúp vàng. Năm 2003, công ty đón nhận chứng chỉ ISO 9001 phiên bản 2000 và đón nhận giải thưởng Sao vàng Đất Việt trong nhiều năm.

Không chỉ chăm lo cho đời sống của công nhân, bản thân ông và Công ty Cường Phát còn tham gia công tác xã hội và luôn là hậu phương vững chắc cho các hoạt động cứu trợ, từ thiện của Mặt trận Tổ quốc huyện, tỉnh và Trung ương, của các báo đài trong cả nước như xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương, ủng hộ quỹ Vì người nghèo, quỹ khuyến học, khuyến tài…. Đặc biệt, hơn 10 năm qua, ông nhận nuôi và phụng dưỡng suốt đời 03 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng ở Bình Dương.

Với những đóng góp và nỗ lực của bản thân, ông Lý Ngọc Bạch đã được Nhà nước ghi nhận và tưởng thưởng xứng đáng. Ông được tặng thưởng nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Trung ương, Hội Chữ thập đỏ Trung ương… và nhiều bằng khen, giấy khen của các cơ quan, đoàn thể khác. Đặc biệt, năm 2003, cá nhân ông và Công ty Cường Phát đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.

PHỤ LUC III
CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA
CỦA NGƯỜI HOA Ở BÌNH DƯƠNG

Đây là một chuyên đề mang tính tổng hợp các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo người Hoa ở Bình Dương. Chuyên đề chủ yếu khảo sát từng cơ sở tín ngưỡng, hệ thống tư liệu theo hình thức một hồ sơ khoa học kiểm kê bước đầu về di tích lịch sử - văn hóa của người Hoa trong quá trình định cư và phát triển trên vùng đất Thủ Dầu Một – Bình Dương.

Chuyên đề thực hiện khảo sát thực địa, từ hiện trạng của từng cơ sở tín ngưỡng chụp ảnh tư liệu, mô tả về bố cục kiến trúc, đối tượng và cách bố trí thờ tự, thống kê những di vật có giá trị về lịch sử - văn hóa – nghệ thuật, phiên âm những liễn đối, hoành phi…

Mục đích của chuyên đề này nhằm thống kê toàn bộ các cơ sở tín ngưỡng của người Hoa, khảo tả hiện trạng tín ngưỡng và thờ tự trong các ngôi Miếu (Cung, đình, đàn, điện…) và sự giao thoa văn hóa Việt - Hoa cộng cư cùng phát triển và đề xuất phương án bảo tồn di sản văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo người Hoa ở Bình Dương.

A.SƠ LƯỢC VỀ CÁC CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI HOA Ở BÌNH DƯƠNG:

Người Hoa đến định cư vùng đất Thủ Dầu Một - Bình Dương qua từng đợt di cư, chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố lịch sử, tụ cư lập nghiệp và phát triển ở các vùng khác nhau. Trong đó có lẽ tụ cư đông đảo nhất và sớm nhất là ở các vùng Lái Thiêu, Búng, Chánh Nghĩa, Phú Cường, Tân Phước Khánh, Uyên Hưng… và những vùng muộn hơn, vào các thời điểm lịch sử khác như: Dĩ An, Bến Cát, Dầu Tiếng, Phú giáo… theo từng nhóm cộng đồng ngôn ngữ (Phúc Kiến, Quảng Đông, Triều Châu, Hẹ). Nhóm người Hoa lưu tán họ có đặc điểm chung đó là bảo lưu những giá trị văn hóa truyền

thống họ tộc mình về phong tục, tập quán, tín ngưỡng dân gian và tôn giáo. Tiêu biểu và thể hiện nổi bậc nhất qua các cơ sở tín ngưỡng còn bảo tồn đến ngày nay trên địa bàn Thủ Dầu Một – Bình Dương như các miếu ông, miếu bà… mà người dân địa phương và cả cộng đồng người Hoa thường quên gọi là Chùa ông Bổn, Chùa bà Thiên Hậu Thành Mẫu, Chùa Quan Thánh Đế Quân.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Dương các cơ sở tín ngưỡng của các nhóm cộng đồng người Hoa đã bảo lưu những giá trị truyền thống của họ và cùng cộng cư, giao thoa, hội nhập văn hóa Việt - Hoa phát triển một cách hài hòa.

Tổng quan các cơ sở tín ngưỡng cộng đồng người Hoa Bình Dương được thể hiện qua các hình thức và đối tượng thờ tự như sau:

1. **Thờ Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu – chùa bà có 7 cơ sở:**

Người Hoa đến tụ cư, lập nghiệp, sinh sống tại Thủ Dầu Một – Bình Dương, họ đã mang theo huyền thoại và đức tin về Thiên Hậu Thánh Mẫu là người được xem như Thần phù hộ cho người đi biển, đây là một dạng tín ngưỡng dân gian. Tuy được triều đình Trung Quốc sắc phong nhưng Thiên Hậu Thánh Mẫu được dân gian xem như là Phật, do đó cơ sở thờ tự Thiên Hậu Thánh Mẫu thay vì được gọi là cung, đền, miếu… thì phần lớn dân gian quên gọi "Thiên Hậu Cung 天 后 宫" là chùa Bà.

- Thiên Hậu Cung – Chùa Bà Phú Cường, TX Thủ Dầu Một.
- Thiên Hậu Cung – Chùa Bà Rạch Hương chủ Hiếu,TX Thủ Dầu Một.
- Thiên Hậu Cung – Chùa Bà Bưng Cầu, phường Hiệp An, TX. TDM.
- Thiên Hậu Cung – Chùa Bà Châu Văn Tiết, TT Lái Thiêu, Thuận An.
- Thiên Hậu Cung – Chùa Bà Ngô Quyền, TT Lái Thiêu, Thuận An.
- Thiên Hậu Cung – Chùa Bà Búng, Thị trấn An Thạnh, Thuận An.
- Thiên Hậu Cung – Chùa Bà Thị trấn Dầu Tiếng

2. **Thờ ông Tổ họ và Tổ nghề còn gọi là chùa ông Bổn có 5 cơ sở.**

Ông Bổn là gì? ông Bổn có nghĩa là "Ông Tổ", "Bổn" có nghĩa là gốc. Ông Bổn chỉ là một biểu tượng, không phải là một nhân vật cụ thể. Đa số người Hoa đều quan niệm rằng "Ông Bổn" là "Phước Đức Chánh Thần". Tuy nhiên mỗi bang người Hoa đều có những quan niệm và tín ngưỡng riêng về ông Bổn, cụ thể như:

- Người Hoa (gốc Phúc Kiến) ở Chợ Lớn đã cụ thể hóa là Châu Đạt Quan - một vị quan đời Nguyên.
- Người Hoa (gốc Triều Châu, Hải Nam) ở miền Tây Nam bộ lại cụ thể hóa là Tam Bảo Thái Giám Trịnh Hòa, người đời Minh.
- Người Triều Châu (Hội An) cụ thể hóa là Phục Ba Tướng quân Mã Viện.
- Người Quảng Đông ở Chợ Lớn cho ông Bổn của họ là Thần Thổ Địa…
- Người Hoa họ Vương gốc Phúc Kiến ở Bình Dương cho rằng Ông Bổn của họ là Huyền Thiên Thượng Đế.
- Người Hoa họ Lý ở Bình Dương lại thờ ông Bổn là thủy tổ các họ: Lực, Chu, Quách, Tiêu, Triệu, Lý và Châu đây cũng chính là biểu tượng. Họ Lý có một ngôi miếu thờ ông Bổn là Phước An Miếu ở Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một (xây dựng năm 1980). Miếu này ngoài thờ ông tổ của 07 (bảy) họ, còn là từ đường họ Lý, nên còn gọi là Lý Thị Gia Miễu.

Các miếu, đường, điện,… thờ ông Bổn của họ Vương ở Bình Dương có 4 cơ sở tín ngưỡng: Phước Võ Điện - phường Chánh Nghĩa xây dựng năm 1885; Phước Thọ Đường ở Chòm Sao - Búng thành lập năm 1934; Phước Nghĩa Đường ở Tân Phước Khánh thành lập năm 1936; Phước Nghĩa Đường ở Lái Thiêu thành lập năm 1971.

Theo qui ước, thông lệ của họ Vương ở bốn cơ sở thờ tự, thì cứ luân phiên hàng năm có một cơ sở thờ tự rước cốt ông Bổn ở miếu chính Phước Võ Điện về thờ. Do đó ông Bổn họ Vương mỗi năm lại đi chu du một nơi, cứ 4 năm lại đáo lệ một lần làm lễ rước ông Bổn. Cho đến nay, lễ hội rước cộ - đưa ông Bổn đi du xuân, một tín ngưỡng văn hóa dân gian trên địa bàn tỉnh Bình Dương, còn mang đậm nét huyền bí và sự linh thiêng, thu hút nhiều người tham gia.

- Phước An Miếu – Họ Lý Chánh Nghĩa – Thị xã Thủ Dầu Một
- Phước Võ Điện - Họ Vương Chánh Nghĩa – Thị xã Thủ Dầu Một
- Phước Thọ Đường – Họ Vương Hưng Định – TT An Thạnh – Thuận An.
- Phước Nghĩa Đường – Họ Vương Tân Phước Khánh – Tân Uyên.
- Phước Nghĩa Đường – Họ Vương Lái Thiêu – TT Lái Thiêu – Thuận An.

3. **Thờ ông Quan Công hay Quan Thánh Đế Quân – dân gian thường gọi là Chùa ông (con Ngựa) có 4 cơ sở.**

Ông Quan công, Quan Thánh Đế Quan, Quan Phu Tử hay Sơn Tây Phu Tử… có tên thật là Vũ (tự Vân Trường) – Một nhân vật lịch sử thời Tam Quốc của Trung Quốc.

Đạo giáo xem Quan Công là một trong 36 vị tướng trời của Huyền Thiên Thượng Đế, có thần lực trừ khử tà ma… Quan Công là vị chánh thần công minh chính trực, luôn phù hộ, giúp đỡ cho kẻ hiền lương, bị tai ách hoạn nạn - ông là người phù hộ cho ngành võ nghiệp. Ông còn là vị thần độ mạng nam giới, thần bảo hộ cho xóm ấp, cộng đồng. Tục thờ Quan Công phổ đã trở thành một tín ngưỡng khá phổ biến trong cộng đồng người Hoa và cả người Việt.

Các cơ sở miếu thờ Quan Công bao giờ trước ngôi miếu cũng có thờ tượng con ngựa - Đây là con tuấn mã tên Xích Thố, thờ chung với thanh đao là 02 báu vật gắn liền với Quan Công, lập nên bao danh trạng thành một danh tướng tài ba trong lịch sử Trung Quốc.

- Thanh An Cung - Thanh An tự – Phường Phú Cường, Tx.Thủ Dầu Một.
- Quan Thánh Đế Miếu – Chùa ông TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên.
- Quan Thánh Đế Miếu – Chùa ông TT Lái Thiêu, Thuận An.
- Hiệp Thiên Cung – Thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên.

4. **Các chùa Phật giáo có pha trộn với Lão giáo.**

Chùa Phật giáo pha trộn Lão giáo sở Bình Dương, thể hiện theo kiểu Tam giáo đồng nguyên du nhập vào Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc. Các cơ sở tôn giáo của người Hoa tại Bình Dương trước đây chủ yếu theo Đạo Lão, là một Tam giáo (Lão, Khổng, Phật) du nhập vào Việt Nam và có thời kỳ toàn thịnh và có lúc biến thể của Đạo Lão đi đến mê tín dị đoan như phù thủy yểm bùa, luyện phép, lên đồng, lên cốt… dần dần về sau các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo này chuyển sang thờ Phật và gia nhập vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- Linh Không Đàn – Phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một.
- Bích Liên Đình – Phường Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một.

DANH MỤC THỐNG KÊ

CÁC CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI HOA Ở BÌNH DƯƠNG

Cơ sở tín ngưỡng	**TX TDM**	**Thuận An**	**Dĩ An**	**Tân Uyên**	**Bến Cát**	**Dầu Tiếng**	***Tổng cộng:***
Thiên Hậu Cung (chùa bà)	3	3				1	***7***
Miếu Ông Bổn (Chùa ông bổn)	2	2		1			***5***
Miếu Quan Thánh Đế Quân (Quan Công)	1	1		2			***4***
Chùa Phật (pha Lão giáo)	2						***3***
Tổng cộng:	***8***	***6***	***0***	***3***	***0***	***1***	***18***

B. CÁC CƠ SỞ THỜ TỰ:

I. Thiên Hậu Thánh Mẫu:

1. Thiên Hậu Cung – Chùa Bà Bình Dương:

1.1. Tên gọi chữ Hán: Thiên Hậu Cung 天后宮

Tên gọi khác: Chùa Bà Thủ Dầu Một, chùa Bà Bình Dương.

Ngôi miếu có bảng hiệu chữ Hán là "Thiên Hậu Cung 天后宮" – Cung là nơi ngự của Bà – Bà Thiên Hậu được sắc vua bang, nên được gọi là cung, cung cũng có nghĩa miếu, đền,… nhưng người dân thường quen gọi là chùa Bà Thủ Dầu Một hay chùa Bà Bình Dương.

1.2. Địa điểm, đường đến: Hiện tọa lạc trên một vị trí đất cao ráo, thoáng mát, ngôi miếu nằm ở ví trí trung tâm thị tứ, cạnh bùng binh ngã sáu Thủ Dầu Một, tại Số 04 - đường Nguyễn Du, Phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Miếu Thiên Hậu tọa lạc gần chợ Thủ và các trung tâm mua sắm sầm uất nhất của thị xã Thủ Dầu Một, nên đường đi rất thuận tiện. Từ nhiều ngã

đường đều có thể đến như trên truyến Đại lộ Bình Dương, theo đường Cách Mạng Tháng Tám, hoặc đường Yersin là đến.

1.3. Lịch sử, nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Lịch sử hình thành: Lúc đầu do người Hoa 2 bang Quảng Đông và Hẹ đứng ra cùng tạo lập vào năm 1923. Thờ vị nữ thần hiệu là Thiên Hậu Thánh Mẫu – Một vị thần phù hộ cho người đi biển của người Hoa.

Về sau được sự hợp nhất bốn bang người Hoa (Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến và Hẹ (Sùng Chính) ở thị xã Thủ Dầu Một cùng chung sức bảo quản và trùng tu, tôn tạo nơi tôn nghiêm thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu cho đến ngày nay.

Ngoài đối tượng thờ chính là bà Thiên Hậu, trong miếu còn thờ Thiên Phụ Địa mẫu, Thổ thần, Thần tài, Ông bổn, Ngũ Hành Nương Nương, Ngũ Thổ Long Thần…

Ngôi miếu qua nhiều lần trùng tu. Đến năm 2000 xây dựng cổng Tam quan và năm 2010 chỉnh trang ngôi chánh điện.

Hiện nay, miếu do bốn bang người Hoa thị xã thủ Dầu Một quản lý mọi hoạt động của miếu bà (Phúc Kiến, Quảng Đông, Triều Châu, Sùng Chính). Cứ mỗi năm là một bang đại diện quản lý điều hành mọi hoạt động miếu bà trong năm, nhưng lúc hội họp và những vấn đề quan trọng 4 bang cùng tham dự.

Đây là một trong những ngôi miếu Bà có qui mô xây dựng, bề thế trang nghiêm. Hàng ngày đều có khách thập phương đến viếng miếu và lễ bái bà, nhất là ngày mồng một và rằm thì lượng khách đông rất nhiều. Đặc biệt ngôi miếu bà Thiên Hậu hàng năm lễ hội rước kiệu bà du xuân được tổ chức có qui mô lớn, thu hút hàng ngàn người tham dự. Đây là lễ hội lớn nhất của người Hoa tỉnh Bình Dương, một trong những lễ hội văn hóa dân gian lớn nhất Đông Nam Bộ.

1.4. Loại hình:

Lịch sử định cư của người Hoa tại Thủ Dầu Một; Bảo tồn tín ngưỡng dân gian của người Hoa về thờ vị nữ thần phù hộ cho người đi biển.

1.5. Khảo tả:

Miếu bà Thiên Hậu được xây dựng theo lối kiếu trúc đặc trưng đền, miếu của người Hoa, chánh diện nhìn về hướng tây. Trước là cổng tam quan, trên cổng chính (giữa) có bảng đề chữ Hán "Thiên Hậu Cung 天后宫"; Hai bên cổng phụ có chữ "Quốc Thái - Dân an ". Trên nóc trang trí tượng gốm "Lưỡng long tranh châu" và "cá hóa long", mái lợp ngói âm dương màu xanh, cổng tam quan sơn màu đỏ - màu đỏ luôn là màu biểu trưng của người Hoa.

Sau cổng tam quan là một khoảng sân rộng 700m^2, trước cửa điện có đặt một cái đỉnh lớn và bàn thờ Thiên Phụ Địa Mẫu (cha trời, mẹ đất) là vị thần đặc biệt trong tín ngưỡng người Hoa Phúc Kiến, có đôi rồng chầu (Long trụ) ở giữa trang trí mặt rồng trên có đề chữ Hán "Thiên địa phụ mẫu ", hai bên đề Quốc Thái dân an và Phong điều vũ thuận. Một góc bên trái là tháp để đốt nhang, giấy tiền vàng bạc, những đồ mã sau khi cúng.

Phần chính diện vào miếu hiện nay có đặt 02 cặp Lân chầu ở hai bên (01 bằng đá trắng; và 01 cặp lân nhỏ bằng bê tông).

Đến chánh điện của miếu, gồm ngôi chánh điện chính (tiền, trung, hậu điện) và 2 dãy nhà phụ hai bên.

Mái trước của ngôi chánh điện lợp ngói ống, diềm mái màu xanh ngọc bích, với những đường chỉ đắp nổi, trên nóc đỉnh trang trí "Lưỡng long tranh châu" và những phù điêu tượng các bị bồ tát cõi trên những con thú như hổ, ngựa,…đi trên mây, hai bên là 2 dãi hoa mẫu đơn, trên tạo mảng mây cuộn và tượng gốm "Cá chép hóa rồng"; giữa mái có 2 tượng gốm ông lão và trẻ

con (trang trí tôn tạo năm 2010). Hai bên đường viền của mái nhà là tượng ông mặt Trời, bà mặt Trăng.

Hai dãy nhà hai bên chánh điện có đề ở cửa cái chữ Thất Phủ Công Sở - đó chỉ là hai nơi làm việc như hội họp và kho chứ đồ đạc. Bên trong ghi những chữ như: Hữu Thông (đi suốt qua bên mặc), sự chi, công lý (mọi việc theo lẽ công) bên phải. Bên trái ghi: Dĩ Lễ, Thủ Chánh (hãy theo l64, giữ gìn cái chính), Quảng Nội (rộng rãi bên trong), những chữ vắn tắt ấy như những khẩu hiệu nhắc nhở mọi người.

Tại ngôi chánh điện: Ở hai cánh cửa chính đề bốn chữ đại tự: "Phong Điều Vũ Thuận"

Toàn bộ ngôi miếu tạo dựng theo lối kiến trúc thành ba dãy nhà liền nhau theo kiểu chữ tam: Tiền điện, trung điện, hậu điện. Ở giữa chánh điện đề ba chữ Thiên Hậu Cung, trên hai cánh cửa chính đề bốn chữ "Quốc Thái Dân An", hai bên là hai cặp câu đối ca ngợi công đức của bà.

Cặp thứ nhất:

Thánh đức phối thiên hải đức Từ Hàng phổ Tế

Mẫu nghi xưng hậu tang du trở đậu trùng quang.

Cặp thứ hai*:*

Thiên thượng Từ Hàng nhân gian Thánh mẫu

Hậu nghị cộng ngưỡng khôn đức trường tồn.

Trong điện có nhiều cặp đối, nội dung các cặp đối là ngợi ca công đức và sự linh diệu của Bà trong việc cứu nhân độ thế, hơn nữa bà là vị nữ thần phò hộ cho người dân đi biển nên hầu hết các cặp đối đều có nhắc đến những hình ảnh có liên quan đến biển khơi và sự mong ước được sống yên, bể lặng….

Vị trí thờ tự:

Ngay cửa ra vào bên trong, ở gian bên trái thờ Môn Quan, bên phải thờ Thổ Thần. Ngũ Thổ Long Thần – 5 vị thần đất bảo hộ cho ngôi miếu: Thổ Công, Thổ Địa, Thổ Thần, Thổ Kỳ, Thổ Phủ. Đây là các vị gia thần, thờ trong miếu là “ gia thần” bảo vệ cho ngôi miếu.

Môn Quan, Thổ Địa, Phước Đức Chánh Thần. Đây là thần Thổ Địa cai quản phần đất ở cửa miếu.

Hai vị Thần tài: Tam Điều Hòa Hợp, Chương Du Liễu Tiên. Hai vị tiên hòa hợp, ngụ ý “Vạn sự hòa hợp”.

Trên trần tiền điện có treo nhiều vòng nhang hình nón luôn tỏa hương nghi ngút. Đây là các vòng nhang do bá tánh cúng cầu an, đặt trong miếu và quanh năm ngôi miếu luôn tỏa hương khói tạo thêm phần huyền bí thần thánh.

Phần trung điện hậu điện, tại gian giữa là nơi bày trí những bàn cúng, từ ngoài vào trong như sau:

Trước tiên là bàn gỗ cẩn ốc, có đề chữ Hán giữa Thiên Hậu Thánh Mẫu và tên người cúng. Đến bàn đặt lư nhang bằng gốm lớn màu xanh dương và trang trí đắp chữ nổi Thiên Hậu Thánh Mẫu và tên người cúng, mặt chính của bàn thờ trang trí cặp Long chầu; hai bên có trưng bày giá cắm Bát Biểu là tám món bửu bối của tám vị tiên theo truyền thuyết của người Trung Hoa. Trên treo nhiều lồng đèn. Tiếp đến là bàn gỗ lớn hơn và cẩn ốc, trang trí đẹp.

Đến bàn thờ giữa lớn đặt lư nhang đồng – đỉnh đồng, mặt chính của bàn thờ trang trí cặp Phụng chầu, chữ Thần – đây là phù điêu chạm lộng bằng gỗ.

Bàn thờ thứ ba đặt lư nhang đồng, hai bình hoa, mặt chính diện bàn thờ là 6 mảng phù điêu gỗ chạm lộng song phụng, hoa lá… trên là trang thờ cốt tượng bà Thiên Hậu. Trang thờ chạm khắc đẹp nhất và sơn son nhũ vàng,

trang trí màu chủ đạo là đỏ và nhũ vàng. Trên có bức hoàng phi treo trước trang đề bốn chữ Hán "Hải Quốc Từ Vân". Tượng Bà có áo mão nghiêm trang và thường được thay mới hàng năm, hoặc hai, ba năm một lần (Đây là pho tượng nguyên trước đặt thờ ở ngôi miếu tại Rạch Hương Chủ Hiếu – khi di dời miếu về vị trí như ngày nay thì pho tượng cũng được thỉnh về thờ, và đây cũng là pho tượng bà được thỉnh từ Trung Quốc sang). Hai bên có hai tượng nữ hầu, tay cầm quạt.

Bên trái bàn thờ bà Thiên Hậu là khám thờ có cốt tượng Ngũ Hành Nương Nương (đây là các vị thần thuộc tín ngưỡng dân gian người Việt). "Có truyền thuyết cho rằng vị trí ngôi miếu hiện nay nằm trên nền cũ của miếu thờ Ngũ Hành Nương Nương, nên các vị thần này được tòng tự tại miếu thờ Thiên Hậu, khi miếu xây dựng tại đây"[172]

Bên phải bàn thờ và trang thờ có 02 cốt tượng ông Bổn, bà Bổn gọi là Bổn Đầu Công Công. Là các vị thần Thủy Tổ (hoặc ông bà thần đất).

Hai bên tường có giá cắm tấm biển đề Túc Tĩnh - Hồi Tị, để kêu gọi mọi người nghiêm trang hoặc tránh ra mỗi khi có rước kiệu Bà đi trên đường. Cặp biển thứ hai đề Thiên Hậu Nguyên Quân (Vị thần chủ việc tiền tài). Các cặp biển sắp theo thứ tự trong thờ tự cũng như trong diễu hành lễ rước bà.

Bên phải kế bàn thờ Bổn đầu Công Công là giá đặt đại hồng chuông và trống. Hai gian nhà phụ hai bên dùng làm nơi tiếp khách.

1.6. Các di vật còn bảo lưu:

- 01 Đại Hồng chuông đồng.
- 01 trống
- Bộ binh khí gỗ
- Bát nhang và 2 bình bông bằng gốm – gốm Lái Thiêu, khoảng năm 1960 (loại gốm này chỉ sản xuất dùng để làm đồ thờ cúng).

[172] Bình Dương Danh Lam Cổ Tự – Tr. 35

- 02 lư nhang bằng đồng
- 02 bàn thờ cẩn ốc xà cừ
- 01 đỉnh đồng.
- Tượng bà Thiên Hậu Thánh Mẫu.
- Nhiều mảng phù điêu gỗ chạm khắc lộng trang trí trên các bàn thờ.
- 8 cặp đối
- 10 tấm hoành phi.

1.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống:

- Ngày 23 tháng 3 âm lịch – vía ngày sanh của Bà Thiên Hậu
- Từ ngày mồng 1 đến rằm tháng giêng là lễ hội chùa bà lớn nhất trong năm.
- Ngày 14/12 âm lịch là cúng tạ cuối năm.
- Lễ vật cúng chính: Bánh trái, hoa quả, nhang đèn, trầu cau, thịt heo quay, vịt quay, xôi… tùy theo lòng thành của mỗi người, không bó buộc lễ vật chay mặn.
- Lễ hội chính: Rằm Tháng Giêng – rước cộ bà hàng năm (15.1 âm lịch)

1.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Ngôi miếu Bà Thiên Hậu tọa lạc tại Phú Cường là một cơ sở tín ngưỡng được kết hợp ban đầu của 2 bang Quảng Đông và Hẹ tạo lập, về sau cả cộng đồng người Hoa 4 bang ở Thị xã Thủ Dầu Một cùng quản lý và sinh hoạt tín ngưỡng. “Khi việc định cư trên vùng đất mới ổn định, làm nảy sinh các nhu cầu tín ngưỡng như mong muốn được sống an cư lạc nghiệp trong đó có việc buôn bán làm ăn” [173]

Thiên Hậu Thành Mẫu là vị thần phù hộ, cứu nạn trên sông biển, nhưng ngôi miếu bà ở Thủ Dầu Một – Bình Dương còn được bà con tín ngưỡng như một vị “Phúc Lộc Thần” của người Hoa và người Việt. Đến với bà để cầu xin sự may mắn, tài lộc và sự bình an trong cuộc sống.

[173] Bình Dương Danh Lam Cổ Tự – tr.39

Đặc biệt, ngôi miếu vào ngày Rằm tháng Giêng diễn ra lễ hội rước cộ Bà rất long trọng, thu hút hàng chục vạn người từ khắp các nơi về tham dự. Đây là lễ hội mang tính dung hợp và cộng hưởng nhiều yếu tố văn hóa dân gian Hoa – Việt chịu nhiều ảnh hưởng các tôn giáo chính vùng Đông Á: Nho, Lão, Phật. Thể hiện qua Tết Nguyên Tiêu, rằm lớn đầu xuân của chùa Phật, lễ Thượng Nguyên của Đạo giáo – là lễ vía thần “Thiên Quang Tấn Phước”cầu được hưởng phúc đức tài lộc….đã được cộng hưởng mạnh mẽ và diễn ra cùng một thời điểm, thời tiết thích hợp nhất trong năm ngày Rằm tháng giêng, ngày rằm xuân đầu năm. Chính những yếu đó lễ hội miếu bà Bình Dương ngày Rằm tháng Giêng trở thành lễ hội tín ngưỡng văn hóa dân gian đặc sắc, lớn nhất Nam bộ.[174]

1.9. Tình trạng bảo quản:

Ngôi miến Thiên Hậu Cung luôn được 4 bang người Hoa thị xã Thủ Dầu Một bảo quản rất tốt.

1.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Miếu tọa lạc tại vị trí hiện nay là trung tâm thị tứ của thị xã Thủ Dầu Một, quản lý về việc mua bán xung quanh và trước ngôi miếu, tạo mỹ quan đẹp nơi thờ tự tín ngưỡng, văn minh đô thị cần được thực hiện và duy trì thường xuyên.

1.11. Cơ sở pháp lý bảo vệ.

Cần được xếp hạng công nhận là di tích tín ngưỡng dân gian của cộng đồng người Hoa, góp phần bảo tồn di sản văn hóa dân gian của địa phương.

2. Thiên Hậu Cung – Rạch Hương Chủ Hiếu – phường Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một.

2.1. Tên gọi chữ Hán: Thiên Hậu Cung 天 后 宫

Tên gọi khác: chùa bà Chánh Nghĩa.

[174] Bình Dương Danh Lam Cổ Tự – tr.39

2.2. Địa điểm - đường đi đến:

Ngôi miếu nằm trên vị trí đất cù lao bao quanh là hệ thống kênh rạch, phía trước ngôi miếu là đầu một nhánh rạch thông ra cửa sông Sài Gòn, xưa gọi là rạch Hương Chủ Hiếu. Hiện nay là tổ 67, khu phố 8, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một.

Từ chợ Thủ Dầu Một, theo bờ sông Sài Gòn trên đường Nguyễn Tri Phương, đến cầu Thủ Ngữ, nhìn về bên trái là nơi tọa lạc miếu. Do vậy, đến với ngôi miếu có thể đi bằng đường sông và đường bộ.

2.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Ngôi miếu thờ Thiên Hậu trước đây được tạo lập vào năm 1867 - "Theo tục truyền về việc chú Mầu (Tân Phước Khánh) đã dâng cúng một lư hương và bình hoa cho chùa Bà Thủ Dầu Một nhân dịp khánh thành vào năm 1867" [175], do nhóm người Hoa Phúc Kiến và Triều Châu cùng tạo dựng trên bờ rạch Hương Chủ Hiếu (tại vị trí như hiện nay), thờ vị thần chính là Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu.

Đến năm 1871, miếu được tôn tạo lại khang trang và bề thế hơn. Vào năm 1880, Ban quản lý ngôi miếu có làm đơn xin quan lại địa phương xây thêm nhà túc.

Theo quan niệm của người xưa là địa thế xây cất miếu Bà thường tuân theo nguyên tắc kiến trúc điện mẫu, một trong những yếu tố nữ là điện thờ nên chọn nơi gần sông, suối, ao, hồ… vì nước mang yếu tố âm, mang tính nữ.

Đến năm 1923, sau khi ngôi miếu bị cháy, bài vị và cốt tượng bà Thiên Hậu của miếu được đưa về thờ tại ngôi miếu Bà hiện nay, tại số 4 đường Nguyễn Du, phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một.

[175] Gốm Lái Thiêu – tr.32

Đến năm 1997 - 1998, theo tâm nguyện của nhóm người Hoa Phước Kiến ở Thủ Dầu Một xin chính quyền địa phương tái lập lại ngôi miếu thờ Thiên Hậu trên nền vị trí cũ, chính ngôi miếu được thành lập đầu tiên ở đây, tại rạch Hương Chủ Hiếu như hiện nay.

Người đứng ra chủ xướng và vận động các mạnh thường quân và ban hội trong tỉnh và ngoài tỉnh ủng hộ, đóng góp tiền của phục dựng lại ngôi miếu bà là ông Hứa Dương (ông sinh năm 1921 và mất năm 2008) – nguyên trước đây ông là Hội Trưởng người Hoa Phúc Kiến tại chùa bà đường Nguyễn Du. Năm 1992, lễ rước cộ bà du Xuân ở Bình Dương được tổ chức, ông Hứa Dương là một trong những người được cắt băng khánh thành trong dịp lễ rước cộ bà lần đầu tiên này.

Đến năm 1998, để thực hiện tâm nguyện của cộng đồng người Hoa Phúc Kiến, đại diện người Hoa Phúc Kiến (có ông Hứa Dương, cùng một số người trong bang) tại Thủ Dầu Một đã về tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc), đến tận miếu (chùa) Bà Thiên Hậu quê ở Châu My cung thỉnh pho tượng cao 60cm về thờ tại miếu vào đúng dịp lễ khánh thành miếu vào ngày 10 tháng 10 (âm lịch) năm 1998.

Đối tượng thờ chính trong miếu là Bà Thiên Hậu, ngoài ra còn có thờ vị thần Quan Công, Phước đức chánh thần, Phật bà Quan Âm (trước sân miếu).

2.4. Loại hình: Lịch sử - Văn hóa

Lịch sử hình thành và định cư của người Hoa tại vùng đất Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một; Bảo tồn và phát triển văn hóa tín ngưỡng dân gian, theo tục thờ bà Thiên Hậu của người Hoa (Phúc Kiến) ở Bình Dương.

2.5. Khảo tả:

Mặt chính diện ngôi miếu quay về hướng tây, nhìn ra hướng sông Sài Gòn, tại một cửa rạch Hương Chủ Hiếu chảy ra sông. Từ cầu Thủ Ngữ rẽ

trái vào đoạn nhỏ, qua thêm một cây cầu nhỏ là bước vào khuôn viên sân miếu rộng. Trước khuôn viên là tượng Phật bà Quan Âm, đến bàn Thiên, bên trái là tháp đốt giấy tiền vàng bạc.

Bố cục ngôi miếu nhìn vào mặt chính diện xây dựng theo lối kiến trúc của các cơ sở tín ngưỡng đặc trưng của người Hoa (Phúc Kiến), đặc biệt hai bên có hai cửa sổ hình tròn, tượng tương cho 2 con mắt Hổ, hai ô cửa tròn có song trang trí hình cây trúc, tượng tương cho bậc quân tử.

Ngôi chánh điện được xây dựng theo lối chữ tam (tiền điện, trung điện và hậu điện) và có ba gian.

Phần tiền điện trên mái được làm liền kề nhau, lợp ngói ống, giữa nóc trang trí tượng gốm "lưỡng long tranh châu", hai bên góc mái hình tháp; và tượng ông mặt trời, bà mặt trăng; tại gian chính giữa mái trước được xây dựng mặt đứng như dạng một cổng Tam quan trên nóc nhà (đây là điểm khác biệt của các ngôi miếu thờ bà Thiên Hậu khác của người Hoa) và trang trí tượng gốm "lưỡng long tranh châu", cá hóa long, giữa là hình cuốn thư có ghi chữ Thiên Hậu Cung, hai bên đề chữ Phong Điều - Vũ Thuận; hai bên có cặp đối và đôi rồng chầu.

Trước là cửa chính vào bên trong chánh điện, ngoài bậc thềm có cặp Lân chầu, đến hai cột cửa trang trí hình rồng chầu đắp nổi, trên cửa có đề chữ Hán "Thiên Hậu Cung", hai bên cửa chính có cặp đối đầu câu là chữ Thiên và chữ Hậu.

Phần trung điện, ở phần mái đổ bằng và gian giữa để khoảng trống lấy ánh sáng trời (giếng trời); trong gian trung diện để trống, chỉ vẽ tranh Hổ và phù điêu đắp nổi hình rồng phun lửa tráng trí trên tường; gian giữa là đỉnh nhang lớn và bốn trụ cột có trang trí đắp nổi bốn rồng chầu thân uốn lượn từ trên xuống. trên treo nhiều vòng nhang tròn.

Phần hậu điện là nơi thờ chính, gian giữa có bốn trụ cột đề 2 cặp đối, đầu câu lấy 4 chữ Thiên, Hậu, Thánh, Mẫu là đầu câu. Trên treo nhiều tấm liễn vải đỏ, và tấm hoành phi …. dưới là những bàn thờ bằng gỗ tốt và đẹp, do bá tánh cúng, thứ tự: Bàn thứ nhất bằng gỗ hình vuông lớn chạm trỗ "lưỡng long tranh châu"; tiếp đến là bàn thờ gỗ hình chữ nhật cũng được chạm trỗ và cao hơn, trên bàn đặt 2 bài vị " Thiên Hậu Thánh mẫu", chậu nước, bộ lư đồng; hai bên bày trí hai hàng binh khí; bàn thứ ba cao và bằng bê tông đặt lư nhang đồng lớn, bình hoa, hai chân đèn gốm, hai bên là lộng; trong cùng là trang thờ cốt tượng bà Thiên Hậu (tượng được thỉnh từ Trung Quốc sang), tượng ngồi trên ngai gỗ chạm trổ đẹp, thân tượng mặc áo đỏ, và đeo nhiều trang sức, ánh hào quan điện, trên treo tấm liễn vải đề Thiên Hậu Thánh Mẫu, toàn bộ trang thờ bà là một màu đỏ là chính.

Bên phải Bà là gian thờ Quan Thánh Đế Quân (có 3 cốt tượng: Quan Thánh, Châu Xương, Quan Bình), kế đến giá tấm biển gỗ, đề chữ Hán và trang trí nhũ màu vàng, đến kệ đặt đại hồng chuông (đại hồng chuông đề năm 1998) và trống; Bên trái là bàn thờ Phước Đức Chánh Thần.

Bên trái là gian nhà phụ của ngôi miếu dùng làm nơi sinh hoạt khác của ngôi miếu.

2.6. Các đồ vật thờ cúng hiện có trong miếu (chủ yếu là do người Hoa tín ngưỡng cúng cho bà:

- 01 Đại hồng chuông đồng - 1998.
- 01 trống
- Bộ binh khí gỗ
- Bộ lư nhang bằng đồng
- Tượng bà Thiên Hậu Thánh Mẫu (năm 1998).
- Cộ bà làm bằng gỗ.
- 02 bàn hương áng bằng gỗ, chạm khắc đẹp.

2.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống:

- Ngày 23 tháng 3 âm lịch – vía ngày sanh của Bà được tổ chức lớn nhất của miếu, nhưng chưa tổ chức rước cộ Bà.
- Ngày 13/1 và 13/5 – vía Quan Công.
- Ngày 2/2 và ngày 2/6 – vía Thổ thần (Phước đức chánh thần)
- Ngày 19/6 – cúng Phật bà Quan Âm.
- Ngày 10/10 kỷ niệm ngày khánh thành xây dựng lại ngôi miếu.
- Ngày 15/1 cúng bà
- Lễ vật cúng chính: Bánh, trái, hoa, hương, cau, thịt…

Hiện nay, Ban nghi lễ miếu bà Thiên Hậu phường Chánh Nghĩa, do UBND phường Chánh Nghĩa ký quyết định số 36 ngày 26/04/2000, gồm 13 thành viên sau: Ông Lý Đông Lai, Hứa Dương, Lưu Chí Nhiều, Tô Hiếu Dũng, Hứa Thành Tài, Lý Tập, Lưu Bào, Huỳnh Sơ Khai, Lý Minh, Vương Thành Long, Lý Đại, Tiêu Minh, Trần Thiên Lai.

2.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Ngôi miếu được phục dựng lại tại nơi thành lập đầu tiên ngôi miếu thờ bà Thiên Hậu tại khu trung tâm Thị xã Thủ Dầu Một, nơi lưu dấu những bước chân đầu tiên những người Hoa di dân đến vùng đất Chánh Nghĩa (Bình Dương) lập nghiệp vào trước những năm 1867.

Đến vùng đất mới, nhóm người Hoa Phúc Kiến vẫn bảo lưu tín ngưỡng dân gian thờ Bà Thiên Hậu, để tưởng nhớ quê nhà, nơi gửi gấm niềm tin, và cầu xin Bà phù hộ cho họ luôn được bình an.

2.9. Tình trạng bảo quản:

Hiện nay ngôi miến được bảo quản rất tốt, nhưng bên ngoài chưa tạo cảnh quan xung quanh xanh và sạch hơn, nhất là ngôi miếu có vị trí đất cù lao rất đẹp, quanh là kênh rạch, trước là sông Sài Gòn nên thơ.

2.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Ngôi miếu cần được tạo thông thoáng xung quanh và bảo vệ môi trường luôn sạch và xanh, tạo mỹ quan đẹp cho các nơi thờ tự được tôn vinh hơn.

2.11. Cơ sở pháp lý bảo vệ.

Ban quản lý cần làm giấy tờ sử dụng đất của ngôi miếu.

3. Thiên Hậu Cung – Chùa bà Bưng Cầu, Phường Hiệp An, TX. TDM.

3.1. Tên gọi chữ Hán: Thiên Hậu Cung 天 后 宫

Tên gọi khác: Chùa bà Bưng Cầu.

3.2. Địa điểm - đường đi đến:

Thiên Hậu Cung – Miếu Thiên Hậu (chùa Bà Bưng Cầu), hiện tọa lạc trên đường Bùi Thị Thu, Phường Hiệp An, Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Ngôi miếu nằm sau chợ Bưng Cầu, đường đi rất thuận tiện.

3.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Thiên Hậu Cung, lúc đầu được tạo lập nằm cạnh đình Bưng Cầu, vị trí ngày nay là trường Tương Bình Hiệp. Miếu xây dựng vào năm 1867, đến năm 1965 dời về tại ấp 3 xã Tương Bình Hiệp (nay là Phường Hiệp An), năm 1967 ngôi miếu được khánh thành (hiện nay tại hương áng thờ tại tiền điện trong miếu còn có lư nhang gốm cúng đề ngày 6 tháng Chạp năm Đinh Mùi - 1967). Lúc đầu ngôi miếu do những người Hoa định cư tại vùng đất Bưng Cầu thành lập, về sau có một số người Hoa ở đây đi làm ăn các nơi khác vẫn về góp sức xây dựng cho ngôi miếu khang trang như ngày nay.

Đối tượng thờ chính là Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu. Ngoài ra, còn thờ Mẹ Sanh Nương Nương, Quan Thánh Đế Quân, Thái Bạch Tinh Quân, Phước Đức Chánh Thần.

Ngôi miếu nằm sau chợ Bưng Cầu nên người dân còn quen gọi là Chùa Bà Bưng Cầu, tên miếu gắn liền với địa danh của vùng đất.

Hiện nay (2010), hoạt động miếu do ông Trần Lợi làm trưởng ban, ông là người Tiều, sinh năm 1939. Đặc biệt, ngôi miếu vào các ngày lễ cúng lớn trong năm như 15/1, 15/7… âm lịch quý ban điều hành đều tổ chức nấu cơm đãi khách thập phương và bà con bá tánh đến trước lễ Bà sau dùng cơm (các món chay mặn đều có).

3.4. Loại hình:

Lịch sử hình thành và định cư của người Hoa tại vùng đất Bưng Cầu, xã Tương Bình Hiệp, nay là phường Hiệp An; bảo tồn và phát triển văn hóa tín ngưỡng dân gian của người Hoa Bình Dương.

3.5. Khảo tả:

Ngôi miếu xây dựng theo lối kiến trúc đặc trưng của miếu, đền người Hoa, nhà ba gian chánh điện và hai bên là nhà thờ tả ban, hữu ban cũng là nơi hội họp, điều hành chung cho miếu. Gian chánh điện gồm tiền điện, trung điện và hậu điện (theo dạng cổ lầu). Đặc biệt, miếu có phần phía sau ngôi chánh điện là nhà bếp, nơi dùng nấu nướng cúng vía và đãi khách, nơi lưu giữ các đồ dùng khác cho miếu và cũng là nơi cho ông Từ trú ngụ và bảo quản thường trực tại ngôi miếu. Tổng diện tích sử dụng: 1.408m^2

Trước khi vào ngôi miếu là cổng Tam quan (cổng nằm về phía bên trái ngôi chánh điện), xây dựng năm 2000, theo kiến trúc chia làm ba mái, trên đỉnh mái trên cùng trang trí cặp tượng gốm "lưỡng long tranh châu" và tượng rồng đơn, mái lợp ngói âm dương và ngói ông màu xanh, toàn bộ phần cổng áp gạch nhỏ (gạch thẻ) màu vàng đất. Trên trước cổng đề 3 chữ Hán "Thiên Hậu Cung", hai bên cổng có 2 câu đối. Mặt sau cổng đề 8 chữ "Thiên ân phổ chiếu, vạn dân an khang"….

Phần sân miếu, trước là bàn thiên – thờ Ngọc Hoàng, ở góc sân bên trái là tháp đốt giấy tiền, vàng bạc đồ cúng vía bà… tháp xây bằng xi măng

cốt thép theo dạng tháp (trước đây là chậu đốt giấy tiền vàng bạc bằng đồng – nay lưu giữ trong kho).

Phần chính của ngôi miếu gồm gian chánh điện, và gian gian nhà phụ hai bên, gian nhà bếp:

Ngôi chánh điện (tiền điện – trung điện – hậu điện), xây dựng theo dạng kiến trúc cổ lầu, phần mái trước lợp ngói âm dương và ngói ống màu xanh, phần mái sau – nơi hậu điện lợp ngói Tây. Trên đỉnh nóc (có 2 nóc - tiền điện và hậu điện) trang trí 2 cặp tượng gốm "lưỡng long tranh châu", mái trước còn có tượng gốm ông Nhật, bà Nguyệt, và trang trí tượng rồng ở bốn góc mái.

Phần tiền điện: trên phần giữa hai mái ngôi tiền điện của miếu có đề 3 chữ Hán "Thiên Hậu Cung", phần dưới tiền điện đề 4 chữ Hán "Thiên Hậu Thánh Mẫu" ở nơi gian giữa và hai bên trang trí phù điêu quan văn, quan võ và rồng phụng đối nhau. Hai bên vào cửa trang trí hình cặp rồng (rồng nằm uốn lượn) và hai Lân chầu, hai bên cột trước giữa tiền điện có 2 câu đối:

Thiên ý độ từ hàn tứ hải quản dân chiếm đức trạng

Hậu duy chiêu bảo điện thiên thu tổ đậu ? hương

Bước vào cửa chính, trên cửa đề 3 chữ Hán "Thiên Hậu Cung", hai bên có 2 câu đối (hai câu đối này mỗi chữ được viết trên một tấm gạch men màu trắng và gắn lại thành câu, lấy từ ngôi miếu cũ về đặt tại ngôi miếu này):

Hà hàn cung hoài hoa vũ điển bình thiên thước lan

Đông tây nam bắc? hương dân tan tác cửu châu xuân.

Hai bên trang trí phù điêu hình tròn những cánh hoa sen đồng tâm, giữa là hình phụng uốn tròn, và phía trên nóc treo 2 lồng đèn giấy lớn, toàn bộ phần tiền điện được áp gạch thẻ màu đỏ.

Bên trong tiền điện ở giữa là hương án thờ có bát nhang bằng gốm đề ngày cúng bằng tiếng việt là "ngày 6 tháng Chạp năm Đinh mùi – năm 1967),

dưới trang trí phù điêu đắp nổi cảnh Bát Tiên. Bên trái là hương án thờ có tượng ông Bổn, trên đề chữ Hán "Phước Đức Chính Thần", bên phải là hương án thờ có tượng, trên đề chữ Hán "Thái Bạch Tinh Quân".

Trên hàng cột thứ nhất: hai cột đắp nổi phù điêu hình Rồng uốn lượn từ dưới đến đỉnh cột, ở giữa là tấm hoàng phi đề "Thiên Hậu Thánh Mẫu" trang trí bao lam "lưỡng long tranh châu", hình phụng, lân và qui; Bên trái là tấm hoành phi đề "Quốc thái dân an", trang phí phù điêu "lưỡng phụng tranh châu"; Bên phải là tấm hoàng phi "Phong điều vũ thuận" trang trí hình "lưỡng long tranh châu".

Phần trung điện, giữa là bàn thờ bát nhang và bộ lư hương bằng đồng (bộ này dùng để hàng năm rước cộ bà du xuân).

Trên hàng cột thứ hai: hai cột đắp nổi phù điêu 02 Phụng uốn lượn theo từ dưới lên đỉnh cột, giữa đề "Thiên Hậu Thánh Mẫu", trang trí bao lam chủ đề ở giữa là chum hoa cúc, hai bên là cành trúc, hoa sen; Bên trái trên là tấm hoành phi đề "Van dân an khang", dưới trang trí bao lam chủ đề hoa sen và trúc, đề chữ "Mẹ? sinh nương nương"; Bên phải phía trên là tấm hoành phi "Thánh mẫu bảo hộ", dưới trang trí bao lam theo chủ đề trúc và hoa sen, đề chữ "Quan thánh đế quân".

Phần trung điện: giữa là hương án và trang thờ tượng bà.

Trên bàn thờ bài vị đề "Thiên Hậu Thánh mẫu", bát nhang bằng đá quý và hai tượng bảo vệ bà bằng gỗ (đây là những di vật thờ bà từ miếu cũ còn bảo lưu – nghe các cụ kể lại rằng khi dời ngôi miếu về vị trí như ngày nay, quên không mang 2 tượng bảo vệ bà về, thế là đêm đó tượng về báo mộng!). Trong cùng là trang thờ tượng bà, có cặp lân chầu, tượng bà có gương mặt tròn, mắt nhìn xuống, áo mẫu, đồ trang sức sặc sở, sau là ánh hào quang. Trên trang thờ có đề chữ " Thiên Hậu Thánh Mẫu" và trang trí nhiều

cặp lông công – những cặp lông công này do người Hoa cúng hàng năm và thỉnh về thờ, có ý nghĩa mọi sự đều may mắn.

Bên trái bàn thờ bà (từ ngoài nhìn vào) là bàn thờ có tượng Mẹ Sanh Nương Nương; Bên phải là bàn thờ Quan Thánh Đế Quân, kế đến trang thờ thổ địa, đặt dưới đất. Hai bên tường đặt hai bộ binh phí (bằng gỗ) (mỗi bên có tám binh khí).

3.6. Các di vật còn bảo lưu:

- 01 đại hồng chuông đồng
- 01 trống.
- 02 bộ binh khí bằng gỗ
- Kiệu (Cộ) dùng rước bà du xuân) bằng chất liệu gỗ sao, tạo năm 2000
- Cái lư nhang bằng gốm Lái Thiêu, sản xuất năm1967
- Bộ lư nhang bằng đồng (dùng để rước cộ bà)
- Tượng bà Thiên Hậu Thánh Mẫu – tượng thỉnh từ Trung Quốc sang.
- 02 tượng hầu bằng gỗ + Bài vị bà.
- 01 bát nhang bằng đá quý.
- 02 bình hoa gốm Lái Thiêu sản xuất khoảng 1950
- Tượng Thái Bạch Tinh Quân (gỗ)
- Tượng Phúc Đức Chính Thần – Ông Bổn (gỗ)
- Tượng Mẹ sanh Nương Nương (gỗ)
- Tượng Quan Thánh Đế Quân (gỗ)

3.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống:

- Ngày 23/3 âm lịch – vía bà.
- Ngày 15/1 Rằm tháng Giêng.
- Ngày 15/7 cúng cô hồn.
- Ngày 15/11 cúng cuối năm.

- Lễ vật cúng chính: Bánh, trái, hoa, hương, cau, thịt… Đặc biệt, miếu bao giờ cũng cúng mặn, nhưng đãi khách thập phương thì cũng có đồ ăn chay.
- Lễ hội chính: Rằm Tháng Giêng hàng năm (15.1 âm lịch) –bà du Xuân.

3.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Đặc biệt, ngôi miếu này các trang thờ chỉ thờ một cốt tượng chính không có tượng hầu. Chỉ có bàn thờ bà Thiên Hậu có 2 tượng hầu (tượng tướng bảo vệ bà), nhưng được thờ đứng trên bàn thờ riêng đặt trước trang thờ bà.

Các phù điêu, bao lam, tấm hoành phi, trang thờ trước đây toàn được chạm trỗ bằng loại gỗ quý, sau này được làm toàn bộ bằng chất liệu xi măng, cốt thép.

Trống và Chuông đặt trước bàn thờ Quan Thánh Đế Quân, riêng phần chuông trong miếu được dán phủ kín những tấm giấy cúng cầu an – những tấm giấy này ghi họ tên và năm sinh của những người thân trong gia đình (do người Việt đến cúng và cầu an cho gia đình). Theo ông Từ và các cụ lão quản lý ngôi miếu thì người Việt thích dán giấy cầu an ở Chuông, còn người Hoa thường là cúng cầu an dán giấy trên những cây nhang vòng, sau này người Việt cũng tham gia cúng cầu an dán giấy trên nhang vòng.

3.9. Tình trạng bảo quản:

Ngôi miếu được trùng tu và tôn tạo thường xuyên, có tường rào bao quanh, diện tích đất đã được cấp sổ đỏ. Trong miếu có ông Từ nên việc gìn giữ và bảo quản rất tốt.

3.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Hiện nay ngôi miếu có ban quản lý và hàng năm đều bầu ra một trưởng ban để quản lý và điều hành chung mọi hoạt động của miếu Bà.

4. Thiên Hậu Cung – Chùa Bà – đường Châu Văn Tiết, Thị Trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An.

4.1. Tên gọi chữ Hán: Thiên Hậu Cung 天 后 宮

Tên gọi khác: Chùa Bà Lái Thiêu

4.2. Địa điểm - đường đi đến:

Ngôi miếu tọa lạc tại số 150, đường Châu Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đường đến trên đoạn đường Phan Đình Phùng (quốc lộ 13 cũ), cạnh chợ Lái Thiêu, đến cầu Phan Đình Phùng rẽ vào đường Châu Văn Tiết đi thẳng khoảng 500 mét là đến miếu Thiên Hậu Cung. Nằm bên bờ rạch vào chợ Lái Thiêu, nên đường đi rất thuận tiện cả đường bộ và đường sông.

4.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Miếu được xây dựng vào năm nào đến nay chưa rõ niên đại chính xác.

Ngôi miếu được tôn tạo lớn vào năm 1971, đất do các ông trưởng bang làm gốm và cơ sở buôn bán đồ gốm hiến cho xây dựng miếu. Trong đó, có ông Bang Chỉnh (chủ lò gốm Anh Ký)…, trải qua nhiều lần sữa chữa, trùng tu, tôn tạo.

Đến năm 2007, tôn tạo thêm hoa văn trang trí trên các thân cột bằng bê tông, hoàng phi… và nền gạch. Năm 2010, xây dựng thêm cổng Tam quan.

Đối tượng thờ chính trong miếu là bà Thiên Hậu Thánh Mẫu và các vị thần khác như: Kim Hoa Nương Nương, Quan Công, Phước Đức Chánh Thần, Thổ thần, Tài Bạch Tinh Quân… ngoài ra còn thờ tranh Quan Công, tượng phật bà Quan Âm (đây là những tượng thờ phát sinh, do bá tánh gửi vào miếu thờ giúp khi họ đi nước ngoài, hoặc không thể thờ được tại gia đình…)

Hiện nay, ông Bùi Văn Phi (đời thứ 5) là ông từ sinh sống tại ngôi miếu, bảo quản, nhang khói trong miếu. Theo lời kể của ông Bùi Văn Phi là đời thứ 5 sống tại Lái Thiêu, nhưng gia đình tham gia và bảo quản cho ngôi miếu từ đời bà cố, đến bà ngoại (Lâm Thị Hướng), rồi đến ba mẹ, nay là gia đình ông Phi sinh sống làm ông từ tại trong ngôi miếu.

Vậy ngôi miếu được xây dựng năm nào? Bên trong Thiên Hậu cung có một chuông đồng là đồ thờ tự cũ còn lại ghi niên hiệu: Đồng Trị năm thứ chín (tức năm 1870).

4.4. Loại hình: Lịch sử - Văn hóa.

Lịch sử hình thành và định cư của người Hoa tại vùng đất Lái Thiêu, huyện Thuận An; Bảo tồn và phát triển văn hóa tín ngưỡng dân gian của người Hoa tại Bình Dương.

4.5. Khảo tả:

Hiện nay, Thuận An phát triển đô thị rất nhanh, công trình cải tạo và nâng cấp hệ thống sông rạch Lái Thiêu đã tạo cho cảnh quan ở đây kênh rạch được thông thoáng và sạch đẹp hơn. Ngôi miếu bà Thiên Hậu cũng lộ ra dáng cổ kính và sự linh thiêng thần thánh theo quan niệm tín ngưỡng dân gian.

Trước ngôi miếu là đường Châu Văn Tiết, nằm bên bờ rạch Lái Thiêu. Hiện ngôi miếu đang xây cổng Tam quan có bề thế và trang trí thêm rồng chầu, cá hóa long tạo sự hài hòa với tổng quan của ngôi miếu.

Qua cổng là một khoảng sân không rộng lắm, giữa sân đặt lư nhang lớn, bên trái có miếu thờ ông Hổ, bên phải có tháp đốt giấy tiền vàng bạc, đồ cúng... Miếu xây dựng theo bố cục ngôi chánh điện và 2 gian nhà phụ hai bên. Ngôi chánh điện xây theo lối kiến trúc chữ Tam: tiền điện, trung điện (xây dựng theo lối dạng cổ lầu) và hậu điện.

Phần tiền điện: trên nóc trang trí phù điêu bằng gốm miêu tả những cảnh sinh hoạt của người Hoa. Giữa là chủ đề “lưỡng long tranh châu”, dưới là cảnh sinh hoạt của người Hoa; kế đến hai bên cặp rồng chầu là 2 cá hóa long, dưới phù điêu cá hóa long có đề chữ Hán: “…” và “…”; hai bên cạnh góc của nóc tiền điện là phù điêu hình Phụng và cá hóa long, dưới mái hai bên là tượng gốm ông Nhật, bà Nguyệt. Mái lợp ngói âm dương và ngói ông màu xanh lục.

Phần tiền ngôi chính điện nhìn về hướng nam, gồm ba gian nhưng có một lối đi chính bên trong chính điện, hai cột trước bậc thềm có cặp đối đề chữ Hán.

Hai bên tiền điện trang trí phù điêu đắp nổi hình tượng phụng, rồng – rồng chầu hoành phi trên cửa chính đề chữ Hán “Thiên Hậu Cung”, hai bên là câu đối.

Bước vào bên trong tiền điện là 2 cánh cửa chính bằng gỗ, có đề chữ hán: “Thần”. Bên trái là hương áng thờ Phước Đức Chánh Thần, có bàn thờ đặt trước và trang thờ có tượng (trang thờ được chạm lộng bằng gỗ). Kế đến là bàn thờ thổ thần, đặt thờ dưới đất, trên là thờ ảnh Quan Công và tượng Phật bà Quan Âm, cạnh đó là cửa phụ - trên cửa phụ có tấm hoàng phi đề chữ Hán, cửa trang trí cách điệu hình dơi và sợi dây tiền, hai bên cột có cặp đối.

Bên phải đặt chuông (chuông có niên đại 1870) và trống, kế đến là cửa phụ - trên cửa phụ có tấm hoành phi đề và trang trí như cửa bên trái có cặp câu đối.

Trên nóc ngôi chánh điện trang trí các hoành phi và rất nhiều những khoanh nhang vòng của bà con cúng cầu an luôn tỏa hương khói suốt ngày đêm.

Phần trung điện: Phía trên có trang trí bức phù điêu dạng chiếc thuyền (đây là di vật được mang từ Trung Quốc sang); Phía dưới ở giữa là bàn thờ lớn, có chạm phù điêu chạm lộng (bằng gỗ) hình cặp rồng uốn lượn và chim, trên bàn có bày trí bộ lư hương và 2 chân đèn (bằng đồng) đề chữ Hán "Thiên Hậu Thánh Mẫu", sau đó là bát nhang gốm, 02 hộp đèn bằng đồng và đặt nhiều bình hoa gốm. Bốn cột ở phần trung điện trang trí đắp nổi những thỏi vàng và tiền lỗ xỏ xâu. Trên nóc treo nhiều tấm liễn vải có màu sắc sặc sở, chủ yếu là màu đỏ, đề những câu chúc tụng và lới hay ý đẹp. Những tấm liễn này do bang mua sắm và cũng có bá tánh mang đến cúng.

Hai bên tường bày trí 2 bộ binh khí bằng đồng (mỗi bộ có tám món bảo bối) và 4 tấm biển (bằng gỗ).

Phần hậu điện: có bốn cột trụ trang trí đắp nổi hình rồng. Tại chính giữa là hương áng bày trí ba bát nhang (bằng gốm) có kích thước lớn và 2 bát nhang bằng đồng (những di vật này do bá tánh cúng), cặp đèn đồng. Kế đến là trang thờ có tượng bà Thiên Hậu Thánh Mẫu – tượng bà có nét mặt tươi vui, mắt hơi khép hờ (không nhìn xuống như các tượng bà khác), có áo mẫu đủ màu sắc sặc sở, đeo trang sức trên cổ, hai bên có hai tượng nữ hầu. Bên trái là bàn hương áng đặt trước và trang thờ có tượng "Tài Bạch Tinh Quân" chạm lộng bằng gỗ; Bên phải là bàn hương áng và trang thờ có tượng "Kim Hoa Nương Nương".

Đặt biệt, các hương áng trong ngôi miếu đều đặt nhiều bát nhang đồ gốm và đồ đồng, chân đèn (loại nhiều ngọn đèn thắp sáng bằng dầu). Đây là những bát nhang do bá tang cúng cho miếu, mỗi đồ cúng đều ghi tên người cúng.

Hai gian nhà phụ hai bên dùng làm nơi hội họp và để đồ cúng của Bà, một bên dùng làm nơi để bán các đồ thờ cúng, và nhà phía sau là khu nhà ở của gia đình ông Từ.

4.6. Các di vật còn bảo lưu:

- 01 đại hồng chuông đồng.
- 01 trống
- 02 bộ binh khí đồ đồng (mỗi bộ tám món)
- 01 bức phù điêu bằng gỗ chạm, di vật từ Trung Quốc mang sang, hình chiếc thuyền.
- 06 bát nhang bằng gốm – gốm Lái Thiêu, có đường kính từ 30 – 60cm; cao 20 – 40cm.
- Bộ lư nhang bằng đồng (lư và chân đèn)
- 02 hộp đựng đèn bằng đồng
- Tượng bà Thiên Hậu Thánh Mẫu
- Tài Bạch Tinh Quân
- Phước Đức Chánh Thần

4.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống:

- Ngày 15/1 cúng lớn rước cộ bà, có lân, sư, rồng, hầu. Đến năm 2010, thêm hát tuồng tích cổ, cải lương, hát nhạc trẻ.
- Ngày 2/2 vía Phước Đức Chánh Thần
- Ngày 23/3 vía bà Thiên Hậu
- Ngày 17/4 vía Kim Hoa nương nương
- Ngày 15/7 cùng cô hồn cát đản, cúng ngoài trời, cúng vừa chay vừa mặn. Trong miếu cúng chay (nấu chín).
- Ngày 22/7 vía thần tài (hậu duệ giữ kim ngân cho bà Thiên Hậu).
- Ngày mồng một và rằm hàng tháng cúng bình thường.
- Lễ vật cúng chính: Bánh, trái, hoa, quả, nhang đèn, trầu cau, thịt…

  Cúng bà cả 4 bang cùng cúng – cúng tự do, nhưng cơ bản có thịt heo quay, và đồ chay khô

- Lễ hội chính: Rằm tháng Giêng hàng năm (15.1 âm lịch) rước cộ Bà du Xuân.

4.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Ngôi miếu bà Thiên Hậu là nơi ghi dấu những bước lập cư sinh hoạt và phát triển của cộng đồng người Hoa tại vùng đất Lái Thiêu, trải qua hàng trăm năm còn bảo lưu những giá trị văn hóa cộng đồng dân tộc người Hoa trên đất Bình Dương.

Những di vật trong miếu mang đậm nét văn hóa của người Hoa như: Phù điêu gốm trang trí trên nóc nhà, các bộ lư nhang, bộ binh khí, đại hồng chuông (thời Mãn Thanh)…Đặc biệt, những di vật là đồ cúng bằng gốm có kích cỡ lớn, đây là những sản phẩm gốm mang đậm màu sắc gốm Lái Thiêu vào những thập niên đầu thế kỷ XX.

4.9. Tình trạng bảo quản:

Hiện nay, ngôi miếu được bảo quản rất tốt, có gia đình ông Từ thường xuyên cư ngụ tại miếu…

4.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Miếu do Ban liên lạc người Hoa tại thị trấn Lái Thiêu cùng quản lý điều hành mọi hoạt động diễn ra trong năm.

5. Thiên Hậu Cung – Chùa Bà đường Ngô Quyền, Kp.Long Thới, TT Lái Thiêu, Thuận An.

5.1. Tên gọi chữ Hán: Thiên Hậu Cung 天 后 宫

Tên gọi khác: chùa bà Thiên Hậu

5.2. Địa điểm - đường đi đến:

Ngôi miếu hiện tọa lạc trong khuôn viên của quán café Thùy Linh, đường Ngô Quyền - khu phố Long Thới, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An. Có diện tích xây dựng khoảng gần $200m^2$.

Miếu nằm bên bờ sông Sài Gòn, đoạn ngã ba sông Sài Gòn chạy vào rạch chợ Lái Thiêu. Trên đường Ngô Quyền đi thẳng đến cuối đường là Quán café Thùy Linh, miếu tọa lạc bên trong quán, đi đến bằng đường sông và đường bộ.

5.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Miếu được xây dựng 1879, người Hoa khi họ đến định cư tại vùng đất này đã lập nên miếu thờ vị nữ thần có tên gọi là Thiên Hậu Thánh Mẫu.

Theo các cụ cao niên người Hoa ở đây kể rằng: Khi xây dựng ngôi miếu Bà nằm trên đất tư, về sau có nhiều yếu tố khác nhau, những người Hoa ở đây đã lập nên ngôi miếu khác (đó là ngôi miếu bà Thiên Hậu ở vị trí ngày nay tại số 150 đường Châu Văn Tiết – Thị trấn Lái Thiêu). Ngôi miếu cũ để lại cho gia đình chủ đất quản lý thờ tự cho đến ngày nay.

Theo ông Nguyễn Hòa Khôi, chủ đất có cơ sở thờ tự này cho biết: người cất miếu Bà này là ông sơ ngoại của ông (sơ - cố - ngoại - mẹ, đến ông là đời thứ năm), ông sơ ngoại là người Hoa Quảng Đông họ Trần. Ông Khôi có biết bà cố ngoại của ông tên Trần Thị Lợi (con gái ông sơ) chết vào năm 1945 lúc đó bà 89 tuổi (tức sinh năm 1856). Sau đó đất được chuyển nhượng cho ông cố nội của ông Khôi tên Võ Văn Lực (sinh năm 1846). Ông Lực là người Việt nhưng tôn trọng miếu thờ của người Hoa nên cho xây lại miếu quay mặt về hướng bắc vào năm 1913 và được giữ nguyên trạng cho đến nay. Trên bức hoành chính phía trên ngai thờ có ghi năm Quý mão. Bức hoành bằng gỗ khá dày, chữ khắc bên trên là: Ân Đồng Tứ Hải 恩 同 四 海, bên cạnh đề Quý Mão niên 癸 卯 年. Bên ngoài chính diện ngôi miếu (mái hiên) có ba chữ Hán đã bị mờ: Phú Tân Hội 富 新 會 (không phải Thiên Hậu cung như nhiều cơ sở khác) [176]

---

[176] Sự hình thành và phát triển người Hoa ở Lái Thiêu – Đỗ Thị Tiên.

Như vậy năm Quý Mão khắc trên bức hoành ở cơ sở thứ nhất (Phú Tân hội) phải là năm 1843.

Hiện trạng ngôi miếu nằm trong khuông viên quán café Thùy Linh. Việc cúng - vía không còn mang tính cộng đồng, nhưng việc thờ tự vẫn còn bảo lưu như: vị trí thờ tự, các câu đối, liễn, hoành phi vẫn còn nguyên trạng. Nhưng trong khu chánh điện của miếu chủ nhân đã đưa bàn ghế vào phục vụ việc giải trí, do đó có phần làm hạn chế sự linh thiêng và du khách ít đến viếng miếu (chùa). Ngoài ra, chủ quán còn đặt bộ âm thanh bên cạnh ngôi miếu, chuông trong miếu đã bị dời ra bên ngoài ngôi miếu, đặt nơi quầy để phục vụ du khách chiêm ngưỡng như là một cổ vật.

Bên trong ngôi miếu còn một chiếc trống đã bị hư, các trang thờ đều có tượng thờ và trang thờ được bằng gỗ chạm trỗ rất đẹp cũng đang bị hư hỏng, do mối mọt, ẩm mốc. Trước miếu có am thờ thần tài, thổ địa, đối diện chánh điện là một tháp nhỏ (hình hồ lô) dùng để đốt nhang, giấy tiền vàng bạc khi cúng.

Các hiện vật còn mang dấu ấn của người Hoa như cặp đèn cày (sáp) (có 2 dạng bằng gốm và đồng) và nhiều di vật khác.

5.4. Loại hình:

Lịch sử - Văn hóa thuộc tín ngưỡng dân gian người Hoa, ghi dấu bước đầu định cư và phát triển của cộng đồng người Hoa tại vùng đất Lái Thiêu.

5.5. Khảo tả:

Về kiến trúc: miếu hiện tồn theo lối kiến trúc gạch tô kiểu các ngôi nhà xây dựng từ thời thuộc Pháp. Ngôi miếu xây dựng giống những ngôi đình người Việt, hai mái, hai chái, tường làm bằng gạch tô, trong ngôi miếu còn lưu giữ bộ khung sườn nhà bằng cây gỗ quí, mái lợp ngói âm dương, nền gạch hoa.

Mặt chánh điện ngôi miếu quay về hướng bắc, phần tiền điện xây tường tô tạo hình vòng cung ba gian hai chái. Trên đỉnh nóc trang trí tượng gốm "lưỡng long tranh châu", hai bên mái nhà có tượng gốm ông Nhật và bà Nguyệt.

Trong chánh điện ở gian giữa là hương áng thờ bài vị bà Thiên Hậu Thánh Mẫu, bát nhang bằng gốm màu xanh nước biển, 02 chân đèn (di vật đặc trưng mang dấu ấn văn hóa người Hoa)… hai bên bày trí hai hàng binh khí (bằng gỗ). Hai trụ cột hai bên đặt 2 câu đối. Bên hữu là hương áng thờ tranh kiếng di ảnh Quan công, trên có đề chữ Hán: " Quan Thánh Đế Quân". Bên tả là hương áng thờ tranh kiếng di ảnh bà Thiên Hậu.

Gian trong cùng ở giữa là bàn thờ và trang thờ tượng bà Thiên Hậu – tượng bà Thiên Hậu có gương mặt phúc hậu, rất trẻ, vui tươi và mắt nhìn thẳng (không khép hờ, không nhìn xuống như những tượng Thiên Hậu khác) và hai tượng nữ hầu. Trên bàn thờ có cặp hạc đứng chầu (Hạc thường thấy ở đình người Việt). Trang thờ chạm lộng bằng gỗ quí, sơn son thếp vàng. Hai trụ cột có cặp đối chữ Hán.

Bên tả bàn thờ bà Thiên Hậu là hương áng thờ Quan Công? Hay Thần Tài. Bên hữu thờ Kim Hoa nương nương?. Đặc biệt ba trang thờ nay không đề chữ Hán như ở các ngôi miếu của người Hoa khác.

Trên gian giữa ngôi miếu từ ngoài vào trang trí 03 tấm hoàng phi bằng gỗ khắc lõm đề chữ Hán.

5.6. Các di vật còn bảo lưu:

- 01 đại hồng chuông đồng
- 01 trống (hư)
- 02 con hạc
- 02 bát nhang gốm có kích thước 30cm
- 02 chân đèn bằng gốm

- Tượng bà Thiên Hậu Thánh Mẫu.
- Tượng Kim Hoa Nương Nương
- Tượng Thần tài…?
- 4 tấm hoành phí và 2 cặp đối bằng gỗ.

5.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống:

Hiện nay, các hình thức hoạt động của ngôi miếu không còn mang tính cộng đồng của người Hoa nữa, chỉ còn mang tính chất gia đình thờ cúng.

5.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Ngôi miếu là nơi ghi dấu quá trình tụ cư của người Hoa tại vùng đất Lái Thiêu, huyện Thuận An, Bình Dương. Những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể còn hiện tồn đã phản ánh việc bảo lưu văn hóa tín ngưỡng dân gian của người Hoa tại Bình Dương.

5.9. Tình trạng bảo quản:

Hiện nay ngôi miếu do tư nhân quản lý tình trạng kiến trúc ngôi miếu đang xuống cấp.

5.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Miếu do tư nhân quản lý và thờ cúng không còn mang tính cộng đồng, nhưng ngôi miếu vẫn giữ nguyên vị thần thờ tự ban đầu, làm nơi thờ tự của gia đình.

6. Thiên Hậu Cung – Chùa Bà Búng, Thị trấn An Thạnh, Thuận An.

6.1. **Tên gọi chữ Hán:** Thiên Hậu Thánh Mẫu 天后聖母

Tên gọi khác: Chùa bà Búng

6.2. Địa điểm - đường đi đến:

Thiên Hậu Cung hiện tọa lạc tại khu phố Thạnh Hòa, Thị trấn An Thạnh, huyện Thuận An. Vị trí nằm cạnh cầu Bà Hai, khu chợ Búng và gần nhà thờ Búng. Đường đến rất thuận tiện từ nhiều tuyến đường về đến miếu Bà.

6.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Thiên Hậu Cung – Miếu Thiên Hậu hay còn gọi là Chùa Bà ở Búng được xây dựng năm 1879. Do cộng đồng người Hoa ở vùng này tạo lập, một ngôi miếu nhỏ để thờ vị nữ thần Thiên Hậu Thánh Mẫu và nhiều vị thần khác mà người Hoa tín ngưỡng.

Theo tư liệu – kế ước mua đất để xây dựng chùa (giấy mua đất đề năm 1874 – như vậy năm xây dựng chùa là 1879 chính xác)

Năm 1992, xây dựng toàn bộ khuôn viên, cổng và ngôi miếu mới như hiện nay. Tổng kinh phí là 800.000.000 triệu đồng, do cộng đồng 4 bang người Hoa chợ Búng cùng đóng góp tiền của cho miếu. Lúc này, ông Lý Ngọc Bạch là người đứng ra quản lý, theo dõi thi công toàn bộ công trình xây dựng, thời gian xây dựng là 02 năm, đến năm 1993 là khánh thành.

Ngoài thờ vị nữ thần Thiên Hậu Thánh Mẫu, miếu còn thờ Kim Hoa Nương Nương, Quan Công, Phước Đức Chánh Thần, Tài Bạch tinh quân…

Miếu do Ban liên lạc người Hoa chợ Búng cùng quản lý và điều hành mọi hoạt động của ngôi miếu bà Thiên Hậu tại đây. Trưởng ban là ông Lý Ngọc Bạch, tổng vụ là ông Lạc Sai.

Ngôi miếu (chùa bà) thường xuyên chăm sóc và trông coi ngôi miếu là ông Lạc Sai (ông Từ), một người có uy tín trong cộng đồng và tham gia các tổ chức hoạt động xã hội.

Bên góc ngoài sân còn có tấm bia đá khắc bằng chữ Hán năm xây dựng chùa năm 1879.

6.4. Loại hình: Lịch sử - văn hóa

Ngôi miếu là nơi ghi dấu những điểm tụ cư của cộng đồng người Hoa trên đất Bình Dương; Bảo tồn tín ngưỡng văn hóa dân gian người Hoa trên vùng đất có địa danh là “Búng”, thị trấn An Thạnh, huyện Thuận An.

6.5. Khảo tả:

Tổng diện tích sử dụng là:

Về kiến trúc: Ngôi miếu mặt chánh diện nhìn về hướng nam, hưởng không khí thoáng mát quanh năm gần kênh rạch, sông nước và thị tứ sầm uất tại thị trấn An Thạnh.

Trước ngôi miếu là cổng Tam quan nằm sát đường…., cổng xây dựng theo dạng kiến trúc cổ lầu, trên đỉnh nóc trang trí "lưỡng long tranh châu", mái lợp ngói âm dương màu xanh, cổng không sơn theo màu truyền thống (màu đỏ) mà áp loại gạch thẻ có màu vàng xám đất.

Mặt chánh cổng tam quan, phần giữa có đề chữ Hán: "Thiên Hậu Thánh Mẫu", dưới trang trí phù điêu bằng (thạch cao) chủ đề Hoa Sen trắng. Hai bên cổng chính đề 2 câu đối.

Qua cổng Tam quan là một khoảng sân rộng, giữa sân là một lư thắp nhang lớn dùng cúng trời đất (bàn thiêng) – lư nhang lớn xây có nắp hai tầng, hình nón đặc trưng của người Hoa. Phía trước lư và sau đều có đề chữ Hán; Bên trái là khu bán hàng đồ thờ cúng và quà lưu niệm; Bên phải là tháp đốt nhang, đồ giấy tiền vàng bạc khi cúng (làm bằng kim loại).

Ngôi miếu xây theo dạng kiến trúc truyền thống đền, miếu người Hoa, nhưng ở miếu bà này có một điểm khác là ngôi chánh điện xây hai mái và hai nhà phụ cũng hai mái nhưng tách rời nhau ở hai bên chánh điện, có cửa liên thông.

Ngôi chánh điện (tiền điện, trung điện và hậu điện) chia làm ba gian, hai chái. Trên đỉnh nóc trang trí giữa là "lưỡng long tranh châu" kế đến là cá hóa long, tiếp hai bên là cặp lân (tất cả là đồ gốm), hai bên đỉnh nóc tạo dáng hình uốn cong, phía dưới trang trí đắp nổi hình long – phụng kế đến là qui, lân, lộc… mái lợp ngói âm dương màu xanh, hai bên có tượng gốm ông Nhật, bà Nguyệt.

Phần tiền điện: trước khoảng sân đối diện cửa chính là cặp Lân chầu (bằng đá xanh xám) có dáng vẻ dũng mãnh có đặt bát nhang, song song cặp Lân là hai lư nhang lớn (bằng xi măng). Bước vào tiền điện nơi hành lang trang trí trên cột đắp nổi hình rồng chầu, trên trang trí phù điêu cảnh Bát Tiên, Long - Phụng… trên có treo 2 lồng đèn giấy. Toàn bộ phần mặt tiền ngôi chánh điện áp gạch thẻ màu vàng xám. Trên cửa bước vào trong có đề: “Thiên Hậu Cung”, hai bên có cắp đối.

Cửa chính có hai cánh được làm bằng gỗ khắc nổi hình hoa văn dây lá, sơn nhũ vàng, hai bên cửa có ghi chữ Hán: “Quốc Thái, Dân An” và vẽ hình tướng thần bảo vệ.

Bên trong tiền điện, bên trái là trang thờ có cốt tượng “Tài Bạch tinh Quân”; Bên phải trang thờ có cốt tượng “Phước Đức chánh thần”, kế đến trên tường còn treo bảng ghi tên những người có công đóng góp tiền cửa trùng tu ngôi miếu vào năm 1993. Trên trần nhà khu tiền điện và trung điện có treo nhiều khoanh nhang vòng tỏa hương suốt ngày đêm.

Phần trung điện: giữa đặt một bàn hương áng lớn bằng gỗ, có chạm bức phù điêu “lưỡng long tranh châu”. Trên bàn bát nhang gốm và bình hoa, sau bàn là tủ thờ (tủ làm bằng gỗ chạm hoa văn dây và nắp nổi hình mặt hổ, sơn nhũ vàng) trên đặt cốt tượng bà Thiên Hậu (tượng được thỉnh từ Đài Loan – Trung Quốc sang từ năm 1996) và đặt 2 cặp chân đèn (đồng) và cặp chân đèn gỗ. Sau tủ thờ là bộ binh khí bằng gỗ. Bốn trụ cột trang trí đắp nổi hình rồng. Bên trái là kệ đặt trống và chuông đồng.

Phần hậu điện: giữa đặt hương án và trang thờ có cốt tượng, hai bên đặt 2 bình gốm sứ. Trên bàn đặt 2 lư hương (gốm) lớn và cặp chân đèn (đồng) và bài vị đề chữ “Thiên Hậu Thánh Mẫu”, hai bên bài vị có cặp hạc đứng hầu. Sau hương áng là trang thờ 3 cốt tượng bằng gỗ (3 tượng đều giống nhau – tượng có dáng mặt thanh tú, mắt khép hờ, trang nghiêm, mặt

áo màu đỏ), thực ra là có hai tượng nữ hầu ngồi hai bên cùng ngôi vị Bà (có dáng tượng đầu đội mão nhỏ hơn cốt tượng Bà), ở giữa là tượng bà Thiên Hậu, dưới có 2 nữ hầu, trên có tấm liễn vải đỏ đề chữ Hán: "Thiên Hậu Thánh Mẫu".

Bên trái bàn thờ bà Thiên Hậu là hương áng và trang thờ Kim Hoa Nương Nương (có hai tượng) và hai tượng hầu (bằng gỗ), bàn hương áng đặt bát nhang gốm và cặp chân đèn (đồng).

Bên phải là hương áng và trang thờ Quan Thánh Đến Quân, và hai tượng hầu (Quan Bình bên phải, Châu Xương bên trái), bàn hương áng đặt bát nhang gốm và cặp chân đèn (đồng).

Cả 03 bàn hương áng đều được làm bằng gỗ chạm, trang trí "lưỡng long trang châu" và hoa văn dây lá, sơn nhũ vàng. Hai bên đặt mỗi bên 4 tấm biển có đề chữ Hán, tấm biển này dùng để khi đi rước cộ bà du xuân. Các cốt tượng đều mặc trang phục có màu đỏ, màu vàng, màu xanh…

Các trang thờ được làm bằng gỗ, chạm lộng, sơn nhũ vàng và trang trí hoa văn hình dây lá.

Đặc biệt, trong ngôi miếu hiện nay đặt rất nhiều thùng cúng tiền, có đề chữ Hán.

Phần trên mái nhà còn đặt những tấm hoành phi, từ ngoài vào. Tại gian giữa có đề: "Thiên Hậu Thánh Mẫu"…

Phần hai gian nhà phụ và nhà sau:

Gian nhà bên trái (từ ngoài vào) dùng để đồ cúng và quà lưu niệm, trên tường treo nhiều bằng khen, giấy khen của Hội, Bang trưởng, của cá nhân ông Lạc Sai… đã có nhiều thành tích đóng góp cho xã hội.

Gian nhà bên phải, dùng là nơi hội họp và sử dụng để có vật dụng của ngôi miếu. Tại gian nhà này còn bảo lưu 2 câu đối thể hiện trên gỗ, cụ thể câu đối thứ nhất ghi:

+ Cặp đối thứ nhất:

水 德 配 皇 天 海 國 慈 航 宏 普 濟

Thủy đức phối hoàng thiên hải quốc Từ Hàng hoành phổ tế

古 文 陸 張 氏 慶 奉 供

Cổ văn lục Trương Thị Khánh phụng cung

母 儀 稱 聖 后 乾 坤 氣 象 蔭 無 疆

Mẫu Nghi xưng Thánh Hậu càn khôn khí tượng âm vô cương

癸 丑 年 十 二 月

Quý Sửu niên thập nhị nguyệt

(Tháng 12 năm Quý Sửu (1913)

Câu đối thứ hai:

水 德 配 皇 天 海 國 慈 航 宏 普 濟

Thủy đức phối hoàng thiên hải quốc Từ Hàng hoành phổ tế

母 儀 稱 聖 后 乾 坤 氣 象 蔭 無 疆

Mẫu nghi xưng thánh hậu càn khôn khí tượng âm vô cương

乙 巳 孟 春 穀 旦

Ất Tỵ mạnh xuân cốc đán

(Mùa xuân năm Ất Tỵ (1905)

Gian nhà sau dùng làm nơi sinh hoạt khác.

6.6. Các di vật còn bảo lưu:

- 01 đại hồng chuông đồng
- 01 trống
- 01 Bài vị gỗ ghi Thiên Hậu Thánh Mẫu.
- 01 Bộ binh khí gỗ
- 01 kiệu (cộ) dùng rước cộ bà du xuân.
- 01 bàn hương áng lớn bằng gỗ,trang trí “lưỡng long tranh châu”

- 01 tủ thờ, gỗ chạm sơn nhũ vàng.
- 03 bàn hương áng bằng gỗ chạm, sơn nhũ vàng.
- 02 bình gốm cao.
- 01 tượng Thiên Hậu Thánh Mẫu (thỉnh từ Đài Loan -Trung Quốc năm)
- 01 Tấm ghi chữ Hán (bằng gỗ).
- 01 bức tranh vẽ su tổ đạt ma (trang đen trắng)
- 02 câu đối gỗ (1905 và 1913)
- 01 bảng đề tên người góp tiền trùng tu 1993 (bằng đá)

6.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống

- Ngày 15/1 cúng rằm tháng giêng – rước cộ bà du xuân.
- Ngày 2/2 cúng Phước Đức Chánh Thần – Thổ địa.
- Ngày 23/3 cúng vía bà Thiên Hậu.
- Ngày 17/4 cúng bà Kim Hoa Nương Nương
- Ngày 13/5 cúng Quan Thánh Đế Quân (Quan Công)
- Lễ vật cúng chính: Bánh, trái, hoa, hương, cau, thịt…
- Lễ hội chính: Rằm Tháng Giêng hàng năm (15.1 âm lịch) – Bà du xuân.

6.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Ngôi miếu bà Thiên Hậu là nơi ghi dấu những bước tụ cư lập nghiệp và phát triển cộng đồng người Hoa khu vực chợ Búng, Chòm Sao thuộc xã Hưng Định, Thị trấn An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đặc biệt, ngôi miếu thể hiện cách thờ tự và xây dựng khác nhiều so với các cơ sở thờ tự khác của người Hoa ở Bình Dương. Đối tượng thờ chính là bà Thiên Hậu, thờ 2 tượng hầu giống nhau cùng ngồi ngang ngôi vị với

tượng Bà, phong cách tượng miếu Bà ở Búng cũng khác, được tạc bằng loại gỗ quý, dáng tượng thanh cao.

Đặc biệt tại ngôi miếu còn lưu giữ cặp đối bằng gỗ quí có đề chữ Hán có nội dung ca ngợi công đức của Bà Thiên Hậu và lạc khoản trên tấm câu đối có ghi năm ra đời là 1905 và 1913, có lẽ đây là những câu đối được làm tặng vào dịp trùng tu, hoặc lễ hội vía bà.

6.9. Tình trạng bảo quản:

Hiện nay, ngôi miếu do Ban liêc lạc người Hoa chợ Búng quản lý mọi hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng.

6.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Ngôi miếu được cộng đồng người Hoa ở thị trấn An Thạnh chung sức xây dựng ngày một khang trang và có tường rào, cổng bảo vệ cơ sở tín ngưỡng trật tự an toàn xã hội.

7. Thiên Hậu Cung – Chùa Bà – Thị trấn Dầu Tiếng

7.1. Tên gọi chữ Hán: Thiên Hậu Cung 天 后 宫

Tên gọi khác: chùa bà Dầu Tiếng

7.2. Địa điểm - đường đi đến:

Ngôi miếu tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Đường đi rất thuận tiện.

7.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Miếu Thiên Hậu lúc đầu tọa lạc bên bờ sông Sài Gòn, lúc đầu xây dựng thô sơ, về sau đời về vị trí như ngày nay, được tạo lập vào năm 1937, do những người Hoa Quảng Đông và Triều Châu, thờ vị nữ thần chính trong miếu là Thiên Hậu Thành Mẫu. Hiện nay diện tích sử dụng khoảng 600m^2.

Đối tượng thờ chính là Thiên Hậu, Quan Công, Phật Bà Quan Âm, Tài Bạch Tinh Quân…

Tại miếu bà Dầu Tiếng được quí Bang qui ước là tổ chức lễ hội rước cộ bà du xuân trước 3 ngày so với miếu (chùa bà) ở Thủ Dầu Một, để có thời gian ngày 15/1 hàng năm về tham dự ngày lễ hội rước cộ Bà tại thị xã.

Thời gian được tổ chức lễ rước cộ bà Dầu Tiếng được thực hiện từ năm 1990 đến nay.

7.4. Loại hình: Lịch sử - văn hóa

Ngôi miếu là nơi ghi dấu những điểm tụ cư của cộng đồng người Hoa trên đất Dầu Tiếng; Bảo tồn tín ngưỡng văn hóa dân gian người Hoa trên vùng đất Thị trấn Dầu Tiếng, Bình Dương.

7.5. Khảo tả:

Đôi nét về kiến trúc và thờ tự:

Ngôi miếu Thiên Hậu ở Dầu Tiếng cũng giống như bao ngôi miếu khác của người Hoa về lối kiến trúc và thờ tự. Nhưng ở Dầu Tiếng kiến trúc ngôi miếu có phần giống như những ngôi đình người Việt hơn, 2 mái bằng không uống cong, trang trí kiến trúc đơn giản hơn so với những ngôi miếu bà của người Hoa ở Bưng Cầu, Phú Cường, Búng… cách bố trí thờ tự cũng thoáng và rộng rãi.

Miếu được xây dựng trên đồi cao, mặt chánh điện quay mặt về hướng tây nam, nằm giữa vị trí một bên là chùa Phật, một bên là đình: Bên trái là Đình Thần Dầu Tiếng, bên phải cạnh chùa Phật Liên Trì.

Trước cổng tam quan lên 7 bậc thềm là cổng chính, trên cổng có đề chữ Hán và hai câu đối. Mặt sau cổng cũng đề 4 chữ Hán, bước vào bên trong một khoảng sân rộng, bên trái là tháp dùng để đốt nhang, giấy cúng đề 2 chữ Hán.

Ngôi miếu chia làm 3 gian: ngôi chánh điện và 2 ngôi nhà phụ hai bên.

Ngôi chánh điện: trước thờ 2 con lân gốm, trên nóc trang trí ở giữa: “lưỡng long chầu châu” hai bên nóc là cặp cá hóa long, hai bên mái là hai

con rồng, dưới mái là tượng ông mặt trời, bà mặt trăng bằng gốm. Mái lợp tôn giã ngói tây, đường diềm ngói tròn. Trước ngôi chánh điện bước vào cửa chính, trên cùng đề chữ Hán: “Thất Phủ Thiên Hậu Cung”, dưới đề “Thiên Hậu Thánh Mẫu” và 02 câu đối hai bên.

Trong chính điện, bên trái là bàn thờ “Tài Bạch Tinh Quân” hay Thổ địa, giữa là bàn thờ lớn đặt 2 bát nhang bằng đồng, nơi đây khi có lễ cúng để cho bá tánh đặt lễ vật cúng bà… tiếp đến bàn thờ ở giữa đặt bài vị “Thiên Hậu Thánh Mẫu Chi Trung”, trước bàn đề 4 chữ: “Thiên Hậu Thánh Mẫu”, hai bên hàng cột có 2 câu đối.

Tiếp đến là bàn thờ chính có tượng Thiên Hậu Thánh Mẫu – tượng ngồi cao, nét mặt trẻ tươi vui, mắt mở (mắt không nhìn xuống như các tượng bà ở các miếu khác như tượng ở Bưng Cầu…) và hai tượng hầu đứng là (quan văn, quan võ). Bên tả bàn thờ bà Thiêu Hậu là bàn thờ Phật Bà Quan Âm; Bên hữu bàn thờ Quan Công hai bên là Quan Bình, Châu Xương.

Phía trên nóc chính điện có treo nhiều tấm hoành phi bằng vải màu đỏ, ghi chữ: Thiên Hậu Thánh mẫu (cờ đỏ thuê hoa sen, rồng phụng, và ngày tháng - tên họ người cúng).

Hàng năm vào tháng Giêng là lễ hội viếng chùa bà rất đông, cộng đồng người Hoa chủ yếu ở thị trấn Dầu Tiếng, người Hoa ở xã Minh Đức và hòa chung vào cộng đồng người Việt (lễ hội đình, chùa đầu năm), người Hoa các nơi khác cũng về đây viếng bà và tham gia lễ hội rước cộ Bà di du Xuân vào ngày 11 tháng Giêng (đây là ngày cộng đồng người Hoa đã thống nhất - ở các nơi lễ hội miếu bà diễn ra vào ngày 14, 15 tháng Giêng, nên ở Dầu Tiếng thực hiện trước).

7.6. Các di vật còn bảo lưu:

- 01 đại hồng chuông đồng.
- 01 trống

- Bộ binh khí

7.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống:

- Ngày 23/3 vía ngày sanh của bà
- Ngày 9/9 ngày mất của bà.
- Ngày 16/12 và ngày 15 tháng Giêng hàng năm là cúng lớn.
- Lễ hội chính: Ngày 11 tháng Giêng rước cộ bà du xuân.
- Lễ vật cúng chính: Bánh, trái, hoa, hương, trần cau, thịt… và đồ chay khô

7.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Hiện nay, lễ hội rước cộ bà ở Dầu Tiếng được tổ chức khá phong phú, thu hút cả cộng đồng người Hoa và người Việt khắp các nơi cùng về đây tham dự. Người Hoa ở thị trấn Dầu Tiếng, người Hoa ở xã Minh Hòa và người Hoa, người Việt các khắp nơi cũng về đây lễ bà và chiêm ngưỡng bà du xuân, xin lộc, cầu an… Đặc biệt, miếu bà Thiên Hậu ở đây nằm giữa vị trí một bên là đình thần Dầu Tiếng, một bên là chùa Phật Liên Trì. Do vậy, lễ hội rước cộ bà Thiên Hậu du xuân càng góp phần làm phong phú thêm đời sống tâm linh của người dân ở Dầu Tiếng.

7.9. Tình trạng bảo quản:

Hiện trạng ngôi miếu được cộng đồng người Hoa thị trấn Dầu Tiếng gìn giữ và bảo quản tốt.

7.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Cộng đồng người Hoa thường xuyên tổ chức sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cho ngôi miếu, góp phần vào việc bảo tồn di sản văn hóa dân gian của cư dân Dầu Tiếng.

II. Miếu Ông Bổn (thờ Tổ Họ - Tổ Nghề):

1. *Phước An Miếu – Chùa ông Bổn – họ Lý Phúc Kiến – Chánh Nghĩa:*

1.1. Tên gọi chữ Hán: Phước An Miếu 福 安 廟

Tên gọi khác:

- Thất Phủ Đại nhân 七 府 大 人

- Chùa ông Bổn – họ Lý Phúc Kiến – Chánh Nghĩa

1.2. Địa điểm - đường đi đến:

Phước An miếu tọa lạc tại khu 7, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vị trí trên một đồi cao, nằm giữa khu dân cư người Hoa Phúc Kiến, có nghề thủ công truyền thống làm gốm dân dụng.

Từ ngã ba Lò Chén đi thẳng hơn 01km là đến miếu, từ ngoài cổng chính đi vào khoảng 200m là đến ngôi miếu, đường đi không thuận cho xe ô tô lớn.

1.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Ngôi miếu do người Hoa Phúc Kiến thuộc họ Lý lập vào năm 1882. Đối tượng thờ "Thất phủ Đại nhân" các vị tổ họ: Lực, Chu, Quách, Tiêu, Triệu, Lý và Châu.

Tương truyền vào đời nhà Hán, có 360 sĩ từ đi thi đã tụ hội lại trong một căn hầm để đàn ca hát xướng. Tiếng đồn vang đến tai của Trương Thiên Sư (Trương Đạo Lăng - tổ của thầy pháp) ông nổi giận bèn lừa vua lấy chiếu chỉ rồi đọc than chú cho sụp hầm giết chết 360 người. Oan hồn các sĩ tử cứ báo mộng kêu oan với nhà vua. Khi biết rõ sự tình, vua bèn phong cho các sĩ tử bị chết oan mỗi người là Đại nhân của phủ họ. Người họ nào thì thờ đại nhân họ đó. Tìm hiểu từ những người cao tuổi thì ở quê hương An Khê của họ Lý đã có miếu thờ Thất Phủ Đại Nhân từ lâu đời.

Khi người Hoa Phúc Kiến sang định cư tại Chánh Nghĩa (Bình Dương), người Hoa họ Lý cũng lập miếu thờ Thất Phủ Đại Nhân, trước tiên là để tạ ơn các vị thần đã phù hộ cho họ được an cư lạc nghiệp, và tiếp nối bảo lưu truyền thống tín ngưỡng từ cố hương.

Hàng năm vào ngày 16 tháng giêng, Phước An miếu tổ chức lễ rước kiệu ông tuần du suốt ngày suốt đêm quanh khu dân cư. Từng gia đình hoặc một nhóm gia đình bày chung hương án, bánh trái bên đường đón đám rước có thầy pháp làm lễ cúng cầu ông giải trừ tà ma, phù hộ cho gia đình làm ăn phát đạt, an khang thịnh vượng... hộ tống đám rước cũng không thể thiếu hầu, lân, sư, rồng với trống chiêng, chập chả âm thanh rộn ràng vang xa hàng cây số.

Theo thông lệ cứ 3 năm Phước An miếu tổ chức lễ hội một lần vào 3 ngày từ 12 đến 14 tháng 8 âm lịch (ngoài lễ hội 16 tháng Giêng). Trong lễ hội có thầy pháp tụng cúng, có hình thức lên đồng xỏ xiên quai (một thanh sắt tròn dài xỏ xiên qua 2 má cạnh mép miệng) và chủ yếu là hát cúng hò Quảng với nhiều tuồng tích thu hút nhiều người xem.

1.4. Loại hình: Lịch sử - Văn hóa người Hoa

Thuộc loại hình tín ngưỡng dân gian người Hoa họ Lý (Phúc Kiến) định cư trên vùng đất Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một, Bình Dương.

1.5. Khảo tả:

Ngôi miếu có diện tích không lớn lắm tọa lạc giữa vị trí ngã ba đường lưu thông nhỏ, miếu quay mặt chánh điện về hướng đông, trên đồi cao, bên cạch còn có cây dầu cổ thụ cao to.

Miếu được xây dựng theo kiến trúc đặc thù có diện tích nhỏ, mái lợp ngói ống, trang trí nhiều tượng gốm, lưỡng long tranh châu, cá hóa long, lân,… và xung quanh treo nhiều đèn lồng giấy, vẽ trang trí nhiều chủ đề của

cuộc sống người Hoa về phong cảnh cố hương, các anh hùng hào kiệt, đề tài cá chép… toàn ngôi miếu màu chủ đạo là màu đỏ.

Trước ngôi miếu đặt một đỉnh cắm nhang lớn, bước lên ngôi miếu gồm ba phần: tiền, trung và hậu điện.

Tiền điện có bảng đề chữ Hán "Phước An Miếu", dưới đề "Thất Phủ Đại Nhân". Đến phần trung điện là nơi đặt 2 giá thờ các binh khí như dao các loại, bàn đinh… những vật thể hiện nghi thức nhập cốt… phần nối giữa trung điện và hậu điện là 2 lối cửa vào ở hai bên ngôi miếu, hai bên cửa đề có đề cặp đối chữ Hán.

Phần hậu điện là nơi thờ 7 vị thần chính "Thất Phủ Đại nhân", trước là bàn cúng lớn vuông bằng gỗ, mặt chính diện có đều chữ Hán: Phước An Miếu, Thất phủ Đại Nhân….. kế đến là bàn thờ đặt các lưu nhang bằng gốm, hai bên có trụ cột đắp nổi 2 hình tượng rồng chầu. Trong cùng là bàn thờ tọa vị 07 cốt tượng Thất Phủ Đại Nhân bằng gỗ (tượng có kích thước rất nhỏ), cốt tượng luôn được thay đổi y phục (do bá tánh cúng). Trên có treo 09 tấm hoành phi đề chữ Hán và những tấm liễn vải, lồng đèn…

1.6. Các di vật còn bảo lưu:

- 01 đại hồng chuông đồng
- 02 Bộ binh khí (dao va ban đinh)
- 01 tượng bằng gỗ "Thất Phủ Đại Nhân"
- Các lư nhang bằng gốm có đề chữ Hán.

1.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống

- Ngày 2/1 âm lịch - giỗ họ (Hội).
- Ngày 16/1 – tổ chức lễ tuần du (rước cộ du Xuân)
- Ngày 10/5 – cúng Bến (lễ cúng tốn quái)
- Ngày 4/7 – giỗ Hội
- Ngày 16/7 – Vu Lan

- Ngày 12/8 – vía ông Bổn (Thất Phủ Đại Nhân) cứ 3 năm lại đáo lệ một lần có tổ chức hát tuồng cổ.
- Ngày 12/10 – sinh nhật ông Bổn.
- Lễ vật cúng chính: chay – mặn đều được.
- Lễ hội chính: 16/1 rước cộ ông tuần du.

1.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Đây là cơ sở tín ngưỡng dân gian thuộc cộng đồng người Hoa, họ Lý (Phúc Kiến) thờ tự Thất Phủ Đại Nhân. Nơi ghi dấu cộng đồng người Phúc Kiến tụ cư sinh sống trên địa bàn Phường Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Tuần du đưa ông Bổn du Xuân là một lễ hội còn mang nhiều yếu tố thần bí thu hút nhiều người tham gia.

1.9. Tình trạng bảo quản:

Miếu được cộng đồng người Hoa, họ Lý ở Chánh Nghãi bảo quản tốt.

1.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Cộng đồng cần thường xuyên tổ chức sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cho ngôi miếu, nhưng vẫn bảo tồn nét văn hóa đặc trưng của miếu.

2. Phước Võ Điện – Chùa ông Bổn - Họ Vương Phúc Kiến, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một:

2.1. Tên gọi chữ Hán: Phước Võ Điện 福 武 殿

Tên gọi khác: chùa ông Bổn Bà Lụa

Người dân thường gọi là chùa ông Bổn ở Bà Lụa, vì khu vực này người dân quên gọi với địa danh là Bà Lụa.

2.2. Địa điểm - đường đi đến:

Điện thờ ông Bổn hiện tọa lạc tại khu 9, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương. Trên ngọn đồi cao thoáng, mặt chánh quay về hướng nam, vị trí miếu gần vòm ông tía, cạnh chùa Bửu Nghiêm?

Từ đường Nguyễn Tri Phương đến ngã ba, rẽ phải di thẳng một đoạn 200 mét là đến miếu. Đường di nhỏ không thuận tiện cho xe ô tô lớn.

2.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Phước Võ Điện hay còn gọi là chùa ông Bổn họ Vương (Phúc Kiến) (Chánh Nghĩa – Bà Lụa) được những người họ Vương xây dựng khoảng năm 1885, thờ Huyền Thiên Thượng Đế - một vị thần do Thượng Đế phân thân, còn được gọi là Chân Vũ hoặc Chân Võ. Theo truyền thuyết, ngài có hai tướng Rùa và Rắn (Qui – Xà tướng quân) phụ trợ cùng với 36 tướng khác tuần du về phương bắc để trấn áp, thu phục tà ma cứu người lương thiện, cuộc tuần du đó gọi là Bắc du Chân Võ.

Phước Võ Điện là ngôi miếu của họ Vương đầu tiên được xây dựng tại Chánh Nghĩa, về sau khi các nhóm cộng đồng người Hoa (họ Vương) ở các điểm tụ cư khác như: Búng, Lái Thiêu, Tân Phước Khánh lại xây thêm cơ sở thờ tự riêng cho mình.

Phước Võ Điện lúc đầu lễ hội rước cộ ông tuần du được tổ chức vào 2 ngày 24 và 25/2 âm lịch. Sau khi có 3 cơ sở thờ tự ra đời (Chòm Sao, Tân Phước Khánh. Lái Thiêu) thì cứ 4 năm đáo lệ một lần tổ chức lễ hội (mỗi năm luân phiên tổ chức thỉnh bộ tượng thờ và rước cộ ông của nhóm người Hoa họ Vương).

Ngôi miếu ngày nay được trùng tu lớn năm 2003. Ngoài thờ ông Bổn họ Vương, ngoài ra còn đưa vào thờ các vị thần như Thiên Hậu Thánh Mẫu và các vị thần khác.

2.4. Loại hình: Lịch sử - Văn hóa người Hoa ở Bình Dương.

Thuộc loại hình tín ngưỡng dân gian người Hoa họ Vương (Phúc Kiến) định cư trên vùng đất Chánh Nghĩa – Bà Lụa, Thủ Dầu Một, Bình Dương.

2.5. Khảo tả:

Về kiến trúc và bố trí thờ tự: Phước Võ Điện tọa lạc tại một khu gò cao thoáng, mặt chánh diện quay về hướng nam, nhìn ra vòm ông Tía - một con rạch nhỏ chảy ra sông Sài Gòn. Cũng như ngôi miếu thờ ông, thờ bà của người Hoa xây dựng theo lối kiến trúc cổ điển về đền, điện, đàn, miếu… nhưng ở miếu ông Bổn này có một đặc biệt hơn chọn màu sơn chủ đạo là màu vàng như những ngôi chùa của người Việt.

Ngôi miếu hiện nay có tường rào bảo vệ xung quanh, tạo 2 lối cổng chính (một cổng hướng đông và cổng hướng nam), bên trong cạnh cổng hướng nam có đặt một bàn thiên và lư nhang trên đề chữ Hán; Bên góc trái có cây si cổ thụ, và có am thờ Thổ Địa, bên cạnh am là tháp đốt giấy tiền vàng bạc (tháp nhỏ), giữa khoảng sân rộng đặt một lư nhang lớn.

Mặt trước và sau ngôi miếu xây dựng theo một khối liên hoàng (ở phần tiền điện và hậu điện) giữa là ngôi chánh điện và hai nhà phụ hai bên. Ngôi chánh điện xây theo dạng cổ lầu (dạng nhà bốn mái vuông góc, lấy gió mát và ánh sang bên ngoài).

Trên nóc ngôi chánh điện trang trí 2 tượng rồng bằng gốm “lưỡng long tranh châu”, trên bốn nóc trang trí hình cá hóa long, rồng đơn, ông nhật, bà nguyệt. Mái lợp ngói âm dương tráng men màu xanh và màu vàng.

Ngôi chánh điện: có một cửa chính, hai bên trang trí 2 ô cửa hình tròn. Nơi hành lang, ở có hàng cột thứ nhất (6 trụ cột) trang trí các câu đối đề chữ Hán. Phần trên nơi cửa chính có đề chữ Hán: “Phước Võ Điện”. Bên trong chánh điện bên trái hương áng thờ có tượng “Cửu Thiên Huyền Nữ” và hai tượng hầu nhỏ, bên phải hương áng thờ (tượng) ông Tổ Họ Vương. Nơi chính giữa là bàn thờ lớn, trước bày bát nhang và hai bên có hai bình bằng đá, chuông, phần trên cùng thờ bộ tượng [gồm 12 tượng – đây là bộ tượng mới bổ sung sau này (bộ tượng gốc có 11 tượng) khi bộ tượng chính luân phiên, thì đưa bộ tượng mới này lên thờ], trên treo liễn vải màu vàng ghi chữ

Hán: "Huyền Thiên Thượng Đế" và tấm liễn vải màu đỏ ghi chữ Hán: "Phong thuận, vũ điều", hai cột ghi câu đối.

Sau bàn thờ Huyền Thiên Thượng Đế là bàn hương áng thờ bài vị. Bên trái thờ Thổ Thần (không có tượng), bên phải là thờ Quan Công.

Hai gian nhà phụ hai bên ngôi chánh điện, nhà hai mái, trên nóc giữa trang trí tượng gốm "lưỡng long tranh châu", mặt trước trang trí phù điêu đắp nổi hình mặt rồng có chân 4 móng.

Gian nhà bên trái (từ ngoài cổng chính vào) là nơi thờ tự:

Bàn thờ di ảnh chân dung 3 vị tổ họ Vương (giữa)

Bàn thờ có ba bài vị (bên trái)

Bàn thờ có ba bài vị (bên phải)

Gian nhà bên phải là nơi trước đây có hầm bí mật nuôi dấu cán bộ cách mạng, nay làm nơi lưu giữa đồ vật dùng chén, bát, dĩa… của miếu, nơi chuẩn bị đồ cúng.

2.6. Các di vật còn bảo lưu:

- 01 đại hồng chuông đồng
- 01 trống
- 01 trang thờ của ngôi miếu cũ
- 02 bát nhang bằng gốm màu men trắng
- Tượng Cửu thiên huyền nữ và 2 tượng hầu (gỗ)
- Tượng ông tổ họ Vương (gỗ)
- Tượng Quan Công, Châu Xương, Quan Bình (gỗ)
- Bộ tượng thờ chính (11 pho tượng bằng gỗ - xuất xứ từ Trung Quốc). Đây là bộ tượng này được chuyển luân phiên thờ mỗi năm một cơ sở thờ tự khác nhau, trong 4 cơ sở thờ ông Bổn của họ Vương ở Bình Dương.

Bộ tượng 11 vị gồm:

- *Huyền Thiên Thượng Đế (có 3 tượng) - (03)*

- *Nam Triều Đại Đế - (01)*
- *Bạch Diện (về sau bổ sung thêm tượng Phấn Diện) - (01)*
- *Phật Bà Quan Âm (tượng hầu Hồng Hài Nhi, Long Nữ) - (03)*
- *Cửu Thiên Huyền Nữ (có hai tiên nữ theo hầu) – (03)*

2.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống

- Ngày 25/2 cúng vía ông Bổn.
- Ngày 2/3 cúng hàng năm?.
- Lễ hội chính: Rước cộ ông Bổn tuần du (từ ngày 24 đến ngày 25 tháng 2).
- Lễ vật cúng: Cúng ông Bổn họ Vương là cúng chay: trái cây, bánh, hoa, nhang đèn, hoa quả và đồ chay các loại.

2.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Miếu Phước Võ Điện của họ Vương (Phúc Kiến) là nơi xây dựng thờ ông Bổn họ Vương đầu tiên ở Bình Dương. Và nơi đây cũng từng là cơ sở nuôi giấu, che chở cán bộ. Ban đầu Miếu là cơ sở hoạt động cách mạng, vào những năm 1962 đến 1968 tại ngôi miếu có hầm bí mật, trạm cứu thương cán chiến sĩ bị thương trong trận đánh Tết Mậu thân 1968. Năm 1969, do chiêu hồi chỉ điểm, anh em trong hầm phải chiến đấu từ 7 giờ đến 15g30 chiều làm bị thương 2 tiểu đội của địch, hy sinh 03 đồng chí: Nguyễn Thị Tô – cán bộ phụ nữ xã Phú Cường, Sáu Hoàng và Hai Quệt, người thoát chết được là ông Hai Cường (nay còn sống).

2.9. Tình trạng bảo quản:

Hiện nay, miếu do họ Vương Chánh Nghĩa – Bà Lụa quản lý.

2.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Cộng đồng người Hoa thường xuyên tổ chức sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cho ngôi miếu.

2.11. Cơ sở pháp lý bảo vệ:

Cần có một cơ sở pháp lý bảo vệ và phát huy giá trị di tích Lịch sử - Văn hóa của ngôi miếu, nơi ghi dấu quá trình định cư và phát triển của cộng đồng người Hoa. Nếu được thì ban quản lý miếu và cộng đồng người Hoa họ Vương (Phúc Kiến) đề nghị cơ quan chuyên môn và UBND tỉnh công nhận ngôi miếu là di tích thuộc tín ngưỡng văn hóa dân gian của người Hoa (thờ ông Bổn) trên ở Bình Dương.

3. Phước Thọ Đường - Thờ Tổ họ Vương, Chòm Sao, Hưng Định, Thị trấn An Thạnh, Thuận An.

3.1. Tên gọi chữ Hán: Phước Thọ Đường 福 壽 堂

Tên gọi khác: Chùa ông Bổn Chòm Sao hoặc Chùa ông Bổn Búng.

3.2. Địa điểm - đường đi đến:

Ngôi miếu tọa lạc trên một vị trí đất cao thoáng, nằm cạnh đường đi trong khu vực ấp Chòm Sao, xã Hưng Định, huyện Thuận An.

3.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Khi cộng đồng người Hoa (Phúc Kiến) đến định cư tại vùng đất Búng (thị trấn An Thạnh) cuộc sống dần ổn định và kinh tế phát triển, họ đã cùng nhau góp kinh phí xây dựng cơ sở tín ngưỡng chung của cộng đồng mình. Về sau cơ sở thờ tự này hòa nhập tất cả các bang người Hoa ở Búng cùng đóng góp tu bổ và trùng tu, tôn tạo lại ngôi miếu khang trang như ngày nay.

Lúc đầu ngôi miếu được làm bằng vật liệu thô sơ vách tấp. Năm 1934, miếu xây dựng lại kiên cố hơn, kiến trúc theo lối đền, miếu truyền thống của người Hoa. Đến năm 1969 trùng tu lớn và năm 2004 trùng tu lại như hiện trạng ngày nay.

Miếu thờ đối tượng chính là vị Thánh "Quyền Thiêng Thượng Đế", và các vị thần khác như: ông tổ Họ Vương, Phật Thích Ca, Quan Công (tượng); Phú Cảnh Thổ địa – Phước Đức Chánh Thần – Nhân Chủ Tôn Vương (bài

vị), Thất Bửu Tôn Vương (tổ lò gốm) – Cửu Thiên Quyền Nữ - Thanh Thủy Tổ Sư (bài vị)

3.4. Loại hình:

Thuộc loại hình tín ngưỡng văn hóa dân gian người Hoa họ Vương (Phúc Kiến) định cư trên vùng đất Chòm sao - Búng, thị trấn An Thạnh.

3.5. Khảo tả:

Tổng diện tích sử dụng: khoảng $200m^2$

Ngôi miếu có kiến trúc hình khối vuông (theo dạng cổ lầu), mặt chính quay về hướng đông – nam, trên đỉnh nóc miếu có trang trí tượng gốm “lưỡng long tranh châu". Kết cấu toàn bộ miếu xây dựng bằng gạch, xi măng,.. trang trí quanh hành lang là những trụ gốm màu xanh ve chai; mái lợp ngói âm dương màu xanh, bốn góc mái uốn cong.

Phía trước miếu có đặt lư nhang lớn ở giữa (xi măng cốt sắt, sơn nhũ vàng), trang trí hình 2 rồng chầu. Hai bên bậc thềm bước lên cửa chính miếu có thờ hai bài vị khắc bằng đá có hình rùa và rắn, đề chữ Hán: bên trái Linh xà, bên phải là Thánh quy.

Mặt thiền chánh điện: trên cửa giữa đề chữ Hán “Phước Thọ Đường”, và (năm thành lập miếu 1934, năm trùng tu miếu 2004); hai bên cửa đề 2 câu đối.

Trong chánh điện phía trần nhà trên treo nhiều tấm liễn vải màu đỏ: tấm đầu tiên có đề chữ: Quyền Thiên Thượng Đế…

Chánh điện đặt một bàn thờ hình vuông lớn, mặt chính có đề chữ Hán, giữa là chữ Phúc (Phước), trên bàn chia làm 3 bậc (tam cấp). Trước tiên là đặt 3 lư nhang lớn và 2 chân đèn (bằng đồng); Bậc kế đến là lư nhang và cặp chân đèn (đồng) hai bên (đông bình – tây quả); Bậc trên cùng là thờ bộ tượng (12 vị thánh – thần) và quả châu (bằng đinh). Hai bên có 2 trụ cột trang trí hình rồng chầu đắp nổi, uốn lượn theo thân cột.

Bên trái bàn Quyền Thiên Thượng Đế là bàn thờ (Bài vị), có đề chữ Hán: Phú Cảnh Thổ địa – Phước Đức Chánh Thần – Nhân Chủ Tôn Vương (ông giữ chùa – cúng 18/8 - ở bên Trung Quốc cúng ông giữ chùa rất lớn – còn ở VN người Hoa không cúng riêng mà cúng chung vào ngày 2/3). Trước bàn có đề chữ Phúc.

Bên phải là bàn thờ bài vị đề: Thất Bửu Tôn Vương (tổ lò gốm) – Cửu Thiên quyền Nữ - Thanh Thủy Tổ Sư (*Tổ lò gốm là Thần - Ông Bổn là Thánh).* Trước bàn có đề chữ Phúc.

Kế đến là giá treo chuông và nơi đặt trống lớn.

Trong cùng cũng là mặt chính của chánh điện, trên tường đắp nổi phù điêu hình mặt rồng với thân hình uốn lượn trong mây, giang rộng hai bên, mắt sáng ngời, chân thể hiện 5 móng, đầu đội quả châu đỏ rực, thể hiện sự dũng mãnh, uy quyền… trên là cuốn thư có đề 4 chữ Hán: "Bắc Cự Chân… ?", hai bên đề 2 câu đối chữ Hán.

Dưới phù điêu hình rồng là bàn thờ 5 tượng Phật Thích Ca (1 tượng lớn giữa – 2 tượng nhỏ hơn hai bên). Tượng được đưa vào thờ tự từ năm 2004.

Bên trái bàn thờ 5 tượng phật thích ca (từ ngoài vào) là bàn thờ ảnh chân dung và bài vị 3 ông tổ Họ Vương.

Bên phải là bàn thờ tượng Quan Công giữa và 2 người hầu 2 bên (Quan Bình – Châu Xương).

3.6. Các hiện vật còn hiện có:

- 01 đại hồng chuông đồng
- 01 trống, quả châu (đinh)
- 4 lư đồng, 2 cặp đèn đồng.
- Bộ tượng 5 vị Thích Ca.
- Bộ tượng Quan Công, Quan Bình, Châu Xương.

- Bộ tượng thờ phụ (11 pho tượng bằng gỗ - xuất xứ từ Trung Quốc). Đây là bộ tượng phụ (nhưng là bộ tượng chính thờ thường xuyên tại miếu), khi đáo lệ thờ bộ tượng gốc ở miếu (Phước Võ Điện).

3.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống

- Hàng tháng ngày mồng một, rằm miếu mở cửa cho bá tánh vào cúng viếng, ngày thường thì đóng cửa.
- Ngày 25/2 cúng vía ông Bổn. (Chu kỳ 4 năm đáo lệ chùa cúng lớn như các chùa khác của Họ Vương, có rước Cộ và múa Hẩu, vào ngày 24,25,26,27 tháng 2 âm lịch)
- Lễ vật cúng: Cúng ông Bổn họ Vương là cúng chay: trái cây, bánh, hoa, nhang đèn, hoa quả và đồ chay các loại (ông Bổn được người Hoa xem như là vị Thánh, đi tu nên cúng chay?)
- Lễ hội chính: Lễ cúng bắt đầu vào ngày 24/2, đến qua 12 giờ đêm 24 rạng ngày 25 lễ rước cộ chính thức được khởi kiệu…. đến trưa ngày 27/2 cúng Tôn Vương là chấm dứt lễ hội.

Ở Chùa ông Bổn họ Vương (Chòm Sao) khi 4 năm đáo lệ thị có tổ chức lễ lên đồng – thầy pháp cúng nhập đồng – rung trái Châu (có nhiều đinh sắt) đánh và thân thể người lên đồng - thấy pháp mặt áo yếm (Na tra) (đây được hiểu là Na tra nhập cốt lên đồng (ông Bổn không lên đồng vì đã thành thánh?)

HÌNH THỨC NHẬP ĐỒNG ĐI QUA LỬA**.** Đây là lệ 28 năm tổ chức 1 lần gọi là lễ Khai Quan Điểm Nhãn. Hình thức là đi qua 2 mét thang hồng đỏ rực chọn 11 thanh niên trong sạch (phải ăn chay, và không trái giới trong một tuần) thỉnh 11 tượng thờ đi qua lửa nhưng không bị bỏng. Điều cấm kỵ trong lúc tổ chức lễ không nên có phụ nữ tham dự (vì có phụ nữ thị người lên đồng bị đổ máu nhiều hơn?)

3.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Phước Thọ Đường của họ Vương (Phước Kiến) là nơi xây dựng thờ ông Bổn họ Vương thứ 02 ở Bình Dương (xây dựng năm 1934). Ngôi miếu còn bảo lưu những giá trị văn hóa tín ngưỡng dân gian và những tập tục xưa của người Hoa.

3.9. Tình trạng bảo quản:

Ngôi miếu vừa được trùng tu năm 2004 rất khang trang và bảo quản tốt

3.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Cộng đồng người Hoa khu vực chợ Búng thường xuyên tổ chức sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cho ngôi miếu.

3.11. Cơ sở pháp lý bảo vệ:

Cần có một cơ sở pháp lý bảo vệ ngôi miếu, nơi ghi dấu quá trình định cư và phát triển của cộng đồng người Hoa. Lập sổ quản lý đất đai.

4. *Phước Nghĩa Đường – Thờ Họ Vương Tân Phước Khánh – TT Tân Phước Khánh – Tân Uyên.*

4.1. Tên gọi chữ Hán: Phước Nghĩa Đường 福 義 堂

Tên gọi khác: chùa ông Bổn Tân Phước Khánh

4.2. Địa điểm - đường đi đến:

Phước Nghĩa Đường họ Vương tại thị trấn Tân Phước Khánh tọa lạc trên vị trí đồi cao, cũng nằm trong khu dân cư đông đúc số đông người Hoa tụ cư sinh sống. Đường đi thuận tiện.

4.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Phước Nghĩa Đường, do người Hoa Phúc Kiến họ Vương tạo lập vào năm 1936, thờ vị thần chính là Quan Công, nhưng về sau do nhu cầu tín ngưỡng của cộng đồng, họ Vương thỉnh bộ tượng Huyền Thiên Thượng đế ở miếu Phước Võ Điện về thờ, và dần dần đối tượng thờ chính và hình thức

cúng – lễ hội chính của miếu lại là Huyền thiên Thượng Đế hòa vào 4 ngôi miếu của họ Vương trở thành lễ hội lớn bốn năm đáo lệ một lần.

Đến năm 2005, đại trùng tu lại ngôi miếu như ngày nay. Ngày khởi công trùng tu là ngày 10/3 năm Ất Dậu (2005), hoàn thành ngày 26/11/ 2005.

Hiện nay đối tượng thờ chính trong miếu là "Huyền Thiêng Thượng Đế" - bộ tượng 12 vị thánh, và các vị thần khác như Quan Công – Quan Bình – Châu Xương, Thần Tài, Thổ Chủ Thần Công Công, Phước Đức Chánh Thần, Cửu Thiên Huyền Nữ.

4.4. Loại hình: Thuộc loại hình tín ngưỡng văn hóa dân gian người Hoa họ Vương (Phúc Kiến) định cư trên vùng đất Tân Phước Khánh.

4.5. Khảo tả:

Phước Nghĩa Đường, là ngôi miếu còn mang đậm nét kiến trúc đền, miếu của người Hoa, mái nhà lõm xuống và đỉnh các góc uốn cong, toàn bộ ngôi miếu là một khối liên hoàng kép kín (không tách rời hai gian nhà phụ hai bên), chỉ nhấn ở phần mái thấp hơn phần mái ngôi chánh điện. Mặt tường trước và bên hông đều áp gạch thẻ nhỏ màu nâu vàng, ngoài ra còn vẽ cảnh sơn thủy hữu tình… Sự phối hợp hài hòa giữa màu vàng, màu đỏ… trong tổng thể cảnh quan tạo cho ngôi miếu mang lối kiến trúc vừa cổ kính vừa toát lên màu sắc hiện đại.

Toàn bộ ngôi miếu có hệ thống tường rào bảo vệ xung quanh, mặt chính diện nhìn về phía tây nam. Trước ngôi miếu có một cây cổ thụ, kế đến khoảng sân rộng dùng làm nơi sinh hoạt chung của cộng đồng và cũng là nơi dựng sân khấu hát tuồng khi có lễ hội lớn, bên cổng trái (nhìn từ ngoài sân vào) đặt một lư nhang lớn (đây là điểm khác biệt so với các ngôi miếu của người Hoa).

Ngôi miếu xây trên nền cao, cổng chính vào miếu đặt 2 bài vị đề chữ Hán: "Linh xà" và "Thánh quy", trên cột cổng có trang trí hình 2 con lân

chầu gốm màu xanh ngọc. Qua cổng (bên trong tường rào) là khoảng sân rộng, đến ngôi chánh điện, bên góc trái sân có tháp đốt giấy tiền vàng bạc.

Toàn bộ phần mái ngôi miếu lớp ngói âm dương màu nâu vàng, các đường diềm đều trang trí cẩn mãnh đồ gốm – sứ, kiếng tạo màu sắc tươi sáng. Trên đỉnh trang trí "lưỡng long tranh châu" - ở ngôi miếu này cặp lưỡng long tranh châu khác so với các ngôi miếu người Hoa là tạo dáng rồng bằng cốt bê tông, gắn mãnh sành sứ (quả châu giữa nối với 2 đuôi rồng, hai đầu rồng tạo dáng uốn cong cho mái ngôi miếu); phần điểm nhấn góc mái trang trí tượng ông Nhật, bà Nguyệt và Cá hóa long, lân (bằng gốm); trên các góc đỉnh mái là hình rồng đơn (gắn mãnh sành sứ). Ngăn cách ngôi chánh điện là sân (giếng trời) để lấy ánh sáng, tạo gió thông thoáng bên trong.

Mặt bên hông ngôi miếu (trên tường) trang trí vẽ những sơn thủy và quan võ cưỡi ngựa; mặt hậu điện trang trí cảnh đàn ca của các tài tử gian nhân.

Trước hành lang có hàng cột đều trang trí hình Rồng đắp nổi (rồng thể hiện 5 móng, nhưng có dáng vẻ rất hiền hòa). Mặt chánh điện chia làm ba gian (ba cửa làm bằng gỗ, chạm rất đẹp), nhưng bên trong là một khoảng không gian thờ tự liên hoàng không phân vách.

Bước vào cửa giữa, phía trên là bức hoành phi hình cuốn thư màu đỏ, hoa văn hình dây, tùng lộc, mai điểu… sơn màu nhũ vàng, có đề chữ Hán: "Phước Nghĩa Đường". Hai bên cửa là hai câu đối.

Bên trái là bàn hương áng thờ Thổ thần "cảnh chủ công công" (tượng và bài vị); Bên phải thờ "Phước Đức Chánh Thần".

Tại gian giữa là các bàn hương áng thờ tự có 06 bàn theo thứ tự cao dần:

1. Bàn để trái cây, nhang đèn khi cúng

2. Bàn đặt bát nhang bằng gốm (có kích thước lớn) và bộ sông trầm, chân đèn (đồng nhỏ), bình hoa. Có đề chữ: Phước – Lộc - Thọ
3. Bàn đặt lư nhang (đồng) có cắm cờ, và chuông đồng, bình hoa.
4. Bàn đặt cặp đèn lồng.
5. Bàn thờ Bộ tượng gốc 11 vị (Nguyên cung đấu xuất). Năm nào đến lượt miếu tổ chức lễ mới có Bộ tượng gốc này về thờ.
6. Bàn thờ bộ tượng (12 vị) (gốc 11 vị - về sau thêm ông Phấn Diện)
7. Bàn thờ Quan Công, Châu Xương, Quan Bình (tượng lớn).

Trong cùng (trên tường) trang trí phù điêu đắp nổi hình lưỡng long tranh châu, trên đề bốn chữ (đèn điện): Huyền Thiên Thượng Đế. Bốn trụ cột có đề câu chữ Hán.

Trên nóc nhà treo nhiều tấm liễn vải màu đỏ, vàng có đề chữ: Huyền Thiên Thượng Đế", xung quanh treo nhiều lồng đèn, và nhang vòng.

Bên trái là bàn hương áng thờ tượng Thần Tài (cốt tượng), kế đến là bàn di ảnh 3 ông tổ họ Vương; Bên phải là thờ Cửu Thiên Huyền Nữ (cốt tượng và bài vị).

Phần hậu điện là nơi làm kho lưu giữ các vật dụng của ngôi miếu.

4.6. Các di vật còn bảo lưu:

- 01 đại hồng chuông đồng
- Lư nhang bằng gốm
- Bộ lư nhang bằng đồng, chuông đồng.
- Bộ tượng 12 vị thánh
- Quan Công, Châu Xương, Quan Bình (tượng lớn)
- Tượng Thổ Thần, Phước Đức Chánh Thần, Cửu Thiên Huyền Nữ (các tượng này đều ngồi trên ngai)

4.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống:

- Ngày 25/2 cúng vía ông Bổn.

- Lễ vật cúng: Cúng ông Bổn họ Vương là cúng chay: trái cây các loại, bánh các loại (trong đó có bánh bao đỏ), nhang đèn và đồ chay các loại…
- Lễ hội chính: Lễ hội bắt đầu vào ngày 24/2, đến qua 12 giờ đêm 24 rạng ngày 25 lễ rước cộ chính thức được khởi kiệu…. đến trưa ngày 27/2 lễ cúng Tôn Vương là chấm dứt lễ hội.

4.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Phước Nghĩa Đường của họ Vương (Phước Kiến) là nơi xây dựng thờ ông Bổn họ Vương thứ 03 ở Bình Dương (xây dựng năm 1936). Ngôi miếu còn bảo lưu những giá trị về kiến trúc truyền thống và văn hóa tín ngưỡng dân gian của người Hoa.

4.9. Tình trạng bảo quản:

Ngôi miếu vừa được trùng tu xây dựng mới vào năm 2005 khang trang và bảo quản tốt.

4.11. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Cộng đồng người Hoa thường xuyên tổ chức sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cho ngôi miếu, nhưng vẫn bảo tồn nét đặc trưng văn hóa truyền thống của cộng đồng người Hoa ở Bình Dương.

5. Phước Nghĩa Đường – Thờ ông Bổn Họ Vương Lái Thiêu – TT Lái Thiêu – Thuận An.

5.1 Tên gọi chữ Hán: Phước Nghĩa Đường 福 義 堂

Tên gọi khác: Chùa ông Bổn Lái Thiêu.

5.2 Địa điểm - đường đi đến:

Phước Nghĩa Đường nằm trên đồi cao, trong khu đông dân cư người Hoa sinh sống chuyên làm nghề gốm thủ công truyền thống (nay đã di dời). Tại khu phố Bình Đức 1, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An.

Từ đường Phan Đình Phùng đoạn gần trụ sở UBND huyện Thuận An, rẽ vào đường Lê Văn Duyệt một đoạn 50 mét đến hẻm chùa ông Bổn, đi thẳng khoảng 200 mét là đến ngôi miếu.

5.3 Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính

Phước Nghĩa Đường tại thị trấn Lái Thiêu xây dựng năm 1971 do họ Vương (Phúc Kiến) lập nên thờ ông Bổn - Huyền Thiên Thượng Đế.

Đến năm 2003, Ban liên lạc người Hoa Lái Thiêu tổ chức trùng tu lớn như hiện trạng ngày nay.

Ngoài đối tượng thờ chính là Huyền Thiên Thượng Đế, ngôi miếu còn thờ Quan Công và các vị thần khác.

5.4 Loại hình:

Thuộc loại hình tín ngưỡng văn hóa dân gian người Hoa họ Vương (Phúc Kiến) định cư trên vùng đất Lái Thiêu, Thuận An.

5.5 Khảo tả:

Ngôi miếu tọa lạc trên đồi cao, trong khuôn viên nhỏ khoảng 200m^2, nằm bên cạnh đường đi. Toàn bộ khu miếu xây dựng theo kiểu dáng nằm trên lưng thần Rùa, trên có hệ thống tường rào bao quanh, trước cổng là đầu rùa, bao quanh là chân tường là hình thần Rắn. Mặt chánh miếu nhìn về phía đông, trước là cổng chính, bên cạnh cổng có cây cổ thụ, giữa khoảng sân có đặt lư nhang lớn, bên góc phải là tháp đốt giấy tiền vàng bạc.

Bố cục kiến trúc ngôi miếu là một hình khối vuông, theo lối cổ lầu, chia hai phần; phần mái trên (bốn mái) trên đỉnh là cặp “lưỡng long tranh châu” bằng gốm; phần giữa mái dưới trang trí ông Nhật, bà Nguyệt; bốn góc mái trang trí hình đầu rồng, phần lan can bên phải là cặp cá hóa long, 4 lân gốm; Toàn bộ mái lợp ngói âm dương màu xanh, đường diềm màu vàng; Mặt chánh điện từ trên xuống đều áp đá hoa cương, bên trong miếu áp toàn

gạch men màu hồng. Bên trong miếu gồm hai phần: Chánh điện và phòng hội họp cũng là nơi lưu giữ vật dụng.

Từ sân bước lên 05 bậc tam cấp vào bên trong miếu, miếu chia làm ba cửa Phần cửa giữa ở trên cùng đề chữ Hán: “Huyền Thiên Thượng Đế”, phía dưới đề “Phước Nghĩa Đường” (một bên đề năm thành lập 1971 – một bên đề năm trùng tu 2003), hai bên treo hai lồng đèn lớn. Trước cửa có hai thần Hộ Pháp (trang trí hình đắp nổi) - dưới chân thần hộ pháp là hình rắn và rùa, hai bên có 2 câu đối đề chữ Hán.

Bên trong chánh điện: Bên trái là hương áng thờ Thổ Thần; Bên phải Cửu Thiên Huyền Nữ.

Tại nơi gian chính có bốn trụ cột trang trí đắp nổi 2 cặp rồng chầu (cặp màu vàng, cặp màu xanh). Giữa là hương áng bày trí từ thấp lên cao, trước là đặt lư hương và chân đèn - loại lớn (đồng). Kế tiếp là bàn đặt lư nhang và chân đèn - loại trung, chuông (đồng) trước hương áng có đề chữ Hán; đến bàn để quả châu (đinh) và thanh đao dài, trên cùng là bộ tượng 11 vị thánh. Trên cùng (tường) đắp nổi hình rồng vàng uốn lượn trong mây (dạng rồng ổ - cuộn tròn), đầu rồng dũng mãnh, có hai mắt sáng (bóng đèn điện). Hai bên đề 2 câu đối.

Bên trái bàn thờ 11 vị tượng là hương áng thờ tượng; Bên phải là nơi đặt chuông có đề chữ Hán và năm 1987 và kế tiếp bàn thờ tượng Quan Công (Quan Bình – Châu Xương), trước hương áng có bộ lư đồng nhỏ và tượng ngựa, có đề chữ Hán.

5.6 Các di vật còn bảo lưu:

- 01 đại hồng chuông đồng treo (1987)
- 02 bộ lư và chân đèn đồng loại trung.
- 01 chuông đồng.
- 02 bộ lư và chân đèn loại tiểu.

- Bộ kiệu ông (04)
- Bộ tượng 11 vị thánh (thỉnh từ Trung Quốc sang)
- Bộ tượng Quan Công.
- Tượng Thổ Thần, Cửu Thiên Huyền Nữ.

5.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống

- Ngày 24/2 – sinh nhật ông Bổn
- Ngày 3/3 – vía ông
- Ngày 2/6 thổ thần.
- Lễ vật cúng: chủ yếu là đồ chay, hoa quả, bánh các loại…
- Lễ hội chính: diễn ra từ ngày 24 đến 27/2 rước cộ ông tuần du hàng năm đều tổ chức, đến năm đáo lệ thì tổ chức lớn hơn.

5.8.Giá trị lịch sử - văn hóa:

Đây là ngôi miếu thứ 4 xây dựng vào năm 1971 (là 1 trong 4 ngôi miếu thờ ông Bổn của cộng đồng họ Vương (Phúc Kiến). Nơi ghi dấu sự phát triển phồng thịnh của cộng đồng người Hoa và là nơi bảo lưu nghệ thuật là Hẩu và múa Hẩu – một nét đặc trưng riêng của người Hoa (Phúc Kiến) ở Bình Dương.

Đặc biệt, họ Vương (Phúc Kiến) ở đây có đội múa Hẩu mạnh nhất so với các đội Hẩu khác trong tỉnh, họ tự tạo tác và sáng tác nhiều mặt Hẩu khác nhau theo từng năm và theo kỹ sảo của người thợ. Năm 2000, múa Hẩu đã được phát triển về cộng đồng người Hoa ở Thành Phố Hồ Chí Minh (do đội Hẩu miếu ông Bổn Lái Thiêu làm và tặng và truyền dạy nghệ thuật múa).

Ngôi miếu ông Bổn hàng năm đều tổ chức hát và rước cộ ông tuần du khắp phố chợ thị trấn Lái Thiêu.

5.9 Tình trạng bảo quản:

Ngôi miếu được cộng đồng bảo quản tốt

5.10 Phương án bảo vệ và sử dụng:

Cộng đồng người Hoa thường xuyên tổ chức sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cho ngôi miếu góp phần bảo tồn văn hóa truyền thống của người Hoa trên đất Bình Dương.

III. Chùa Quan Công – Quan Thánh Đế Quân:

1. *Thanh An Cung - Chùa Thanh An – Chùa Ông (Chùa ông ngựa) – phường Phú Cường – Thị xã Thủ Dầu Một.*

1.1. Tên gọi chữ Hán: Thanh An Cung 清 安 宮

Thanh An Tự 清安寺

Tên gọi khác: chùa ông ngựa

1.2. Địa điểm - đường đi đến:

Thanh An Cung ngày nay Thanh An Tự, tọa lạc tại số 20 đường Hùng Vương, phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một.

1.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Nguyên trước đây là Miếu thờ Quan Thánh Đế Quân, dân gian còn quen gọi là chùa Ông (con) Ngựa, vì trước sân chùa có miễu thờ tượng một con ngựa.

Ngôi miếu xây dựng năm 1868, do nhóm tín đồ Minh Sư (Minh Thiện), một "tôn giáo" cứu thế của người Hoa, thuộc phong trào "Bài Mãn phục Minh", theo tôn chỉ "Tam Giáo Đồng Nguyên" (Nho, Lão, Phật).[177]

Miếu đã trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa, lần trùng tu lớn nhất vào năm 2004. Hiện nay Miếu có bảng hiệu là Thanh An Tự, thuộc Tỉnh hội Phật giáo Bình Dương. Vị thần chính thờ trong chùa vẫn là Quan Thánh Đế Quân.

---

[177] Bình Dương danh lam cổ tự – tr. 142

Quan Thánh Đế Quân, hay còn gọi là Quan Công, Quan Phu Tử, Sơn Tây Phu Tử… có tên gọi là Quan Vũ – ông sinh năm 162 và mất năm 220. Trong truyện Tam Quốc Chí, Quan Vũ là nhân vật kiệt xuất, một võ tướng "vạn nhân địch", được đề cao như một người tiêu biểu, điển hình cho đức tính "Trung tín, nhân nghĩa". Cho nên khi mất, ngài đã hiển thánh.[178]

1.4. Loại hình:

Trước khi có tên Thanh An Tự thì đây là ngôi miếu thờ vị thần chính là Quan Công thuộc tín ngưỡng dân gian của cộng đồng người Hoa. Nay là chùa Thanh An đối tự thờ tự được mở rộng.

1.5. Khảo tả:

Về kiến trúc: Miếu Thanh An nay là chùa Thanh An xây dựng theo lối kiến trúc cổ lầu. Trước ngôi chùa có miếu thờ tượng ngựa Xích Thố (có màu nâu) và Thanh Đao. Ngôi miếu này xây dựng năm 1873, đến năm 2004 ngôi miếu trùng tu và gắn liền với cổng Tam quan, trên cổng chính có lầu, dưới thờ tượng ngựa. Trên mái của phần cổng tam quan và miếu trang trí hình tượng Rồng, trên nóc có cặp " lưỡng long tranh châu", bốn cạnh góc của mái là hình rồng uốn lượn, mái lợp ngói xanh, phần bên trong trang trí phong cảnh sơn thủy.

Ngôi chánh diện miếu (chùa) cũng được trùng tu lớn vào năm 2004, do đó đã làm thay đổi nhiều so với kiến trúc ban đầu của ngôi miếu cổ. Theo lối kiến trúc cổ lầu.

Trên mái chùa hiện nay trang trí tượng tứ linh, trên nóc chính giữa là "lưỡng long tranh châu", bốn góc là hình tượng rồng uốn lượn, cá hóa long, tượng ông mặt trời, bà mặt trăng.

---

[178] Bình Dương danh lam cổ tự – tr .144

Đặc biệt tại tầng giữa trang trí những phù điêu - nhóm tượng bằng gốm như: Bát Tiên, cảnh “ Đào Viên kết nghĩa”, “Quan Công phò nhị tẩu”, “ Lưu Bị cầu hôn Giang Tả”.

Về bố trí thờ tự:

Vị thánh thần được thờ chính trong chùa vẫn là Quân Thánh Đế Quân. Quan Thánh Đế Quân là chánh hiệu của Quan Vũ (tự Quan Vân Trường). Vị trí thờ tự được đặt tại bàn chính giữa trong chánh điện, gồm có cốt tượng và ngai thờ trang nghiêm.

Các Ngai thờ được chạm lộng bằng gỗ quí, sơn son thép vàng, trang trí các đề tài hoa lá tạo nên sự uy nghi cổ kính và trang nghiêm cho tượng thờ trong chùa. Các ngai thờ này đã có trên hàng trăm năm tuổi, có kiểu thức giống như các ngai thờ trong các ngôi Đình của người Việt.

Tiếp đến bàn thờ Quan Công là bàn thờ 5 vị: Lưu Bị - Trương Phi – Quan Vũ – Quan Bình – Châu Xương. Cả 5 vị được tôn danh là Ngũ Công Vương Phật.

Bàn thờ chúa Tiên Nương Nương; Bàn thờ Lý Trích Tiên Câu Nhân; Tôn Ngộ Không; Bàn thờ Phước – Lộc – Thọ…

Các Câu đối, hoành phi: Hai bên cổng chính, nơi có tượng ngựa Xích Thố có 3 cặp đối. Trong ba gian chánh điện gồm 10 hàng cột, từ ngoài vào có 8 cặp đối và 2 cặp ở hai bên. Ngoài ra còn có 3 cặp Long Trụ, 7 tấm hoành phi bằng gỗ quí, 01 tấm liễn bằng vải….

1.6. Các di vật còn bảo lưu:

- 01 đại hồng chuông đồng có
- 01 trống
- Bộ binh khí
- Bộ lư nhang bằng gốm
- Bộ lư nhang bằng đồng

- Các trang thờ chạm khắc lộng bằng gỗ.

1.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống

1.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Ngôi miếu tạo lập vào những năm 1868, do nhóm tín đồ Minh Sư (Minh Thiện), một "tôn giáo" cứu thế của người Hoa, thuộc phong trào "Bài Mãn phục Minh", theo tôn chỉ "Tam Giáo Đồng Nguyên" (Nho, Lão, Phật).

Thanh An Tự ngày nay tuy đã là cơ sở tín ngưỡng thờ Phật giáo, nhưng những đối tượng thờ chính trong Chùa lại được bảo lưu nguyên vẹn và có phần đưa vào thờ nhiều vị thần khác nhau, có cả Chân dung Bác Hồ…

1.9 Tình trạng bảo quản:

Hiện nay, ngôi chùa là nơi du khách đến viếng lễ Quan Công rất nhiều, việc mua bán diễn ra quanh năm. Chùa lại tọa lạc trên đoạn đường đông dân cư, nhất là bên trong chùa bày biện hàng bán đủ loại đồ thờ cúng, tạo mỹ quan không đẹp lắm cho nơi thờ tự thánh thần.

1.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Thanh An tự ngày nay luôn cần được thường xuyên tổ chức sửa chữa, trùng tu, tôn tạo và nhất là việc quản lý chung mọi sinh hoạt cần tôn trọng nơi tín ngưỡng tâm linh, tạo mỹ quan đẹp xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Góp phần bảo tồn tín ngưỡng, tôn giáo của tỉnh Bình Dương.

2. *Quan Thánh Đế Miếu – Chùa ông Quan Công (chùa ông ngựa) – ấp Bình Hòa II, TT Tân Phước Khánh – Tân Uyên.*

2.1. Tên gọi chữ Hán: Quan Thánh Đế Miếu 関 聖 帝 廟

Tên gọi khác: chùa ông (ông ngựa) Tân Phước Khánh.

2.2. Địa điểm - đường đi đến:

Quan Thánh Đế Miếu hiện tọa lạc thuộc khu phố Bình Hòa II, thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Quan Thánh Đế Miếu xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XIX, do người Hẹ tạo lập, thờ vị thần chính là Quan Công, lúc này ngôi miếu nhỏ chỉ có nhà chánh điện tọa lạc cạnh bờ suối, thuộc ấp Khánh Thạnh, Tân Phước Khánh.

Đến năm 1993, cộng đồng người Hoa ở đây đã đóng góp tiền của mua đất dời ngôi miếu về vị trí như nay thuộc khu phố Bình Hòa II, thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Vì trước kia ngôi miếu tọa lạc ở vị trí thấp và dân cư phát triển do đó cần phải di dời miếu về vị trí như hiện nay

Năm 2002, trong khuôn miếu xây dựng thêm nhà thờ Ngọc Hoàng thượng đế 上帝玉皇. Đến năm 2006, xây dựng Thiên Hậu Cung 天后宫 bên cạnh miếu chính.

Theo trí nhớ của những người Hoa cao niên ở Tân Phước Khánh thì họ đã từng thấy ghi trên bậc thềm lên xuống của miếu khi còn ở địa điểm cũ là "1913", họ nói có thể đó là năm trùng tu tôn tạo vì miếu đã được xây bằng đá ong và hợp chất ô dước.[179]

Quan Thánh Đế miếu có Ban trị quản lý, trưởng Ban hiện nay là ông Phùng Chấn Phong. Ban trị sự có trách nhiệm tổ chức sinh hoạt tín ngưỡng và đại diện cho cộng đồng người Hẹ trong các mối quan hệ xã hội. Tại ngôi miếu còn có lớp đào tạo dạy tiếng Hoa cho con em của cộng đồng người Hoa và người Việt yêu thích Hoa ngữ. Ban trị sự có nhiệm vụ tổ chức và duy trì các lớp học tiếng Hoa từ năm 1995 đến nay.

2.4. Loại hình:

Tín ngưỡng dân gian của cộng đồng người Hẹ tại Thị trấn Tân Phước Khánh.

---

[179] Sự hình thành và phát triển người Hoa ở Tân Phước Khánh – Nguyễn Thị Ngọc Minh.

2.5. Khảo tả:

Ngôi miếu tọa lạc trong khu dân cư, từ đường vào Thị trấn Tân Phước Khánh, đến đoạn gần chợ rẻ trái vào con đường hẽm khoảng 100 mét là đến cổng Tam quan. Cổng tam quan xây dựng theo kiến trúc cổ lầu, trên có tượng gốm "lưỡng long tranh châu". Mặt chính diện nhìn về hướng đông, trên cổng lợp ngói ống, có đề chữ Hán giữa là Quan Thánh Đế miếu, và hai bên lối vào có đề các câu đối; toàn bộ cổng áp gạch thẻ màu xanh nhạc. Bước vào cổng tam quan là toàn cảnh ngôi miếu rộng với nhiều dãy nhà, làm nơi thờ tự và dạy tiếng Hoa cũng là nơi sinh hoạt chung của cộng đồng người Hẹ.

Đối diện cổng tam quan là ngôi miếu thờ Thiên Hậu Cung; đến ngôi chánh điện, thờ vị thần chính là Quan Thánh Đế Quân. Đối diện ngôi chánh điện là nơi đặt nhiều đỉnh thắp nhang (Bàn Thiên), đến tháp đốt giấy tiền vàng bạc, đồ cúng lễ…và tường rào xây theo kiểu cổng tam quan, trang trí vẽ cảnh sơn thủy, trên có tượng Sư Tử chầu hồ lô; tiếp đến miếu thờ tượng ngựa Quan Công; kế nữa là cổng có đề chữ Hán và lối đi xuống khu vực thấp hơn, là nơi dạy học, thờ Phật Bà Quan Thế Âm, Ngọc Hoàng…

Ngôi chánh điện được xây dựng trên vị trí cao ráo, có nhiều bậc thềm đi lên, hai bên trang trí đắp nổi Long, Lân, Quy, Phụng; hai trụ cột trang trí đắp nổi hình rồng chầu. Trên mặt chính diện có đề chữ Hán "Quan Thánh Đế Miếu". Mái xây dựng theo kiến trúc cổ lầu, lợp ngói đỏ, trên có trang trí "Lưỡng long tranh châu" và nhật nguyệt.

Phần tiền điện là khoảng trống rộng, giữa đặt đỉnh thắp nhang; bên trái có am thờ nhỏ; trước cửa vào trên và hai bên có trang trí câu đối chữ Hán.

Phần trung điện và hậu điện được tạo thành ba gian là nơi thờ trang nghiêm; gian giữa là nơi thờ vị thần chính Quan Công, với hai hàng cột (6

trụ) được đặp nổi hình rồng chầu toàn thân trụ¸ màu sắc tươi sáng, trên trang trí bao lam song phụng, nhiều tấm hoàng phi chữ Hán, và treo nhiều nhang vòng kích cỡ lớn và một màu đỏ. Thứ tự có 3 dãy bàn lớn đặt lư nhang đồng, đến trang thờ ba bậc tam cấp: trước là bài vị, kế đến là cốt tượng Quan Công và Văn Bình, Châu Xương và trên cùng là Phật bà Quan Âm.

Bên phải là trang thờ ảnh vẽ chân dung Quan Công – Văn Bình – Châu Xương. Và đây là trang thờ đẹp nhất về mặt mỹ thuật chạm lộng bằng gỗ, trang thờ này được bảo lưu từ ngôi miếu cũ; Bên trái thờ Phước Đức Chánh Thần.

Phần bên trái ngôi chánh điện là dãy nhà lớn (một lầu) làm nơi dạy học tiếng Hoa, nơi dây còn bảo lưu tấm bia đá ghi tên những người có công đóng góp xây dựng trường học vào năm 1946, Liên hội người Hoa Tân Phước Khánh đứng ra quyên góp xây dựng trường học đầu tiên có tên là Huê Kiều Học Hiệu 華 僑 學 校 dạy tiếng Hoa cho con em người Hoa.[180]

Đến khuôn viên thờ Quan Thế Âm, tượng đứng tòa sen, trước xây dựng hình Bát quái và xung quanh khuôn viên còn lại tạo nhiều lối đi liên hoàn theo bậc thang xây dựng lầu. Trên lầu thờ Ngọc Hoàng, Hải Thượng Lãn Ông.

2.6. Các di vật còn bảo lưu:

- 01 đại hồng chuông đồng
- 01 trống
- Trang thờ Quan Công bằng gỗ chạm lộng nhũ vàng
- Lư nhang đồng lớn.

2.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống

- Ngày cúng đầu năm 13/giêng âm lịch – cúng Quan Thánh Đế Quân.

---

[180] Tư liệu Hình thành và phát triển cộng đồng người Hoa Tân Phước Khánh – Nguyễn Thị Ngọc Minh.

- Ngày 15/1 – vía bà Thiên Hậu
- Ngày 19/2 – Phật Bà quan Âm
- Ngày 3/2 – văn Xương Đế Quân
- Ngày 23/3 – Thiên Hậu Thánh Mẫu
- Ngày 14/4 – Lữ Tổ
- Ngày 13/5 – Quan Bình Thánh Tử
- Ngày 24/6– vía ông Quan Thánh
- Ngày 22/7 – cúng thần tài
- Ngày 25/7 – Quan Thánh Đế Quân
- Ngày 15/8 – Thiên Hậu Thánh Mẫu
- Ngày 19/9 – Phật Bà Quan Âm
- Ngày 30/10 – Châu Xương Tướng Quân
- Ngày 15/11 – Thiên Hậu Thánh Mẫu
- Ngày 19/6– Phật Bà Quan Âm

2.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Quan Thánh Đế Miếu hiện nay là một nơi thờ tự tổng hợp các tín ngưỡng dân gian cả Nho giáo, Lão giáo và Phật giáo.

2.9. Tình trạng bảo quản:

Toàn bộ ngôi miếu do cộng đồng người Hoa bang Hẹ quản lý tốt mọi sinh hoạt về tín ngưỡng và tổ chức học tiếng Hoa cho cộng đồng.

2.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Cộng đồng người Hoa (bang Hẹ - Tân Phước Khánh) thường xuyên tổ chức sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cho ngôi miếu.

3. Quan Đế Miếu – Chùa Ông – TT Lái Thiêu – Thuận An.

3.1. Tên gọi chữ Hán: Quan Đế Miếu 関 帝 廟

Tên gọi khác: Chùa ông Quan Thánh Đế Quân (con ngựa) - Lái Thiêu

3.2. Địa điểm - đường đi đến:

Quan Đế Miếu hiện tọa lạc trên đường Châu Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An. Trên một đồi cao, bên bờ rạch Lái Thiêu, gần khu phố chợ nên rất thuận tiện cho các phương tiện bằng đường thủy và đường bộ.

3.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Lịch sử hình thành: ngôi miếu này trước đây do người Tiều lập và thờ tự vị thần Quan Công thường gọi là Quan Thánh Đế Miếu. Thành lập vào năm 1892 - Ất Hợi? *(di vật còn ghi trên tấm hoàng phi, nhưng do trong quá trình trùng tu đã gỡ tấm hoàng phi xuống và lưu cất trong kho chưa thể chụp hình ghi lại tư liệu này được).*

Quan Đế miếu thờ vị thần chính là Quan Công, cũng là ngôi miếu được lập gần với thời gian lập Thiên Hậu Cung (trên đường Châu Văn Tiết). Khi điền dã, chúng tôi cũng ghi nhận được trên chuông đồng của Quan Đế miếu có khắc năm Bính Tuất. Như vậy tức là năm Bính Tuất 1886.

Đến năm 2000, miếu do Ban Liên lạc người Hoa Lái Thiêu đã góp công trùng tu, tôn tạo khang trang như hiện nay.

Đối tượng thờ chính trong miếu là Quan Thánh Đế Quân, ngoài ra còn thờ một số vị thần khác.

3.4. Loại hình:

Thuộc loại hình tín ngưỡng dân gian người Hoa gốc Tiều. Nay do Ban liên lạc người Hoa Lái Thiêu cùng quản lý (Tiều, Phúc Kiến, Quảng Đông, Hẹ) định cư tại vùng đất Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương.

3.5. Khảo tả:

Trước là cổng tam quan xây theo dạng cổ lầu (hai mái), trên đỉnh trang trí hình “lưỡng long tranh châu” – màu vàng. Mái lợp ngói âm dương màu vàng, toàn bộ cổng sơn màu đỏ. Phía trước cổng, hai bên cổng phụ đề

"Quốc Thái" và "Dân An"; ở giữa đề chữ Hán "Quan Đế Miếu 関 帝 廟", hai bên có đề câu đối đề chữ Hán.

Bên trong cổng là một khoảng sân rộng, giữa khoảng sân là nơi thờ ngựa Xích Thố (màu nâu) – ngựa đứng thẳng nhìn ra cổng, trước có đề 2 câu đối.

Tiếp đến là khoảng sân rộng đặt lư nhang lớn ở giữa, rồi đến ngôi chánh điện, tiền điện bước lên 7 bậc thềm là vào bên trong chánh điện. Trước tiền điện đối giữa là hai Lân chầu, hai bên là cặp Sư tử. tiếp đến nơi hàng hiên trên 4 trụ cột có 2 câu đối đề chữ Hán.

Ngôi chánh điện xây theo lối kiến trúc cổ lầu có 2 phần mái, phần mái trên đỉnh có trang trí tượng gốm "lưỡng long tranh châu", cá hóa long; giữa hai phần mái là Hoành phi đề: "Quan Đế Miếu", phần mái dưới trang trí tượng gốm ông Nhật, bà Nguyệt. Hai bên chánh điện là 2 gian nhà phụ hai bên, gắn liền ngôi chánh điện, trên đỉnh cũng gắn cặp gốm "lưỡng long tranh châu". Toàn bộ mái lợp ngói âm dương màu xanh, đường diềm màu vàng… tổng quan ngôi miếu là màu đỏ.

Trên cửa chính bước vào chánh điện có bức hoành phi (dạng cuốn thư trong ô vuông trang trí hồi văn) đề chữ Hán: Quan Đế Miếu; Hai bên là ô cửa hình tròn trang trí phù điêu hình tứ linh: Long – Lân – Qui – Phụng; và treo hai lồng đèn giấy lớn

Bên trong chánh điện có tứ trụ đắp nổi hình rồng chầu, sơn nhũ vàng. Trên nóc treo liễn vải đỏ đề "Quan Thánh Đế Quân" và nhiều nhang vòng. Dưới là bàn hương áng vuông, trước là bát nhang bằng gốm chạm lộng hình hoa lá (bát nhang có chân đế) màu xanh dương đậm có đề tên người cúng, kế đến là lư nhang đồng, hai con hạc đứng, tiếp là 2 bộ pháp khí, rồi đến thờ bài vị "Quan Thánh Đế Quân"- chạm rồng nhũ vàng (bao bọc bên ngoài là khung kính), bát nhang bằng gốm xanh có hoa văn đẹp trang trí hai quai

hình rùa, sau cùng là bộ lư – chân đèn đồng, hai bên tượng quan văn – quan võ (Quan Bình – Châu Xương). Hai bên bày trí 02 hàng binh khí.

Bên trái từ ngoài vào là áng thờ cốt tượng Phước Đức Chánh Thần.

Bên phải có đặt giá trống và đại hồng chuông đồng, đến là bàn thờ ông thần tài và ông địa (đặt dưới đất), kế tiếp là hương áng thờ cốt tượng Linh Sơn Thánh Mẫu.

Phần hậu điện, giữa là trang thờ cốt tượng Quan Công, có bát nhang bằng đồng chạm cặp rồng chầu nổi hai bên rất đẹp, bên cạnh có đặt một bát chuông nhỏ, phía trên liễn vải đỏ đề chữ Hán "Quan Thánh Đế Quân", hai bên có đề câu đối chữ Hán.

Bên trái thờ cốt tượng Tài Bạch Tinh Quân

Bên phải thờ cốt tượng Thiên Hậu Thánh Mẫu

Gian nhà phụ bên trái thờ Tả ban? Và tượng ông hổ, tượng này là di vật của ngôi miếu cũ.

Gian nhà phụ bên phải thờ Hữu ban?

3.6. Các di vật còn bảo lưu:

- 01 đại hồng chuông đồng có niên đại 1886.
- 01 trống
- Bộ binh khí.

3.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống

Hàng ngày miếu ông mở cửa cho bá thánh ai cũng có thể vào viếng thăm và thắp nhanh cầu nguyện xin các vị thần phù hộ cho cuộc sống bình an, làm ăn ngày càng phát đạt và thịnh vượng

- Ngày 24/6 âm lịch,
- Ngày 13/1 vía ông,
- Ngày 13/5 và 30/10 cúng phụ…

3.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Quan Đế Miếu là cơ sở tín ngưỡng dân gian của người Hoa Lái Thiêu, nguyên là cộng đồng người Tiền lập nên thờ vị thần Quan Công. Về sau do Ban liên lạc người Hoa Lái Thiêu đứng ra chỉnh trang và xây dựng lại ngôi miếu khang trang như ngày nay. Đây là nơi ghi dấu cộng đồng người Hoa đến tụ cư sinh sống và bảo lưu tín ngưỡng của mình trên vùng đất Lái Thiêu.

3.9. Tình trạng bảo quản:

Miến hiện nay được gìn giữ và bảo quản tốt, là nơi sinh hoạt chung của cộng đồng.

3.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Ban liên Lạc người Hoa Lái Thiêu thường xuyên tổ chức sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cho ngôi miếu.

4. Hiệp Thiên Cung – Khu 1, Thị Trấn Uyên Hưng – Tân Uyên.

4.1. Tên gọi chữ Hán: Hiệp Thiên Cung 協 天 宮

Tên gọi khác: Chùa ông

4.2. Địa điểm - đường đi đến:

Hiệp Thiên Cung tọa lạc trên một khoảng đất rộng, bên bờ sông Đồng Nai, thuộc Khi phố I, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đường đi đến khu miếu rất thuận lợi cho đường bộ và đường sông. Đường bộ theo đường về thị trấn Uyên Hưng, từ Cầu Bà Kiên lên khoảng km, nhìn bên trái có bảng đề Hiệp Thiên Cung, đi vào con đường hẽm lớn đoạn 20 mét gặp cổng Tam quan của miếu.

Đường sông đi ngược về nguồn dòng sông Đồng Nai, qua cầu Bạch Đằng đoạn hơn 1km, nhìn về bên trái thị trấn Uyên Hưng sẽ thấy ngôi miếu, có đường tam cấp đi lên miếu.

4.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Hiệp Thiên cung lúc đầu tọa lạc tại khu chợ cũ thị trấn Uyên Hưng (xưa còn gọi là chợ đậu, vì ở đây có nhiều người Hoa bán đậu hủ, hay còn gọi là chợ Thủ Đồn Xứ), nằm cạnh bờ sông Đồng Nai, gần bến đò của chợ,

nhưng là ngôi miếu nhỏ, được lập vào năm 1970, đối tượng thờ chính là vị thần Quan Công hay còn gọi là Quan Thánh Đế Quân.

Đến năm 1989, miếu được cộng đồng người Hoa đóng góp tiền của và xin dời về tọa lạc tại vị trí như ngày nay và được xây dựng lại khang trang hơn, to lớn hơn, đáp ứng nhu cầu về tâm linh của cộng đồng người Hoa và người Việt ở đây.

Đối tượng thờ chính cung hiện nay vẫn là Quan Công, hai bên có thờ Bà Thiên Hậu, Phước Đức chánh Thần, thờ Thiên lý - Thiên nhãn. Ngoài ra trong khuôn viên của miếu còn thờ tượng Quan Thế Âm đứng trên hồ sen.

Theo các vị cao niên trong Hội người Hoa thị trấn Uyên Hưng, thì chỉ biết ngôi miếu xây dựng vào năm 1970. Còn theo tư liệu có viết về Hiệp Thiên Cung được xây dựng trên 200 năm thì các cụ không rõ lắm (tài liệu dẫn như: Thanh lam cổ tự, báo cáo của ban dân vận tỉnh Bình Dương) *Hiệp Thiên Cung do người Hoa Minh Hương lập vào khoảng thế kỷ XVII – XVIII.*

Cộng đồng người Hoa đến định cư tại thị trấn Uyên Hưng từ rất sớm….. họ sống tập khu tại khu thị tứ và làm nghề kinh doanh mua bán là chính, dần dần về sau họ di chuyển về chợ lớn làm ăn sinh sống nhiều. Hiện nay, người Hoa ở thị trấn còn khoảng 40 hộ gia đình, gồm người Hoa Quảng Đông, Triều Châu, Phước Kiến, Hải Nam.

Do vậy, lễ vía ông Quan Thánh Đế Quan hàng năm tại Hiệp Thiên cung bao giờ cũng có người Hoa chợ Lớn về cúng rất đông.

Ngôi miếu mở cửa hàng ngày cho du khách và bà con bá tánh đến viếng cảnh và lễ ông, cầu cho gia sự bình an… ngôi miếu do Hội người Hoa ở đây quản lý, hội gồm có 10 vị, hội trưởng là ông Lâm Thành Nhung, ông từ quản lý chùa hiện nay là ông Trình Văn Cường.

4.4. Loại hình:

Thuộc loại hình tín ngưỡng dân gian cộng đồng người Hoa tại thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4.5. Khảo tả:

Hiệp Thiên Cung là ngôi miếu thờ Quan Thánh Đế Quan, tọa lạc bên bờ sông Đồng Nai, nên thơ và thanh tịnh. Ngôi miếu được tạo dựng khang trang, cảnh quan hòa với thiên nhiên thoáng mát quanh năm, mặt chánh diện của ngôi miếu nhìn ra sông Đồng Nai về hướng tây.

Khu miếu rộng khoảng gần 2 hecta, không gian cây cảnh đẹp. Ngôi miếu được dời về đây năm 1989, nhưng trong khuôn viên phía sau còn bao lưu cây me cổ thụ hàng trăm năm tuổi làm cho ngôi miếu thêm cổ kính hơn.

Cổng Tam quan của miếu lại nằm bên phía sau ngôi miếu, theo đường bộ ĐT.... đi vào, cổng được xây dựng năm 1989, theo dạng cổ lầu, ba bậc mái lợp ngói ống màu xanh, trang trí góc mái là những hình cách điệu chim Phụng, trên đỉnh ở giữa là hình tháp. Mặt sau cổng có đề chữ Thần. Mặt chính cổng tam quan có đề chữ Hán: Hiệp Thiên Cung, ba lối vào có 02 cặp đối và tấm bia khắc năm xây dựng 1989.

Trong khuôn viên trước sân miếu, giữa làn đỉnh nhang ghi "Thiên địa phụ mẫu", hai tượng gốm Lân chầu 2 bên đỉnh; Bên phải là tháp đốt giấy tiền vàng bạc; Bên trái hướng ra bờ sông là tượng Quan Âm bồ Tát đứng trên hồ sen, có hai rồng chầu; Tiếp đến là nhà Thủy tạ để du khách ngồi nghỉ ngơi, ngắm cảnh… nhà Thủy tạ có bảng ghi trên đá trắng: "Bảng lưu niệm nhà thủy tạ do ông Ngô Quốc Hồng và gia đình công ty Trang Nông thành phố Hồ Chí Minh tặng tháng 12 năm 1995". Cạnh nhà Thủy tạ là cổng lối ra và đi xuống sông.

Ngôi miếu xây dựng theo lối kiến trúc đặc trưng của người Hoa, nhưng nhìn chung có phần đơn giản về môtíp trang trí và màu sắc gần với kiến trúc ngôi chùa hơn về tổng quan, được xây dựng toàn bằng vật liệu bê tông. Ngôi miếu gồm chánh điện và hai bên nhà túc; Phía trước nhìn ra hướng sông Đồng Nai, nơi bàn Thiên, khuôn viên sân vườn có cây kiểng, nơi thờ Quan Âm bồ Tát, có nhà Thủy Tạ và lối đi bậc thang xuống sông; Phía sau là nhà bếp, nhà vệ sinh và khuôn viên rộng thoáng nơi chiêu đãi du khách trong những ngày lễ vía chánh của miếu.

Chánh điện là nơi thờ tự các vị thần, là phần được chú trọng nhất, gồm 3 phần, tiền điện, trung điện và hậu điện.

Tiền điện trên nóc mái chia làm 3 gian, gian giữa cao hơn, lợp ngói ống, trang trí hình tượng bằng gốm như rồng chầu, rồng đối song song, ông mặt trời, bà mặt trăng, lân, cá hóa long. Mặt tiền diện không trang trí, chỉ có cặp đối đề chữ Hán.

Tại gian giữa phần bước vào bên trong, hai bên là tượng cặp sư tử bằng gốm màu xanh ngồi chầu, giữa có bảng màu đỏ ghi chữ Hán màu vàng: Hiệp Thiên Cung, và treo 2 lồng đèn giấy, hai bên là cặp đối chữ đầu lấy chữ Hiệp và chữ Thiên đứng đầu câu.

Phần bên trong của gian tiền điện, bên phải thờ tượng Mã tướng Quân (tượng Tướng quân và ngựa), bên trái thờ 5 ông thần tài.

Trung điện là nơi tạo khoảng trống hai bên mái để lấy ánh sáng trời và tạo sự thông thoáng bên trong chánh điện. Hai bên là cửa thông qua khu nhà túc, và trang non bộ, có nước chảy tạo nên khung cảnh thanh bình, hàng cột giữa có cặp câu đối khắc trực tiếp và cột vuông.

Bước vào phần hậu điện, nơi gian chính giữa là đỉnh lớn thắp nhang gọi là bàn thiên; kế đến là bàn thờ Quan Thánh Đế Quân đặt 2 bàn bằng gỗ nối nhau, đề chữ Hán: Quốc thái – Dân An, trên bàn có bộ lư nhang lớn, cặp chân đèn, chuông chất liệu bằng đồng, dĩa chưng trái cây hình rồng và 2 bình bông bằng gốm; đến bàn thờ thứ 2 đặt lư nhang lớn và cặp chân đèn hình chim hạc đứng trên lưng con rùa bằng đồng, dĩa chưng trái cây bằng gốm hình rồng, 2 tượng Lân (nhỏ) gốm chầu hai bên; tiếp đến bàn thờ thứ ba bằng gỗ nhỏ hơn 2 bàn thờ trước và đặt bát nhang gốm nhỏ, 2 chân đèn hình hoa sen và bộ tượng nhỏ Quan Công – Quan Bình – Châu Xương; hai bên bàn thờ, mỗi bên có 01 bộ binh khí cổ lớn (mỗi bộ có tám món chất liệu đồng – giá gỗ màu đen); trong cùng là trang thờ tượng vị thần chính Quan Thánh Đế Quân hai bên là tượng Quan Bình, Châu Xương. Các tượng đều được mặt áo mão, do bá tánh cúng, có đề tên tuổi người cúng. Trang thờ

bằng gỗ trang trí khắc hình rồng phụng, khắc lộng hình hoa mai, trên trang thờ gắn nhiều lông công. Giữa đề chữ Hán "Quan Thánh Đế Quân", hai bên trang thờ có đề câu đối chữ Hán.

Hai bên hàng cột thứ 2 và thứ 3 đều đề câu đối viết chữ Hán

Phần trên nóc nhà treo nhiều liễn vải đỏ đề chữ Hán Quan Thánh Đế Quân….. và bức hoành phi sơn đen chữ vàng.

Bên phải bàn thờ Quan Thánh Đế Quân là bàn thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu. Thờ tượng bà nhưng không có tượng hầu, tượng mặc áo màu vàng, bên ngoài mặc áo khoác đỏ. Ngai thờ bằng gỗ khắc lộng Mai điểu, Song Phụng, trên đề chữ Thiên Hậu Thánh Mẫu, cũng trang trí nhiều lông công, hai bên là cặp đối

Bàn thờ bằng gỗ sơn đỏ đề 2 chữ "Phong Thuận", bên tường có bộ binh khí 8 món bằng đồng, giá gỗ sơn đỏ. Trên treo nhiều tấm liễn vải đỏ.

Kế đến là 4 tấm biểu đỏ rồi đến giá đặt đại hồng chuông, trống. Đại hông chuông có đề chữ Hán.

Bên trái là bàn thờ Phước Đức Chánh Thần. Bàn thờ cũng bằng gỗ sơn đỏ có chữ "Vũ Điều", bên tường có bộ binh khí giống như ở bàn thờ Thiên Hậu. Ngai thờ có tượng Phước Đức, không có tượng hầu, tượng mặc áo mão màu vàng, ngai thờ chạm khắc long phụng, hoa mai, lông công. Trên đề Phước Đức Chính Thần, dưới hai bên là cặp đối.

Kế đến là 4 tấm biển đỏ và ngai thờ 2 vị thần Thiên Lý – Thiên Nhãn, bằng gỗ.

Tất cả 3 ngai thờ chính trong miếu đều có màn che màu vàng, trang trí hình hoa sen, đây là điểm khác biệt so với các ngôi miếu thờ Quan Thánh khác của cộng đồng người Hoa ở Bình Dương.

Hai bên nhà túc nối liền ngôi chánh điện, là nơi tiếp du khách thập phương về viếng miếu. Hiện nay, miếu còn là nơi làm từ thiện chẩn đoán bệnh và bốc thuốc thang nam, bắc phục vụ cho bá tánh, tuần 2 lần.

4.6. Các hiện vật còn bảo lưu:

- 01 đại hồng chuông đồng
- 01 trống
- 04 Bộ binh khí (đồng – giá gỗ)
- 01 bộ lư nhang lớn bằng đồng, chân đèn tròn.
- 01 lư nhang lớn và 2 chân đèn hình hạc đứng trên rùa bằng đồng.
- 01 cộ (Kiệu)
- 01 đôn gốm hình con rùa trắng
- 04 đôn gốm hình con voi.
- 01 đôn gốm trang trí hoa hồng.
- 05 trang (ngai) thờ chạm khắc bằng gỗ.
- 02 sư tử gốm nhỏ
- 02 sư tử gốm lớn (cửa ra vào)

4.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống:

- Ngày 13/1 âm lịch – vía Quan Thanh Đế.
- Ngày 23/3 – vía bà Thiên Hậu
- Ngày 13/5 – vía Thái tử Quan Bình.
- Ngày 23/6 – vía Mã Tướng quân.
- Ngày 24/6 – Chánh vía Quan Thánh Đế
- Ngày 26/6 – vía Phước Đức chánh Thần.
- Ngày 22/7 – vía Thần Tài
- Ngày 30/10 – vía ông Châu Xương
- Ngày 24/12 – cúng Tất niên.
- Lễ vật cúng chính: Bánh, trái, hoa, quả, thịt…

- Lễ hội chính: ngày 24/6 âm lịch cúng chánh vía và 13 tháng Giêng lễ vía Quan Thánh Đế Quân, là 2 lễ cúng lớn nhất của miếu, mời khách và chiêu đãi khách. Còn là những ngày vía khác nhỏ hơn, chỉ cúng trong nội bộ của Hội. Đặc biệt ngày lễ tết Nguyên đán hàng năm thì ngôi miếu đông khách thập phương đến viếng ông và xin lộc đầu năm, nhất là người Hoa ở Chợ Lớn.

4.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Miếu là sự minh chứng cho cộng đồng người Hoa điểm đến tụ cư sinh sống và phát triển tại thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Ngôi miếu thờ vị thần chính là Quan Thánh Đế Quân, tọa lạc tại một địa điểm lý tưởng với cảnh quan thiên nhiên hữu tình bên bờ sông Đồng Nai, thuận lợi cho du khách đến với miếu bằng cả đường bộ và đường thủy.

Hiệp Thiên Cung là một trong những cơ sở tín ngưỡng dân gian của cộng đồng người Hoa đã hòa nhập cùng tất cả dân cư Tân Uyên và khắp nơi khác, đáp ứng nhu cầu tâm linh và là một cơ sở làm từ thiện bằng cách kết hợp với Y học cổ truyền huyện hàng tuần 2 ngày tổ chức chẩn đoán bệnh và phát thuốc cho nhân dân.

4.9. Tình trạng bảo quản:

Hiện ngôi miếu được cộng đồng bảo quản và sinh hoạt rất tốt.

4.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Cần xây dựng phương án đưa vào khai thác du lịch theo tuyến đường sông Đồng Nai.

4.11. Cơ sở pháp lý bảo vệ

Đưa vào danh sách bảo vệ di tích cấp tỉnh.

IV. Chùa Phật pha Lão Giáo:

1. Linh Không Đàn:

1.1. **Tên gọi chữ Hán:** Linh Không Đàn

Tên gọi khác: chùa Tề Thiên (Tề Thiên Đại Thánh 齊 天 大 聖)

1.2. Địa điểm - đường đi đến:

Linh Không Đàn tọa lạc tại số 294 đường Chánh Mạng Tháng Tám, khu phố 3, phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương. Nằm bên cạnh cầu đối diện bên kia đường là nhà thờ tin Lành.

1.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Linh Không Đàn nguyên trước kia là cơ sở làm nhang của ông Lâm Vũ Hiệp. Người ta kể lại rằng, trước nhà ông tai nạn giao thông thường xuyên xảy ra, vào một đêm ông Hiệp nằm mơ thấy Tề Thiên báo mộng phải lập miếu thờ ông Tề mới tránh được các tai nạn này.

Khoảng năm 1957, ông lập miếu thờ vị thần chính là Tề Thiên Đại Thánh (Tôn Ngộ Không) – một nhân vật trong truyện Tây Du ký của Ngô Thừa Ân (Trung Quốc), có 72 phép thần thông, có tài trừ yêu, trị quỉ và hộ trì cho Đường Tam Tạng thỉnh kinh thành công… sau khi miếu ông Tề được lập xong dân cư quanh vùng tới cúng và lời cầu xin của họ được ứng nghiệm, thời gian sau thấy sự hiển linh của ngôi miếu, ông Hiệp hiến đất để lập chùa.

Linh Không Đàn tạo lập năm 1960, là một ngôi chùa mang tín ngưỡng dân gian, trông coi chùa là một Ban Hộ tự, trưởng ban đầu tiên là ông Trần Học Như - vị trưởng được xem như trụ trì. Đến năm 1968, ông Như qua đời, ông Hứa Gia Thanh làm trưởng ban. Sau một thời gia chùa gia nhập phái Tịnh Độ Tông, pháp danh ông Hứa Gia Thanh là Huệ Bác – ông trụ trì chùa 30 năm. Đến năm 1998, kế tục là Ban hộ tự gồm các ông: Tuyên (Huệ Thiên) trưởng ban, ông Minh (phó ban khiêm nhiệm thư ký), Phương Trần Hồng, Tấn Kiệt, Tăng Kim.

Linh Không Đàn được trùng tu từ năm 1980 dần dần đến năm 1996 hoàn thành khang trang như ngày nay và cũng được đưa thêm nhiều đối tượng thờ khác trong đó có Bộ Tam Thế Phật được đưa vào thờ gian chánh điện. Tại đây, thấy rõ sự pha trộn giữa tín ngưỡng dân gian và Phật giáo. Các tượng thờ Phật thích ca, Di Lặc, Quan Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí, 18 Vị la Hán, Tượng Lý Thiết Quài.

Hiện nay, ngôi chính điện của Linh Không Đàn thờ chính giữa là Phật và hai bên là Quan Công, Tề Thiên cùng nhiều vị Bồ Tát khác bên trong và bên ngoài điện:

Tề Công: một nhà sư đời Tống, bên ngoài phóng khoáng rượu thịt, nhưng đã đắc đạo, hiển lộng thần thông, tế khẩn, phò nguy. Tương truyền Tế Công Thiền Sư là La Hán tái sinh.

Bát Tiên: là tám vị tiên – các nhân vật đời Hán hoặc Đường đắc đạo là: Lý Thiết Quái, Hàn Tương Tử, Lam Thái Hòa, Lữ Đồng Tân, Hán Chung Ly, Tào Quốc Cựu, Trương Quả Lão và Hà Tiên Cô.

Bộ 24 bức hình thờ Ngọc Hoàng (vía trời)…

Thái Tuế: thần chủ quản năm tháng thời gian.

1.4. Loại hình: Là cơ sở tín ngưỡng tôn giáo thờ Phật pha lão giáo của cộng đồng người Hoa tại thị xã Thủ Dầu Một.

1.5. Khảo tả:

Ngôi chùa hiện tại quay mặt về hướng đông, nhìn ra cầu … trên đường Cách Mạng Tháng Tám. Bố cục gồm: miếu thờ ông ngựa, chánh điện (trên chánh điện có điện thờ Quan Âm) và hai bên là gian phòng khách và gian phụ nơi ở của ông từ.

Trước là miếu thờ ông ngựa (thờ tượng Xích Thố và Thanh Đao) là hai báu vật quý của Quan Công. Miếu xây dựng trên theo dạng hình tháp, phần chánh diện tạo theo dạng cổng tam quan, mái lợp ngói xanh, trang trí hình rồng bốn góc, mặt trước và sau hai bên có đề 2 cặp đối.

Trên nóc trang trí hình rồng 4 góc và hình tháp chính giữa, bốn mặt trong trí hình Bát Tiên.

Bên trái là cột cờ các vì sao (Nam tào Bắc đẩu)

Kế đến là miếu thờ thần tài (Phước Đức Chánh Thần), dưới thờ ông Hổ; bên phải là tháp đốt giấy tiền vàng bạc, đồ cúng…

Giữa là đỉnh đề chữ: Thiên phụ Địa mẫu

Ngôi chánh điện xây dựng theo lối kiến trúc trên lầu dưới điện. Trên lầu (gian trên cùng) thờ Phật bà Quan Âm, đại Hồng chuông (ghi chữ Hán: Quốc Thái Dân An).

Ngồi chánh điện: Bên ngoài, phần trên nóc xây dựng theo dạng hình tháp, trên "lưỡng long tranh châu" và 4 góc có hình rồng gốm, mái trên lợp ngói ống xanh, mái dưới lớp ngói vảy cá, phần giữa hai mái trang trí Hoa sen và chữ Phạn (ở giữa), đường diềm hình song nước ở phần cuối.

Trong ngôi chánh điện, chia là ba gian thời chính, giữa là gian thờ Phật (Tam thế Phật); bên trái thờ Tề Thiên Đại Thánh, Tế Công, Liêu Trai; bên phải thờ Quan Công, Quan Bình, Châu Xương.

Bàn thờ giữa đối diện Tam Thế Phật là Hộ Pháp; phần đối diện chánh điện là Phật Thích Ca, đến Phật Di Lạc trước là đỉnh cắm nhang lớn có đề chữ Hán. Bốn trụ cột xi măng có đề câu đối chữ Hán mạ màu vàng.

Hai bên là bàn thờ Tề Thiên (hai khai vuông chưng đèn cày lớn bằng đồng); bên phải là bàn thờ Quan Công (2 khai vuông chưng đèn cầy nhỏ). Trước 2 bàn thờ là đỉnh cắm nhang lớn.

Trên nóc chánh điện có treo nhiều lồng đèn (màu vàng) và liễn vải màu đỏ, nhang vòng đặc trưng của người Hoa.

Trên cửa bước vào chánh điện, phía trên là thờ bộ tranh vẽ 24 hình vía Ngọc Hoàng (vía trời).

Bên ngoài hành lang có đề chữ, từ gian cửa bên phải sang trái trên cửa chính từng gian có đề chữ Hán: Quan Thánh Đế Quân, Phật Bà Quan Âm phổ độ, Tề Thiên Đại Thánh, Hội Khách Tân ?

1.6. Các hiện vật còn bảo lưu:

- 02 Đại hồng chuông đồng.
- 01 trống, chuông, lư đồng

- Tượng ngựa Xích Thố, Thanh đao
- Bộ binh khí gỗ
- 2 Khai – hộp chưng đèn cày bằng đồng hình chữ nhật lớn.
- 2 Hộp khai chưng đèn cày bằng đồng hình chữ nhật nhỏ.
- Tượng Tề Thiên, Tế Công…
- Bộ tượng Quan Công, Quan Bình, Châu Xương.

1.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống:

- Ngày mồng 1 và 15 hàng tháng.
- Ngày 30 đến mồng 2 Tết
- Ngày 8/1 cúng sao hội
- Ngày 9/1 vía Ngọc Hoàng.
- Ngày 19/2 vía Quan Âm
- Ngày 5/5 đoan Ngọ.
- Ngày 10/1 đến 10/5 vía Thần tài (cúng liền 5 tháng,tháng cúng một ngày)
- Ngày 13/5 vía Quan Bình
- Ngày 24/6 vía Quan Công
- Ngày 12/7 – 15/7 lễ Vu Lan Báo Hiếu
- Ngày 16/8 vía Tề Thiên Đại Thánh
- Ngày 8/8 vía Bát Tiên
- Ngày 19/9 vía Phật Bà Quan Âm
- Ngày 21/11 vía Tế Công (Tế điên Hòa thượng)
- Ngày 23/12 táo về trời
- Lễ vật cúng: vừa chay vừa mặn.

  + Cúng Phật – cúng chay

  + Cúng Quan Công, Tề Thiên… cúng mặn

1.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Chùa Linh Không Đàn là biểu hiện nét văn hóa hài hòa giữa tín ngưỡng dân gian và Phật giáo của cộng đồng người Hoa ở Thủ Dầu Một, góp phần tạo nên một nét văn hóa tâm linh phong phú và đa dạng của cư dân Bình Dương.

1.9. Tình trạng bảo quản:

Hiện nay, chùa có một ông Từ (Trương Sen Khìm) bảo quản và gìn giữ tốt tài sản của chùa.

2. Bích Liên Đình – Chùa Quan Âm:

2.1. Tên gọi chữ Hán: Quan Thế Âm

Tên gọi khác: Bích Liên Đình

2.2. Địa điểm - đường đi đến:

Tọa lạc tại khu 7, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương.

2.3. Lịch sử - nhân vật thờ tự và thuộc tính:

Người hoa ở Chánh Nghĩa còn có miếu thờ Phật Bà Quan Âm gọi là Bích Liên đình. Việc thờ Quan Âm tại đây không mang theo nghi thức Phật giáo. Cũng giống như Thiên Hậu Thánh Mẫu, người Hoa cho rằng Phật Bà Quan âm là vị cứu nạn, cứu nguy cho người trên biển. Ở đây bên cạnh Phật Bà còn kết hợp thờ các vị Tam Thánh (Quan Công, Quan Bình, Châu Xương), Hồng Hài Nhi, Hà Tiên Cô, Na Tra và Bảo Sanh Đại Đế. Mỗi khi Phước An miếu tổ chức rước kiệu hoặc lễ hội đều thỉnh Phật Bà với các vị thờ ở Bích Liên đình lên Phước An miếu cùng tuần du, cùng chứng giám lễ hội.

Do ba bang Triều Châu, Quảng Đông, Phúc Kiến lập vào năm 1945. Bích Liên Đình chủ yếu là thờ Bồ tát Quan Âm giữa, hai bên thờ Quang Công và Bảo sanh đại đế - một vì thần phù hộ cho ngành y dược của người Triều Châu.

Miếu cúng do thầy Pháp hành lễ không theo nghi thức Phật giáo là theo nghi thức đạo giáo, ở đây mỗi người Hoa có thể tự mang đồ lễ vật tới cúng rồi mang về.

2.3. Loại hình: Tín ngưỡng dân gian pha trộn Phật giáo của người Hoa trên đất Bình Dương

2.4. Khảo tả:

Bích Liên Đình tạo lạc trên một khoảng đất trống và cao thoáng. Ngôi miếu chính quay mặt về hướng đông – nam. Xây dựng theo lối kiến trúc hình khối vuông.

Trên đường vào miếu là cổng lớn, xây theo dạng mái, trang trí phù điêu rồng. Trên cổng có đề chữ Hán: Quan Thế Âm, dưới đề chữ Hán và hai bên có 2 câu đối chữ Hán.

Mặt phía sau cổng ghi chữ Bích Liên Đình, dưới đề; chúc quý khách thượng lộ bình an - Ất Dậu 2005. Có lẻ cổng xây vào năm 2005.

Ngôi miếu cách cổng khoảng 20 mét, tọa lạc bên trái đường vào khu dân cứ. Miếu được xây dựng lại vào năm 1945, thành 2 gian nhà gồm chánh điện và tiền điện gắn liền nhau. Trên đỉnh nóc trang trí nhiều hình long, lân, cá hóa long, tượng ông mặt trời, bà mặt trăng bằng gốm.

Trước Tiền điện đặt 2 con sư tử gốm hai bên lối vào trong điện, bên phải có đặt đỉnh trang trí hình Rồng (miếu khác so với các nơi là đỉnh thờ Thiên Địa mẫu đặt vị trí giữa, ở đây đặt một bên). Trước cửa vào phía trên đề chữ Hán "Quan Thế Âm" và câu đối chữ Hán.

Bên trong gian nhà này là nơi bày trí đồ và lễ vật mỗi khi cúng…

Gian chánh điện: trước là bàn cúng vuông băng gỗ chạm hình lưỡng long tranh châu rất lớn – nơi đặt lễ vật và các vật dùng trong lễ cúng của thầy Pháp. Kế đến bàn đặt lư nhang, chuông, bình hoa, dĩa quả… Trong cùng là 3 gian thờ, trước mỗi gian thờ đều đặt bộ lư nhang và chân đèn (3

bộ), bình hoa và dĩa quả. Mặt chính của gian thờ này trang trí hình hai con chim phụng chầu mặt trời.

Chính giữa là thờ Bồ Tát Quan Thế Âm, trên trang thờ có đề chữ Hán và 2 câu đối; Bên trái thờ Quan Công: Trên trang thờ có đề chữ Hán và hai câu đối 2 bên; Bên phải thờ Bảo sanh đại đế: có đề chữ Hán và câu đối

2.6. Các hiện vật còn bảo lưu:

- 01 chuông đồng.
- 01 trống
- 04 Bộ lư và chân đèn bằng đồng
- 01 xông trầm đồng.

2.7. Các hình thức hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống

- Ngày 13/1 – vía Quan Công
- Ngày 19/2 – vía Quan Thế Âm
- Ngày 13/3 – vía thầy thuốc (Bảo sanh đại đế)
- Ngày 13/5 – vía Quan Công.
- Lễ vật cúng chính: Bánh, trái, hoa, trứng gà sơn đỏ, đồ chay, mặn đều có thể cúng.

2.8. Giá trị lịch sử - văn hóa:

Bích Liên Đình là một cơ sở tín ngưỡng thuộc các đạo tràng của Đạo giáo hoặc Phật giáo thuộc Tịnh Độ Tông. Các đạo tràng này thờ các vị thần của Đạo giáo hoặc các vị Bồ Tát của Phật giáo nhưng đã bị dân gian hóa thành phúc thần bảo hộ dân. Là nơi để cộng đồng người Hoa đến họp mặt mỗi khi tổ chức lễ cúng lớn trong năm.

2.9. Tình trạng bảo quản:

Ngôi miếu được cộng đồng người Hoa ở đây bảo quản tốt.

2.10. Phương án bảo vệ và sử dụng:

Cộng đồng người Hoa Chánh Nghĩa thường xuyên tổ chức sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cho ngôi miếu.

C. KẾT LUẬN:

1. Đánh giá và nhận định:

Quá trình lập làng mở đất của cư dân người Hoa còn lưu lại khá rõ nét qua sự hiện tồn bền vững của các ngôi miếu cổ. Do đặc điểm về địa bàn tụ cư xen lẫn Hoa – Việt diễn ra rất sớm, mối quan hệ giao lưu văn hóa vẫn còn in đậm nét qua các ngôi miếu. Nét đan xen, giao lưu văn hóa diễn ra khá mạnh mẽ và liên tục trong suốt chiều dài lịch sử, đem lại phần nào nét phong phú, đa dạng trên phần điện, in đậm dấu ấn của từng giai đoạn lịch sử.[181]

Tín ngưỡng dân gian của cộng đồng tộc người Hoa Bình Dương còn thể hiện đậm nét nhất là ở trung tâm thị trấn Lái Thiêu, Búng, trung tâm thị xã Thủ Dầu Một và Tân Phước Khánh. Vì đây là những vùng đất được người Hoa tụ cư sớm nhất, họ sống tập trung đông đảo nhất. Nổi bậc về buôn bán và nghề làm gốm dân dụng, thuốc bắc…

Cuộc sống mới dần ổn định, nhu cầu tín ngưỡng của những nhóm di dân từ Trung Quốc sang Việt Nam càng được đẩy mạnh sau chuyến đi đầy nguy hiểm trên biển cả. Đến nơi "đất lạ, quê người", cần có một ngôi miếu cho nhóm mình càng trở thành cấp thiết.[182]

Vì vậy, những nơi đầu tiên người đến tụ cư và lập nghiệp, nhất là cạnh sông nước, thị tứ là những nơi được chọn điểm xây miếu thờ tự Thiên Hậu Thánh Mẫu, điển hình như ngôi miếu thờ bà tại đường Ngô Quyền thị trấn Lái Thiêu, miếu Thiên Hậu ở rạch Hương Chủ Hiến, miếu bà ở chợ Búng, miếu bà Bưng Cầu, miếu bà Thiên Hậu ở Dầu Tiếng…

---

[181] *Văn hóa Người Hoa ở Thành phố HCM – Ts. Trần Hồng Liên chủ biên – 2007- Tr. 42*

[182] *Văn hóa Người Hoa ở Thành phố HCM – Ts. Trần Hồng Liên chủ biên – 2007- Tr.43*

Qua thực trạng cách bố trí thờ tự trong những ngôi miếu thờ ông, thờ bà và các vị thần linh khác đa dạng và phong phú của các nhóm cộng đồng người Hoa Bình Dương hiện nay cho thấy sự hòa nhập văn hóa giữa người Hoa và người Việt diễn ra rất tự nhiên và ôn hòa, cùng phát triển làm cho nét văn hóa mang đậm tín vùng miền.

Những biến trong cách thờ tự của người Hoa, như sự gia tăng các thần linh trong các ngôi miếu. Thần điện còn được thay đổi khi miếu trùng tu. Các pháp khí thờ tự cũng thay đổi, các loại đèn điện, thay thế đèn dầu, nhiều vòng hào quang điện tử làm cho ngôi miếu cổ mất đi sự hài hòa, trang nghiêm, các loại trái cây, hoa cúng bằng nhựa khá tinh xảo được đưa vào cúng bái quanh năm, nhang điện, bàn thờ cúng thay bằng xi măng.

Nhìn chung ngoài những lối kiến trúc, thờ phượng, những cơ sở tín ngưỡng và tôn giáo của người Hoa còn có những nét đặc trưng nữa là những cây nhang vòng, những lồng đèn có viết chữ Hán và những tấm liễn vai màu đặt trưng màu đỏ và nhiều màu sắc sặc sở được trưng bày trong miếu.

Vị thần - Thiên Hậu Thánh Mẫu là một vị thần Biển, chuyên phù hộ, cứu nạn cho người đi biển. Bà Thiên Hậu ở Bình Dương còn được tín ngưỡng như là một vị “ Phúc Lộc Thần” của người Hoa lẫn người Việt. Những người đi viếng (miếu) chùa đều có mục đích cần xin sự may mắn và tài lộc trong cuộc sống, trong công việc làm ăn mưu sinh, được thể hiện qua các hình thức như: đấu giá lồng đèn, thỉnh lộc nhang đèn, hoa, quả, dầu ăn,... và vay tiền bà, cầu xin có con cái,…

Các cơ sở thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu thường làm lễ vía bà theo ngày vía sanh, vía tử (ngày mất) (23/3 – 9/9 âm lịch). Riêng ở Bình Dương, ngày lễ chính của Bà diễn ra vào ngày 15/1 âm lịch (Rằm tháng Giêng) và rước kiệu bà rất long trọng, qui tụ nhiều chục vạn người khắp nơi về tham dự và

số rất đông người đi viếng miếu (chùa bà) đến hết tháng giêng, tạo thành một lễ hội tín ngưỡng lớn nhất ở Đông Nam Bộ.

Đây là một lễ hội lớn mang tính dung hợp và cộng hưởng nhiều yếu tố tín ngưỡng dân gian Hoa – Việt chịu nhiều ảnh hưởng các tôn giáo chính vùng Đông Á: Nho, Lão, Phật…

Đối với người Hoa, ông Bổn chỉ là một biểu tượng, không phải là một nhân vật cụ thể. Đa số người Hoa đều quan niệm rằng "ông Bổn" là "Phước Đức Chánh Thần". Tuy nhiên mỗi bang người Hoa đều có những quan niệm và tín ngưỡng riêng về ông Bổn.

Huyền Thiên Thượng Đế là một vị thần do Thượng Đế phân thân còn gọi là Chơn Võ (Chân Vũ). Bên cạnh Huyền Thiên Thượng Đế, họ Vương còn thờ: Quan Âm Bồ Tát (người Phúc Kiến tôn thờ nhiều thần), Na Tra Thái Tử, Nam Triều Đại Đế…

Họ Vương thì tôn thờ các vị thần trên, trong khi đó họ Lý ở Bình Dương lại thờ ông Bổn là thủy tổ các họ: Lực, Chu, Quách, Tiêu , Triệu, Lý và Châu. Đây cũng chính là biểu tượng. Họ cũng thờ Phước Đức Chánh thần mà họ gọi đó là ông Địa, tức là thần đất đai ở địa phương. Cũng giống như các đền Miếu của người Việt, các miếu thờ ông Bổn đều tích hợp đa thần như Trương Thiên Sư (Trương Đạo Lăng - đời Hán), Bao Công (đời Tống), Cảnh Chủ Tôn Vương, Linh Từ Tôn Vương, Cửu Thiên Huyền Nữ….

Bích Liên Đình và Linh Không Đàn là các đạo tràng của Đạo giáo hoặc Phật giáo thuộc Tịnh Độ Tông. Hai đạo tràng này thờ các vị thần của Đạo giáo hoặc các vị Bồ Tát của Phật giáo nhưng đã bị dân gian hóa thành phúc thần bảo hộ dân.

Các đạo tràng này do các cư sĩ áo đen phụ trách (tức thầy tụng kinh theo nghi lễ Phật giáo hoặc nghi lễ Lão giáo, có tính cách dịch vụ). Lễ vật

cúng có thể chay hoặc mặn. Bích Liên Đình và Linh Không đàn đều có hội quản lý mọi sinh hoạt.

Lễ hội truyền thống của cộng đồng người Hoa sống trên đất Bình Dương tiêu biểu là lễ hội Chùa Bà Thiên Hậu của 4 bang người Hoa và lễ hội ông Bổn của dòng Phước Kiến (họ Lý, họ Vương). Cùng với người Việt cộng đồng người Hoa ở Bình Dương có một vị trí rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh nhà.

1 Kiến nghị và đề xuất:

Qua những đặc trưng, tiêu biểu các cơ sở tín ngưỡng và tôn giáo và lễ hội truyền thống đặc biệt của cộng đồng người Hoa ở Bình Dương, cần có những giải pháp bảo tồn những tín ngưỡng, lễ hội mang đậm yếu tố văn hóa dân gian như lễ hội Rằm tháng Giêng và lễ hội ông Bổn:

- Cần chọn một trong những cơ sở tín ngưỡng dân gian thờ bà Thiên Hậu đề nghị lập hồ sơ công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh hoặc cấp quốc gia.
- Cần tổ chức biên soạn nội dung văn cúng tế, quy trình hành lễ hội… như miếu ông Bổn Tân Phước Khánh đã làm để thế hệ con cháu đời sau không thất truyền những giá trị văn hóa truyền thống – một nét đặc trưng văn hóa của riêng cộng đồng người Hoa trên đất Bình Dương.
- Cần bảo quản và giữ gìn những di sản văn hóa trong thờ tự như: cốt tượng gỗ, những di vật đồ đồng, những đồ gốm có ký hiệu niên đại và chữ Hán, các bao lam, phù điêu, liễn đối, hoành phi có niên đại cao và đạt trình độ kỹ thuật, mỹ thuật…

Cuộc sống ngày càng phát triển, nhu cầu hưởng thụ văn hóa cũng phát sinh nhiều yếu tố mới, nhất là lễ hội tín ngưỡng dân gian. Cần thiết nên cho xây dựng quy chế hoạt động lễ hội, nhằm hướng hoạt động này vào sự bảo

lưu tính truyền thống, lễ hội đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tâm linh, vui chơi giải trí lành mạnh và hạn chế, loại trừ các hủ tục mê tín dị đoan, các kiểu mua thần bán thánh, hạn chế tục lệ đốt giấy tiền vàng bạc, đồ mã gây lãng phí.

PHỤ LỤC 4
NHỮNG HIỆN VẬT LỊCH SỬ CỦA NGƯỜI HOA Ở BÌNH DƯƠNG

Biết rằng, khi con đường trở về cố quốc của người Hoa sống ở Bình Dương ngày một khép lại, những lớp người Hoa sinh trưởng nơi đất Trung Hoa sinh sống tại Bình Dương – Việt Nam ngày càng ít, và ngày thêm nhiều người Hoa ra đời trên mảnh đất Bình Dương, lấy vợ, lấy chồng, không những với người Hoa mà còn với người Việt. Đất nước quê hương Trung Hoa trong tâm tưởng của lớp người Hoa trẻ tuổi dần chỉ là những kỷ niệm và qua lời kể lại của tiền nhân. Những đồ dùng trong sinh hoạt gia đình, trong sản xuất và cả những trang phục lễ hội truyền thống, những di vật về kinh nghiệm sản xuất, triết lý sống ở những câu đối, hoành phi được trang trí ở chùa, miếu và một số nhà thờ họ (từ đường) người Hoa qua ghi chép sách vở hay tục ghi chép gia phả,…cũng dần bị mai một. Có chăng được ghi chép không chặt chẽ, hoặc coppy qua từ bên chính quốc của người Hoa. Có thể nói, kể từ thế hệ thứ hai người Hoa ở Bình Dương trở đi ít có người biết cách nghi chép gia phả truyền thống của người Hoa, do bởi tác động của văn hóa bản địa, đặc biệt cuộc sống hiện tại với cường độ lao động - học tập cao đã tác động không nhỏ đến sinh hoạt văn hóa truyền thống của người Hoa. Những đồ dùng của thời hiện đại đã dần lấn át đồ dùng truyền thống, khiến cho tư tưởng lối sống, cách nghĩ, cách làm của người Hoa cũng bị cuốn theo dòng xoáy của thời hiện đại.

Sự xuất hiện ngày càng ít, thậm chí vắng bóng của những đồ dùng truyền thống người Hoa là do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Có thể là những đồ dùng truyền thống đã quá cũ, quá lỗi thời, ít tiện dụng và kém hiệu quả hơn so với những đồ dùng thời hiện đại. Hoặc cũng có thể là

do qúa trình giao thoa văn hóa bản địa nên ít nhiều cũng có sự cải biến để phù hợp với nét văn hóa bản địa.

Với những lẽ đó, việc sưu tầm, nghiên cứu về bản đồ, gia phả, các hiện vật lịch sử, sách thuốc cổ, những câu liễn đối ở các miếu thờ hoặc chùa bà, nhà thờ họ, là những việc làm đáng được khích lễ và trân trọng nhằm để góp phần làm rõ hơn về nguồn cội lịch sử di dân của cộng đồng người Hoa ở Bình Dương. Đồng thời, hiểu hơn nét văn hóa truyền thống, cách thức tổ chức đời sống cộng đồng, tổ chức hoạt động kinh tế của người Hoa. Đó còn là giúp các thế hệ con cháu người Hoa ở Bình Dương hiểu hơn và nắm bắt được nguồn cội văn hóa truyền thống của cha anh mình nhằm để gìn giữ và phát huy phát triển nó trên cơ sở vốn có cũng là một việc làm rất cần thiết tô đậm thêm nét văn hóa nơi vùng đất mới - quê hương thứ hai của những người Hoa đang sinh sống ở Bình Dương.

Trên thực tế, qua cuộc điều tra khảo sát, tìm hiểu, và sưu tầm nghiên cứu chúng tôi có dịp được biết đến một số hiện vật đã được sưu tầm và hiện đang trưng bày tại bảo tàng tỉnh Bình Dương, một vài bức họa được trang trí tại tiệm thuốc bắc của người Hoa ở khu vực chợ Thủ Dầu Một, hay tại tư gia và những câu liễn đối ở chùa Bà có niên đại 100 năm hoặc trên 100 năm tuổi. Đặc biệt, một số gia đình người Hoa ở Bình Dương vẫn còn lưu giữ được những cuốn gia phả thuộc các dòng họ như: Họ Lý, họ Đặng, họ Quách, họ Văn… Đó là một nét văn hóa rất riêng của người Hoa, tuy không nhiều nhưng qua tìm hiểu sơ bộ về hình thức cũng như nội dung một số cuốn gia phả chúng ta phần nào hiểu được văn hóa người Hoa.

+ Hiện vật.

Những hiện vật sưu tâm được gồm nhiều thể loại, xoay quanh cuộc sống đời thường của cộng đồng người Hoa như: y phục, bàn tính, ngang quả,

giỏ đựng trái cây, bộ dàn nhạc Triều Châu,….là những hiện vật phản ánh sinh động về cuộc sống đời thường của cộng đồng người Hoa.

- Hộp đựng đồ trang điểm.

Hiện vật còn nguyện dạng có niên đại khoảng 1940 – 1950, của ông Lý Phát ngụ tại số nhà f 186/62, khu 7 phường Chánh Nghĩa thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hiện vật là một khối hộp hình chữ nhật có các hộp ngăn kéo, được làm bằng gỗ bọc nhựa tổng hợp, với chiều cao 16,5cm, chiều dài 25cm, và chiều ngang 19cm. Phần nắp được cấu tạo bản lề, gắn gương soi, bản lề làm bằng đồng hình cánh hoa.



Hộp đựng đồ trang điểm

Phần thân chia làm hai ngăn, ngăn trên có hai hộp, ngăn dưới một hộp. Nút kéo của các ngăn hộp đều làm bằng đồng, hình đóa hoa có treo hình giỏ xách, hai bên hông hộp gắn móc tay cầm bằng đồng. Toàn thể khối hộp được da nhân tạo màu nâu đỏ ép sát vào mặt gỗ rất tinh vi, thoạt nhìn tưởng là hộp sơn son.

Hoa văn trên nắp phần chính là đôi chim đậu trên cây hoa cúc đại đóa, dưới là hoa sen. Hai bên hông hộp là dàn nho có con chim đang bay về phía chùm nho, ở các cửa ngăn kéo hai góc hai bên là hai hình lồng đèn có chữ

Hán là chữ phúc (福), mặt ngăn kéo dưới hai hình tròn màu vàng vẽ cây lan và cây hoa cúc màu đen.

- Áo ngắn phụ nữ người Hoa

Hiện vật còn nguyện dạng, của gia đình ông Liêu Tính ngụ tại số f 143/60 khu 7 phường Chánh Nghĩa thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hiện vật thuộc dạng thường phục của phụ Nữ người Hoa, được may vào khoảng 1940 – 1950, theo đúng kiểu truyền thống thợ may người Hoa ở Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương. Áo màu xanh da trời nhạt – áo, cổ đứng tròn góc, cài nút bên phải, nút cài kiểu nút thắt đơn giản hình vạch ngang, một nút cài giữa cổ, một nút cài phần ngực và năm nút cài bên hông. Hiện vật, hiện đang được trưng bày tại bảo tàng Bình Dương.



Áo phụ nữ người Hoa

- Khai mài mực Tàu (nghiên mực)

Hiện vật còn nguyên dạng, được làm bằng sứ, đường kính 11cm, chiều cao 3cm, đường kính lòng 8cm, ở lòng không tráng men, đáy lõm. Dưới đáy có đề 6 chữ Hán *Đức niên chế đại Minh Tuyên* (德 年 製 大 明 宣)

sản xuất vào năm Tuyên Đức đời nhà Minh (1426 -1435) [183]. Trên thân có vẽ hoa văn dạng sóng nước, Khai dùng để mài mực hoặc đựng mực dùng bút lông viết chữ Hán của người Hoa còn gọi là nghiên mực.



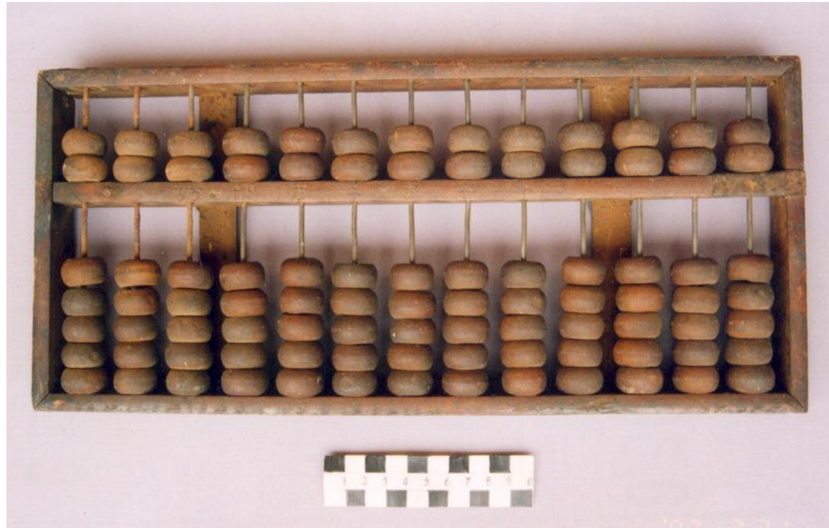


Khai mài mực

- Bàn Tính:

Bàn tính có hình chữ nhật, được làm bằng gỗ, có màu nâu xẩm, với chiều cao 18,5cm, và chiều dài là 38,6cm. Bàn tính được cấu tạo chia làm hai phần chính (phần lơn và phần nhỏ hơn) ngăn cách giữa hai phần là một thanh gỗ nằm ngang theo chiều dài của bàn tính. Ở bên trong (mặt trước) gồm có 13 song gỗ, mỗ song gỗ gồm có 7 hột gỗ (phần lớn 5 hột và phần nhỏ hơn có 2 hột) được xếp theo thứ tự tăng dần từ 1 đến 7. Những hột gỗ này không cố định, chúng có thể xê dịch theo ý muốn và theo chiều ngang của bàn tính. Mặt sau là hai nẹp gỗ, có chiều dài 18,5cm, chiều rộng 2,6cm với chức năng làm cho bàn tính thêm vững chắc.

[183] *) Hồ sơ lưu trữ hiện vật Bảo tàng tỉnh Bình Dương*



Bàn tính

Bàn tính là di sản văn hóa quý giá của dân tộc Trung Hoa, đến nay nguồn gốc ra đời của bàn tính vẫn chưa có câu trả lời chính xác. Trong lịch sử, từ đời nhà Thanh đã có nhiều nhà toán học tiến hành nghiên cứu về vấn đề này, các học giả Nhật Bản cũng bỏ ra không ít công sức để tìm hiểu, nhưng vẫn chưa đưa ra được kết luận thỏa đáng chính vì vậy mà nhận loại vẫn cho rằng sự phát minh ra bàn tình là một trong những phát minh lớn của cả nhân loại.

- ***Ngăn Quả***:

Hiện vật còn nguyện dạng, được tạo thành bởi ba ngăn, và quai. Ngăn cuối - phần đáy cao hơn, hai ngăn giữa bằng nhau. Hiện vật được đan bằng cật tre già, chắc, bền, với chiều cao 55cm (cả quai), đường kính 22cm và được sơn phủ bằng mùa đen, đường viền được sơn son thiếp vàng. Phần quai, được làm bằng tre vót mỏng, uốn cong và có thắt nút kết bởi dây mây bền

chặt. Hiện vật là đồ dùng trong tổ chức hôn lễ của người Hoa.



Ngăn quả của người Hoa

- Giỏ mây:

Hiện vật còn nguyện dạng có niên đại khoảng 1940 – 1950, được làm bằng mây tre, có hình trụ tròn, tổng chiều cao (cả quai) 40cm, có đường kính là 24cm. Chân đế (vòng đáy) hơi choải ra, nắp mô tròn, quai cao vuông góc. Nan đan khít, vành miệng và vành đáy đan uốn xoắn, trên đỉnh nắp và quanh thân trang trí hoa cúc đại đóa (vẽ bằng sơn) mùa đỏ, trắng. Hiện vật là đồ dùng đựng trái cây hoặc bánh mang đi chùa cúng viếng của người Hoa.



Giỏ mây

- *Nón tre:*

Hiện vật còn nguyện dạng có niên đại khoảng 1940 – 1950, được làm bằng mây tre và lá cọ, có dạng hình chóp, vành rộng, có quai, chiều cao 22cm, đường kính 45cm. Hiện vật được tạo thành bởi ba lớp, lớp bên trong là khung nón, lớp thứ hai là lá cọ được phủ lên khung để che mưa nắng, bên ngoài được bọc một lớp bảo hiểm cũng được đan bằng tre để giữ bền cho nón, có trang trí một số chữ Hán viết bằng sơn màu đỏ ở ngoài, vành miệng được đan uốn xoắn. Hiện vật là một dạng thường phục của cộng đồng người Hoa dùng để đội đầu che mưa nắng.





Nón tre

- *Bộ dàn nhạc cổ Triều Châu (nhạc Tiều):*

Dàn nhạc Triều Châu có rất nhiều nhạc cụ gõ gồm: trống lớn, trống nhỏ, thanh la, chập chõa các cỡ khác nhau,... Dàn nhạc đó còn gọi là đại la cổ (la là thanh la chập chõa, cổ là trống), dân gian quen gọi theo tiếng Triều Châu là “tòa lò cấu”. Bộ dàn nhạc có niên đại khoảng 1930 – 1950, hầu hết các hiện vật được làm bằng đồng.







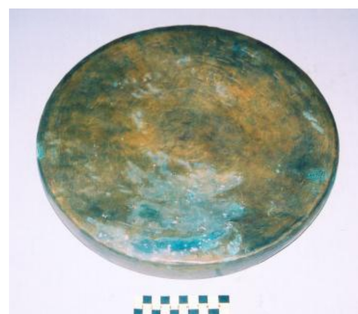














Bộ dàn nhạc Tiều

+ Câu đối

Hiện ở Bình Dương có rất nhiều câu đối, liễn được khắc chạm ở các miếu, chùa, và cả nhà thờ họ của cộng đồng người Hoa. Người Hoa đi đến đâu thì lập miếu và chùa để thờ các bậc thần, thánh đến đó. Ở Bình Dương, cộng đồng người Hoa sinh sống hầu khắp các huyện thị và hầu như ở mỗi huyện thị đều có chùa Bà, chùa Ông. Ví như ở Lái Thiêu, Thuận An thì có chùa Bà, chùa Ông ở Lái Thiếu, chùa Bà Chợ Búng, ở thị xã Thủ Dầu Một có chùa Bà tại phường Phú Cường, chùa Ông phường Chánh Nghĩa, ở Tân Phước Khánh, Tân Uyên có chùa Quan Thánh Đế, chùa Ông Bổn, ở Dầu Tiếng có Chùa Bà Thiên Hậu. Và ở mỗi chùa Bà, chùa Ông, nhà thờ Họ, đều khắc các cặp câu đối, hoành phi với nội dung ca ngợi công đức của các đấng bậc được thờ ở chùa. Hoặc ở đầu đó – trong nhân gian cũng có những cặp câu đối trược treo trước cửa, bàn thờ hay nhà xưởng. Trong vô vàn các cặp âu đối đó, có lẽ cặp câu đối ở chùa Bà chợ Búng, thị trấn An Thạnh, huyện Thuận An, là một trong những cặp câu đối có lịch sử lâu đời nhất. Những cặp câu đối này, được khắc chạm trên những phiến gỗ, có cả phần lạc khoản nên qua đó chúng ta có thể đoán định được năm xây dựng hoặc năm trùng tu chùa Bà và có thể hiểu được phần nào cộng đồng người Hoa đã di cư qua Bình Dương - Việt Nam trong khoảng thời gian nào? Cụ thể những cặp câu đối và lạc khoản ở chùa bà chợ Búng, An Thạnh, Thuận An được ghi như sau:

Về hình thức:

Những cặp câu đối này được khắc bằng chữ Hán trên những phiến gỗ và được sơn son thiếp vàng. Ở cặp đối thứ nhất có chiều dài 2,5m, chiều ngang 0, 25m, không còn nguyên dạng và đã mất đi một số nét chữ Hán. Cặp câu đối thứ hai có chiều dài 2, 4m, chiều ngang (bán kính) 0, 24m, cũng không còn nguyên dạng. Cả hai cặp câu đối này, đều được khắc trên gỗ với

nền gỗ màu đen, nền chữ sơn thiếp vàng, hai đầu của phiến gỗ có trang trí hoa văn đường viền truyền thống được sơn son thiếp vàng. Lối viết chữ ở đây được viết theo kiểu truyền thống của Trung Quốc, viết từ trên xuống và viết từ phải qua trái, lạc khoản được viết ở phía dưới của phiến gỗ thứ hai trong cặp đối. Lạc khoảng thường viết năm xây dựng hoặc năm trùng tu của chùa, sở dĩ như vậy là vì những câu đối thường dùng để trang trí trong chùa, miếu do chùa mua hoặc các bậc tiền hiền biếu tặng trong các dịp chùa được xây dựng xong và khánh thành hoặc được trùng tu lại.



Những cặp câu đối ở chùa Bà Búng

Về nội dung:

+ Cặp thứ nhất:

水 德 配 皇 天 海 國 慈 航 宏 普 濟

Thủy đức phối hoàng thiên hải quốc Từ Hàng hoành phổ tế

古 文 陸 張 氏 慶 奉 供

Cổ văn lục Trương Thị Khánh phụng cung

母 儀 稱 聖 后 乾 坤 氣 象 蔭 無 疆

Mẫu Nghi xưng Thánh Hậu càn khôn khí tượng âm vô cương

癸丑年十二月

Quý Sửu niên thập nhị nguyệt

Tạm dịch:

Ơn đức cao như trời, mênh mông như nước biển, làm Thuyền Từ rộng lớn cứu vớt chúng sinh.

Cổ văn do Trương Thị Khánh kính tặng

Bậc Mẫu Nghi nên xưng là Thánh Hậu, khí phách vô biên chở che luôn mãi. (Còn mãi với thời gian)

Tháng 12 năm Quý Sửu (1913)

+ Cặp thứ hai:

水德配皇天海國慈航宏普濟

Thủy đức phối hoàng thiên hải quốc Từ Hàng hoành phổ tế

母儀稱聖后乾坤氣象蔭無彊

Mẫu nghi xưng thánh hậu càn khôn khí tượng âm vô cương

乙巳孟春穀旦

Ất Tỵ mạnh xuân cốc đán

Tạm dịch:

Ơn đức cao như trời, mênh mông như nước biển, làm Thuyền Từ rộng lớn cứu vớt chúng sinh

Bậc Mẫu Nghi nên xưng là Thánh Hậu, khí phách vô biên chở che luôn mãi. (Còn mài với thời gian)

Mùa xuân năm Ất Tỵ (1905)

Hai cặp câu đối này có nội dung giống nhau, nhưng lại được thể hiện trên hai bức liễn đối có hình dạng khác nhau và niên đại cũng khác nhau. Điều đó chứng tỏ hai bức liễn đối này được làm vào hai thời điểm khác nhau.

+ ***Bức họa:***

Bức họa này do họa sĩ Trương Lập người Hoa (Sung Chính) ở thị xã Thủ Dầu Một vẽ năm 1983. Hiện đang được trang trí tại tiệm thuốc bắc của nhà họa sĩ Trương Lập số 100 Nguyễn Thái Học, phường Phú Cường thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương. Hiện vật được làm bằng giấy Catton màu vàng, sơn dầu, có chiều dài 1,2m, chiều cao 0,8m.

Ở phía trên, góc bên phải tác giả đề cặp câu đối chữ Hán có nội dung như sau:

春 得 端 龍 迎 善 家

xuân đắc đoan long nghinh thiện gia

日 成 祥 鳳 集 德 門

Nhật thành tường phụng tập đức môn

Tạm dịch: Xuân về rồng nghinh đón điều thiện đức vào nhà

Ngày ngày chim phượng quy điều tốt lành tới cửa

Ở phía dưới, góc phải là tên tác giả và ngày tháng họa sĩ vẽ, được viết bằng tiếng Việt cụ thể như sau: *Tranh vẽ Trương Lập*

Thủ Dầu Một, ngày 24 - 02 - 1983

Góc dưới, ở phía bên trái tác giả đề ngày tháng năm sáng tác bằng chữ Hán cụ thể như sau:

癸 亥 年 正 月 十 二 日 春 张 立 画 丁

Quý hợi niên chánh nguyệt thập nhị nhật xuân Trương Lập họa đinh

土 龍 木

Thổ Long Mộc (Thủ Dầu Một)

Thổ là đất, long là rồng, mộc là cây; ba chữ này vốn dĩ không phải âm là Thủ Dầu Một mà người Việt thường gọi mà có lẽ là do khi người Hoa sang lập nghiệp ở vùng đất này họ đọc **Thủ Dầu Một** thành **Thổ Long Mộc**

và đọc sao thì ghi làm vậy, cũng có ý kiến giải thích Thủ Long Mộc là Rồng Dầu Đất.

Tạm dịch:

Tranh vẽ Trương Lập ngày 24 tháng Giêng năm Quý Hợi (1983)

Bức trang Long Phụng đang vờn nhau là bức tranh thể hiện niềm vui của rồng phụng với ngụ ý của tác giả là xuân về mọi điều tốt đẹp sẽ đến với mọi nhà.



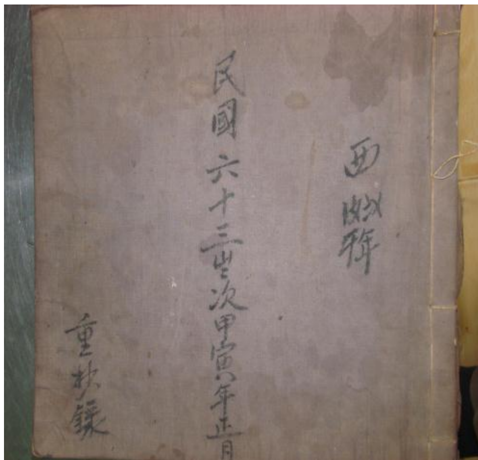
Bức trang của họa sĩ Trương Lập

+ *Gia phả:*

Trong dịp đi sưu tầm, nghiên cứu (tháng 3 năm 2010) chúng tôi đã sưu tầm được bốn cuốn gia phả của người Hoa thuộc nhiều địa bàn khác nhau trong tỉnh Bình Dương. Trong số những cuốn gia phả mà chúng tôi có dịp được tìm hiểu ở đây, xét về hình thức bề ngoài và cách thể hiện nội dung thì có thể nói cuốn gia phả họ Lý, thuộc phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một là còn nguyên bản nhất (Theo kiểu truyền thống của Trung Quốc) đại thể như sau:

- Cuốn gia phả dòng họ Lý ở thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương

Về hình thức, viết trên khổ giấy A4 được đóng thành cuốn theo chiều ngang của khổ giấy; bìa được làm bằng giấy màu nâu, phía bên phải có ghi ba Hán là: *Tây ? niên* (西 ? 年) viết từ trên xuống; ở chính giữa viết dòng chữ Hán như sau: *dân quốc lục thập tam tuế thứ Giáp Dần niên chánh nguyệt* (民 國 六 十 三 岁 次 甲 寅 年 正 月) Dân Quốc; tháng giêng năm Giáp Dần (năm 613). Ở góc dưới, phía bên trái ghi ba chữ: *Trọng sao lục* (重 抄 録) ghi chép lại rất kính trọng. Phía bên trong, giấy được phân thành hai và được kẻ theo hàng dọc - chiều giấy ngang bằng mực đỏ và viết từ trên xuống, từ phải qua trái. Đây là cuốn gia phả được viết bằng tay và bằng bút lông, không phải đánh máy hay coppy như một số cuốn khác.





Gia phả và nhà thờ dòng họ Lý (thị xã Thủ Dầu Một)

- Cuốn gia phả dòng họ Văn ở thị trấn Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương

So với cuốn gia phả dòng họ Lý nói trên thì cuốn gia phả dòng họ Văn ở Lái Thiêu về hình thức có phần khác. Hình thức của gia phả dòng họ Văn ở Lái Thiêu giống cuốn lịch lốc mà người Việt thường dùng mỗi khi xuân về

tết đến. Nền của gia phả được làm màu đỏ, trên cùng in dòng chữ Hán màu vàng; in ngang, in từ trái qua phải không theo lối viết chính thống của Trung Quốc đó chính là *Từ Tống Thị Văn* (祠宋氏文): Đền thờ họ Văn. Ở dưới dòng chữ Hán là một hình tròn giống như mộc dấu của người Việt dùng trong công văn giấy tờ hiện nay. Trong hình tròn được chia làm hai phần chính; phần bên trong là hình chữ Văn (文) lớn, được in theo kiểu chữ cổ ngày xưa khắc trên mai rùa. Vòng ngoài, ở phía trên là dòng chữ Việt được ghi là *đền thờ họ Văn,* ở hai bên là hai ngôi sao, phía dưới là dòng chữ Hán: *Hồ Chí Minh thị* (胡志明市): Thành phố Hồ Chí Minh. Bên phải, ở góc trên đề câu chữ Hán *Gia Văn quyền tông thái huệ tồn* (家 文 權 宗 台 惠 存) có thể tạm hiểu: Người trong nhà (trong dòng Họ) xưng hô để nhớ lưu niệm. Ở phía dưới hình tròn ghi danh sách dòng họ, góc trái phía dưới ghi địa chỉ nhà thờ Họ (từ đường), số điện thoại và tên người kính tặng gia phả cho những người cùng dòng Họ.

地 址: 胡 志 明 市 第 十 一 郡 五 坊 駱 龍 君 居 舍 D 座 二 樓 二 四 至 二 六 號

電 話: 八 六 0 二 0 四 七　　　　　　文 氏 大 宗 祠 敬 贈

Địa chỉ: Phòng 24 đến 26, lầu 2 cư xá D, đường Lạc Long Quân, phường 5, Quận 11 thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 8602047, Tông đại thị Văn kính tặng. Và cuối cùng là nơi để lịch cuốn.



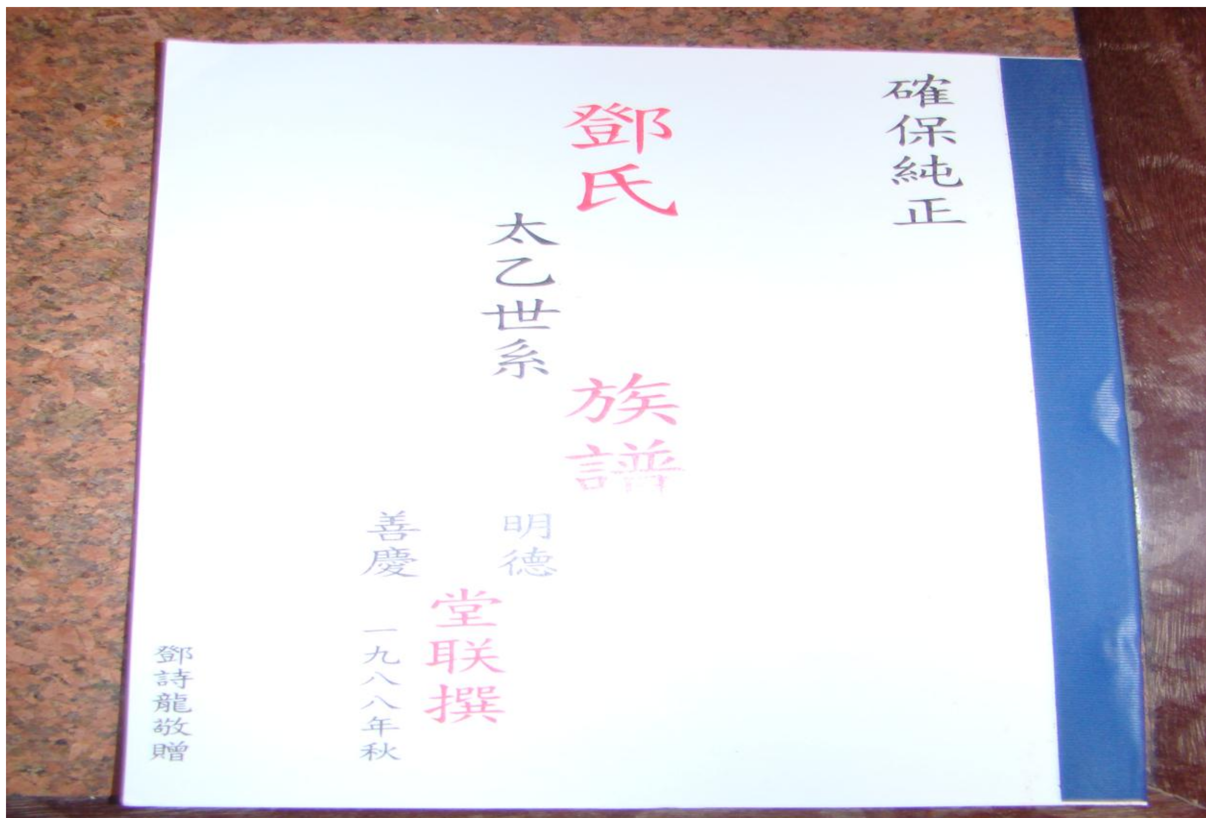
Gia phả dòng họ Văn (Lái Thiêu)

- Cuốn gia phả dòng họ Đặng, hiện đang được lưu giữ ở Chùa Quan Thánh Đế; Tân Phước Khánh, Tân Uyên.

Cuốn gia phả này được sao chép lại vào mùa thu năm 1988 dựa trên bản gốc từ Trung Quốc mang qua.

Về hình thức, cuốn gia phả được in trên khổ giấy A4, giấy thường, được đóng thành cuốn, bìa trắng, có gián băng keo màu xanh làm viền. Chữ được đánh máy, thể hiện theo lối truyền thống Trung Quôc. Cũng như nhiều cuốn gia phả khác, trước hết là đề tên của dòng Họ, ngày tháng năm ghi chép, tên người ghi chép,…Ở cuốn gia phả này, tên của dòng Họ Đặng Thị (鄧氏), Họ Đặng được đặt ở giữa, in mực màu đỏ, kích cở chữ lớn hơn so với những dòng chữ khác. Ở phía trên, góc bên phải đề bốn chữ Hán là *xác bảo thuần chính* (確 保 純 正) ở dưới hai chữ Đặng Thị, lệch qua bên

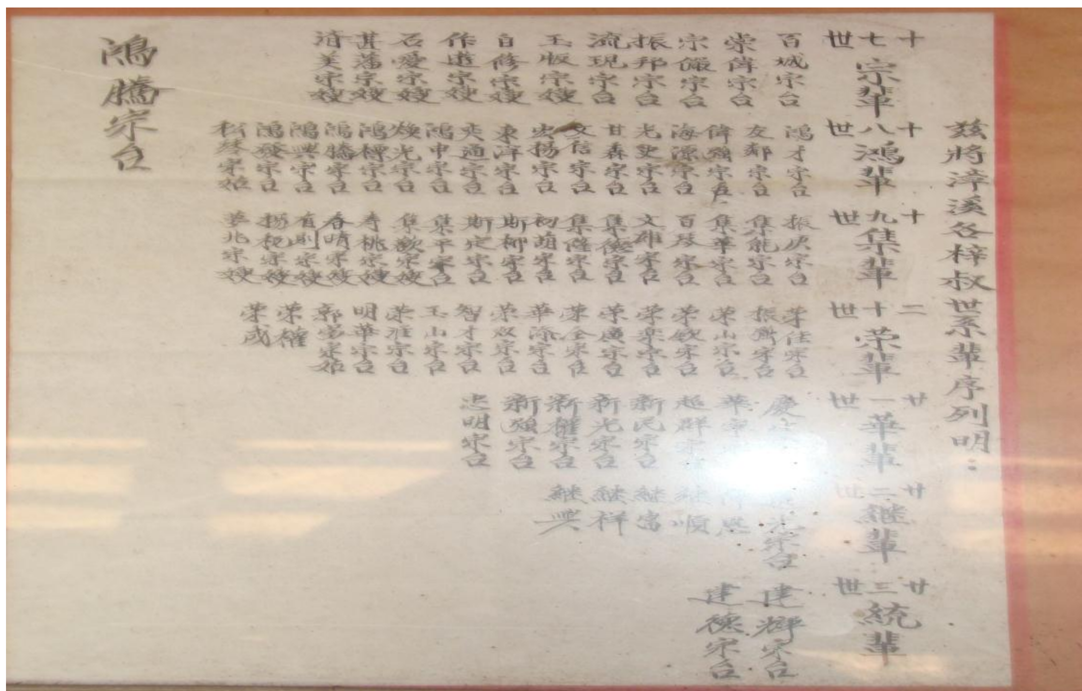
trái ghi chữ *thái ất thế hệ* (太乙世系) thế hệ ruột rà cao cả (to lơn). Tiếp đến, dóng thẳng hàng hai chữ *Đặng Thị* là hai chữ *Tộc Phổ* (族 譜), kích cở chữ lớn hơn và cũng được in màu đỏ. Dưới hai chữ tộc phổ là bốn chữ minh đức - thiện khánh (明 德 - 善 慶); và cuối cùng là tên người ghi chép, năm và người kính tặng. *Đường Liên soạn nhất cửu bát bát niên thu* (堂 联 撰 一 九 八 八 年 秋) Đường Liên sao chép (biên soạn) mùa Thu năm 1988, Đặng Thi Long kính tặng (鄧 詩 龍 敬 贈) Đặng Thi Long kính tặng.



Cuốn gia phả họ Đặng

- Cuốn gia phả họ Quách ở khu phố Bình Hòa I, Tân Phước Khánh, Tân Uyên.

Theo ông Quách Văn Nam - Người lưu giữ gia phả dòng Họ Quách cho biết, gia phả mà ông đang lưu giữ là gia phả lấy tên lót từ bên Trung Quốc rồi sang Việt Nam theo đó chép ra. Câu châm ngôn tên lót của dòng Họ lấy từ bên Trung Quốc qua là: *Tông Hồng Tập Vinh Hoa Kế Thống* (宗 鴻 集 荣 華 繼 統) là bảy chữ lót tiếp theo của họ Quách được lấy từ bên Trung Quốc qua. Mỗi chữ lót này đại diện cho một đời, nối tiếp đời thứ 16 của dòng họ Quách ở bên Trung Quốc là chữ Tông (宗) đời thứ 17; *Hồng (*鴻) *đời thứ 18, Tập (*集) đời thứ 19*, Vinh (*荣) đời thứ 20*, Hoa (*華) đời thứ 21*, Kế (* 繼) đời thứ 22, và *Thống* (統) đời thứ 23 được ghi ở bản gia phả. Sở dĩ gọi là bản gia phả là vì trong bảy đời được ghi chép ở Việt Nam, bản gia phả được viết bằng tay trong khổ giấy A3, viết theo truyền thống của Trung Quốc. Bản gia phả hiện đang được trang trí trong một khung ảnh, kích cở bằng khổ giấy A3 và được treo trên bàn thờ tại tư gia nhà ông Quách Văn Nam, thuộc khu phố Bình Hòa I, Tân Phước Khánh, Tân Uyên. Nhà thờ của dòng họ Quách ở Quận 5 thành phố Hồ Chí Minh.



玆將淳溪各梓叔世系輩序列明：

十七世 宗輩

十八世 鴻輩

十九世 集輩

二十世 榮輩

廿一世 華輩

廿二世 繼輩

廿三世 統輩

Gia phả dòng họ Quách (ở Tân Uyên)

Xét về nội dung, vì trình độ còn nhiều hạn chế, hơn nữa do nhiều nguyên nhân khách quan trong việc tiếp cận không thể xem xét vấn đề một cách thấu đáo. Nhưng qua tìm hiểu sơ bộ thì đại thể cách ghi chép gia phả của người Hoa khác với người Việt Nam ở chỗ: Thường thì tên lót của người Hoa hầu như là đã được đặt trước, có thế người đó chưa sinh ra nhưng tên lót đã có rồi, tên lót của người này liên quan đến người kia về mặt ý nghĩa. Tên lót của người Hoa thông thường là những câu châm ngôn mang ý nghĩa sâu xa, hoặc cũng có thể là một câu châm ngôn mang ý nghĩa tốt đẹp của dòng họ. Trong khi đó, ở người Việt chỉ đặt làm sao khi nghe tên có vẽ đẹp, dễ nhớ, ít có liên quan với nhau giữa chữ lót của người này với người kia. Hơn nữa nếu như chữ thị (氏) tên lót của người Việt dùng để chỉ đó là người phụ Nữ hay nói chính xác là để ám chỉ, người đàn bà con gái; nói chung là thuộc về nữ giới để phân biệt với nam giới, thì ngược lại chữ thị

(氏) trong cách ghi chép gia phả của người Trung Hoa lại mang ý nghĩa là họ ví như: Văn thị (文氏); Đặng thị (鄧氏); Lý thị (李氏); Lê thị (黎氏) thì được hiểu là họ Văn, họ Đặng, họ Lý, họ Lê chứ không phải là để phân biệt nam nữ như ở người Việt.

Trên đây chỉ là tập hợp bước đầu những hiện vật lịch sử của người Hoa ở Bình Dương. Rất mong sẽ có nhiều người góp thêm các hiện vật và ý kiến thuyết minh.